

Tuyển tập Toại Khanh- Sư Giác Nguyên



Hình Cổ HT Tịnh Sự và Sư Giác Nguyên cách đây 38 năm.jpg

Nhà thơ Toại Khanh - Thượng Toạ Thích Giác Nguyên

Toại Khanh Giác Nguyên Toại Khanh là bút hiệu của Sư Giác Nguyên thuộc Theravāda, là một vị “thượng toạ”. Ông là nhà văn, nhà thơ, dịch giả của nhiều bộ sách quan trọng. Giỏi Anh, Pāḷi, Hán, Thái, nghiên cứu thêm tiếng Nhật, Sanskrit, Tạng... Hiện giờ muốn đi vào thế giới tư tưởng của một số triết gia Đức nên ông đã sang Đức, đang học đại học ngôn ngữ ở đây. Gia đình ông có 7 anh em trai, đều là nhà sư, đều có tài và có danh cả. Riêng ông sống đời ta-bà vô trú, chiêm nghiệm, học hỏi liên tục; và là giỏi nhất trong số 7 anh em tu sĩ.

Chủ trương trang nhà điện toán toàn cầu: www.toaikhanh.com

Có bài đăng trên báo chí và website Phật Giáo Việt Nam như Phương Trời Cao Rộng, Quảng Đức, Thư Viện Hoa Sen, v.v...

Tác phẩm đã xuất bản:

- A Tỳ Đàm Trong Truyền Thống Hữu Bộ - Jintaro Takakusu, Giác Nguyên dịch Việt
- Giáo Tài A Tỳ Đàm - Hòa Thượng Saddhammajotika, Giác Nguyên dịch Việt
- Văn Học A Tỳ Đàm Ở Miến Điện - Shwe Zan Aung, B.A., Giác Nguyên dịch Việt
- Họ Đã Nghĩ Như Thế.

SÔNG NẮNG VƯỜN XƯA (GỬI MẸ BÊN KIA ĐỜI)

Toại Khanh



Mẹ mất rồi. Nghe được tin đó từ bên nhà, suốt mấy giờ đồng hồ tôi chỉ nghe thấy bên tai mình ba chữ đó. Tôi ra sau nhà cắt vôi mấy nhánh hồng rồi vào thắp hương trên bàn Phật. Tôi quỳ xuống nhìn lên pho tượng và lạ lắm, chỉ thấy phảng phất ở đó gương mặt của mẹ. Bà đang nhìn tôi và tôi như nghe rõ ràng một câu nói: Mẹ bình yên rồi, sự đừng buồn. Một chút tàn nhang rớt trên lá y tôi vẫn không hay...

Tính đến tháng tư năm này, tôi tròn 41 tuổi, xa mẹ vừa vặn 11 năm. Mẹ còn, không thấy gì đặc biệt. Những khi nhớ, chỉ nghĩ đơn giản là thiếu gì dịp gặp lại, dù nói thiệt, tôi cũng không biết đó là dịp nào. Chẳng biết vì sao cứ nghĩ đơn giản là mẹ sẽ còn đó hoài hoài để chờ mình về. Rồi thì bữa nay mẹ đi mất, tôi giật mình thấy sao có thể hồn nhiên vậy. Mẹ như dưỡng khí, thở suốt một đời hiếm khi nhớ mình thở bằng gì. Khi bị ngạt thở mới chịu nhớ vì đâu mình sống được. Mẹ xa rồi người ta mới hiểu cái gì là thiêng liêng nhất đời. Cảm giác mồ côi mẹ giống cái chết ở chỗ mỗi đời người chỉ có một lần, khi hiểu được thì xong rồi, chẳng còn dịp kinh nghiệm lần hai để mà chuẩn bị tinh thần !

Buổi trưa ra sau nhà nhìn xuống mặt hồ mênh mông. Thiệt lạ, tôi nhìn từng đợt sóng lăn tăn trên hồ mà cứ tưởng như đang thấy lại dòng sông quê cũ năm nào, nơi một phần tuổi thơ của tôi từng nằm lại đó. Tôi như nghe lại cả tiếng còi tàu ban trưa từ một cỗi nào

thật xa vắng, có mẹ tôi bên một bờ lá điều hiu và một mảnh vườn con hừng nắng vàng với vài ba cây ổi sè. Giờ thì mẹ đâu còn nữa. Gì cũng chỉ là một cội ký ức nhói đau... Bao thứ cao đàm khoát luận ở đời giờ chỉ còn là một trò chơi con trẻ, gì cũng không nằm ngoài một ánh mắt của mẹ ngày xưa...

Bỗng thấy cô đơn quá chừng. Sở tri Phật học cũng chừng đó, không khác đi, vậy mà lòng phàm vẫn cứ đau đau. Vậy là Vu Lan này không còn bông hồng nữa rồi, chỉ còn là hoa trắng. Đơn giản quá, nhưng đau như một vết chém treo ngành.

Bỗng giận mấy người không biết thương mẹ. Chuyện của họ mà mình cũng giận được. Có ai biết tôi bây giờ có muốn mượn tạm một bà mẹ của ai đó để mà thương cũng không được nữa. Mẹ tôi đi rồi. Bà mẹ nào khác trên đời với tôi lúc này nhiều lắm cũng chỉ là giống mẹ, không phải mẹ tôi. Nhiều khi mình coi thường những gì trước mắt, một đời kiếm tìm những thứ xa xôi cao vợi, khi tỉnh lại mới thấy cái mình cần đã không còn nữa.

“Này các tỷ kheo, đây là thời điểm để các người tinh tấn tu học, khi mà tăng chúng chưa chia rẽ nhau, khi mà chuyện khát thực còn dễ dàng, khi mà nhân gian chưa lâm cảnh loạn lạc, khi mà tâm thân này còn khỏe mạnh vững vàng...” Trong nỗi đau nhớ mẹ, tôi bỗng nhớ lại bài kinh đó như một chút quà nhét vội vào tay nải của mẹ trước khi bà vĩnh viễn bỏ tôi lại mà đi.

Xin cúi đầu tạ mấy người anh em trong nước đã tranh thủ cho tôi nhìn thấy lần cuối quan tài của mẹ trước lúc hỏa thiêu. Hãy biết tranh thủ thời gian trước khi chuyện gì cũng là quá muộn.

Tôi thức trắng để viết bài này như một món pháp thí gửi muôn phương. Một người đọc hiểu thôi, coi như tôi vừa bòn chút công đức để mẹ tôi có cái cầm tay trên đường... Dù tôi vẫn tin trong chuyện tu hành, mẹ không đến nỗi là một người tay trắng.

Bốn đêm trước, mẹ còn bên đó. Đêm này mẹ ở đâu ? Cõi trầm luân nghìn trùng ở cả hai nghĩa đen và bóng. Giá có thể yếu mệnh để gặp lại người, con sá gì những năm tháng phù du....

TOẠI KHANH

Hỏi Mẹ

Thơ: Minh Đức Hoài Trinh - Nhạc: Trọng Nghĩa

Trình bày: Trọng Nghĩa

Trích từ Album Một Trời Như Lai

KIỆP DÃ TRÀNG

Toại Khanh

Một thiền sư trứ danh người Thái Lan là ngài Achahn Chah từng nói rằng hành giả đừng quá tin tưởng vào cảm giác bản thân. Những gì mình thấy thích thú hay ghét sợ nhiều khi chỉ là một sự hiểu lầm. Có điều là xưa giờ thiên hạ thường khi không chịu suy lý bằng trí tuệ, mà chỉ đánh giá vấn đề theo tình cảm thương ghét của mình. Do được huấn tập nhiều đời, thói quen đó có một sức mạnh khó cưỡng. Người ta sẵn sàng bỏ ra cả đời để vun xới các cảm giác buồn vui mong manh như một con dã tràng mòn đời bên bờ biển với những giấc mơ cát trắng bẽ bàng. Ngồi yên ngắm nghía những buồn vui thương ghét trong lòng mình rồi bình tĩnh xem phản ứng của mình là do thứ nào tác động. Tôi nghĩ đó là một công phu quan trọng. Dĩ nhiên đây không phải chuyện đầu hôm sớm mai mà làm được, Tôi chợt muốn dùng một cụm từ, mà có lẽ nhiều người không đồng ý, để gọi tên một phép tu dưỡng là Tự Kỷ Âm Thị. Buổi đầu chuyện gì cũng khó, nhưng nếu nghiên rằng tập luyện lâu ngày thì tôn tin chắc chắn rằng có thể thành công. Đó là một tâm niệm có vẻ máy móc-răng đã biết cái gì cũng phù du sao mình ngu thế!

Buổi đầu, nó có vẻ là một sự dối lòng hoặc là có chút ngây ngô. Nhưng qua nhiều ngày, tôi tin nó sẽ trở thành một thói quen. Bởi rõ ràng mọi phiền não chỉ là thói quen. Và thói quen này chỉ được chấm dứt bằng một thói quen khác. Ở đây tôi tuyệt không muốn sử dụng bất cứ thuật ngữ chuyên môn nào trong kinh điển. Tôi không muốn có kẻ nói tôi tiếp tục rao giảng lối nhai hoặc xấu hay làm tốt. Chỉ cần một phần mười độc giả chấp nhận bài viết này thì tôi vui rồi. Mọi nhận xét khác... *xin gửi gió cho mây ngàn bay!*

Mỗi ngày hay tối thiểu mỗi tuần một lần hãy thử làm ngược lại ý muốn nào đó của mình xem sao. Chẳng hạn một buổi sáng ngồi trước máy Computer để làm việc, khi liếc mắt vào một đồng email hay tin nhắn mà mình nghĩ là không giúp ích cho công việc hay

cho đời sống của mình. Cả điện thoại cũng vậy. Nếu thực tập được, hãy ráng lạnh lòng không bắt máy khi đọc thấy những số điện thoại mà mình đoán chắc rằng không ích lợi. Cái phiền trong cuộc sống thường nhật thường xảy đến từ những thứ rác rưởi như vậy. Hãy can đảm làm ngơ với chúng để tránh hoang phí những phút giây vàng ngọc của đời sống ngắn ngủi. Đời sống có nhiều thứ đáng mất thời gian hơn những phiền phức không cần thiết ấy. Từ chối càng nhiều những thứ vớ vẩn thì tự nhiên đời sống có ngay những giá trị khó ngờ. Một cái tủ cất chứa quá nhiều những thứ rẻ tiền thì không còn chỗ cho những thứ đáng giá nữa. Muốn bên trong cái tủ thêm giá trị thì phải biết bỏ đi những gì không xứng đáng. Đó hình như lại cũng là một nguyên tắc.

Cứ thử chơi trò Tự Kỷ Âm Thị đó trong một thời gian. Có thể đó cũng là một trò chơi phù du như đã trăng xe cát thôi, nhưng một ngày nào đó gặp chuyện, ta sẽ thấy ra cái diệu dụng của trò chơi thú vị mà cũng cực kỳ gian lao này. Mời anh, mời chị, mời cả những người tôi có thể gọi là em. Sân chơi là cõi lòng mỗi người. Hãy tập chơi một mình với riêng mình. Ô hay, ngoài kia là một bãi cát vắng người, ta ngồi xuống với ta như một cõi đi về...!

PATIN

Toại Khanh



Tôi vừa trở về từ một chuyến đi xa vài hôm. Một cách nói thật đẹp, là đi hoang pháp độ đời, dù rõ ràng suýt nữa bị đời độ. Đây ập mười tiếng đồng hồ ở đó là những tái ngộ, sơ ngộ và cả hạnh ngộ. Gặp lại dăm gương mặt quen cũ, biết thêm vài gương mặt mới, và nổi bật là em, một người mới gặp lần đầu. Mát lạnh mà cũng se sắt, đại khái như một làn gió độc. Tôi trúng gió và chỉ có một mình.

Đêm đầu tiên trở về nhà, giữa khuya khoắt, một mình trên chiếc giường nhỏ xíu, nơi bỗng nhiên là cõi chiến trường với một lực lượng không cân sức. Ta yếu địch mạnh, hỏa

lực được điều động ở mức hy sinh. Kinh vẫn được huy động khẩn cấp, ào ạt, vậy mà nhiều lúc cứ tưởng phải xài tới cò trắng. **Kinh Bầy Mồi** được đưa lên tuyến đầu. Có bốn bầy nai từ rừng về làng: Bầy một say mồi quên lối về rừng, chết sạch. Bầy hai lính hăn nhân gian theo cách nghĩ cực đoan, lúc đói quá bầm bụng mò về và thiếu cảnh giác, sập bẫy không thoát một con. Bầy ba khôn ngoan biết rút lui trước khi sập bẫy, nhưng chỗ ẩn nấp lại nằm trong vùng không an ninh, cũng lần lượt có đi mà không về. Bầy bốn tinh quái nhất, biết ăn mồi chừng mực và chỗ giấu mình nằm ngoài tầm kiểm soát của thợ săn. Mình thuộc bầy nai nào đây? Chịu!

Bỗng nhớ một bài báo vừa đọc cách đây không lâu. Trong đó đăng tin một chiếc phi cơ không bụng được bánh đáp, phải hạ cánh bằng bụng, thập phần nguy hiểm, may mà phút cuối vạn sự an lành. Rõ ràng, khi bánh đáp không mở được, người ta chỉ có thể có hai liên tưởng: Hoặc là đáp bằng bụng, một chuyện liều lĩnh chỉ mới nghĩ đến đã nghe lạnh người, hoặc là bay mãi trong không gian, nhưng đó lại là điều bất khả. Phật dạy chúng tôi cứ như một cánh chim trời: Bình bát là chiếc mỏ kiếm ăn và lá y là đôi cánh. Nhưng so với chiếc phi cơ, chẳng ngờ chúng tôi lại có điểm tương đồng: Tuy là những cánh chim trời, nhưng chúng tôi phải tuyệt đối tuân thủ những nguyên tắc an toàn như một chiếc phi cơ. Cát cánh hay hạ cánh đều phải tuyệt đối chính xác và an toàn. Sai sót một li, người đi không về. Trên từng bước hành đạo và hoằng đạo, chúng tôi có thể bỏ mạng chỉ vì một lí do nhỏ xíu. Vậy mà trong chuyến bay vừa rồi tôi gặp em. Và em như một làn gió độc, mong manh mà chết người. Em không hề ngờ rằng chiều nay tôi về giữa lúc vừa trúng gió mà không có nổi một bè bạn. Tôi đã như một phi công bạt mạng hạ cánh cô đơn trên một phi đạo không đèn. Gian phòng đọc sách của tôi mọi khi ẩm cúng quá chừng, nhưng đêm nay, lần đầu tôi chợt nhớ ra là bức tượng Phật ở đó bằng đồng. Lạnh ngắt và xa lạ!

Tự thấy đang ở thế bị động nguy hiểm, tôi tung chăn rời giường đi tìm thêm quân lương, sách lược. Ngang qua chỗ để cái TV, chẳng biết cái gì xui khiến, thò tay bấm nút mở. Một sân băng ngút ngàn, trắng xóa, với một bóng người đang xoay tít trên đó. Thon gọn, rắn chắc, uyển chuyển mà mạnh mẽ. Ngồi xuống mà xem, quên mất vì sao mình ra đây. Trời sao giống hoàn cảnh của mình quá vậy!

Bên dưới mũi giày của cô bé trên đó là một mặt băng trơn khủng khiếp. Nó được tạo ra từ nước, vốn không phải cho những bám víu lâu dài. Ai trên đó cũng phải di chuyển liên tục, càng nhanh càng tốt. Xê dịch, lia bỏ, dứt khoát, ngắn gọn...Đứng lại chỗ này, rõ ràng là một sự cố, một sự bất thường, kể cả bất tường. Dừng lại là té ngã, là tai nạn, là xây xát, là đau đớn. Phải đi tới, không được ngừng lại, trừ phibước khỏi sân băng, bỏ lại cuộc chơi. Nhưng động tác rời sân cũng phải đúng điệu, ai cũng có thể té huych trong giây phút chối từ sân băng. Vì bản chất của nó là nước, là bất trắc, không thể tin cậy.

Xin cảm ơn em, người đã cho tôi cậy nhờ vài tiếng đồng hồ để làm một cuộc trầm luân thơ mộng trong tâm tưởng. Xin cảm ơn cô bé trên sân băng đã bày tôi một kỹ thuật sống đời. Ai cũng là người ơn của tôi.

Tôi trở vào ngủ lại và trong cơn mê chập chờn, bỗng thấy em bông bênh trên một đám mây trắng, bay lướt ngang tôi với một nụ cười đẹp không chịu nổi: *Con nè sư, con đùa thôi, nhưng sư đã thắng. Ai cũng chỉ là kẻ bên đường, về tới cuối đường thì ai cũng còn lại một mình sư ơ!*

Tiếng chuông điện thoại reo giữa đêm, tôi liếc nhìn dây số mới thấy lần đầu và biết là đã đến lúc mình tập trượt băng. Tôi nghe đau nhiều nơi ngực trái. Mà thôi. Băng rồi sẽ tan, gì rồi cũng tàn. Tôi đã quá sợ những chuyến bay mù mịt, và có lẽ suốt đời vẫn sợ hoài những phi đạo không đèn. Và dĩ nhiên, cả những buổi chiều nhiều gió.

Toại Khanh

KHÔNG ĐỀ

Toại Khanh



Huế đêm trăng đầu tiên sau Tết

Phật giáo Nguyên thủy có tám muôn bốn ngàn pháp môn. Cộng cả chánh tạng lẫn chú sớ thì đúng là một khu rừng lớn. Nếu chỉ cần ghé mắt đọc qua một lượt cũng mất không dưới mười năm. Giáo sư ghi rằng, vào thế kỷ mười Phật lịch, một trưởng lão người Nam Ấn là ngài Buddhaghosa đã ra đảo Tích Lan dịch kinh rồi viết một bộ luận thư – mà theo giới học Phật thì có thể tạm cho thu tóm được nội dung đại lược của Phật ngôn nguyên thủy.

Càng về sau, lời Phật càng được biết qua nhiều hình thức hơn: Từ các sách biên khảo, chú giải, đến những lời thơ, ca từ, rồi thì các công trình điêu khắc, hội họa... Thậm chí một dòng chữ thư pháp treo ở thư phòng hay viết trên đèn giấy, chạm trên cột nhà hay khắc trên vách núi. Mọi chất liệu, mọi hoàn cảnh đều là những mặt nước phản chiếu ánh sáng Phật pháp.

Tôi có biết một người đã dùng đến hình ảnh một vũng nước đêm trăng để mô tả một người tu Phật. Theo đó, một người học Phật là chỗ phản chiếu của chánh pháp. Người đi đêm biết được ánh trăng còn nhờ nhìn vào chỗ có nước. Người muốn hiểu Phật có thể ít nhiều nhìn vào những người tu Phật. Dĩ nhiên nước càng nhiều, càng sạch thì khả năng phản chiếu sẽ nhiều hơn. Nước càng ít, hoặc càng dơ bẩn thì sức phản chiếu sẽ yếu đi. Cũng như không phải ai tự nhận là con Phật cũng có thể phản chiếu được hình ảnh của đức Phật.

Đêm khuya. Giường kê sát cửa sổ, gió cứ len vào khe hở, lạnh buốt, không ngủ nổi. Tôi bước ra phòng ngoài, vặn TV cho nhà bớt quạnh. Đôi lúc vắng vẻ quá cũng là một sự nặng nề. Trên TV đang chiếu phim. Một lời thoại lọt vào tai, nghe ngộ nghĩnh, tôi tắt máy và đi tới đi lui. Tôi bỗng nhiên muốn bẻ đôi câu nói đó, vì phải như vậy mới đã!

YOU HAVE TO (hãy nên, cần phải). Một nửa của câu thoại trên là như vậy đó. Tôi bỗng thấy không một không gian nào trong đời còn có thể mệnh mông hơn một câu nói dở dang. Nó mệnh mông vì sẵn sàng cho mọi điền khuyết. Tôi chợt nghiệm ra một chuyện, dĩ nhiên chỉ là trong cảm nhận của riêng tôi, rằng toàn bộ tám muôn bốn ngàn pháp môn trong những lời Phật còn truyền lại hình như chỉ gói gọn trong một nửa câu nói ngắn ngủi đó. Đúng vậy, tôi muốn nói là YOU HAVE TO.

Độc giả cho rằng tôi điên? Xin thưa, toàn bộ lời Phật dường như chỉ nói đến hai chuyện NÊN LÀM và KHÔNG NÊN LÀM. Trong cả ba tạng đều nói đến hai chuyện đó. Và bài kệ trứ danh Không làm điều ác, Thực hiện điều lành, Gìn tâm trong sạch..., hoàn toàn có thể dịch bằng ba lần YOU HAVE TO!

Trọn đời tu hành và suốt cuộc tử sinh vạn kiếp về sau, ngày nào chưa thành tựu chánh trí giác ngộ, thì toàn bộ công phu tu dưỡng của một người có thể chỉ là những khẩu quyết bắt đầu bằng ba chữ đó. Đó là một lời khuyên, một đề nghị, một mệnh lệnh, một gợi ý. Và còn tử sinh thì ai cũng phải biết tuân thủ một số mệnh lệnh, nói gọn một chút là những nguyên tắc. Anh có nổi loạn, có thêm tự do đến mấy cũng phải chấp nhận một số nguyên tắc. Nói một cách rất ráo, đó chính là một mô tả sâu thẳm nhất về sự Bất Toàn của đời sống. Tôi vừa thưa ở trên, câu nói dở dang kia là một đạo tràng bát ngát. Ta có thể ghép vào sau đó bằng vô số những động từ cần thiết: You have to relax (hãy thư giãn), forgive (tha thứ), forget (lãng quên), fight for (giành lấy), destroy (phá hủy), eliminate (loại trừ)...

Rồi thì cũng xin nghe nốt một nửa câu nói còn lại chứ? Dĩ nhiên rồi. Sở dĩ tôi phải chừa lại một nửa ấy để nói ở cuối bài vì nói ra là hết chuyện, là không còn gì để nói nữa. Theo Phật giáo Nguyên thủy, người xứng đáng nói ra một nửa ấy phải là một người đã giải thoát phiền não. Bởi trọn vẹn câu nói kia là YOU HAVE TO DO NOTHING (Anh chẳng cần phải làm gì ráo). Chỉ tiếc đây là một bài viết bằng tiếng Việt, cái uyên áo cần có đã bị mất đi phần nào khi phải chuyển ngữ kiểu này.

Đúng vậy. Theo giáo lý Nam truyền, chỉ có vị La-hán là có thể DO NOTHING. Nghĩa là...Xin cùng im lặng để nghe tiếng hạc ngang trời!

Đêm mùa đông của tôi bỗng đẹp, bỗng thơ chẳng kém cái đêm Tô Thức viết ra bài Xích Bích Phú thừa nào...!

TOẠI KHANH

CHẾT ĐẠI Toại Khanh



Đến tận bây giờ, tuổi cũng đã lớn, vậy mà tôi vẫn không nén được sự hồi hộp mỗi khi tình cờ xem được ở đâu đó một khúc phim, một đoạn văn mô tả thời khắc ai đó đi nhận diện xác chết xem có phải người thân của mình, hoặc những cuộc rình mò để bắt quả tang một sự việc mờ ám nào đó như ngoại tình, gián điệp. Tại sao tôi lại hồi hộp trong những hoàn cảnh như vậy? Xin thưa, thay vì lúc nào cũng mong mình nghĩ đúng, thì cái éo le ở đây là trong những tình huống kiểu đó, tôi thường thầm cầu mong mọi sự chỉ là chuyện nhầm lẫn để cái chết kia không phải là thân nhân của người đã nhận diện, hay kẻ phản bội kia không phải “người phía mình”, tức nhân vật mà mình yêu thích trong cuốn sách hay bộ phim đó.

Thì ra, không phải lúc nào người ta cũng mong mình chính xác, không phải lúc nào người ta cũng yêu sự thật. Và cũng theo Phật pháp thì cái gọi là vấn đề của cuộc luân hồi không chỉ là cái Vô Minh, mà còn là tình yêu của mỗi người đối với cái Vô Minh đó nữa. Chỉ riêng cái nhầm lẫn đã đủ chết người rồi, vậy mà người ta còn thỉnh thoảng e ngại, sợ hãi ngay chính sự đúng đắn. Gẫm lại, đời sống hình như chỉ là vấn đề của cảm giác. Lắm lúc chính mình trong giây phút bình tĩnh nhất cũng thấy được chuyện đó là vậy, vậy mà khi xắn tay áo nhảy vào thực tế thì *“cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi”*. Lý do đơn giản là khi làm vậy ta được an lòng hơn, dù có phải mang tiếng là chết đại. Thay vì cứ một lần nghiêng răng nhìn thẳng sự thật, để có đau thì cũng một lần thôi, thì không ít người trong thiên hạ lại thường có khuynh hướng bịt bốt một tai, nhắm bốt một mắt để được sống đại khờ hay chết thơ ngây...cho thỏa mộng trầm luân!

Tôi biết em nói dối, tôi đoán em hai lòng, tôi mơ hồ thấy trong tóc mình có chút dấu hiệu của cặp sừng sắp nhú, nhưng khảo kỹ quá, lỡ oan ức cho em, hay em tự ái bỏ đi thiệt thì sao. Thôi thì có được bao nhiêu trí tuệ bẩm sinh và kiến thức trường lớp cũng mặc, thiên hạ trong lúc này thường cứ xếp lại mọi thứ trong góc nhà để mà tha hồ sống u mê theo sở thích. Ai cũng cứ ráng trù mền mà tụng chú tình yêu, cầu cho tim em đừng quá nhiều lỗ như Tỷ Can tiền bối. Những khi nhắm mắt chịu không thấu thì cứ thò tay bấm nút Ipad cất sẵn trong túi áo bên ngực trái để mà nghe thêm bài sám tăng lực *“tôi xin người cứ gian dối, khi tôi hỏi người có yêu tôi, may ra còn một chút tình vui...”*!

Gẫm kỹ cũng ngộ thiệt. Theo các chuyên gia của cả ngành thẩm mỹ lẫn y tế, chỉ riêng đối với phụ nữ, số người bận tâm đến việc làm đẹp luôn nhiều hơn những người để ý đến chuyện vệ sinh cơ thể. Lý do ư? Làm đẹp thì lúc nào cũng vui hơn, mắt luôn thấy toàn cái dễ nhìn, mình có xấu tệ thì chỉ riêng mấy món phấn son, nữ trang ngó cũng sướng mắt. Còn chuyện làm vệ sinh thì ngán lắm, phải đối diện với nhiều món thực tế chán mớ đời. Cứ vậy mà người ta khoái làm đẹp nhiều hơn giữ sạch. Và cũng như tôi vừa thưa ở trên, thiên hạ ai cũng khoái mình được thông minh, nhưng có mấy ai thích sống thông minh. Buồn chết bỏ!

Thế đã hết đâu. Cái Vô Minh vốn đã cũ xì từ vô thủy vậy mà trong thời buổi này cũng lại một phen nhuộm mùi high-tech. Xem chừng đã chán chương với mấy thứ có thể sờ chạm, thiên hạ hôm nay có thêm kiểu Vô Minh trong biết bao thứ ảo (virtual). Ai không tin thì xin thỉnh lên Internet sẽ biết ngay, đặc biệt mấy phòng game online. Tiền ảo, tình ảo, giai nhân cũng ảo tốt. Vậy mà không biết bao nhiêu người thiên hạ hôm nay còn mê mấy món đó hơn cả đồ thật. Tiền bạc, thời gian, sức khỏe có bao nhiêu cũng chen nhau vào đó mà “cúng dường” cho mấy món ảo. Nói cho cùng, mấy vụ chatting gì đó cũng đâu phải đáng tin gì cho cam. Cả mấy cái blog cũng thế. Thẻ bồi yêu đương cho lắm vào, nhưng nào có mấy ai thấy được mặt mũi của đối phương ra sao. Một thế giới ảo cho những buồn vui cũng ảo, chỉ có cái hậu quả là thật mà thôi. Tôi có nghe một câu nói rất lạ, nhưng thú vị, là nhiều khi gặp gỡ ca sĩ, diễn viên, người mẫu hay một kiểu thần tượng

nào đó ngoài đời không thú vị bằng đưa hết bọn họ vào trong một cái Archos bé tày gang rồi đi đâu cũng móc ra sắm soi một mình vậy mà sướng đáo để. Đại khái ngoài cảm giác sống trong cái gọi là thời thượng gì đó, người ta còn thấy ra một thế giới khác hẳn những gì mình vẫn nghe nhìn mỗi ngày. Vẫn theo lời Phật thì vạn hữu vốn vô thường, ta không kịp thay đổi thì trần cảnh cũng đã đổi thay hay ngược lại. Thế rồi cái dòng chảy của những thứ phù du đó cứ bắt người ta phải một đời đi tìm những cái mới hơn để mà sống gượng qua những ngày tháng lẽ ra là lê thê buồn tẻ.

Bất chước người ta lý sự cho vui vậy thôi. Hôm qua tôi vào trang blog của mình thấy một cái entry, đọc rồi lòng đau hơn xát muối. Trời mờ sáng, người đang dật dờ sau một đêm dờ sống dờ chết vì mất ngủ, bỗng một tiếng phone reo (lại cũng một món ảo). Người ta xin lỗi tôi bằng mấy câu thiệt ảo, bảo là đã xóa cái entry sai lầm kia rồi. Biết đó lại cũng là thứ ảo, vậy mà tôi cũng lập tức nghe mình hồi sinh (với một nguồn sinh lực ảo) và băng mình ra bàn viết để viết ngay một cái gì đó... ăn mừng.

Mẹ ơi, 40 tuổi đầu, với manh áo truyền thừa trên vai, con vẫn còn ham chơi. Không phải mấy món đồ chơi bằng đất sét như hồi nào nữa, mà là mấy trò chơi sương khói của một đời phố chợ với giống gì cũng là ảo hết. Chỉ có những nỗi buồn hình như là thật mà thôi... Xin lạy Phật đã đi xa và nhớ mẹ còn ở cuối trời, con bây giờ hình như chỉ còn chừng đó là không ảo.

TOẠI KHANH

CÒN GÌ THẨM HON

Toại Khanh



Rõ ràng một người trên 18 tuổi không thể ngồi yên chờ thiên hạ bòn thức ăn vào miệng mình. Ai cũng phải đi cày để kiếm sống. Nhưng không gì thẩm hơn cảnh suốt đời chỉ biết chạy quanh một vòng tròn: Đi làm để sống và

sống để đi làm, một ngày lẫn đùng ra lạnh ngắt, cứng đơ, vô duyên như một vở kịch dở ẹt !

Một người sống giữa thiên hạ phải có chút hình thức tươm tất, vì ít nhất hai lý do là tự trọng đối với mình và tôn trọng người khác. Nhưng không gì thắm bằng việc suốt đời cứ bận tâm vì vẻ ngoài, sợ bị chê xấu, thích được khen đẹp. Xin vài lần nhìn quanh mình xem, mình ăn mặc trang điểm ra sao thì thiên hạ có ai thèm nhìn đâu, và sau những cái nhìn thoáng qua của họ, có ai về rồi vẫn còn nghĩ đến mình. Trừ phi mình quá sức đặc dị mà thôi. Tin tôi đi !

Làm gì cũng phải có thầy và bạn. Trong chuyện tu học cũng vậy. Nhưng không gì thắm bằng cảnh một người suốt đời nhắm mắt đi theo một pháp môn hành trì mà chính mình chỉ hiểu biết mơ hồ, trong khi lý do của sự đáng tiếc đó chỉ đơn giản là niềm tin hay tình riêng với ai đó. Đời ta rẽ đến vậy hay sao ? Trăm năm đâu phải tám giẻ rách mà coi thường quá vậy !

Xin làm ơn nhớ giùm chuyện này: Nhệ dạ, lười suy nghĩ, cuồng tín đều là mẹ ruột của các tín ngưỡng mù quáng, những hệ thống chính trị ngu xuẩn tàn độc. Chính những người dân thiếu suy nghĩ đã dọn chỗ cho bạo chúa, độc tài về đầy đọa họ.

Phật pháp nói chung, hay nói riêng giáo lý A Tỳ Đàm chẳng hạn, hoàn toàn có thể dung nạp được mọi trình độ. Vì vậy không gì thắm bằng việc học đạo theo cách thuộc lòng trả bài rồi đem giới thiệu cho người khác. Đối với một người dạy đạo thiếu Phật duyên và Phật chất thì bằng cấp học vị hay uy tín đối với quần chúng đôi khi chỉ là khối thuốc nổ tăng mức sát thương mà thôi.

Phật pháp qua cách hiểu nông nổi rất dễ bị xem là ngô nghê buồn cười. Thầy trò khi đó giống hệt đám trẻ lấy ngọc quý đem chơi đánh đáo hay trò ô quan. Tinh hoa tuệ giác của một đức Phật đâu phải tầm thường đến thế. Nghĩ mà đau lòng lắm vậy!

Thiền Quán hay Tứ Niệm Xứ là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát. Toàn bộ kinh điển chỉ có một lý tưởng duy nhất là xác định nhận thức này.

Phật giáo Miến Điện tô đậm nhận thức đó bằng việc dạy và tu Tứ Niệm Xứ. Pháp môn này không phải là đặc sản của riêng họ như cách nói của một phóng viên Tây Phương: Các xứ khác có máy móc hay nông lâm thủy khoáng sản để xuất cảng, Miến Điện có thêm pháp môn Tứ Niệm Xứ để đưa ra thế giới bên ngoài.

Người đến Miến Điện tu thiền Quán không giống như kẻ đến Ấn Độ để học Yoga hay qua Tàu học khí công. Ta sang Myanmar để tìm một bối cảnh thích hợp, như ra bờ biển để chạy bộ vậy. Và không gì thắm hơn một người qua đây chỉ vì phong trào: Đi cho sang, cho thỏa tò mò, cho giống người ta.

Ở đâu cũng vậy, tu Quán là để thấy mình là gì và đang ra sao. Đủ duyên thì thành thánh, kém duyên một chút thì cũng được an lạc hiện tiền. Ta khổ vì nhiều hiểu lầm quá, về mình và về người. Tu thiền là để hiểu đúng hơn, về ta và về đời.

Chuyện đã hết đâu. Giáo lý chưa thông, ngôn ngữ bất đồng, người ngoại quốc đến thiền viện Miến Điện phải lệ thuộc người phiên dịch để tương thông với thiền sư. May gặp người dịch có trình độ Phật học thì OK, xui mà gặp tay ngang thì cứ như muốn mua mít chín mà nhờ cậy người nghệt mũi. Vậy mà nghe đâu có khối người sau một hai khóa tu thiền Quán ngắn hạn ở Miến Điện trở về đã mặc nhiên trở thành những hành giả có cầu chứng (marque deposede/ trade mark). Thiền hạ thích thì cứ, nhưng bản thân thiền sinh có lẽ nên quên đi. Nếu không thì còn gì thấm hơn !

TOẠI KHANH

HÌNH NHƯ'

Toại Khanh



Mấy ngày Tết vào Internet xem lai rai mấy bài viết về Việt Nam như một cách đón xuân. Giờ gì cũng xa xôi, những người quen xưa, những kỷ niệm cũ, một phương trời cố quận,... giờ đều là nghìn trùng. Thôi thì thấy nhau trên internet cũng là một kiểu tái ngộ, tương phùng.

Chẳng cần hò hẹn, mấy địa chỉ được nhớ tới đầu tiên bỗng là những Làng Mai, Trúc Lâm, Chuyển Pháp Luân. Mọi khi có thể nhiều hơn, nhưng bây giờ là những ngày Tết, tìm đọc chút gì có hơi hướng cây đa cũ với bến đò xưa hình như phải lúc hơn. Vì mẹ ơi, xuân này con vẫn chưa về được!

Rải rác khắp các trang báo online là những bài viết về lễ hội chùa Hương sắp tới, về ngôi chùa bằng đồng mới khánh thành trên núi Yên Tử, về Phật Học Viện ở Sóc Sơn, về chuyến thăm quê lần hai của Hòa thượng Làng Mai, về mấy ngôi chùa mới của dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam. Bây giờ với công nghệ vi tính ngày một tân tiến, hình ảnh âm thanh trên mấy trang báo Phật giáo online cũng ngày một rõ ràng, đẹp mắt, sống động hơn. Tôi ghé thăm từng trang rồi tần ngần như một tục khách trưa hè dừng chân bên mái tam quan một ngôi cổ tự. Chùa lớn lại đẹp, sân rộng mái cao, u tịch cao nhã. Một chút chuông gió, một làn khói nhang mờ màng đầu đó. Trong vùng tâm tưởng mờ hồ, khách bất ngờ nhắm mắt ngủ quên một giấc ngắn trong yên bình, rồi thì mộng và thực tan vào nhau thành một nhúm khói thật nhẹ...

Từ rất lâu ngày, tên gọi Phật giáo trong tôi là những lời Phật dạy còn ghi chép được trong kinh điển và được một số người đem vào đời thực bằng những hành trì trên bản thân. Bỏ đi những gì hại mình hại người, bỏ dần những thành kiến cố chấp, mở lòng ra để thương và hiểu cuộc đời ngày một rộng hơn, xa dần những biên giới không cần có. Nhưng rồi tôi đã thấy gì trong cái gọi là Phật giáo hôm nay. Những chuyện riêng tư trong sinh hoạt thường nhật của các vị đại sư Tàu hay Việt lần lượt được đánh bóng để dựng nên cái gọi là cõi Thiền Trung Quốc hay Việt Nam. Tất thảy những rượu thịt của Tế Công đến chuyện chém mèo, đốt tượng, đánh người, gào thét của các ngài Nam Tuyền, Đan Hà, Lâm Tế lần lượt được tận dụng để tạo nên một dáng riêng cho Phật giáo một phương. Lúc nào rồi rảnh bình tâm, một người học Phật ngồi yên ngó lại xem hậu nhân biên địa đã đẩy Phật giáo cội nguồn về tận cõi nào. Kiểu Phật giáo đó cơ hồ chỉ là khách lạ của thứ kinh bối điệp mà lúc cần, người ta mới nhận đó là suối nguồn căn bản của Phật pháp uyên nguyên.

Ai cũng có quyền yêu nước thương nòi, ai cũng nên trân trọng bối cảnh văn hóa mà mình từ đó sinh trưởng, nhưng cứ tùy thích mà mang cái tâm tình đó mà gán ghép lên bất cứ cái gì khác thì hình như không nên. Khoa học được gọi là khoa học vì ở đó không có sự tùy tiện. Anh có là ai trên hành tinh này cũng phải ứng dụng đúng cách những nguyên tắc căn bản của computer nếu muốn sử dụng nó. Trong cõi chuyên môn đó hình như không có chỗ cho những tâm tình riêng tư. Chúng ta có thể tạo riêng một trang web đầy ắp những Đường Thi Từ Tống với hình ảnh các bức thư pháp hay tre trúc, cây cảnh theo phong cách Tàu, Nhật, Việt, Hàn nhưng con đường thực hiện trang web đó phải giống với thiên hạ. Ta có bao nhiêu cái riêng cũng mặc, nhưng phải có tối thiểu một cái chung căn bản với thiên hạ để không bị lạc lõng giữa đời.

Qua sách vở, tôi chỉ biết một hai vị đại sư người Hoa thời hiện đại như ngài Quảng Khâm, ngài Ấn Thuận nhưng tôi đặc biệt đọc nhiều về các ngài có lẽ cũng vì một lý do là các ngài không cố ý tạo riêng một dòng tư kiến nào hết. Đó cũng là trường hợp một số danh nhân Phật giáo khác như bà Dipama của Ấn Độ, ngài Achahn Chah hay bà Achahn Naeb của Thái Lan, ông Ubakhin của Miến Điện,... nếu không xem trước

phần tiểu sử, thì khi đọc họ ta không thể biết họ là người xứ nào, lớn lên trong bối cảnh văn hóa ra sao. Điều họ nói hay viết chỉ nhằm chung mọi người để ai đọc hay nghe cũng được, cố tránh cái riêng tư để không tự đưa mình vào một góc tù tắc tị xa lạ với thiên hạ muôn phương. Nói về bụi trúc, hòn đá, thác nước, thăm cỏ thì cứ theo thiên nhiên mà nói. Đem tâm tình riêng tư mà ghép vào thì rõ ràng lợi bất cập hại. Tôi yêu vườn cảnh thì tôi tìm học ở anh về những thứ làm nên vườn cảnh, tôi không muốn anh khoe mẽ về khu vườn cảnh của anh. Có cần chứng minh gì đó để minh họa thì một chút thôi, làm ơn đừng bắt một người Nhật Bản phải nghĩ về vườn cảnh theo cách một người Thụy Điển.

Một người Tây phương hôm nay muốn tìm hiểu về Phật giáo, nếu không cảnh giác sẽ lọt tòm vào một Phật giáo Tàu ngon ơ. Lúc định thần ngó lại anh ta sẽ ngỡ ngàng với cái gọi là Phật giáo theo những gì mình vẫn đọc thấy trong sách vở trước đó. Có thể có người sẽ giải thích với anh rằng đó là thứ Phật giáo sinh động, không phải khô cứng vô hồn như những trang bồi diệp mà anh đã đọc. Lời trấn an đó dĩ nhiên có thể giúp anh yên lòng, nhưng mai này có dịp tìm sang Nhật Bản, Hàn Quốc rồi về Việt Nam,... ở đâu người ta cũng nói hệt vậy. Thế là trong anh có ít nhất non chục kiểu Phật giáo khác nhau. Không có một cội nguồn chung, thiên hạ xa nhau từ căn cội. Rồi thì phân hóa, chia cách, tương tranh.

Những cái RIÊNG có thể góp phần phong phú lý kỳ nhưng thiếu cái CHUNG thì tự dưng trở thành những mảnh vụn rời rạc khó xài. Người Việt từ mấy ngàn năm Bắc thuộc đã biết đến Phật giáo qua nhiều cái RIÊNG của Trung Hoa, và gần như không còn nhiều thời gian để tìm hiểu về cái CHUNG nên có giữa những người tu Phật. Thế rồi lịch sử đất nước lại phải trải qua những biến động kinh thiên, để nay người Việt lại có thêm nhiều cái RIÊNG của thời đại qua những tiêu ngữ khác...!

Người ngoài thò tay vào thực hiện chuyện đó đã đành, mà đến cả những người trong nhà cũng vì mục đích riêng tư nào đó mà thay nhau tô đậm những góc riêng để khai thác điều họ muốn. Giờ ta còn trẻ, còn khỏe, thấy sao cũng được, càng náo nhiệt càng vui.

Nhưng đời người ngắn ngủi, ai lại chẳng có lúc cao niên đầm thắm, muốn tìm về một cõi tịnh để di dưỡng tâm linh trước khi về đất. Lúc đó người ta sẽ phải giạt mình cho những cuộc chơi quá đà thời trẻ. Giờ thì Chúa hay Phật trong lòng mình chỉ là những bóng hình lờ lợt, sặc sỡ, không biết phải dựa vào đâu để tựa nương. Hai ngôi chùa cách nhau vài phút lái xe đã có hai lối hướng dẫn tu học trái nghịch, Tăng ni gặp gỡ trên đường học đạo thì mỗi người một cách nói chẳng giống nhau về Phật. Đó chính là cái giá phải trả cho sự tình quá nhiều cái RIÊNG mà thiếu một cái CHUNG.

Tính đến nay đã có không ít bậc long tượng chốn Già-lam của Việt Nam vốn người uyên bác chân tu đáng mặt sơ tổ khai sơn các dòng truyền pháp, nhưng thành công như ý có lẽ không quá một bàn tay. Lý do có thể nằm ở chỗ ai nhớ được cái CHUNG càng nhiều thì thiên hạ tìm đến càng đông. Chỉ vì họ thấy được mình ở đó. Họ đến như là về nhà,

hay tối thiểu cũng như viếng thăm thân tộc. Thế là thấy gần, thấy thương. Của riêng còn một chút này! Bỗng nhớ cụ thi hào họ Nguyễn nhà mình quá đỗi!

TOẠI KHANH

NGÀY ĐÓ TÔI VỀ...

Toại Khanh



Tôi về giữa nhân gian như một kẻ lưu lạc đang hồi quân. Ô hay, quanh tôi có quá nhiều những lăng xưa đèn cổ, những bài học ngàn vàng từ muôn đời cổ nhân truyền thừa di dưỡng. Mà sao tôi chỉ thấy ra những dấu vết buồn thay vì là những bài học để chiêm ngưỡng và học hỏi. Tôi chỉ biết ngó mấy viên ngói vỡ để rồi buồn nhớ ngu ngơ. Dấu xưa không đủ để dạy tôi bài học nào về hai chữ kinh nghiệm sao chứ. Tôi cứ nôn nao chờ đợi một bình minh tuyệt đẹp có nắng sớm, có hoa bướm, với những làn hương. Tôi không hề biết rằng mình vừa lỡ dịp.

Tôi đi giữa cuộc đời như một viễn khách nơi miền đất lạ. Có biết bao thứ tình khôi mới mẻ vừa chớm nở đây đó chung quanh và trước mắt, mà sao tôi cứ hững hờ không tận hưởng nắm bắt. Thời gian đang trôi và đẩy lùi hiện tại vào một cõi xa miền viễn. Thay vì đứng nhìn một đoá hoa vừa chớm trong sương, tôi đã lần lữa chậm bước, mắt nhắm tai ngơ. Tôi bỗng nhiên tiếc nhớ một cái gì xưa cũ và lần bước trở về khu lăng mộ để tìm nhặt những viên ngói vỡ mà mình đã một lần nhìn thấy. Không còn kịp nữa, mù sương đã bắt đầu kín lối. Nghe một mùi hương lạ, tôi nhớ ra đoá hoa buổi sáng và muốn trở gót. Nhưng bây giờ đã là chiều muộn. Đoá hoa kia đã héo úa từ bao giờ.

Tôi ghé ngang cuộc đời như một người khách ngóng chờ. Lẽ ra tôi đã có thể sang sông từ trưa. Vậy mà chỉ vì bất chợt thấy thềm một phút ngã lưng, thềm được tắm sông hái trái, lại bay bướm trộm ngắm cái dáng lưng ong của cô hàng nước trên bến, rồi ngần ngừ chẳng

chịu qua sông. Một chuyến dò ngang, rồi thêm chuyến nữa, tôi đã quên mất chuyện sang sông. Trời tối dần, cô hàng nước đã bỏ đi, ông lão lái dò cũng về bên kia sông ngủ sớm. Tôi nhớ ra thì không còn kịp nữa. Vậy là đêm nay tôi sẽ phải nằm lại bên sông lộng gió này để chờ chuyến dò sớm mai. Manh áo phong trần mong manh làm sao đủ để chịu nổi cái lạnh mùa đông se sắt dưới gốc còng già khẳng khiu này chứ...

Hắn lang thang rong ruổi giữa đời như một đứa học trò khờ trốn thầy xuống núi. Thầy là một cao sĩ bác lãm cổ kim, hắn quên mất, chỉ muốn đi tìm danh sư trong thiên hạ. Sợ gì chứ một ông già xó núi mù sương. Hắn đi và không tìm thấy gì. Một ngày định mệnh, có bậc danh sĩ chốn kinh sư nghe hắn đi tìm thầy giỏi trong đời, ông không nói gì mà chỉ trở tay về núi. Trời ạ, đó là hướng núi trụ xứ của thầy hắn. Hắn hốt hoảng quy sơn, đường về bỗng xa ngàn trùng, cỏ gai ngập lối. Trong ánh trăng non đầu tháng, ngôi cổ tháp rêu phong vẫn đứng đó như một dáng người đang đứng đợi. Hắn gõ cửa để chỉ nghe tiếng gõ của bàn tay mình. Sự phụ đã không còn nữa. Mẩu nến vụn chỉ đủ rọi sáng một góc nhà cho hắn tìm thấy mảnh di thư nhạt nhoà. Trời ơi, hắn lang thang chừng ấy năm tháng chỉ để tìm thấy mỗi manh giấy nhỏ xíu này sao chứ...

Lão vẫn gọi nàng trong mơ như nhớ người tình xưa. Ngày đó, tay trắng yêu người, lão tự hiểu là bất khả. Rồi thì biệt xứ mười năm để ngâm ngãi tìm trầm, xuống biển mò ngọc, lên núi đào vàng, lưu lạc xứ người, trôi giạt hoang đảo. Một ngày tìm thấy trần châu, lão trở về quê cũ và kẻ đầu tiên lão gặp là một bà lão móm mém ho hen đang dò bước trên đường. Nghe khách lạ hỏi tên một người con gái, bà nheo mắt nhìn rồi nhận mình là cô ấy. Bao năm rồi ai chẳng già đi. Lão ngỡ ngàng bồi hồi rồi thì bà lão chống gậy bỏ đi, sau khi ném lại một câu lạnh ngắt: Hồi đó hồng nói thì ai biết, giờ thì hẹn gặp nhau ở dưới đó là vừa!

Ngày xưa nàng Scheherazade đã kể ngàn lẻ một câu chuyện để cứu chừng ấy mạng người. Tôi giờ kể mấy chuyện thôi, nên có lẽ không cứu được ai. Mà ngâm kỹ thì chỉ để tự cứu mình. Vậy thì ngại gì chẳng kể, ta kể cho ta. Người xưa kể chuyện để qua được ngàn đêm sinh tử, tôi giờ ngồi viết lại mấy chuyện vặt để qua được mấy giờ đồng hồ nhạt nhẽo của một đêm tối mùa đông.

Rồi bàn viết, tôi đi tới lui trong gian nhà vắng và ngẫu nhiên nghe trong vô thức một lời hát nửa lạ nửa quen:

*Em đi qua chuyến dò
thấy con trăng đang nằm ngủ
con sông là quán trọ
và trăng tên lãng du*

.....

*Em đi qua chuyến dò
lắng nghe con sông nằm kể*

*trăng ơi, trăng rất tệ
mày đi, nhớ chóng về*

.....

*Tôi vui chơi giữa đời
Ồi a, biết đâu nguồn cội
tôi thu tôi bé lại
làm mưa tan giữa trời....(TCS)*

MỘT CỐI TÀ DƯƠNG

Toại Khanh



Chút nắng tàn le lói trên con đường bụi dẫn về học viện Nalanda. Thầy Devaguru lại trông thấy cái bóng người gầy gò ấy đang ngược chiều với mình. Nghe trông lòng một chút thương cảm, ông gấp lại cuốn sách đang đọc dở dang và chuẩn bị một nụ cười thiệt ấm. Thầy Subhuti đang trên đường về lại khu rừng sau học viện. Thầy không học ở đây, nhưng sáng nào cũng về phố khát thực qua con đường này. Thỉnh thoảng ghé vào một khu vườn quen để nghỉ trưa và chiều lại về rừng. Có lẽ hôm nay cũng vậy. Bởi các vị bên ấy hiếm khi lang thang trên đường vào giờ này. Cứ gặp nhau hoài thành quen biết. Nhưng nhiều lắm cũng chỉ là vài câu han hỏi, không nhiều hơn. Biết nói gì đây.

Họ chào nhau bằng lễ Sa-môn. Thấy trời còn sáng, thầy Devaguru bỗng nhiên muốn rủ thầy Subhuti ngồi xuống một lát. Ông muốn hỏi thăm cho biết vài chuyện. Ông hỏi với giọng ái ngại:

– Một bữa ăn mà mất nhiều thời gian vậy có mệt lắm không thầy, hình như thầy ngày nào cũng rời rừng từ sáng?

Thầy Subhuti nheo mắt cười hiền lành:

– Thiệt ra không chỉ là một bữa ăn đầu thầy, còn nhiều thứ khác nữa chứ. Thầy xem, vận động cơ thể, tập nghe đời chửi, gieo duyên cho cả những người nghèo nhất và xê dịch cái hình ảnh y vàng trên đường cũng là một cách hoằng đạo tích cực.

Thầy Devaguru nhìn xuống đất một lát, ông muốn biết thêm chuyện khác về những người bạn tu gặp hoài vẫn lạ này. Lâu nay ông chỉ biết về họ qua mấy cuốn luận thư từ thời Phật giáo bộ phái.

– Suy cho cùng mình là anh em, nhưng sao cứ có cái gì ngăn ngại kỳ cục quá. Nhiều lúc tôi muốn ôm chầm lấy thầy...

Thầy Subhuti bật cười, hai bàn tay vẫn đặt trên bình bát khát thực:

Cũng anh em cả thôi, nhưng kẻ đi buôn làm giàu thì sao có dịp ngồi ăn cơm với những người anh em ngồi giữ đất hương hỏa. Thầy xem, có người nói tui này không biết gì về bên đó. Sao lại xa lạ nhau quá vậy chứ? Một chữ Ekayano ám chỉ Bốn Niệm Xứ, thực ra chứa trọn Phật đạo rồi còn gì. Sống theo đó thì tự nhiên có bi với trí, nôm na là hiểu và thương. Tầng cao nhất của hai món đó chính là Phật quả. Tùy theo căn cơ mà người ta dừng lại ở tầng nào. Vậy mà người ta sửa lại thành Ekayano là Nhất Thừa gì đó để diễn dịch lý tưởng Bồ-tát, rồi thì anh em xa nhau. Thầy xem có đau không. Thầy tu nói chữ “buồn” nghe kỳ quá, nhưng ngẫm lại cũng ngậm ngùi thầy ơi.

Thầy Devaguru giật mình:

– Cứ cho Pháp Hoa đã đi quá xa, nhưng còn những Trung Luận, Hoa Nghiêm... hình như bên thầy không mấy mặn mà?

– Hôm nào rảnh, thầy ngó lại xem anh em hiểu nhau như vậy nên không? Hai bài Tiểu Không, Đại Không trong Trung Bộ và Đại Duyên trong Trường Bộ của thời nguyên thủy, đã nói hết mọi sự về Giáo Lý Duyên Khởi và khái niệm Không Tánh gì đó từ lâu. Tán rộng quá dễ hiểu lắm. Phật không dở hơn chúng ta đâu. Kẻ hữu duyên nghe ít cũng đủ, người vô căn nói sao cũng mịt. Thà để họ mịt mù còn hơn là gây ngộ nhận tội nghiệp người ta. Cả Trí Kim Cang (Vajiranana) gì đó từ nguyên thủy cũng đã dùng để gọi Thánh Trí La Hán, quán chiếu vạn pháp vô ngã. Vậy mà có người đành đoạn gọi anh em là Tiểu Thừa, có tu đến La Hán cũng còn chấp Pháp. Không biết họ đọc ở đâu cái đó. Họ có lẽ đến chết vẫn không ngờ được rằng anh em chúng tôi vẫn xem Phật Trí Vô Thượng của Thế Tôn là do duyên tạo và cũng không nằm ngoài Tứ Tướng. Xin hỏi chấp pháp là sao?

Thầy Devaguru quên trời đang tối, ông xuất hạn và nghe lạnh cả người:

– Thế thầy nghĩ sao về bộ Bát Nhã sang sông của bên này?

– Tôi có trộm đọc bộ sách đó một lần, mà cứ có cảm giác đó là bản sao chép sai lạc của vài bộ Sớ Giải của kinh điển nguyên thủy. Đặc biệt là khái niệm Ba-la-mật mà trong bộ

sách đó cổ tình thô đậm, thực ragần như không có trong giáo lý nguyên thủy. Chữ Parami hiểu theo khái niệm Lục Độ, Thập Độ, theo tôi biết thì rất xa lạ trong kinh điển truyền thống. Về tên gọi Sang sông hay Đảo Bì Ngạn gì đó thì trong kinh điển truyền thống của chúng tôi cũng có, nhưng ngắn gọn hơn nhiều. Trong đó không gọi là Paramita mà là Parayana. Chỉ mười trang thôi, nhưng xét kỹ nội dung cũng là trọn vẹn hành trang sang sông thầy ạ. Trước mắt, tôi thấy người ta còn có vẻ muốn dùng chữ Jhana, ám chỉ bốn tầng thiền chứng của thời nguyên thủy, để gọi chung cho tất cả những gì có liên quan đến việc xếp bằng, hay suy tưởng, hoặc tưởng tượng về Phật pháp theo cách riêng.

Vàng trắng đầu tháng đã treo trên hàng cọ bên đường. Hai thầy chia tay nhau. Kẻ về học viện, người đi lên rừng. Đêm đó thầy Devaguru thức trắng.

Mấy năm sau, thầy Devaguru rời khỏi Nalanda với mấy gùi kinh tượng. Thầy đi về Đông Độ để chép cho xong mấy dòng giáo sử, như chứng tích của một giai đoạn chánh pháp đang đi vào bóng đêm của biển dâu.

Ra khỏi biên giới xứ Ấn, thầy dùng lại tên thật của mình là Huyền Trang!

TƯƠNG QUAN HAY CHẴNG LÀ GÌ

Toại Khanh



Chia lìa, phân cách hình như lại cũng là một cách thể tồn tại của vạn hữu. Nguyên tắc đó có nói một đời cũng không hết, nhưng đầu mỗi của nó nhiều khi chỉ là một chuyện nhỏ, rất nhỏ. Chuyện có thể bắt đầu từ một ngày mưa nhân gian trên con phố đầy ắp thiên hạ. Biết bao là những riêng tư, lạc lõng, côi cút đang quện lấy nhau giữa cái biển người trùng điệp đó dưới một cơn mưa mù trời vốn cũng được làm nên từ những giọt nước rơi rạc từ trời cao.

Vậy rồi hai mảnh hồn đơn chiếc đó gặp nhau trong mấy phút trú mưa. Hai mảnh đời, hai hoàn cảnh, cùng vô số tâm cảnh, tâm thái trong hai sinh vật bỗng tìm rachỗ gắn kết hợp lý rồi thì một cuộc tình với những phút giây quẩn quít xoắn chặt biến hai thành một. Từ muôn thuở, cõi người ta này đã nên hình nên vóc từ những ghép nối kiểu đó để đem những món rời rã về lại với nhau và làm nên cuộc đời tương sinh tương khắc.

Hàng tỉ hình hài đã được tạo sinh từ những giọt máu, những cuộc tình. Chúng đã rời cha để về với mẹ, và xa mẹ để đi với đời rồi tự tìm về những định phận chẳng cái nào giống cái nào. Tuổi vô tri, người ta cần đến những dẫn dắt kiểu tay nắm tay. Ngày khôn lớn, rồi tổ ấm, người ta thành ra những cánh chim đôi khi quên mất lối về. Vậy rồi vòng quay cũ lại được tái hiện, những lẻ loi đơn chiếc vừa được khai sinh trên những dặm đời. Niềm tin, nhận thức, lý tưởng, hành động... vẫn mãi hoài xô đẩy thiên hạ ghé ngang những trạm dừng, lâu mau bất định. Về với Đây thì phải xa cách Đó. Rồi gì cũng là những cuộc chơi, duyên tình đôi khi chỉ là vài hôm dăm bữa hay được mươi năm phù vân rồi thì sóng nước nhân gian, có thể vô tình hay hữu ý, lại bằng cách này hay cách khác xé rời những vòng tay để mở rộng cái gọi là vòng xoáy trầm luân.

Phật dạy trên đời tuyệt không thể có cái gì hiện hữu độc lập như một thực tại duy nhất. Nó chỉ là nó trong mối tương quan với bao thứ khác. Từ đó vạn hữu là một chuỗi dài tương tiếp của muôn thứ sai biệt. Và đã là sai biệt thì tương quan giữa chúng không phải lúc nào cũng tuyệt đối là tương sinh hay tương khắc. Đây lại cũng là một nguyên tắc nữa của vạn hữu. Và chính vì mọi thứ luôn biến tướng không ngừng nên chúng phải cần đến những tác động khác nhau để sinh diễn tương thích. Nuôi dưỡng, hỗ trợ hay tàn phá, xung đột nhau đều là những cách tác động. Từng tác động có một ý nghĩa khác nhau: Giúp nhau duy trì cái cũ hay hình thành cái mới. Chuyện tốt hay xấu, nên hay đừng ở đây quả là khó nói. Vì vạn hữu là chỗ cộng hưởng của những sai biệt nên mọi định nghĩa về chúng phải nằm trong một chữ TÙY DUYÊN. Đúng chỗ, đúng lúc thì thôi. Và cũng chính ở ý nghĩa sai biệt, sự lựa chọn của muôn người thiên hạ khó bề giống nhau, dù nhiều lúc trên hình thức ngó như chẳng khác. Từ đó, mọi đánh giá lớn nhỏ, đúng sai, khinh trọng, sướng khổ trên đời hẳn là phải xét lại thôi.

Tôi đã bắt đầu bài viết này bằng cuộc gặp gỡ xem ra chẳng đáng gì của một đôi nam nữ với dụng ý gì ? Xin thưa, cũng nhằm vào điều vừa nói ở trên. Trong mối tương quan trùng điệp của vạn hữu, ta khó lòng nói cái gì lớn hay nhỏ khi chúng hoàn toàn có thể là chỗ bắt đầu của một tí vấn đề. Chợt nhớ câu thơ lục bát của ai đó thật đúng chỗ cho điều đang nói. “Giá như hôm ấy đừng mưa, giá như hôm ấy đừng đưa em về”. Phải mà, ta ngẫm kỹ lại xem, nếu chẳng có cái ánh mắt, nụ cười của ai đó bên bờ ao bụi chuối hay tiếng thầm thì trên một ghế đá công viên nào ấy mười năm trước thì tình hình thế giới hôm nay rõ ràng đã không như ta đang thấy. Năm bảy chục năm trước có trời mới biết một đứa bé vô danh nhỏ xíu nào đó hôm nay trở thành mối lo của toàn nhân loại hay chỗ dựa tinh thần cho hàng tỉ người trên hành tinh. Thực ra bản thân đứa bé ngày ấy cũng chẳng có gì đáng nói nếu không kể đến những điều kiện nuôi lớn tâm hồn nó gồm những gì được nghe, thấy, học, đọc từ thiên hạ.

Nếu ngay bây giờ có ai hỏi tôi về cảm nghĩ đối với thế giới hay hẹp một chút là tình hình Phật giáo hiện tại, tôi sẽ trả lời không ngần ngại bằng ba chữ: *Phải vậy thôi!*

Tôi dĩ nhiên không muốn thấy ai buồn, và càng không muốn thấy những gì mình cho là tốt đẹp lại bị đe dọa. Nhưng rõ ràng mọi sự không thể tồn tại mà không thay đổi, và cái gọi là điều thiện cũng không thể hiện hữu nếu cạnh nó không có cái ác, chúng giành nhau cái ghế thượng phong. Chuyện đơn giản là ai cũng muốn có cảm giác mình là kẻ cầm trịch trong những cuộc biến dâu dù chuyện đó đến nay hình như vẫn chưa ai làm nổi. Và đầu là lá chuối – lá bàng hay lá me – lá trúc, ai cũng là một chiếc lá trên sông cả thôi. Chỉ thương cho những người thơ ngây tin lời quỷ mị mà bỏ hết một đời cho những chiếc lá Diêu Bông...

Toại Khanh

LÁ CHÚC THU' DƯỚI NỀN CỔ THÁP

Toại Khanh



Chùa Túc Châu ở Tế Nam là ngôi pháp vũ nổi tiếng một thời với nhiều đời phương tượng chuyên tâm đúc các thế hệ long tượng cho Phật giáo Trung Hoa từ thời Thanh mạt. Nghe đâu ngoài một tồ thánh chỉ sắc tứ, chùa còn lưu giữ không ít bút tích đề tặng của nhiều thân vương Thanh triều cùng vô số danh sĩ thiên hạ đương thời. Trong thời buổi mà đời sau miệt thị là phong kiến ấy, chốn già-lam thường là chỗ gặp gỡ của các bậc nhân tài cao sĩ khắp triều dã. Một buổi xướng họa, vài tuần trà hay chỉ một cuộc cờ ở đó rất có thể sẽ là khởi điểm cho một sự cố hay biến chuyển nào đó về văn hóa hay thời cuộc trong thiên hạ. Chùa Túc Châu từng là một điểm hẹn kiểu đó. Hoà thượng Vạn Khánh là phương tượng đời mười bốn ở đây.

Một tấm lưng khòm trên hình hài gầy guộc, y phục nâu sòng và chỉ dùng mỗi cây gậy trúc khẳng khiu để tới lui đây đó, không ít người thoát nhìn cứ ngỡ hòa thượng là một lão nông nào đó đến vắng cảnh chùa. Hiếm ai trong lần sơ ngộ có thể ngờ được cái sở học kinh người và một đạo hạnh thâm hậu phía sau vẻ ngoài thô lậu thanh bần ấy. Mấy mươi năm trước, ngài đã từ quan để đi tu với phương tượng chùa Túc Châu lúc đó là đại lão tăng Vạn Tường, tương truyền là một kỳ nhân có thể chỉ uống nước lạnh suốt nhiều tháng trong mỗi lần trì tụng một bộ kinh nào đó. Danh sư xuất cao đồ, học chúng Túc Châu không hiếm người mãn phúc kinh luân để thừa tài an bang tế thế.

Đầu thập niên 1940, tình hình chính trị Trung Quốc ngày một phức tạp, xã hội cũng theo đó biến đổi tệ hại hơn. Tình trạng sinh hoạt của chùa Túc Châu dĩ nhiên cũng ít nhiều

bị ảnh hưởng theo dòng thác thời cuộc. Tăng chúng tông học tại đây ngày một thưa thớt. Từ con số trăm vị lúc cực thịnh xuống còn không được một nửa, vậy mà cũng phải bữa cháo bữa rau. Rồi một ngày sau năm 1949, có ai đó ác tâm tố cáo chùa chứa phản động, chính quyền ra tay truy xét thô bạo rồi giải tán toàn bộ học chúng chùa Túc Châu. Bao nhiêu đồ đệ tinh anh thực học của hoà thượng Vạn Khánh giờ chẳng còn ai. Ngài trở thành một ông từ già với hai chú tiểu tóc đào giữa ngôi đại tự mệnh mông. Chùa vắng như không người, nhưng tai mắt công an vẫn ngày đêm lắng vẳng. Thời gian trôi nhanh không ngờ được. Khách vãng lai thưa dần, rồi không còn ai về thăm Túc Châu nữa. Tin tức ở đó ngày càng hiếm hoi. Một ngày mùa đông năm 1981 có vị lão tăng ghé lại Túc Châu xin ngủ nhờ qua đêm. Chùa chỉ còn hai sư bà hom hem. Khu hậu viên ngổn ngang chuồng trại. Sau ngày giải phóng, chùa Túc Châu có lúc được trưng dụng làm trại chăn nuôi gia súc. Sau một thời gian chăn nuôi thất bại, chùa Túc Châu lại bị bỏ hoang rồi dần dà địa phương cho mời hai sư bà từ một chùa khác sang trông nom nhang khói ở đây. Từ sau lúc hoà thượng Vạn Khánh viên tịch, chẳng biết hai chú tiểu hầu ngài đã trôi dạt về đâu.

Tiếp đãi vị lão tăng như một khách quý, có lẽ phần nào cũng do thấy ông cao tuổi, hai sư bà cung kính hướng dẫn ông đi thăm quanh chùa và khi đi ngang ngôi tháp sau hậu viên, họ thân nhiên cho biết trong đó là chỗ thờ di cốt vị phượng tượng cuối cùng của chùa Túc Châu. Vị lão tăng ngó ý muốn được vào làm lễ, hai sư bà dĩ nhiên đồng ý. Lòng tháp chật hẹp, lại nặng mùi ẩm mốc. Ông ngậm ngùi nhìn lên một cái bọc lụa màu đỏ đặt trên bệ thờ. Trong đó là chiếc tiểu sành đựng di cốt của hoà thượng Vạn Khánh. Một nhúm nhang đang cháy dở dang bên cạnh. Vị lão tăng đưa mắt nhìn quanh rồi khẽ giật mình. Ông vừa đọc thấy hai hàng chữ ngoằn ngoèo trên vách tháp. Cố giữ vẻ tự nhiên, ông chỉ tay lên vách rồi từ tốn hỏi hai sư bà :

– Xin lỗi, chữ gì trên đó lem nhem quá, hai sư bà có thể đọc cho nghe được không ạ ?
Mắt tôi kém quá ...

Hai người gật đầu :

– Chúng tôi có thấy, thưa thầy, nhưng không đọc được là những chữ gì. Có lẽ chỉ là hình hí họa của ai đó tiện tay thôi ạ!

Nằm trần trọc trong gian phòng rộng thênh của sư phụ ngày nào, Đại Chuyết cứ nghĩ mãi đến hai dòng chữ đọc được khi nãy. Có lẽ cho đến bây giờ thiên hạ vẫn chưa ai chú ý đến chúng. Hai sư bà không đọc được chỉ do họ không thể ngờ đó là hai dòng thảo tự được viết ngược. Thảo tự của mỗi người hầu như đều có chỗ tùy tiện riêng tư, đã vậy nếu bị viết ngược thì càng mù mịt hơn. Ông đọc được chỉ vì từ lúc còn là học tăng, một vài huynh đệ đồng khóa của ông đã cùng nghĩ ra lối viết ấy để xướng họa trong lúc giải trí. Những người đọc được kiểu lộn ngược thư này dĩ nhiên không nhiều. Hai dòng chữ kia tiếp tục nhảy nhót trong óc ông như một thách đố:

Đài thượng vô tục diệm
Tháp hạ hữu di thư

Câu một đúng là hoàn cảnh của học viện Túc Châu bây giờ. Thế còn câu hai? Phải chăng sư phụ còn có điều muốn nhắn gửi? Ngài muốn dặn dò điều gì, cho ai?

Sáng sớm hôm sau, ngay từ lúc sương mù còn chưa tan hết, Đại Chuyết đã lặng lẽ cầm chiếc đèn pin lần ra ngôi tháp với một thanh gỗ nhỏ trong tay. Sau một lúc chau mày quan sát, ông cúi người gõ nhẹ xuống từng viên gạch dưới nền tháp. Đây rồi. Trong góc cùng của tháp có một viên gạch không được trát vữa. Đại Chuyết gỡ nhẹ tấm gạch lên và bắt giác rung mình. Một cuộn giấy tròn được phong kín bằng sáp nến nằm khuất dưới lớp cát mỏng.

Xếp lại viên gạch vào chỗ cũ, Đại Chuyết quay về phòng rồi vặn lớn ngọn đèn. Gió sớm mùa đông vẫn lạnh như cắt da và thổi tràn từng đợt qua khóm trúc lớn bên cửa sổ, thế mà ngồi trong phòng, Đại Chuyết cứ phải lấy tay áo thấm mồ hôi trán.

Bên trong lớp sáp kia đúng là lá thư của ngài Vạn Khánh. Một lá thư dài, khá dài, và cũng là những dòng thảo tự viết ngược, đầy cả hai mặt giấy. “Chư đệ tử! Không muốn người ngoài đọc được lá thư này, ta đành một lần khiến mình chẳng giống mình là sử dụng ám tự, dù đó chỉ là kiểu lộng thư của huynh đệ các con. Ta không thể biết trước ai sẽ là người tìm thấy lá thư, nhưng vẫn hi vọng đó sẽ là một người trong số các con.

“Sự biến xảy đến với Túc Châu quá bất ngờ, khiến ta không kịp có được một buổi uống trà cùng các con như vẫn mong mỗi, để bây giờ phải ngồi một mình mà nói với các con bằng mấy dòng này. Muộn chẳng? Có còn kịp lúc nữa hay không, các túc đồ của ta? Ta cũng như các con, đều là những người tay trắng. Cái duy nhất ta có thể để lại cho các con chỉ là những thứ ta nhận được từ sư phụ mình và đã lấy đó làm hành trang trên đường đạo nghiệp. Ngày nào đọc được lá thư này của ta, có lẽ các con sẽ hiểu rõ thêm vì sao ngày xưa ta đã như quá vô tâm khi chọn cho các con những pháp hiệu nghe qua có phần nghịch nhĩ: Bất Tài, Vô Đức, Vô Năng, Vô Học, Vô Trí, Tiểu Mạn, Đại Chuyết... Chỉ một người duy nhất trong số các con có được chữ Vạn của dòng truyền pháp Túc Châu, đó là Vạn Nhậm. Điều đó do đâu, ta sẽ nói ở sau. Chỉ nên biết, ai ta cũng thương đồng đều hết. Và ngay trong việc đặt cho pháp hiệu cho từng người cũng không hề có chút thiên vị. Chỉ có khổ tâm dụng ý mà thôi. Bây giờ các con chẳng còn bên cạnh ta nữa, mấy dòng tâm huyết này thay ánh mắt ta dõi nhìn theo từng bước luân lạc của các con...

“Với Bất Tài, ngọn bút kinh nhân của học viện Túc Châu, hãy luôn nhớ lời ta: Người thế gian còn biết nói lập thân tối hạ thị văn chương, trong cửa đạo chữ nghĩa cũng chẳng qua là một trong nhiều phương tiện hành hoạt. Đòi kẻ cầm bút lắm khi bạc tựa kiếp tầm: Rút hết tinh anh ghi chép chuyện đời để sau cùng người thương tâm tổn trí lại cũng chính là mình. Chỉ nên cầm bút khi không thể có chọn lựa nào khác, và luôn biết được chỗ dừng

để không mắc lỗi. Chép chuyện đời sao bằng ghi chuyện mình và ghi chuyện mình sao hơn được việc lặt vặt sửa mình!

“Với Vô Đức, người nổi bật trong đám học trò của ta về khả năng giám chúng, nên nhớ lời ta: Quản chúng ở trình độ rất ráo phải được bắt đầu từ khả năng tự hoá, tự quản. Con sẽ là một phương tượng mẫu mực khi biết tự khiêm để trở thành biển lớn dung chứa muôn sông. Tăng tục bên con là người từ muôn phương sao tránh được những dị biệt. Hãy quên mình đi, để không một cá tính nào của người thiên hạ có thể làm phiền lòng con. Đào dưỡng và cư mang các thể hệ tăng-già là trọng nhiệm thiêng liêng nhất của nhà thiền. Lúc cần, hãy biết lãng quên tất cả những ý niệm Lớn Nhỏ Bì Thử. Trong Phật môn không hề có việc người cai trị và kẻ bị trị. Thử hỏi ai có quyền nghĩ những trường tử nào đó của Như lai đang nằm dưới tay mình? Những tục niệm như ghét thương, sở hữu cũng cần được cảnh giác. Người xuất gia phải sống bằng ý niệm không nhà, nếu không cần cần sẽ là trò cười thiên hạ khi bỏ nhàn nhỏ rồi lại vào nhà lớn. Bao dung, và xả kỷ là những điều căn cội cho sự nghiệp truyền đăng của một phương tượng.

“Với Vô Năng, người chói ngời với phong phạm một giảng sư quán chúng, hãy nhớ lời ta: Hiền thánh xưa nay có được khả năng lập ngôn vì đã qua được bước đầu lập hạnh. Bản hạnh vững vàng thì ngữ ngôn tự khắc có hấp lực. Tài hoa trên chót lưỡi đầu môi chỉ là trò chơi của một sớm một chiều. Ngay đến người tập võ trong dân gian cũng phải thành tựu nội công mới mong có được chưởng lực. Những bậc pháp khí đến cầu pháp sẽ nhìn con ra sao hơn là nghe con nói gì. Đức Thích Tôn và các cao đồ của ngài thuở trước đều dùng đủ cả thân giáo và ngôn giáo để độ sinh. Không trang nghiêm được lòng mình, người nói pháp dễ mắc lỗi lầm, mà trong đó, Tự Tán Hủy Tha là một điều đại kỵ của người sứ giả Như Lai, khiến tổn giảm âm đức, đánh mất lý tưởng nổi truyền huệ mạng.

“Với Vô Trí, một học tăng thừa tài kinh quốc, thân đắp Phật y nhưng vẫn nặng lòng với thế cuộc, hãy nhớ lời ta: Xót thương quần sinh chính là bản hạnh của Bồ Tát, nhưng nên thương thế nào cho hợp cách với một Sa Môn. Đừng bao giờ chọn cho mình con đường dẫn đến tuyệt địa. Vì lắm khi mãi lo dẫn thân bạt mạng mà tự mất lối về. Việc chưa xong mà trước sau đều nghìn trùng không bờ bến, chơi vơi giữa dòng. Lại nữa, khả năng kinh quyền cũng là một vốn liếng quan trọng cho con. Đến như việc ôm bát khát thực để tìm một bữa ăn còn phải nói đến hai chữ Tùy Duyên thì kể chi đến chuyện an bang tế thế càng khó lắm thay. Kẻ làm tướng cầm quân ra trận còn phải nhớ những điều cấm kỵ trong binh gia để tránh vong mạng oan uổng thì kẻ nuôi hạnh Bồ Đề càng phải thận trọng mười lần. Chúng ta thân gửi Không Môn mà lòng chẳng quên thương đời, nhưng lòng dầu có thương đời cũng nên nhớ thân đang tại Không Môn. Đến được rồi cũng đi được, đó chính là bản lãnh tự tại của một Bồ Tát giữa biển lửa tử sinh. Và tinh thần tự tại đó còn có một ý nghĩa quan trọng khác là Bồ Tát chỉ luôn hành động bằng sự tự quyết thông qua lòng đại bi và đại trí của chính mình, tuyệt không vì tác động nào khác hay của bất cứ ai.

“Với Vô Học, người luôn xứng danh với ngoại hiệu Tòng Lâm Thủ Sách bằng sở kiến thâm viễn và lòng cầu học vô bờ, hãy nhớ lời ta: Mỗi cá nhân chỉ là một hạt cát nhỏ nhoi giữa vũ trụ bao la với kiếp sống trăm năm vốn ngắn ngủi như một chớp mắt trên dòng thời gian vô thủy vô chung. Những điều có thể học được thì nhiều như cát biển. Kiến thức của người uyên thâm nhất thiên hạ nhiều lắm chỉ là một vốc cát biển, một nắm lá rừng. Do đó cái chí yếu của việc học cốt nằm ở chỗ sử dụng mà thôi. Mỗi cuộc bình sinh chỉ có một lý tưởng sống, người hiểu học đến mấy cũng chỉ nên chọn lấy điều có thể ứng dụng cho lý tưởng sống đời ấy. Càng ham vung vít những cuội thì sau cùng mọi sở tri có được chỉ là những thứ nửa vời vô dụng. Hãy tùy sức mà học lấy những gì thực sự bao hàm được cả hai ý nghĩa tự lợi và lợi tha. Ngoài ra tuyệt chẳng nên phí sức. Nên phân biệt rõ điều mình thích và cái mình cần. Kiếp nhân sinh tựa phù vân nên vốn không có đủ thời gian cho những đam mê vô bổ. Kẻ học đạo giải thoát càng phải lưu tâm cảnh giác những sở tri chướng vốn ngăn ngại tuệ nghiệp. Đôi khi chỉ vì chút hư danh mà cam tâm vui đầu làm một sách quên tu há chẳng hoang phí thân người lắm ru!

“ Ta đặc biệt cho Vạn Nhậm cái pháp hiệu nghe ra đàng hoàng nhất ấy cũng là có chỗ dụng ý. Hẳn không sở đắc một biệt tài nào xuất chúng, tất cả ở hẳn chỉ ở mức Cần và Đủ. Sở trường duy nhất của hẳn là một tâm địa có thể dung hòa mọi thứ, và có thể khởi hành ở mọi lĩnh vực. Đó chẳng là bản lãnh mà Khổng Phu Tử xưa đã tự nhận xét về mình khi so sánh với các đệ tử hay sao ? Dĩ nhiên trong một đại sự quan trọng Vạn Nhậm tuyệt không thể không cậy nhờ đến từng người trong các con, và ngược lại, các con có lẽ cũng rất cần đến một người giống hẳn. Tương duyên chính là mạch sống trong quan hệ sinh tồn của vạn pháp hữu vi. Muôn duyên hòa hợp nhau mà vận hành đồng bộ. Trong đó không có chính thứ, trước sau, trên dưới, mạnh yếu theo chiều dọc vì tất cả đều có cùng cái giá trị của một mắt xích trong chuỗi tương quan. Ta chỉ lo là khi thiên hạ ai cũng muốn trở thành sao sáng thì một người như Vạn Nhậm quả là không dễ gặp. Ta may mắn có được một học trò như hẳn, chỉ tiếc hẳn quá yếu mệnh. Còn nhớ buổi chiều an táng hẳn, ta đã đau xé lòng như ngày xưa đức Khổng đã khóc thương Nhan Hôi. Các con nên hãnh diện vì một huynh đệ như hẳn. Dù hôm nay hẳn đã không còn nữa...

“Còn nhiều, nhiều lắm. Có thể nói một trăm hai mươi học tăng ở Túc Châu đều có sở trường. Trong mấy trang giấy này làm sao ta có thể kể ra hết từng người. Nhưng chung quy lại, mỗi người trong số các con có thể phần nào dựa theo ý nghĩa tên mình mà đoán được dụng ý giáo huấn của ta. Nên nhớ, hãy lấp đầy sở đoản và phát huy sở trường bằng một khẩu quyết duy nhất: Vạn Pháp Do Duyên, Tùy Thời Tiến Thoái! “Ta viết lá thư này khi các con đã ra đi ba năm mười một tháng. Viết khi tự biết mình không còn lại bao nhiêu thời gian. Viết mà không biết gửi cho ai, và làm sao gửi. Ta đặt lá thư dưới nền cỏ thấp với một lời ám chỉ mờ hồ trên vách. Ta chỉ xem đây như một trò chơi định mệnh với kết quả thật mong manh. Hi vọng mai này khi trở lại Túc Châu, ai đó trong số các con sẽ tìm thấy lá thư này. Nếu được vậy, đúng là duyên phận sư đồ của chúng ta vẫn còn đó...”

Thầy Đại Chuyết bàng hoàng gấp lại lá thư. Ông lặng người tưởng lại gương mặt từ bi của sư phụ rồi nghĩ đến số phận của từng người trong huynh đệ ông từ sau ngày chia tay nhau năm đó ở Túc Châu. Quá nửa số đó đã bằng mọi cách rời Hoa Lục để tìm ra hải ngoại. Kê sang Nhật, người sang Đài Loan, Hương Cảng, rồi cả Âu, Phi, Mỹ, Úc. Thành công cũng có, thất bại cũng nhiều. Chỉ tiếc không ai đọc được lá thư này của thầy để rồi không ít người đã vong thân ngay trên chính sở đắc của mình. Lá thư của sư phụ như ngậm chứa những lời cảnh báo nghiêm trọng và buồn thay, nó đã chính xác một cách tàn nhẫn.

Chiều hôm đó, Đại Chuyết ra tháp lạy thầy lần cuối rồi lặng lẽ ra đi với lá di thư cất kỹ trong túi áo như một kỷ vật mà cũng là món hành trang sắp sửa muộn màng. Ông về lại Ireland với ngôi thiền thất bé nhỏ của mình bên một bờ nước quanh hiu sống bằng số lương ít ỏi của một giáo sư trợ giảng. Không đạo tràng, không tiếng tụng, không môn đồ, làm ít lỗi ít. Ông nhớ mãi câu nói đó của sư phụ ngày xưa khi đặt cho ông cái tên Đại Chuyết.

Toại Khanh

HÀI CỔ BỜ SƯƠNG

Toại Khanh



Họ cưới sóng trùng dương mà đi về những miền đất lạ, coi thân sinh tử như giọt sương mai và hành trang chỉ là một lòng đại nguyện không muốn chỉ riêng mình thoát cõi trầm luân....

Họ chân cứng đá mềm qua những miền gió cát chất đầy đầu lâu xương trắng, những sơn đạo hoang vu chỉ có gió núi mưa rừng và hành trang vẫn là một chữ thương đời...

Họ một đời ẩn tích sơn lâm để làm cái gương sống đạo cho muôn người sinh tử theo đó mà tiến tu...

Họ học giả, họ thiền sư, họ du tăng, họ chẻ đá khai sơn gầy dựng đạo tràng, họ mở đạo tạo tăng để tìm người truyền thừa mạng mạch tông môn, họ chịu đánh chửi khinh miệt, họ gánh hết khổ nạn nhân quần, họ làm mọi sự gian truân chỉ vì một chữ Phật ở đời. Phật là hiểu, là thương, là bao dung, là chia sẻ chân tình không điều kiện. Đời mất Phật rồi thì thiên hạ quay về với thuở hồng hoang. Hồng hoang ngay từ trong tâm thức, với những trái tim không tình người và những khối óc chỉ biết sắt thép. Đại khái buồn ghê gớm. Vậy là đời cần có Phật.

Tôi muốn thưa rằng họ là những Phật Âm, Huyền Trang, Giám Chân, Pháp Hiền, Nghĩa Tịnh, A Đề Xá, Tôn Khách Ba,...Không có họ, có lẽ Phật giáo hôm nay không có kinh điển và cái gọi là tông môn. Thiếu hai món này, dám hỏi đạo Phật còn lại gì. Kiểu Phật giáo bất lập văn tự gì đó thực ra đã tan theo ngọn lửa trà-tỳ ngay sau ngày Thế Tôn viên tịch. Đời nay không có kinh văn thì hậu nhân cầu pháp khác gì người nấu sủi tìm com !

Rồi chuyện đời biến dâu, hữu hình hữu hoại, Phật còn bỏ đời mà đi thì nói gì hàng môn đệ phạm nhiều hơn thánh. Thời mạt pháp đời càng gieo neo nghìn lần mà đạo lực người hoằng dương ngày một thiếu hụt. Đã huyền hoá, đời nay càng thêm nhiều trò huyền hoá, đạo nghiệp hoằng dương từ đó cũng phải thêm chút cơ xảo để hướng dẫn người sơ học và đó cũng là cái cớ chẳng đặng dừng cho bao thứ thị phi tan nát can tràng.

Tôi nhớ từng viết ở đâu đó rằng đời vì lực căn mà trầm luân thì người hành đạo giải thoát cũng phải từ lực căn mà tìm ra chỗ thoát. Hiền thánh xưa đạo lực thâm hậu với cơ man những phương tiện diệu dụng, người sứ giả Như Lai hôm nay đôi khi chỉ còn biết trông cậy vào vài món du hí tam muội thời thượng. Tất thấy những hình ảnh, âm thanh khả dĩ chờ được ít nhiều gợi ý cho người học đạo đều được tận dụng như những thân cây, mảnh gỗ, hay thùng thau chum chóc cho người chết đuối trên dòng. Ý nghĩa tận dụng đó dĩ nhiên cũng bị lợi dụng thâm hiểm, nhưng suy cho cùng, nói theo Cơ-Độc-Giáo, người hoằng dương chính là những kẻ vác thập giá khổ nạn mà đi, chen lấn với cả những người anh em ham chơi để làm cho xong nghiệp lớn và dĩ nhiên tai tiếng chia đều !

Một buổi khuya cách đây mấy hôm tình cờ đọc thấy một bài báo trong nước rồi thì nói như Quang Dũng *“Đường đi không gió lòng sao lạnh”*, nghĩa là không dung mà cứ nghe bùi ngùi một nỗi riêng không tên gọi.

Bài báo do một tay ký giả trong nước xem chừng cũng là người mộ Phật. Chỉ một bài phóng sự con con đăng báo mà tác giả cứ như rút hết tâm tình mà tán, mà dậm như chuyện riêng đời mình.

Chuyện kể về một vị đại ca giang hồ ở Đà Lạt sau những sóng gió gặp phải trên đường lăn lộn đã một ngày ngẫu nhiên tìm đến với Phật qua câu chuyện về một nhà sư nghệ sĩ ở Huế. Bài viết thâm thiết chí tình và ly kỳ như tiểu thuyết Duyên Anh nhưng lại là chuyện có thật. Bỏ hết những ngày tháng gay cấn máu hận, chàng trai trẻ kiêu bạt kia đã phải

tóc xuất gia và chọn lấy một kiểu sống đạo thật lạ và cũng rất thời thượng: Hoằng dương bằng máy ảnh !

Nhà sư trẻ đó đã chọn lấy một con đường vừa sức mình và có lẽ cũng là người khai sơn phá thạch cho một kiểu tu hành thời đại. Sao cũng là hoằng dương hết, đưa người về với Phật qua những âm thanh, sắc tướng cũng là một kiểu lợi tha. Tôi bỗng nhớ đến một nét riêng rất độc đáo trong văn hoá tâm linh Việt là hầu như người Việt nào cũng bắt đầu yêu Phật bằng những tiếng chuông chiều mờ sớm nghe được ở đâu đó, có khi chỉ là tiếng vọng từ một quảng đời thơ ấu. Rồi thì hình ảnh một bát hương, một mái chùa, đều là một phần hồi ức của tuyệt đại đa số người Việt nông thôn. Trong những trường hợp đó, mùi thơm vi diệu ở cõi Chúng Hương gì đó bên Phật giáo Bắc truyền có lẽ không gần gũi bằng chút mùi nhang phảng phất bên bờ ruộng buổi chiều hay những thảo am lẻ loi đâu đó bên lưng đồi, chân núi. Cả cái Pháp Âm Sư Tử Hồng gì ấy cũng không ru được lòng người hữu hiệu như một tiếng chuông rơi rớt đâu đó trong một buổi chiều muộn. Tôi nhớ mấy câu truyện ngắn của Tự Lực Văn Đoàn cũng đã tận dụng những tiếng chuông chùa ở xóm làng Bắc Việt để làm nền cho không ít những tình huống rất tế nhị. Thế là mùi hương hay âm thanh nếu được vận dụng đúng chỗ cũng cứ là những con đò đưa người sang sông.

Dĩ nhiên không thể đem so sánh một chút mùi nhang hay một tiếng chuông chiều với một tấm ảnh nghệ thuật, nhưng tôi cứ muốn thừa rằng gì cũng tốt, làm sao thấy được thì thôi. Cái quan trọng vẫn là cái đó đưa ta về đâu.

Nói chuyện người rồi lại nhớ chuyện ta. Từ rất lâu ngày, tôi vẫn có những giây phút như quên mình trước những tấm ảnh nghệ thuật của Phật Giáo Nhật Bản. Những khi đó, tôi cơ hồ đã quên mất những gì là Tào Động, Lâm Tế để chìm sâu vào một khuôn sân trải đầy cát trắng, một bóng người đen sẫm bên cạnh lầu chuông, một dòng nước rớt nhẹ vào hốc đá từ một cái máng tre hay đôi bàn chân ai đó như đang bước nhẹ nhàng thanh thản trên một sàn gỗ và xa xa ngoài sân là vài ba chiếc lá vàng im tiếng. Chỉ chừng đó thôi, lòng đủ thanh thản để hít sâu thở chậm, để nhớ Phật và quên hết ưu phiền. Trộm nghĩ, nếu tiếp tục xem thêm vài chục tấm hình tâm đắc kiểu đó thì coi như tôi đã có ít nhất một giờ trầm tưởng, một kiểu công phu của nhà Phật. Người nghệ sĩ tác giả của mấy bức ảnh đó rõ ràng đã hoằng pháp theo cách riêng của mình để cứu vớt một tục khách là tôi, giúp tôi quên mất gì là Nam Truyền Bắc Phái, Đại Tiểu Hiện Mật,... để đơn giản nhớ tới những chuyện căn bản nhất là buông hết mọi gánh nặng, xoá nhoà mọi biên giới để đạt tới những gì cao rộng nhất. Tôi đã yêu mấy tấm ảnh đó đến mức quên mình dốt chữ Hán để đùa rờn văn tự bằng cách dịch sai chữ Nhiếp Ảnh thành Bất Bồng, là trò chơi ghi lại khoảnh khắc sinh diệt của một quá khứ phù du, là trò chơi dạy người ta hiểu rõ bài học Khắc Dấu Mạn Thuyền rất mực thâm hậu.

Hai đêm nay cứ ngủ sâu một tí lại mơ thấy mình bỏ hết kinh tượng để cầm lấy cái máy ảnh lang thang đâu đó bên Ấn, bên Tàu để chiêm ngắm vạn hữu bằng công phu Nhiếp

Ảnh Tam Muội. Nhưng trời ạ, lúc quay về quán trọ mới hay chiếc máy trên tay mình lâu nay chỉ là loại máy Kodak chụp hết cuộn phim thì vắt. Giật mình thức giấc rồi thì có được một bài học nửa lạ nửa quen: Máy tuế kém cỏi thì khả năng ghi nhận dễ có vấn đề.

Xin cảm ơn sư CH, người đã rũ áo giảng hồ đề trở thành phương trượng ngôi chùa Định Quang rách nát mà thiền vị bên dưới chân đèo Hải Vân. Tôi cũng xin cảm ơn anh nhà báo đã viết bài về nhà sư kỳ lạ đó và dĩ nhiên cũng phải cảm ơn những người đã đọc bài viết này của tôi. Chỉ cần trong lòng có Phật, trong tim có tình người thì thể hiện nào cũng là một cách thể loại tha. Thôi thì muôn nẻo hoàng dương, đưa nhau được một đôi đường cũng vui !

TOẠI KHANH

DẤU XƯA

Truyện thật ngắn của Toại Khanh

Giữa những ba đào xô động của cuộc sống hôm nay, có một lúc nào đó trong đời mỗi người, bỗng dung tiếng vọng của quá khứ nghe ra tuyệt diệu quá chừng. Một chiếc lược gãy trong rổ may của bà ngoại đã khuất, chiếc áo cũ đã sờn của mẹ hay cặp kính lão của người ông nay không còn nữa, và có khi chỉ là một lá thư đã nhòe mực,... Thương lắm. Nó chứa trong đó cả một trời xưa, dấu cũ của đời kiếp. Có lẽ đó cũng là một phần lý do khiến giữa thế giới điện tử cực kỳ tinh vi hiện đại hôm nay vẫn còn lắm người cứ nán nã những tên gọi Lá Bối, Phương Bối, Luy Lâu, Xóm Hạ,...

Trộm nghĩ sống theo tinh thần tỉnh thức của Phật giáo là đối diện thực tại, nhưng những hồi ức lành mạnh hướng thượng cũng không phải là xấu nếu đúng lúc và hữu ích. Hồi xưa đức Phật cũng từng nhắc lại dăm kỷ niệm cũ trong tinh thần đó: Thế Tôn Ca-diếp từng tị nạn chỗ này, nay kể thêm ta thì ở đây đã ghi dấu hai đức Phật. Chưa hết, ngày Phật về Kusinara để viên tịch, Ngài cũng nhắc lại một tiền thân làm vua ở đây và xác nhận đây là lần thứ tám bỏ xác chỗ này. Những hoài niệm đó có lợi cho người nghe. Vì nghe rồi, người ta càng thêm phần tỉnh tấn.

Tôi có một thói quen ngộ nghĩnh là khi đọc sách về những danh nhân mà mình có cảm tình thường để ý xem họ sống được bao lâu. Thọ thì không nói gì, nếu người đó đi sớm quá, tự nhiên nghe lòng ray rức lạ lùng. Dù thường khi họ là người của xứ nào đó, chẳng phải người Việt. Ray rức rồi tự nghĩ về mình. Dù đến tận lúc này, tôi vẫn chưa có dịp hầu trà cho danh nhân nào, nói gì là..

Cái chết là kỳ thi cuối cùng cho mỗi đời người. Chưa xuôi tay thì khó biết ai đậu rớt. Có

kẻ tiếng tăm chưa bao lâu thì đã tiếng tai. Phải đợi họ nằm xuống ít lâu, và ta chịu không nghe ngóng trong thiên hạ xem vị trí của người đó bây giờ ra sao. Đại chúng thường có vẻ dễ bị cuốn hút bởi những đòn phép quảng cáo. Nhưng đã là đám đông thì dễ sợ lắm, tung bừng ủng hộ một đối rồi thì cùng ngồi lại để sàng lọc. Có thể nói tất cả di sản văn hoá, văn minh của nhân loại xưa giờ đều phải trải qua những thử thách khốc liệt và nghiêm khắc kiểu đó.

Vậy thì chết không phải là hết. Tới đó thì chỉ mới là một phần đường trong hành trình xác định bản thân mỗi con người, mỗi tác phẩm. Từng ngày trong thuở bình sinh đều góp phần quyết định cho cái ngày sau ấy. Từ đó suy ra, từng phút giây hiện tiền phải được sử dụng trong tinh thần trách nhiệm và rõ ràng quá khứ, hiện tại và tương lai luôn có một mối quan hệ mặn mà. Tưởng tiếc dĩ vãng hay mộng mị về tương lai để buồn vui vớ vẩn có thể không cần thiết, nhưng lấy chuyện lúc này để xây dựng cho chuyện lúc khác thì có lẽ ngược lại.

Nói quanh quẩn cũng chỉ để trở về ý tưởng ban đầu của bài viết là quá khứ đôi khi có những giá trị khó ngờ. Theo A-tỳ-đàm Nam Truyền, xét về thực tính đệ nhất nghĩa đế, quá khứ là cái đã không còn nữa, nhưng trên quan điểm Thi Thiết, nếu ta muốn, nó vẫn còn nguyên vẹn đó trong tâm tưởng chúng ta. Nó tồn tại vì ta nghĩ đến nó. Cái lược gãy cộng với nỗi nhớ của chúng ta sẽ tái hiện lại hình bóng của bà ngoại đã khuất. Háo hức, cảm xúc chạy theo những lo toan thời thượng, nhiều người đã quên mất hình thức tồn tại thứ hai này của vạn hữu. Dĩ nhiên tôi chỉ muốn nói đến những gì hữu ích.

Và thật vô cùng xin lỗi những ai đang đọc bài viết này của tôi, khi nguồn ý tưởng và cảm hứng cho bài tiểu luận này (tạm gọi vậy) không hề hình thành từ một phút giây thiền định tĩnh tọa nào nghi ngút khói nhang. Chúng đến từ một phút giây lạc đường của tôi trên Internet. Đi tìm cái này thì lại gặp cái kia, và chợt nảy ý chép lại cảm xúc lúc đó. Những ai không ưa bài viết này của tôi, có thể vào đó để thăm viếng, xem như lời xin lỗi của tôi.

Có lẽ cũng xin thưa rõ, đó là những âm thanh nguyên thủy của một Quán Văn lừng danh tại Saigon vào giữa thập niên 1960 với những Trịnh Công Sơn và Khánh Ly thời son trẻ. Lúc đó người viết bài này vẫn chưa nhìn thấy mặt trời. Tôi biết đến Quán Văn qua hình thức tồn tại thứ hai của nó, như vừa thưa ở trên. Hãy nghe để tìm lại một thời đã mất, tìm lại thời khói lửa ác liệt mà cũng nồng nàn nhất của quê hương Việt Nam, khi mà nhạc sĩ Trịnh Công Sơn chưa kịp bị đời phân loại bằng một cái nhìn Biền Kế Sở Chấp. Hãy nghe như chưa nghe lần nào. Xin lỗi nhạc sĩ Phật tử Trịnh Công Sơn.

(Trích: **Chuyện Phiếm Thầy Tu**)

TOẠI KHANH

ĐỪNG BAO GIỜ EM HỎI

Tùy bút của Toại Khanh



Ảnh minh họa: Sư Trung Quốc đang uống bia với gái

Một ngày, có đám khách xa lộ tàungẫu nhiên lạc bước đến thảo am lãothiền sư, một người đã lâu quên mất chuyện thù tạc với đời. Thấy ông có vẻ kiệm lời nhưng không đến nỗi người trệ khẩu, đám khách giết thời gianbằng mấy câu vấn đạo.

Khi được hỏi vì sao hiền thánh xưa giờ có vẻ không tha thiết chuyện sử dụngthần thông phép màu như nương mây cưỡi gió về hưởng nhàn ở những chốn bông lai tiên cảnh trên núi tuyết hay biển xa, mà cứ một đời ẩn cư những thâm xứ quạnh hiu xa vắng, lão thiền sư nheo mắt nhìn người hỏi:

-Chính thiên nhãn và huệ nhãn đã khiến thánh nhân như vậy đấy. Ngồi yên mà thấy hết mọi sự, và biết có đến tận nơi thì cũng không thấy thêm được cái gì ngoài những bóng nắng ảo hóa, thế bao nhiêu phép màu gì đó có còn là chuyện hứng thú nữa không ?

Một cư sĩ tóc trắng vẻ người tân học nói mấy câu tỏ ý nghi ngờ chuyện thánh nhânkhông thích gì. Ông nói sống ở đời không thích ghét gì hết thì như cây không có nhựa sống. Lão thiền sư cứ có dịp thì lại cười hề hề:

-Ngay đến kẻ phàm phu chỉ cần biết vài chuyện ruồi bu cũng đủ khiến người ta hết thích này nọ, cần gì phải thánh mà ông tin với không tin.

Chẳng hạn biết chắc lúc nào mình sẽ chết, những chuyện buồn vui gì sẽ xảy đến ngày sau, hay thiên hạ đang nghĩ gì về mình...Người biết được chừng đó thôi thì có cho

làm ngọc hoàng cũng không vui nổi, nói gì là thích. Ông nói rất đúng, thánh nhân giống hết cội cây không còn nhựa sống, phải vậy các ngài mới có thể viên tịch Niết bàn. Nhưng nói vậy không có nghĩa là thánh nhân sống hắt hủi cần cỗi như một kẻ muốn tự tử. Không còn ham thích gì nhưng các ngài cũng chẳng bắt mẫn thứ chi. Mọi sự tùy duyên, không hy cầu cũng không trốn chạy, thánh nhân sống bằng niềm thanh thản của một người làm xong việc nằm chờ giấc ngủ đến. Đơn giản vậy thôi.

Một người khách này giờ ngồi im lặng một góc bỗng hắng giọng hỏi một câu thiệt khó nghe:

-Tui bây giờ vẫn còn tin Phật, nhưng chỉ muốn quy y Nhị Bảo, không kể Tăng Bảo được không ? Tăng ni thời này bó tay luôn !

Lão thiền sư cười to như không thể dằn lại:

-Có cưới đâu mà đòi ly dị. Tăng bảo trong Tam bảo chính là Pháp bảo được thể hiện qua con người. Người không có Pháp bảo thì sao gọi là Tăng Bảo. Đối tượng mà ông bắt mẫn vốn không có trong Tam Bảo.

Một người khách ngồi cạnh nghe vậy hỏi thêm:

-Xin hỏi nếu không nhìn mặt những tăng ni đó thì ai sẽ dạy đạo cho chúng con ?

Lão thiền sư khoát tay :

-Nếu họ bê bối mà có cái để dạy ông thì chỉ nên nghe họ mà đừng nhìn họ. Nếu họ trong sạch mà dốt nát thì ta nên nhìn họ mà không cần nghe. Nếu tăng ni không có gì để ta nghe hay nhìn thì ông mất thời gian làm gì với thứ lơ thầy lơ thợ đó. Vả chăng, Phật Pháp là di sản của Phật để lại cho người cầu đạo, không dành riêng cho tăng ni nào hết. Mình bại liệt hay sao mà đến gia tài của bố để lại cũng phải nhờ người khác làm trung gian ban bố.

Cái mà tăng ni thời này có hơn cư sĩ chỉ là thời gian rỗi rảnh, họ có điều kiện tham cứu hơn. Nếu cư sĩ biết dành thời gian tự học nhiều hơn thì tăng ni chỉ là địa chỉ tham khảo !

Câu chuyện mỗi lúc một sâu và xa hơn, một cậu cư sĩ trẻ tuổi nhìn thiền sư rồi hỏi :

- Xin hỏi người đi chùa ngày một đông và chùa chiền ngày một tráng lệ sao có người lại bảo thời này là đời mạt pháp ?

Lão thiền sư bật cười:

-Tinh thần chánh pháp không thể tính trên số người đi chùa hay số đo chiều cao, chiều rộng của chùa tháp. Hãy chọn bữa một vài người trong biển người đi chùa rồi hỏi họ lý do đến chùa, hay hỏi tăng ni tiết mục nào quan trọng nhất trong các buổi lễ đông đảo, lúc đó ông sẽ thấy chánh pháp chỉ là một khái niệm xa xỉ và viễn tưởng.

Thử hỏi ai là người phải chịu trách nhiệm cho sự tình này ? Câu trả lời có lẽ phải là cả hai phía tăng ni và cư sĩ. Nói rõ ràng thì tăng hay tục đều là khách trầm luân như nhau, cư sĩ có lòng cầu giải thoát thì không thể tự cho mình cái quyền dễ người trong cái gọi là đạo nghiệp tu hành. Mai kia trên giường chết mọi người đều phải một bóng lên đường vào cuộc đi mù mịt của kiếp tử sinh. Nhưng hiếm người cư sĩ thấy ra lẽ này. Vì sao lại thế chứ ?

Bởi từ lâu ngày họ đã được hướng dẫn kín đáo rằng cứ có nhiều tiền thì có thể nhờ người khác hộ niệm, khỏi phải tu học gì hết. Trường hợp thứ ba còn thảm hơn: Cúng dường mạnh tay để quảng cáo bản thân, tính ra rẻ tiền mà hiệu quả hơn việc lên báo, lên đài. Đại khái đời mạt pháp là thời điểm mà hầu hết tăng ni và cư sĩ đều thích mở nhà hàng nhưng thức ăn toàn là đồ hộp, chỉ việc khai ra hâm nóng rồi đặt lên bàn cho khách. Đó không là mạt pháp thì còn chờ lúc nào nữa.

Khách lại hỏi thêm:

-Dám hỏi thiền sư một vài dấu hiệu đặc trưng của đời mạt pháp để chúng con biết mà thêm tỉnh tấn ?

Thiền sư nhắm mắt một lát rồi nhìn xuống trả lời:

-Đại khái tăng ni không muốn giỏi nhưng thích được khen giỏi, khoái sống như phàm nhưng lại muốn được xem là thánh, coi chùa quan trọng hơn Phật. Về phía cư sĩ, hiếm người đến với tăng ni để học đạo giải thoát. Thường người đến chùa chỉ nằm trong vài ba trường hợp: Do hoàn cảnh mà quen biết tăng ni rồi lui tới như bè bạn, lâu ngày tự nhiên có được nhãn hiệu Phật tử, hoặc xem tăng ni như trung gian giúp họ liên lạc với một cõi trên nào đó để van xin khẩn khứa.

Những hướng dẫn sơ sài thiếu trách nhiệm của tăng ni không đáng cho cư sĩ cù cun tận tụy để hỏi đáp. Một người bệnh không có lý do gì phải một đời thờ phụng lang băm. Cái họ cần phải là thuốc hay, thầy giỏi. Một quan hệ thầy trò dựa trên niềm tin mù quáng kiêu

đó dễ khiến đệ tử thành ra nô lệ hơn là học trò của thầy, một kiểu nô lệ chung thân không có tiền công và cái họ nhận được chỉ là một xấp vàng mã !

Có câu chuyện đáng buồn này ta đọc được ở đâu đó lâu lắm rồi, mà mỗi lần nhớ lại cứ nghe ngậm ngùi mà ray rức khôn nguôi.

Có đôi vợ chồng nhà kia nghèo khổ cơ cực lắm, còng lưng làm lụng mà vẫn không đủ ăn, đã vậy mỗi ngày còn phải dành ra ít tiền xương máu để trả dần một món nợ lớn mà họ đã vay từ nhiều năm trước. Nhăm sống ở quê nhà không xong, họ dắt díu nhau biệt xứ đi làm thuê ở một chốn xa. Ngày trả xong món nợ kia cũng là lúc họ đã bạc tóc, thân tàn ma dại, người quen ngày nào gặp lại đó mà nhận ra họ là ai. Vậy mà trời xuôi đất khiến, một ngày kia, giữa chốn xứ lạ quê người, hai vợ chồng nghèo kia gặp lại đúng người chủ nợ năm nào. Đó là một người bạn cũ giàu có và tốt bụng.

Người bạn nhà giàu sừng sờ nhìn cặp vợ chồng nghèo trong bộ dạng tả tơi ốm đói:

-Sao lại ra nông nỗi này chứ, hai người đi đâu mười mấy năm nay, rồi giờ sống ra sao mà ngó thảm quá thế này ?

Hai vợ chồng nghèo nhìn nhau rồi lại nhìn cô bạn giàu có, họ ngập ngừng ngượng ngịu một hồi rồi cô vợ nhìn vào mắt người đối diện:

-Bồ có nhớ chuyện mười mấy năm trước đã cho tui mượn sợi chuỗi ngọc để đi dự tiệc không ?

Cô bạn gạt đầu:

- Nhớ chứ, vì hình như sau đó không lâu thì bạn bè kháo nhau là hai người đã mất tích, không ai liên lạc được.

Người thiếu phụ nghèo khổ khó khăn lắm mới có thể nói tiếp:

-Sau đêm đó tụi này làm mất chuỗi ngọc, đến tận giờ cũng không biết nó đã rơi mất ở đâu hay bị ai lấy trộm, nói ra sợ bồ không tin rồi nghĩ quấy.

Cô bạn nhà giàu nóng ruột:

-Rồi sao nữa hả ?

Anh chồng của người thiếu phụ nói thay vợ:

-Tụi tôi cầm cổ hết nhà cửa , bán luôn miếng đất hương hỏa rồi mượn thêm chỗ này chỗ kia để có tiền tìm mua một xâu chuỗi ngọc giống hệt của bà để đền lại. Rồi từ đó bỏ xứ đi luôn. Mãi đến gần đây mới trả xong món tiền nợ năm đó. Giờ ra đường thấy ai đeo chuỗi ngọc giống vậy cũng sợ điếng hồn không dám nhìn nữa.

Cô bạn giàu có nghe đến đó thì đưa hai tay ôm đầu kêu trời:

-Úy trời đất, xâu chuỗi tôi cho hai người mượn năm đó là đồ giả, đeo cho vui vậy thôi. Từ lúc mấy người đem trả lại đến nay tôi có bao giờ đụng đến nó nữa đâu. Trời ơi là trời, vậy là tiêu mất một đời của ông bà chỉ vì cái món đồ quý đó.

Cả ba người đều khóc, và cả ta nữa, lần đầu đọc được câu chuyện đó cũng nghe xót xa không chịu nổi.

Nhưng câu chuyện đó không phải hư cấu đâu, nó có thật và xảy ra từng ngày trên hành tinh này khi từng bữa trong thiên hạ vẫn có biết bao người phải trả một cái giá thiệt đắt cho những thứ hàng hoá không đáng để họ chạm tay. Đó là những sản phẩm chính trị, tôn giáo, xã hội...được tạo ra từ những động lực như gian trá, ích kỷ, dốt nát, vô cảm, tắc trách mà cái nào cũng độc hết, cái nào cũng để lại những tác hại là hút cạn sinh lực hay khiến người ta hoang phí kiếp nhân sinh một cách oan uổng tức tưởi.

Lão thiền sư đột nhiên trở tay lên chiếc đồng hồ trên vách:

-Bốn năm rồi, hồi nãy ai nói có chuyến tàu lúc 15, rửa mặt uống nước rồi tà tà đi là vừa. Đi mà trả cho xong mấy món nợ đời !

Ông cười hiền khô, rồi đứng dậy với lấy tay nải, nói mà không nhìn ai trong đám khách:

-Ta có việc phải vào làng, am gần ga, biết đâu lại có dịp mấy người lỡ chuyến tàu mà ghé đây gặp lại.

Dáng người gầy gò của nhà sư già nhanh chóng chìm khuất trong đám lau trắng. Nắng chiều bỗng vàng rực như lửa, có chút gió ở đâu thổi về mang theo cái mùi ngai ngái của một trại bò nào đó. Tiếng còi tàu lửa vang lên từ cuối chân trời. Đám khách rời am và có người vừa đi vừa ngoái đầu nhìn lại đồi lau. Thảo am của nhà sư già không còn ở đó nữa. Nó khuất tầm nhìn của họ hay là nó chưa từng tồn tại...

Toại Khanh

TÌNH SỬ MỸ CHÂU

Toại Khanh



Tôi lớn lên trong làn hương Phật tự. Mấy chục năm dài những tưởng chỉ có một phương trời Cổ Ấn trong lòng, nhưng hình như không phải chỉ có vậy. Tự chỗ sâu kín nhất của một trái tim đầy ắp phàm tình, thực ra vẫn còn đó một góc riêng thật độc lập cho cái gọi là tình quê.

Dòng sử Việt đúng là có những bến bờ thơ mộng mà ở tuổi này cứ nhắc đến thì tôi vẫn cứ thấy xao xuyến. Dù có thể đó chỉ là một thứ huyền sử truyền kỳ, nhưng tôi yêu thì cứ yêu. Vì đó là chỗ về của một thứ tình trần. Ở đó có câu chuyện về một nàng công chúa Tiên Dung ngẫu nhiên tìm thấy kẻ tình chung trên một bờ cát ven sông, rồi chuyện về hai người sau đó đã trở thành một gợi ý lớn cho dân mình về một hướng đời không quẩn quanh trong vòng cơm áo. Lại có câu chuyện về một chàng Trương Chi yêu không phải chỗ, để kết cuộc còn buồn hơn cả chuyện người Tiêu Lang bên Tàu. Rồi thì huyền thoại về nguồn gốc Việt với mối lương duyên của một Âu Cơ từ núi với một Lạc Long Quân từ biển để rồi mở đầu cho một định mệnh khốc liệt của con cháu đời sau phải vì vận nước hắt hiu mà ra biển tìm cha hay lên rừng tìm mẹ, thực hiện một “cuộc bỏ phiếu bằng chân” chưa từng có trong mấy nghìn năm Việt sử. Và thật lạ lùng, với riêng tôi, nổi bật trong những giai thoại truyền kỳ đó lại là câu chuyện về một Mỹ Châu nạn nhân đầu tiên của một chuyện tình phản gián trên xứ Việt. Câu chuyện về Mỹ Châu đã kết thúc bằng câu nói của thần Kim Quy với phụ vương của nàng: Giặc chính là kẻ ngồi sau lưng bệ hạ!

Ý nghĩa sâu thẳm của câu nói này đã buộc tôi phải nhìn kỹ lại khả năng minh triết của người Việt xưa. Giữa bao câu chuyện quẩn quanh những tình yêu trai gái dung tục rồi ân oán tình thù cùng vô số tiên với bọt nhan nhản đây kia trong khắp những truyền

thuyết dân gian, thì theo tôi đây mới chính là một trong vài chỗ độc đáo nhất của cái gọi là văn hiến nghìn năm của dân Việt. Câu nói đó hoàn toàn có thể là một khẩu quyết không những cho hành giả Phật giáo, những tướng lãnh ngoài trận mạc, doanh nhân trên thương trường, chính khách trên chính trường, mà còn là bất cứ ai đang góp mặt trên trái đất này. Bởi vấn đề lớn nhất của mỗi người chúng ta thường chẳng phải ở đâu xa, nó có thể là chung quanh hay thậm chí ngay trong lòng mình. Tôi nhớ một danh nhân người Mỹ nào đó cũng đã nói một câu có ý nghĩa tương tự: Những vấn đề ở phía trước ta và sau lưng ta xem ra chẳng thấm thía gì so với những vấn đề bên trong ta!

Cái bi kịch lớn nhất của giai thoại Mỹ Châu, theo tôi, chỉ là một chữ Vô Tri của người trong cuộc. Chữ đó có thể hiểu là sự thờ ơ, nhẹ dạ, chủ quan, của hai nhân vật chính trong truyện là An Dương Vương và công chúa Mỹ Châu. Kẻ tin con, tin rể và người tin chồng. Câu chuyện về họ đã gợi nhớ cho tôi một bài học giáo lý cổ điển: Hình như nỗi đau nào cũng khởi đi từ bóng tối của nhận thức!

Rõ ràng, thiên hạ yêu được nhau không phải vì hiểu nhau mà là vì hiểu lầm về nhau và không thấy rõ nhau. Cứ chăm chăm ngó nhau bằng một cái nhìn tinh tường sắc sảo thì có lẽ hôn nhau còn khó, nói gì là cưu mang gồng gánh nhau một đời. Thậm chí, trễ hơn một chút, lúc đã lấy nhau rồi, chỉ cần biết rõ người kia nghĩ gì về mình hay ai đó ngoài ràmình thì tôi e không một cuộc hôn nhân nào còn có thể tiếp tục. Cũng may, chẳng ai biết gì ráo, thế là cứ dối nhau mà sống, cứ đại khờ mà tin yêu nhau, chịu cực gánh nhau suốt mấy chục năm trời hiu hắt.

Nhiều lúc tôi cứ ngẫm nghĩ một mình những chuyện không đâu rồi cười với riêng mình như một gã điên. Trời ạ, nếu biết từng người thiên hạ đã nghĩ sao về mình có lẽ tôi không sống nổi. Nếu có thể biết trước nơi chốn và thời gian mình sẽ chết, thiên hạ chắc chắn sẽ thay đổi rất nhiều. Nếu trong từng phút có thể nhìn rõ triệu lần những da và tóc của ai đó được cấu tạo như thế nào có lẽ chẳng còn ai có thể vẽ tranh hay làm thơ ca ngợi ái tình. Nhiều và nhiều lắm những chuyện mà chúng ta không biết và không nhìn thấy. Dĩ nhiên tôi không bảo những trường hợp trên đây là Vô Minh. Tôi chỉ muốn qua đó nhắc lại ý tưởng rằng chẳng biết gì thì dễ sống hơn, nhưng sống không hiểu biết thì cũng dễ chết hơn!

Tôi nhớ từng nói ở đâu đó rằng hành trình làm người hay cả cuộc đi từ phàm sang thánh luôn đòi hỏi nhiều cái biết khác nhau. Cái biết đầu tiên để mà tìm ra cái thương hay ghét. Biết thêm chút nữa thì gì cũng buông. Khổ thay, thiên hạ thường dừng lại ngay sau cái biết đầu tiên nên không thể đi xa hơn, rồi cứ vậy mà lẩn quẩn một vòng tròn nhỏ xíu nhưng dai dẳng và dằng dặc suốt bao đời.

Trong giáo lý Duyên Khởi của Phật giáo, cuộc luân hồi của vạn loại chúng sinh là một vòng tròn khép kín, không có chỗ bắt đầu hay kết thúc. Từ đó, bất cứ mắt xích nào trong 12 Duyên Khởi cũng có thể là chỗ bắt đầu. Vô Minh hay Xúc, Thọ, Ái,... đều được

cả. Đức Phật luôn tùy duyên mà thuyết pháp. Nhưng có thể nói rằng cách chọn Vô Minh làm mắt xích đầu tiên để nói về dòng sinh tử vẫn là hình thức phổ biến, nổi tiếng, được nhớ đến nhiều nhất. Lý do ư? Chỉ vì như đã nói, cái mơ hồ trong nhận thức rõ ràng là một tâm điểm quan trọng trong bất kỳ sự tình rối rắm nào trong đời. Trong giáo lý nguyên thủy, tất cả phàm phu cứ mang cái chủng tử đại khờ ngộ nhận làm hành trang đi khắp muôn cõi. Nổi đại khờ đó cứ như con rắn trong Thánh Kinh đã xui Adam và Eva ăn trái cấm. Tôi thờ Phật nên dĩ nhiên chẳng tin chuyện đó, nhưng rất lấy làm thú vị khi biết thêm rằng con rắn kia trong Thánh Kinh là một biểu tượng của cái gọi là trí khôn. Nó khôn nhưng xúi người khác làm bậy. Vô Minh trong Phật giáo hình như cũng vậy. Đó là cái khả năng bươn chải, quơ quào của chúng sinh như là một phản ứng tất nhiên trước những niềm đau nổi khổ. Khi khổ quá, loài nào cũng tận lực bật dậy để tìm lối thoát. Nhưng trước sau chỉ là những lối thoát tạm bợ: Hoặc gây tạo ác nghiệp để đi vào ác đạo, hoặc tu nhân tích đức để sống hưởng thụ hạnh phúc nhân thiên, hay có khá hơn một tí là ly dục tu thiền để về Phạm cung sống lãng quên đời. Mãn thọ về trần thì đầu lại vào đó. Những lối thoát đó đều do Vô minh bày vẽ cả.

Chung quy, trầm luân là một cuộc đi nghìn trùng của những lần đại khờ lầm lỡ. Chỉ trong thơ ngây người ta mới có thể yêu lấy kẻ thù, ôm ấp cái hại mình và quay lưng với chính bản thân. Như My Châu đã cả tin người tình Trọng Thủy, như An Dương Vương đã trao hết niềm tin cho chàng rể quý phương ngoài. Lại cũng mượn ý kinh mà nói, ai trong chúng ta cũng nuôi hàng tá kẻ thù trong nhà. Ai trong chúng ta lại chẳng là người nuôi ong tay áo. Đó chính là những mầm loạn ngay trong lòng mình. Ai người học Phật lại không biết đến một ông vua tên A-xà-thế thời đức Phật. Cái tên A-xà-thế là chữ phiên âm từ chữ Ajātasattu hay Ajātasatru, Hán dịch là Vị Sanh Oán, kẻ thù chưa chào đời. Cũng gần tương tự như tích chàng Oedipe trong truyện cổ Hi-Lạp, nhà vua Bimbisāra được dự báo là sẽ chết dưới tay đứa con trai còn đang nằm trong bụng hoàng hậu, nhưng chính cái phụ tử thâm tình đã buộc ông làm ngơ mọi sự để rồi về sau bị con mình tống ngục và hành hạ đến chết. Vua đặt cho hoàng tử cái tên gọi Ajātasattu kia để nhắc con về cái thâm tình phụ tử, mà cũng là chút kỷ niệm về lời tiên tri thảm khốc mà ông thiệt bụng chẳng muốn tin, nhưng xót xa thay, nó linh như sấm. Ngẫm lại mà xem, ai trong chúng ta lại chẳng có ít nhất một đứa con Vị Sanh Oán trong lòng mình chứ. Ở đây, nó chính là nỗi thơ ngây chết người trước những hoàn cảnh lẽ ra rất cần đến một khả năng trưởng thành. Thế là từng người, từng tập thể, từng xứ sở đã dấn nhau về huyết mọ khi mà nhân gian cứ sống trong bóng tối của ngộ nhận và manh động.

Tới đây tôi chợt nhớ một lần trò chuyện với ai đó về ý nghĩa của hạnh phúc trong tinh thần Phật giáo. Khi được hỏi có sự khác biệt nào giữa sự hạnh phúc của người tu hành và một người thế tục, tôi nhớ đã trả lời rằng hạnh phúc thế gian luôn đòi hỏi một tá những thứ điên cuồng, mờ ám, mông muội thì mới có được. Tất thấy những hạnh phúc trên bàn ăn đến phòng ngủ đều thế cả. Tỉnh táo quá, công khai quá, sáng suốt, bình tĩnh quá thì khó có nổi một niềm vui thế tục nào. Ngược lại, hạnh phúc hay sự an lạc của người tu

tập luôn cần đến sự sáng suốt, tỉnh táo, bình tĩnh, quang minh lỗi lạc. Những yếu tố này càng nhiều thì sự an lạc càng lớn. Vì chân hạnh phúc không thể song hành với vô minh. Và như ai cũng thấy, hành động trong bóng tối thì rất khó kiểm soát được hậu quả, dù nó có ngọt ngào đến mấy.

Hôm nay ai sang Quảng Châu bên Tàu cũng có thể đến viếng mộ Triệu Đà người đã tạo ra một trong những chuyện tình đau lòng mà cũng ly kỳ nhất trên thế giới. Nhưng gẫm kỹ lại thì cần gì phải đặt chân đến đó khi mà có ai quanh ta lại chẳng là một My Châu. Nghĩa là Trọng Thủy, Triệu Đà cũng quần quanh đâu đó mà thôi. Dù chuyện đau lòng nào trên đời cũng khởi đi từ những nhầm lẫn, nhưng theo tôi, cái thâm và cay đắng nhất vẫn là thứ vô minh tự nguyện. Chết kiểu đó có rã hết hình hài thì cặp mắt chưa chắc đã chịu nhắm cho. Lúc ấy ai còn hơi sức đâu mà hét lớn hai câu thơ của Cao Bá Quát ở pháp trường ngày đó!

DẤU QUÊ

Toại Khanh



Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Hắn hồi quận. Như chiếc lá về cội, như giọt nước về sông, như mưa về đất. Đơn giản thế thôi, không gì hơn nữa. Và ba lần bảy ngày làm nên con số hăm một nhỏ xíu như giấc chiêm bao trong một giấc ngủ ngày, nóng bức mệt mỏi. Nhỏ, nhanh, ngắn, mà cái gì cũng có đủ. Như một cuốn phim ngắn hoàn chỉnh nhất. Tái ngộ, sơ ngộ và trong đó dĩ nhiên còn là những hạnh ngộ.

Về rồi lại đi. Có cái duyên đưa về thì cũng phải có cái duyên nào đó đưa hắn đi. Buồn vui ngày về và vui buồn ngày đi, cũng đều do duyên cả. Mười mấy giờ bay để quay lui với những bến bờ viễn xứ, hắn cơ hồ không thể chớp mắt trong mười phút cho thật tròn giấc. Trong cái lan man giữa một miền tâm tưởng mơ hồ loang loáng như màn mưa qua cửa

kính máy bay, hẳn cứ nghĩ hoài một chữ mà với hẳn bây giờ bỗng linh thiêng như một viên xá lợi (thứ thiệt).

Chữ Phạn Paccaya (pati+i) trong kinh Phật xưa giờ vẫn được người Tàu dịch là duyên. Khái niệm Duyên trong Phật Pháp sâu và rộng kinh khủng lắm. Nói chữ này gói hết tám vạn tư pháp môn trong kinh điển tuyệt đối không sai. Bởi khi hiểu Duyên là bất cứ động cơ hay điều kiện nào dẫn đến, đưa tới cái gì đó thì rõ ràng toàn bộ lời Phật chỉ nằm trọn trong chữ Duyên.

Hắn bỏ quê xa xứ để sống vong thân ở những bến bờ viễn mộng, đó cũng là duyên, điểm bắt đầu của một chuỗi sự kiện nào đó trong đời. Một ngày mưa trở về để không biết cái gì đang chảy trên má, nước mắt bồi hồi của đứa con tha hương hay làn mưa trong một buổi chiều trên phố cũ. Đó cũng là duyên.

Đi để theo tiếng gọi muôn trùng của mây nước, cũng là duyên. Về để lắng nghe đất quê vẫn là cội nhớ trùng trùng, đó cũng là duyên.

Quen, thương rồi xa rồi quên mất nhau giữa dòng đời hối hả cũng là duyên.

Ngày trùng phùng hai mái đầu đều sương điểm, thương nát lòng mà vẫn phải nhớ hoài hai chữ cự ly. Đó cũng là duyên.

Biết đã một xa thì ngày trở lại khó lòng hẹn được, vậy mà cũng phải đắng lòng dứt áo rời đi. Đó cũng là duyên.

Mưa phi trường, nắng sân ga cho bao nhiêu là can tràng đòi đoạn...ai dám bảo đó chẳng là những cái duyên cho kẻ đi người ở thêm một lần hiểu được cái gì là sinh ly tử biệt.

Từ đó, sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên bờ sông Danube như một ca từ của cụ Phạm Duy, đều chỉ là duyên, là cái cớ cho một hay nhiều bi kịch nhân gian nào đấy.

Rồi sau cùng và trên hết, toàn bộ hành trình tu chứng của một người cầu giải thoát hay kẻ trầm luân xem chừng cũng gói tròn trong một chữ duyên.

Giới hạnh là duyên cho thiên định, thiên định là duyên cho trí tuệ nội quán. Trí tuệ này là duyên cho người chứng đắc Niết Bàn.

Hiểu được vạn hữu đều do duyên tạo sanh sẽ bỏ được Đoạn Kiến. Hiểu được vạn hữu đều do duyên mà biến diệt sẽ dứt được Thường Kiến. Bỏ được hai tà kiến này chính là Chánh Kiến, bước đầu của Bát Thánh Đạo, cái duyên dẫn đến thánh trí giải thoát.

Con đường sinh tử cũng chỉ là hành trình ngoạn mục của chữ duyên khốc liệt đó. Cái duyên trầm luân còn đó thì tha hồ sinh tử. Duyên sinh tử cạn rồi thì người ta chỉ còn một đường là bỏ hết lại mà đi.

Bắt chước Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ Lâm Bình Chi hay như nàng Kiều của cụ Nguyễn Du: Ma đưa lối quỷ đưa đường, cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi, đó cũng là duyên. Cái duyên cho những nỗi khổ niềm đau.

Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Bỗng nhớ Ngô Nguyên Nghiêm quá chừng:

*Khách về như một đĩa con hoang
Ấm lạnh theo ân tình của núi
Giữ áo mới hay ngoài gió bụi
Vẫn còn bóng núi ngủ trong tim...*

Và trời ạ, đó cũng là duyên!

TOẠI KHANH

PHẬT MÔN BÍ ĐƯỢC

Toại Khanh sưu khảo



Năm nay tôi đã gần bốn mươi tuổi, nhưng nếu tiền nghiệp cho sống đến trăm tuổi mà có ai hỏi về phép trường sinh ích thọ thì trước sau tôi cũng cho họ mỗi toa thuốc này. Phù âm ích dương, tráng khí bổ huyết, tiêu

độc nhuận trường, tất thấy đều có thể dùng mỗi bài thuốc này. Tùy theo bệnh trạng và thể chất mỗi người mà liều lượng linh động gia giảm cho thích hợp.

Người xuất gia đúng nghĩa thường như mây ngàn hạc nội, tứ hải vi gia và đại giang nam bắc đều là những quán trọ. Bước đường trôi nổi xô giạt này thường có lắm hiểm nạn. Thôi thì độc chường, ám khí, đắng ngọt đủ cả, và lành ít dữ nhiều. Dặm trường không bạn, trăm sự tự liệu. Vì đó mà kẻ hành tẩu ít nhiều cũng phải có sẵn vài ba bí phương phòng thân. Nội dung của bài thuốc này dẫn xuất từ bài thiệu thứ hai của Phật điển Trung Bộ.

Trước sau bài thuốc chỉ có bảy vị:

- 1) Tri Kiến Tuyệt Liên:** Có những tục lụy phải được chấm dứt bằng cái nhìn quán chiếu như thật. Sự hiện hữu của muôn loài chỉ là sự kết nối của năm uẩn vốn vô thường, khổ, không. Không hề có một con sông hay biển cả nào trong những giọt nước.
- 2) Hộ Căn Kỳ Sâm:** Có những tục lụy phải được giải quyết từ sự phong bế các đại huyết mà Phật gia gọi là Lục Căn không để bát phong thần chường của nhân gian xô động. Phòng cháy luôn tốt hơn chữa cháy.
- 3) Thọ Dụng Sâm Thương Thảo:** Có khi tục lụy được giải quyết bằng sự sử dụng khôn ngoan vài thứ vật chất nhu yếu như thêm dầu vào đèn, tưới nước vào cây. Đời tu không sao phủ nhận triệt để mọi tiếp liệu, nhưng phải luôn ở mức Cần và Đủ.
- 4) Kham Độc Thần Sa:** Đôi lúc tục lụy được dàn xếp chỉ bằng chút khả năng gồng mình chịu đựng của hành giả. Từ nắng gió mưa sương đến những trò đời nghiệt ngã đều phải được đón nhận bằng hai hàm răng cắn chặt. Bị đau nhưng không dễ khổ, bị thất nhưng không bại, nghèo nhưng không hèn, nhẫn mà không nhục.
- 5) Đào Tị Lãng Ba Thủy:** Nhiều lúc tục lụy phải được chấm dứt bằng sự lẩn tránh. Không phải lúc nào sự đương đầu đối mặt cũng là thượng sách khi mà hành giả chưa đủ nội lực hoặc sự va chạm đó không thực sự cần thiết mà chỉ làm tiêu hao tâm huyết.
- 6) Khu Tà Tục Cốt Tán:** Có những trường hợp tục lụy cần được chấm dứt bằng sự trực diện để nhỏ cỏ tận gốc. Biết đó là ác niệm độc hại thì lập tức đối trừ không lẩn lữa.
- 7) Huân Tu Tráng Lực Đơn:** Là trường hợp các tục lụy được giải quyết bằng việc tu tập các Giác Chi theo thế đối trọng. Thiện đến thì ác đi. Trong một không gian nội tâm không thể cùng lúc hiện hữu hai món tương khắc. Bởi xưa nay chánh tà bất lưỡng lập.

Thánh hiền ba đời vẫn tự tại trong đời bằng bảy phương thần dược đó. Phàm nhờ đây mà ra thánh và thánh cũng theo đó mà an lạc suốt buổi bình sinh.

Mong thiên hạ lại vui trong mùa đông về, như tôi vẫn ngày ngày an lạc. Vì suy cho cùng cuộc đời có bao nhiêu mà hững hờ Phật pháp và trong lòng những hành giả trên đường về Kusinara thì hôm qua hay hôm nay cũng là một ngày như mọi ngày mà thôi. Mong thay!

Toại Khanh sưu khảo

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ TRONG KINH ĐIỂN PĀLI

Toại Khanh



Người Phật tử Việt Nam xưa nay thường biết đến khái niệm Tịnh độ qua các kinh nói về Phật Di Đà (Amitābhasūtra và Sukhāvativyūhasūtra) từ Hán tạng, vốn được phiên dịch từ kinh điển Sanskrit. Ở đó, cõi Tịnh độ hay Cực lạc (Phạn ngữ Sukhavati) được mô tả là cảnh giới tuyệt vời với tất cả những sự thù thắng, trang nghiêm.

Con đường dẫn đến cõi này có thể chỉ gói gọn trong công phu trì niệm hồng danh Phật Di Đà. Ngoài sự thanh tịnh có được từ việc nhất tâm niệm Phật Di Đà, oai lực của Ngài cũng thừa sức tiếp dẫn vong linh người niệm Phật vãng sinh về thế giới Tịnh độ để họ tiếp tục tu hành trong điều kiện thuận lợi hơn xưa gấp triệu lần. Cõi ấy giữa người với người không hề biết tương tranh, thù hận vì ở đó không có chuyện chiếm hữu lợi danh như ở cõi Ta bà nhiều kiếp nạn này.

Nhưng đó là theo kinh điển Hán tạng, nguồn giáo lý chủ đạo của Phật giáo Bắc truyền. Trong bài viết này ta thử tìm hiểu vấn đề qua kinh điển Pāli, nguồn giáo lý căn bản của Phật giáo Nam truyền. Dĩ nhiên, trong Tam tạng Pāli cũng có khái niệm Tịnh độ (nếu ta muốn gọi thế) với những trình bày thật rõ ràng về cảnh giới này, những cư dân ở đó và con đường dẫn đến cảnh giới Tịnh độ, tức phép cầu vãng sanh theo kinh điển Nam truyền.

CÔI TỊNH ĐỘ THEO KINH ĐIỂN PĀLI

Trước hết, cõi Tịnh độ được biết đến trong kinh điển Pāli qua danh từ *Suddhāvāsa*, còn được dịch là Tịnh cư, theo lối chiết tự *Suddha* (thanh tịnh) và *Āvāsa* (chỗ ở). Vậy *Suddhāvāsa* cũng có thể được dịch là Tịnh độ, Tịnh thổ. Thậm chí chữ Pāli này còn gần gũi với chữ Tịnh độ, Tịnh thổ hơn là *Sukhavati* (chốn An lạc), một chữ chỉ có thể xem là tương đương với từ *Sugati* (Lạc cảnh, Thiện thú) trong kinh điển Pāli, chỉ chung cho các cõi nhân thiên.

Theo các chú sớ A Tỳ Đàm, có tất cả 5 cõi Tịnh độ, nằm trong 16 cõi Phạm thiên Hữu sắc, và là chỗ tái sinh của các bậc Thánh văn Bất lai hay còn gọi là A na hàm (*Anāgāmi* người không còn trở lại các cõi dục giới). Tuy cảnh giới này chỉ gồm toàn các vị Bất lai và A-la-hán (chứng A-la-hán sau khi sanh về đây), nhưng trên căn bản vì vẫn là cõi Hữu sắc nên ở 5 cõi Tịnh độ này vẫn có những lâu đài, hoa viên rất trang nghiêm, dĩ nhiên không phải là nơi chốn hưởng thụ, mà đó chỉ là những dấu vết tối thiểu của một cõi Ngũ uẩn (1). Về tuổi thọ, chư Thánh Bất lai ở cõi thấp nhất trong 5 cõi Tịnh độ là cõi Vô phiền (*Avihā*) có thọ mạng 1.000 đại kiếp, kể đến là cõi Vô nhiệt (*Ātappā*) có thọ mạng 2.000 đại kiếp, cõi thứ ba là Thiện hiện (*Sudassā*) có thọ mạng 4.000 đại kiếp, cõi thứ tư là Thiện kiến (*Sudassī*) có thọ mạng 8.000 đại kiếp và cõi Sắc cứu cánh (*Akanittha*) có thọ mạng 16.000 đại kiếp.

Do có những lúc trải qua một thời gian dài không có chư Phật ra đời độ sinh nên dân số trên 5 cõi Tịnh độ chỉ có giảm mà không được bổ sung, do vậy cũng có những thời điểm 5 cõi này không tiếp tục tồn tại.

CƠ DÂN TỊNH ĐỘ THEO KINH ĐIỂN PĀLI

Trước tiên là trình bày đại lược về 4 tầng Thánh trí làm nên 4 bậc Thánh nhân và chính Đức Phật cũng được kể vào đó. **Sơ quả hay Tu đà hoàn** (*Sotāpatti*, Dự lưu), còn được gọi là Thất lai, người không thể tái sinh quá 7 lần, là vị đã chấm dứt hoàn toàn 3 thứ phiền não thân kiến (nôm na là chấp kiến trong 5 uẩn), hoài nghi (nghi ngờ về Phật pháp nói chung) và giới cấm thủ (chấp trước các tín điều mù quáng). Ở một số vị, thánh trí Sơ quả chỉ là một giai đoạn thoáng qua trước khi hoàn tất các tầng thánh trí cao hơn. Như trường hợp Đức Phật hoặc các vị Thanh văn tốc chứng. Nhưng cũng có lúc giai đoạn này kéo dài trong nhiều giờ, nhiều ngày, nhiều năm hoặc vài kiếp sống (dĩ nhiên không quá 7 kiếp). Sớ giải Trường Bộ ghi rằng Thiên vương Đế Thích hiện nay là một vị Thánh Sơ quả. Khi hết tuổi thọ, ngài sẽ sinh xuống nhân gian làm Chuyển luân vương và chứng đắc Nhị quả Tư đà hàm. Sau đó sanh lên Đạo Lợi thiên chứng Tam quả A na hàm và lần lượt tái sinh ở đủ 5 cõi Tịnh độ, bắt đầu là cõi Vô phiền, cuối cùng ngài sẽ chứng quả A-la-hán và nhập diệt ở cõi Sắc cứu cánh.

Tầng Thánh trí thứ hai là **Nhị quả Tư đà hàm**. Ngoài 3 phiền não đã chấm dứt ở tầng thánh trước, quả vị này còn làm giảm nhẹ dục ái và sân hận. Do chỉ còn có thể tái

sanh cõi Dục giới một lần nữa thôi, nên quả vị này còn được gọi là Nhất lai (Sakadāgāmi).

Tầng Thánh thứ ba là **Tam quả A na hàm** (Anāgāmi), nghĩa là bậc Bất lai, người không còn trở lui các cõi dục giới nữa (có tất cả 11 cõi Dục giới). Theo A Tỳ Đàm tạng Pāli thì do đã chấm dứt dục ái (niềm tham luyến trong ngũ trần) và sân hận nên vị Thánh Tam quả trong trường hợp không thể chứng A-la-hán rồi nhập diệt ngay đời này thì có hai con đường để đi:

Nếu đã chứng đắc Ngũ thiền thì sẽ tùy theo khả năng mạnh yếu của Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ mà sanh về một trong năm cõi Tịnh độ. Tín nổi trội thì sanh về cõi Vô phiền, Tấn hùng hậu thì về cõi Vô nhiệt, Niệm hùng hậu về cõi Thiện hiện, Định hùng hậu thì về cõi Thiện kiến, Tuệ thâm hậu thì sanh về cõi Sắc cứu cánh (Pāli gọi là Akanittha, Không thứ gì yếu kém). Ở cõi Tịnh độ thứ năm này toàn bộ Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ đều được sung mãn; vì đây là nơi chốn sau cùng để một vị Bất lai chứng quả A-la-hán và nhập diệt.

Trong trường hợp vị Thánh Bất lai chưa chứng qua một tầng thiền định nào, tức chỉ có trí tuệ Thiền quán (Vipassanā) mà không từng tu tập Thiền chỉ (Samātha) thì lúc mạng chung, vị này do khả năng ly dục vô sân tuyệt đối nên tối thiểu cũng thành tựu Sơ thiền trước khi mạng chung ở cõi Dục giới và như vậy cũng đủ để sanh về cõi Phạm thiên thấp nhất là Phạm thiên Sơ thiên.

Do túc duyên và trình độ tu chứng có khác nhau nên giữa các bậc Thánh Tam quả cũng có vài sai biệt. Theo Manorathapurani, Chú sớ Tăng Chi Bộ (phần Tika):

- Antarāparinibbāyī (Tiền bán Niết bàn): Vị Bất lai chứng A-la-hán khi chưa sống hết phân nửa thọ mạng ở cõi Tịnh độ nào đó trong 5 cõi.
- Upahaccaparinibbāyī (Hậu bán Niết bàn): Chứng A-la-hán sau khi sống hơn nửa thọ mạng ở cõi Tịnh độ nào đó.
- Uddhamsoto Akanitthagāmi (Luân lưu Niết bàn): Do căn tánh không xuất sắc, có vị Bất lai phải lần lượt sanh đủ 5 cõi Tịnh độ mới chứng quả A-la-hán rồi nhập diệt ở cõi Tịnh độ cao nhất.
- Asankhāraparinibbāyī (Bất lao Niết bàn): Vị Bất lai có thể chứng A-la-hán mà không cần nhiều cố gắng.
- Sasankhāraparinibbāyī (Cần lao Niết bàn): Vị Bất lai phải nhiều nỗ lực mới có thể chứng A-la-hán.

Tầng Thánh trí thứ tư chính là **quả vị A-la-hán**, người chấm dứt toàn bộ phiền não. Theo A Tỳ Đàm Pāli thì có 3 quả vị A-la-hán: Chư Phật Chánh Đẳng Giác (Sammāsambuddha hay Sabbannubuddha- Toàn Giác) cũng là những vị A-la-hán

nhưng do tự mình chứng đắc và là đạo sư hướng dẫn cho những người hữu duyên chứng đắc A-la-hán. Những vị A-la-hán đệ tử này được gọi là Thanh văn giác (Sāvakabuddha). Quả vị A-la-hán thứ ba là Độc Giác Phật (Pacceka-buddha), những vị tự mình chứng ngộ A-la-hán nhưng không thể hướng dẫn người khác chứng ngộ A-la-hán. Kinh điển Hán tạng còn gọi Độc Giác Phật là Duyên Giác Phật vì cho rằng các Ngài nhờ liễu ngộ nguyên lý Duyên khởi mà giác ngộ (cách nghĩ này bắt nguồn từ những giai thoại về chư Phật Độc Giác trong Chú sớ Tiểu Bộ Kinh, một trong những bộ phận kinh điển làm nền tảng cho nhiều kinh luận hậu tác, đọc kỹ các bộ A Hàm sẽ thấy rõ điều này). Kỳ thực, nếu đọc kinh Đại Duyên trong Trường Bộ kinh, ta sẽ thấy lý Duyên khởi và lý Tứ đế (vẫn bị hiểu lầm là dành riêng cho Thanh văn) vốn dĩ chỉ là một. Trong Trung Bộ kinh, Đức Phật đã xác định ai thấy lý Duyên khởi chính là thấy Pháp và ngược lại. Đồng thời, không hề có chuyện một người giác ngộ lý Tứ đế mà lại mơ hồ về lý Duyên khởi hay ngược lại. Tất cả quả vị A-la-hán vừa nêu trên đây luôn giống nhau về khía cạnh giác ngộ các pháp cần yếu (như Tứ đế, Duyên khởi...), chỉ khác ở hai điểm chính: Tự mình hiểu ra hay phải nhờ thầy hướng dẫn và điểm thứ hai là ngoài trí tuệ giác ngộ còn có khả năng hiểu biết sâu rộng những gì nằm ngoài lý tưởng giác ngộ hay không. Xét về khía cạnh này, chỉ có chư Phật Chánh Đẳng Giác là viên mãn. Tuy nhiên, trong bài viết này, chúng ta chỉ đặc biệt nhấn mạnh quả vị Bất lai, vì đề tài ở đây là các cõi Tịnh độ.

PHÉP VĂNG SANH TỊNH ĐỘ THEO KINH ĐIỂN PĀLI

Vãng sanh vẫn được dùng song song với chữ siêu sanh, nhưng theo tinh thần A Tỳ Đàm Pāli thì siêu sanh còn có thể được hiểu là vượt thoát tái sanh, một điều chỉ thực hiện được bởi một vị A-la-hán. Như vậy trong trường hợp vị Bất lai sanh về các cõi Tịnh độ chỉ có thể gọi là vãng sanh. Và nếu phải trả lời câu hỏi về con đường vãng sanh Tịnh độ, thì như tất cả những gì vừa nêu trên, ta hoàn toàn có thể nói rằng vãng sanh Tịnh độ chỉ là một phần đường trên hành trình giải thoát của một vị Thanh văn, và như thế pháp môn Tịnh độ hay con đường vãng sanh trong trường hợp này cũng đồng nghĩa với hành trình Tam học, Tứ niệm xứ, Bát chánh đạo, nói chung là hành trình 37 Bồ đề phần. Các pháp trong 37 Bồ đề phần đối với nhau chỉ là mối quan hệ tương tức; cái này chính là cái kia, trong cái kia có cái này.

Như vậy, lời đáp cho câu hỏi về con đường vãng sanh là toàn bộ những gì mà ta vẫn gọi là Phật pháp và theo cách hiểu này, pháp môn Tịnh độ cần thiết cho tất cả mọi người. Đồng thời, chiếu theo tinh thần căn bản của Phật giáo mà nói thì khi nhắc đến pháp môn Tịnh độ, cầu vãng sanh không hề có nghĩa là chờ đợi sự tiếp dẫn của bất cứ ai, mà phải là sự lên đường bằng chính đôi chân của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

(1) Theo A Tỳ Đàm Pàli, trong cái gọi là thế giới này gồm có 31 cõi với 11 cõi Dục giới (có đủ 5 uẩn), 16 cõi Sắc giới (trong đó có cõi Vô tưởng, chỉ có Sắc uẩn mà thôi), và 4 cõi Vô Sắc (chỉ có 4 uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức).

(2) Xin xem thêm trong các sách ABHIDHAMMATTHASANGAHA (thắng PHÁP tập yếu luận, bản dịch của NGÀI MINH CHÂU), THE ESSENCE OF BUDDHA ABHIDHAMMA của Giáo sư MEHM TI MON, CHÚNG SANH VÀ SINH THÚ của Ngài JOTIKÀCARIYA (bản tiếng việt của Toại Khanh)..

KINH KỲ-LỢI-MA-NAN (Girimàndasutta)



The Buddha taking care of a sick monk as a fraternal duty and model example for his monks to emulate...

Thuộc Tăng Chi Bộ (Anguttaranikàya) của Kinh tạngPàli, đây là một bài kinh được tụng đọc thường nhật ở các xứ Phật giáo Nam Truyền, vừa như một thoại đầu cho hành giả mà cũng vừa là bài kinh hộ niệmcho người bệnh. Duyên khởi của kinh này là một ngày kia tôn giả Girimànda lâm trọng bệnh, chính đức Phật đã gọi ngài Ànanda thọ trì nguyên văn bài kinh này rồi đến đọc lại cho tôn giả Girimànda nghe. Kinh ghi rằng tôn giả Girimànda sau khi lắng nghe kinh này đã được bình phục sức khỏe. Dĩ nhiên điều đó không phải là sự linh nghiệm huyền hoặc của bài kinh, mà là cách thức lắng nghe của ngài Girimànda. Người thời sau không ít kẻ hiểu lầm tác dụng của kinh văn, không chú ý đến nghĩa lý để hành trì mà chỉ dốc sức khẩu tụng như thần chú để cầu mong hiệu quả. Chuyện đó chẳng khác gì nhìn ảnh chụp viên thuốc rồi mong hết bệnh.

Nhắc đến ngài Girimànda thì ai người học Phật cũng phải nhớ đến một giai thoại thú vị. Câu chuyện về ngài cũng giống như của ngài Subhùti (cháu trai ông Cấp Cô Độc). Chuyện xảy ra ở hai thời điểm khác nhau nhưng tình tiết giống hệt như một. Hai vị được vua thỉnh vào ngự uyển an cư mùa mưa nhưng vua lại quên chuẩn bị am thất. Suốt mấy tháng trời hai vị im lặng sống dưới gốc cây và đức độ của hai tôn giả đã khiến chư thiên trong khu vực đó phải chú ý. Họ dùng thần lực ngăn mưa không rơi xuống ngự uyển trong suốt mùa mưa ấy như có một chiếc lộng che bên trên vậy. Chuyện lạ đến tai vua, vua nhớ ra mọi sự và khẩn cấp cho thợ làm ngay trong ngày một am thất dâng cho 2 tôn giả. Hai vị vừa ngồi vào mái che của am thất thì trời lập tức đổ mưa. Hai vị tôn giả đã có những lời thơ rất thú vị để ghi nhận lại sự kiện đặc

biệt này. Độc giả muốn đọc xin vào Trường Lão Tăng Kệ có sẵn trên Internet.

Xưa nay Phật tử Nam Tông Việt Nam đã xem qua nhiều bản dịch khác nhau của bài kinh này, và những điểm bất nhất trong các bản dịch đã khiến nhiều người nghi hoặc. Theo lời dạy của hoà thượng bốn sư, chúng tôi đã y cứ bản Pàli của Tipitaka.org (cả chánh tạng và sớ giải) cùng bản Hán văn của bộ Nam Truyền Đại Tạng (cuốn 24) để giới thiệu một bản dịch mới có đính kèm phiên âm Hán Việt cho người có nhu cầu tham chiếu. Chỉ mong Phật pháp mãi hoài xương thịnh ở đời. Mong thay.

TOẠI KHANH kính đề

KINH GIRIMÀNANDA (Lời Việt)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên, khu vườn của ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ, tôn giả Girimananda bị lâm trọng bệnh, đau đớn trầm kha. Rồi tôn giả Ànanda đã đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi yên vị, tôn giả Ànanda đã thưa chuyện với Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, tôn giả Girimànada đang bị lâm trọng bệnh, đau đớn trầm kha. Lành thay, bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lòng bi mẫn quang lâm đến chỗ tôn giả Girimànanda để thăm bệnh.

Này Ànanda, nếu người đến chỗ của tỷ kheo Girimànanda và nói lại 10 pháp niệm tưởng sau đây, thì sự kiện này có thể xảy ra là sau khi nghe xong, bệnh tình của tỷ kheo Girimànanda có thể lập tức thuyên giảm. Thế nào là 10 pháp niệm tưởng đó? Đó là Vô thường tưởng, Vô ngã tưởng, Bất tịnh tưởng, Nguy hại tưởng, Đoạn trừ tưởng, Ly tham tưởng, Tịch diệt tưởng, Yếm thế tưởng, Hữu vi hoại tưởng và Nhập xuất tức niệm.

Này Ànanda, thế nào là Vô thường tưởng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu, hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng sống tùy quán vô thường trong 5 thủ uẩn này bằng cách quán xét rằng sắc là vô thường, thọ là vô thường, tưởng là vô thường, hành là vô thường, thức là vô thường. Này Ànanda, đây được gọi là Vô thường tưởng.

Này Ànanda, thế nào là Vô Ngã tưởng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu, hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng sống tùy quán vô ngã trong 6 nội ngoại xứ này bằng cách quán xét rằng mắt là vô ngã, cảnh sắc là vô ngã, tai là vô ngã, cảnh thanh là vô ngã, mũi là vô ngã, các mùi là vô ngã, lưỡi là vô ngã, các vị là vô ngã, thân là vô ngã, cảnh xúc là vô ngã, ý là vô ngã, cảnh pháp là vô ngã. Này Ànanda, đây được gọi là Vô ngã tưởng.

Này Ànanda, thế nào là Bất Tịnh Tưởng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo sống tùy quán bất tịnh đối với tám thân này bằng cách quán xét rằng thân này từ chân trở lên và từ tóc trở xuống có da bao bọc bên ngoài và đầy ấp các vật bất tịnh sai biệt, gồm tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng phổi, lá lách, phổi, ruột non, ruột già, dạ dày, phần, mật, đờm,

mủ, máu, mồ hôi, mỡ đặc, nước mắt, mỡ lông, nước miếng, nước mũi, nước khớp xương, nước tiểu. Đây được gọi là Bất tịnh tướng.

Này Ànanda, thế nào là Nguy Hại Tướng? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu, hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng sống tùy quán các Nguy hại trong thân bằng cách quán xét rằng thân này là đầy khổ nạn, nhiều nguy khốn. Trong thân này có nhiều thứ tật bệnh sai khác như là các bệnh về mắt, các bệnh về tai, các bệnh về mũi, các bệnh về lưỡi, các bệnh về thân, các bệnh đau đầu, bệnh quai bị, các bệnh về miệng, các bệnh về răng, các bệnh ho, bệnh xuyên, bệnh sổ mũi, chứng ợ nóng, bệnh sốt, các bệnh dạ dày, bệnh thất phách, bệnh ly, bệnh phù, bệnh cảm cúm, bệnh phong cùi, bệnh ung nhọt, bệnh lao hạch, bệnh động kinh, bệnh nấm da, bệnh ngứa, các bệnh phát ban, bệnh viêm da, các bệnh huyết vận, bệnh tiểu đường, bệnh trĩ, ung thư, bệnh rò, các bệnh do mật gây ra, do đờm dãi, do gió, do rối loạn tâm thần, do thời tiết, do oai nghi thất điều, do bị thương tổn, do ác quả, và lạnh, nóng, đói, khát, đại tiện, tiểu tiện. Đây được gọi là Nguy hại tướng.

Này Ànanda, thế nào là Đoạn Trừ Tướng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo bắt nhẫn, lìa bỏ, chấm dứt đoạn trừ tẩy xóa dục tâm, sân tâm, hại tâm và các ác bất thiện pháp nói chung đã khởi lên nơi tâm mình. Đây được gọi là Đoạn trừ tướng.

Này Ànanda, thế nào là Ly Tham Tướng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng, quán xét rằng chỉ có sự vắng mặt toàn triệt các pháp hữu vi, sự lìa bỏ hoàn toàn các sanh y, sự chấm dứt khát ái, ly ái nhiễm và niết-bàn mới thật sự là thanh tịnh, thù diệu nhất trong các pháp. Đây được gọi là Ly tham tướng.

Này Ànanda, thế nào là Tịch Diệt Tướng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng, quán xét rằng chỉ có sự vắng mặt toàn triệt các pháp hữu vi, sự lìa bỏ hoàn toàn các sanh y, sự chấm dứt khát ái, ly ái nhiễm và niết-bàn mới thật sự là thanh tịnh, thù diệu nhất trong các pháp. Đây được gọi là Tịch diệt tướng.

Này Ànanda, thế nào là Yêm thế tướng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo loại trừ, lìa bỏ không chấp trước các ý niệm nắm níu, hy cầu đối với thế gian. Đây được gọi là Yêm Thế Tướng.

Này Ànanda, thế nào là Hữu vi hoại tướng ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo cảm thấy xấu hổ, chán ghét, nhàm tởm, đối với tất cả hữu vi. Đây được gọi là Hữu Vi Hoại Tướng.

Này Ànanda, thế nào là Nhập Xuất Tức Niệm ? Ở đây này Ànanda, vị tỷ kheo vào rừng sâu hay tìm đến gốc cây hoặc nhà vắng, rồi ngồi kiết già thẳng lưng, chánh niệm hướng ra phía trước, thở vào trong tinh thức và thở ra trong tinh thức. Khi thở vô dài, vị ấy biết rõ: Ta đang thở vô dài. Khi thở ra dài, vị ấy biết rõ: Ta đang thở ra dài. Khi thở vô ngắn, vị ấy biết rõ: Ta đang thở vô ngắn. Khi thở ra ngắn, vị ấy biết rõ: Ta đang thở ra ngắn.

Vị ấy tâm niệm: Ý thức toàn thân ta sẽ thở vô.

Vị ấy tâm niệm: Ý thức toàn thân ta sẽ thở ra.

Vị ấy tâm niệm: Với thân hành lắng đọng, ta sẽ thở vô.

Vị ấy tâm niệm: Với thân hành lắng đọng, ta sẽ thở ra.

Vị ấy tâm niệm: Trong niệm hỷ duyệt, ta sẽ thở vô.

Vị ấy tâm niệm: Trong niềm hỷ duyệt ta sẽ thở ra.
Vị ấy tâm niệm: Trong niềm an lạc, ta sẽ thở vô.
Vị ấy tâm niệm: Trong niềm an lạc, ta sẽ thở ra.
Vị ấy tâm niệm: Cảm nhận toàn bộ tâm hành, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Cảm nhận toàn bộ tâm hành, ta sẽ thở ra

Vị ấy tâm niệm: Với tâm hành lắng đọng, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Với tâm hành lắng đọng, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Cảm nhận toàn bộ tâm thức, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Cảm nhận toàn bộ tâm thức, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm thắng duyệt, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm thắng duyệt, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm định tĩnh, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm định tĩnh, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm giải thoát, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Với nội tâm giải thoát, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán vô thường, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán vô thường, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán ly tham, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán ly tham, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán tịch diệt, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán tịch diệt, ta sẽ thở ra
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán xả ly, ta sẽ thở vô
Vị ấy tâm niệm: Sống tùy quán xả ly, ta sẽ thở ra

Này Ānanda, đây được gọi là Nhập xuất tức niệm.

Này Ānanda, nếu người đến chỗ tỷ kheo Girimānanda và nói lại 10 phép niệm tưởng này, sự kiện này có thể xảy ra là sau khi nghe xong, bệnh tình của tỷ kheo Girimānanda có thể lập tức thuyên giảm.

Rồi tôn giả Ānanda, sau khi học xong 10 pháp niệm tưởng này từ nơi Thế Tôn, đã đi đến chỗ tôn giả Girimānanda và nói lại 10 pháp niệm tưởng này. Lúc bấy giờ, sau khi nghe xong, cơn trọng bệnh của tôn giả Girimānanda đã lập tức thuyên giảm. Bệnh tình của tôn giả Girimānanda đã chấm dứt với sự kiện như vậy.

KINH GIRIMĀNANDA Hán Việt

*Bản chữ Hán: Kỳ Lợi Ma Nan Kinh
(Nam Truyền Đại Tạng Cuốn 24)*

Nhĩ thời, Thế Tôn trú xá vệ thành kỳ thọ Cấp Cô Độc viên. Kỳ thời, cụ thọ (àyasmà) Kỳ Lợi Ma Nan nhân tật bệnh nhi trọng hoạn khôn khổ. Thời, cụ thọ A Nan tức vãng nghệ Thế Tôn sở tại chi xứ. Chí dĩ, lễ kính Thế Tôn cận toạ nhất diện. Toạ nhất diện chi cụ thọ A Nan bạch Thế Tôn ngôn:

Đại đức ! Cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan nhân tật bệnh nhi trọng hoạn khôn khổ. Đại đức Thế Tôn duy nguyện ai mãn nhi đáo cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan chi xứ.

A Nan ! Nhược nhữ vãng Kỳ Lợi Ma Nan tỳ kheo xứ thuyết thập tướng, tắc Kỳ Lợi Ma Nan tỳ kheo văn thập tướng nhi chỉ kỳ bệnh, thị hữu thị xứ hà đẳng vi thập tướng da ? Tức vô thường tướng, vô ngã tướng, bất tịnh tướng, quá hoạn tướng, đoạn tướng, ly tham tướng, diệt tận tướng, nhất thiết thế gian bất hỷ tướng, nhất thiết hành vô thường tướng, nhập xuất tức niệm.

A Nan ! Hà đẳng vi vô thường tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo vãng a-lan-nhã, vãng thọ hạ, vãng không ốc nhi tư trạch: Sắc thị vô thường, thọ thị vô thường, tưởng thị vô thường, hành thị vô thường, thức thị vô thường. Như thị ư thử ngũ thủ uẩn quán vô thường nhi trú.

A Nan, thử danh vi vô ngã tướng. A Nan, hà đẳng vi vô ngã tướng da ?? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo vãng a-lan-nhã, vãng thọ hạ, vãng không ốc nhi tư trạch: Sắc thị vô ngã, thọ thị vô ngã, tưởng thị vô ngã, hành thị vô ngã, thức thị vô ngã. Như thị ư thử ngũ thủ uẩn quán vô ngã nhi trú. A Nan, thử danh vi vô ngã tướng.

A Nan, hà đẳng vi bất tịnh tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo tự túc hạ nhi thượng, tự phát danh nhi hạ dĩ bì vi biên tế quán sát sung mãn chủng chủng chi bất tịnh chi thử thân vị : Thử thân hữu phát, mao, thảo, xỉ, bì, nhục, cân, cốt, cốt tủy, thận, tâm, can, lặc mô (mạc), tì, phế, trường, trường gian mạc, vị, bài tiết vật, đằm trấp, đằm, nùng, huyết, hãn, chi, lệ, tương, thoá, tị dịch, tủy, tụy. Như thị, ư thử thân quán bất tịnh nhi trú. A Nan, thử danh vi bất tịnh tướng.

A Nan, hà đẳng vi quá hoạn tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo trú a-lan-nhã, trú thọ hạ, trú không ốc nhi tư trạch: Thử thân giả quá hoạn đa khổ. Vị: Thử thân sinh chủng chủng chi tật bệnh, vị nhãn bệnh, nhĩ bệnh, tị bệnh, thiệt bệnh, thân bệnh, đầu bệnh, nhĩ đoá bệnh, khẩu bệnh, xỉ bệnh, khái thấu, suyễn khí, cảm mạo, phiền nhiệt, ngược, phúc bệnh, hôn tuyệt, hạ ly, đông thống, hoắc loạn, lại bệnh, ung bệnh, bạch lại, can tiểu, điên cuồng, tiết, dưỡng, giới, bà thương, liên sang, huyết đằm bệnh, đường tụy bệnh, ma bí (tí), sang, trĩ, lữ, đằm đằm khởi chi chư bệnh, đằm đằm khởi chi chư bệnh, phong đằm khởi chi chư bệnh, hoà hợp sinh chi chư bệnh, quý tiết biến dịch sở sanh chi chư bệnh, bất bình đẳng tư thế sở sinh chi chư bệnh, xâm hại sở sanh chi chư bệnh, nghiệp dĩ thực sở sanh chi chư bệnh, hàn, nhiệt, cơ, khát, đại tiện, tiểu tiện. Như thị ư thử thân quán quá hoạn nhi trú. A Nan, thử danh vi quá hoạn tướng.

A Nan, hà đẳng vi đoạn tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo bất nhĩ hứa dĩ sinh chi dục tầm, lệnh quy ư đoạn, trừ, ly, vô. Bất nhĩ hứa dĩ sinh chi sân tầm, lệnh quy ư đoạn, trừ, ly, vô. Bất nhĩ hứa dĩ sinh chi hại tầm, lệnh quy ư đoạn, trừ, ly, vô. Bất nhĩ hứa dĩ sinh chi ác bất thiện pháp, lệnh quy ư đoạn, trừ, ly, vô. A Nan, thử danh vi đoạn tướng.

A Nan, hà đẳng vi ly tham tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỳ kheo vãng A-lan-nhã, vãng thọ hạ, vãng không ốc nhi tư trạch: Thử nãi tịch tịnh, thử nãi thù diệu tức nhất thiết hành chi tịch chi, nhất thiết dư y chi định khí, ái tận, ly tham, niết bàn. A Nan, thử danh vi ly tham tướng.

A Nan, hà đẳng vi diệt tận tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỷ kheo vãng A-lan-nhã, vãng thọ hạ, vãng không ốc nhi tư trạch: Thử nãi tịch tịnh, thử nãi thù diệu tức nhất thiết hành chi tịch chỉ, nhất thiết dư y chi định khí, ái tận, ly tham, niết bàn. A Nan, thử danh vi diệt tận tướng.

A Nan, hà đẳng vi nhất thiết thể gian bất hỷ tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỷ kheo ư thể giandoạn ly cận ý, chấp trước, tâm chi nhiếp thọ, hiện tham, tùy miên nhi bất thủ. A Nan, thử danh vi nhất thiết thể gian bất hỷ tướng.

A Nan, hà đẳng vi nhất thiết hành vô thường tướng da ? A Nan, thử xứ hữu tỷ kheo tu, tầm, quý, sĩ ư nhất thiết hành. A Nan, thử danh vi nhất thiết hành vô thường tướng.

A Nan, hà đẳng vi nhập xuất tức niệm da ? A Nan, thử xứ hữu tỷ kheo vãng a-lan-nhã, vãng thọ hạ, vãng không ốc nhi kiết già phu toạ, chánh thân nhi trì, tu niệm ư phổ tiền, như tư : Chánh niệmnhi nhập tức, chánh niệm nhi xuất tức. Trường nhập tức giả, tức liễu tri : Ngã trường nhập tức. Trường xuất tức giả, tức liễu tri: Ngã trường xuất tức. Đoản nhập tức giả, tức liễu tri: Ngã đoản nhập tức. Đoản xuất tức giả, tức liễu tri: Ngã đoản xuất tức. Học : Ngã giác biến thân nhi nhập tức, học: Ngã giác biến thân nhi xuất tức, học: Ngã chỉ thân hành nhi lập tức, học: ngã chỉ thân hành nhi xuất tức, học: Ngã giác hỷ nhi nhập tức, học: Ngã giác hỷ nhi xuất tức, học: Ngã giác lạc nhi nhập tức, học: Ngã giác lạc nhi xuất tức, học: Ngã giác tâm hành nhi nhập tức, học: Ngã giác tâm hành nhi xuất tức, học: Ngã chỉ tâm hành nhi nhập tức, học: Ngã chỉ tâm hành nhi xuất tức, học: Ngã giác tâm nhi nhập tức, học: Ngã giác tâm nhi xuất tức, học: Ngã lệnh tâm hoan hỷ nhi nhập tức, học: Ngã lệnh tâm hoan hỷ nhi xuất tức, học: Ngã lệnh tâm đắc định nhi nhập tức, học: Ngã lệnh tâm đắc định nhi xuất tức, học: Ngã lệnh tâm giải thoát nhi nhập tức, học: Ngã lệnh tâm giải thoát nhi xuất tức, học: Ngã quán vô thường nhi nhập tức, học: Ngã quán vô thường nhi xuất tức, học: Ngã quán ly tham nhi nhập tức, học: Ngã quán ly tham nhi xuất tức, học: Ngãquán diệt tận nhi nhập tức, học: Ngã quán diệt tận nhi xuất tức, học: Ngã quán định khí nhi nhập tức, học: Ngã quán định khí nhi xuất tức. A Nan, thử danh vi nhập xuất tức niệm. A Nan, nhược nữ vãng Kỳ Lợi Ma Nan tỷ kheo xứ thuyết thập tướng, tắc giảKỳ Lợi Ma Nan tỷ kheo giả văn thử thập tướng, nhi chỉ kỳ bệnh thị hữu sở thị xứ. Thời, cụ thọ A Nan tức tùng Thế Tôn xứ thânthọ thử thập tướng, vãng cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan chi xứ. Chí dĩ, đối cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan thuyết thử thập pháp. Thời,cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan văn thử thập pháp, kỳ bệnh tức chỉ, cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan tự bệnh thuyên dĩ, cụ thọ Kỳ Lợi Ma Nan chi bỉ bệnh nãi đoạn.

KHÁI NIỆM QUÁN THẾ ÂM THEO KINH ĐIỂN PALI

Toại Khanh



Quán Âm hay Quán Thế Âm là tên gọi của một vị Bồ Tát nổi tiếng trong hệ thống Phật giáo Bắc Truyền (vẫn được thậm xưng là Đại Thừa) khắp các xứ Trung Hoa, Hàn quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ và cả Việt Nam. Chữ Phạn của tên gọi này là Avalokitvesvara, thường được dịch sát là Quán Tự Tại. Chữ Tự Tại (Isvara) này không hề mang nghĩa thanh thản độc lập như nhiều người vẫn nghĩ. Nó là một từ tổ thường thấy ngay sau tên gọi của các vị thần Ấn Độ, một chút dấu vết của Ấn Giáo, xa hơn một tí là Bà La Môn giáo thời xưa. Nói mấy cũng không đủ, với phương tiện Internet ngày nay, người muốn biết xin cứ Online thì rõ. Nãy giờ chỉ nói cái tên, cái ý nghĩa hay vai trò của khái niệm Quán Thế Âm mới là quan trọng.

Nguồn gốc của hình tượng Quán Âm xuất phát từ Ấn Độ qua các kinh luận hậu tác như Đại Bồn A Di Đà (quyển thượng), Vô Lượng Thọ Kinh (quyển hạ), Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới, thứ 39, quyển IV), Lăng Nghiêm (quyển 6) và Pháp Hoa (phẩm Phổ Môn). Thời điểm ra đời của các kinh ngày nay không còn là chuyện mật nữa. Và hình tượng Quán Âm lúc đầu tại Ấn Độ chỉ là hình ảnh nhân cách hoá lòng từ bi của Phật giáo qua hình ảnh một vị thần mặt nữ mình nam. Từ sau lúc các kinh văn trên đây du nhập vào các xứ ngoài như Trung Hoa, Hàn Quốc, Việt Nam thì ta mới có thêm các giai thoại Quán Âm Diệu Thiện, Quán Âm Thị Kính. Người Tây Tạng còn cho các thần Tara (và cả đức Đạt Lai Lạt Ma) là hoá thân của vị Bồ Tát này. Dù ở đâu thì Bồ Tát Quán Âm cũng được thờ cúng, xưng tụng như một hộ thân linh hiển và nhiều từ bi, sẵn sàng ứng hiện kịp lúc để cứu người mắc nạn. Hình ảnh này rất đẹp, nhưng đã ngẫu nhiên dẫn đưa không ít thiên hạ ngày một xa rời lý tưởng giác ngộ của Phật giáo qua nhiều cách hiểu bất cập:

Trước hết, thay vì học hạnh từ bi xả kỷ qua hình tượng đó, người ta chỉ nghĩ nhiều về chuyện cầu khẩn. Những đồn thổi về sự linh ứng của Bồ Tát Quán Âm đã xui nhiều người hồn nhiên cho rằng sống sao cũng được, miễn là gặp chuyện thì cầu. Thay vì chiếu lý mà nói, cầu khẩn hay phụng thờ hình tượng Quán Âm không sao sánh được với việc trau dồi từ tâm.

Điều đáng tiếc thứ hai, nếu nói Bồ Tát linh hiển thì xin hỏi có phải bất cứ ai cầu khẩn Ngài cũng đều được giúp đỡ cả hay không? Chắc chắn là không rồi. Còn nếu bảo

chỉ ai tu hành ngon lành hay có phước duyên sao đó mới được cứu thì xin hỏi sao lại phải cần đến sự giúp đỡ của ai nữa chứ, cứ lo tự tu là đủ rồi!

Điều thứ ba, ai học Phật cũng biết rằng muốn thành Phật thì phải có đủ các hạnh lành như từ bi, trí tuệ, kham nhẫn.... Và không hề có một vị Bồ Tát nào thiếu lòng từ bi mà có thể thành Phật. Nếu vậy, có hợp lý không khi cho rằng chỉ có Quán Âm Bồ Tát mới tầm thính cứu khổ, nghe cầu thì tới ? Hoá ra các Bồ Tát khác không được sẵn lòng như vậy hay sao? Cả kinh điển Nam Tông lẫn Bắc Truyền đều nhìn nhận rằng trong thế giới này luôn có vô lượng Bồ Tát, những vị sẽ thành Phật sau này, nếu chỉ có một vị Bồ Tát chịu khó tầm thính cứu khổ thì xin hỏi các vị kia sao có thể gọi là Bồ Tát ?

Như vừa thưa ở trên, đã là Bồ Tát Bất Thôi (người chắc chắn sẽ thành Phật) thì phải có lòng đại bi giống nhau và cái được gọi là sự giúp đỡ của ai đó, kể cả của các Bồ Tát thực ra chỉ là một cách nói. Nói nôm na là hồn ai nấy giữ. Chẳng hạn ta không thể nói những kẻ bạo ngược được giàu sang là do các Bồ Tát phò hộ và những người hiền lành bị khốn khó là do không cầu nguyện hoặc bị các Bồ Tát bỏ quên. Và nếu vậy việc réo gọi tên họ của các Bồ Tát có còn cần thiết không và càng vô lý khi chỉ réo tên một hai vị nào đó mà thôi ? Làm vậy đúng là bỏ nhiều lấy ít. Đó cũng là trường hợp niệm Phật Di Đà, một vị Phật bên nhánh Bắc Truyền. Thay vì trì niệm Nam Mô Vô Lượng Phật (Namo amitabuddhànam), người ta chỉ thích chọn một vị thôi. Thế là chỉ còn Vô Lượng Thọ (Namah amitayubuddhaya) hay Vô Lượng Quang (Namo amitabhabuddhaya). Đó là lý do vì sao bên Nam Tông khi nhắc riêng một vị Phật thì là đức Bôn Sư Thích Ca, ngoài ra thì phải là chư Phật nói chung. Ở đây có ít nhất 2 điều cần lưu ý: Thứ nhất, đức Phật Thích Ca là vị Phật hiện tại trong thế giới này (ta đang tu theo lời Ngài) và thứ hai là hình tượng ấy hoàn toàn có thể được hiểu là hình ảnh chung của chư Phật ba đời mười phương. Ai muốn xác tín điều này xin tìm đọc nghi thức lễ bái Tam Bảo của Phật Giáo Nam Tông thì rõ.

Điều đáng tiếc tiếp theo, hầu hết Phật tử Bắc Truyền đều có một công thức buồn cười sau đây khi nói về Phật giáo Nam Tông: Nam Tông là Tiểu Thừa vì người nhánh này chỉ biết tự tu, tự tu là ích kỷ, là tiêu nha bại chủng, mạ khô giống thối. Vấn đề hiểu lầm đã nảy sinh ngay từ ban đầu. Người tu mà chỉ biết có riêng mình, không kể đến ai thì mới gọi là ích kỷ. Còn nếu tự tu là tự vận dụng năng lực bản thân, không nhờ cậy tha lực thì đó là tự giác. Một người độc cư thiền định, tu tập với riêng mình không phải là ích kỷ. Chỉ khi nào lòng thấy chán ghét tha nhân thì mới là ích kỷ. Nếu anh lặng lẽ sống tốt thì đó cũng là một kiểu lợi tha, vì khi một người không làm bậy thì đã là một đóng góp cho đời rồi, không cần phải chiêng trống om sòm để thông báo cho ai về chuyện tu hành của mình. Chỉ một chút mắc mứu này mà anh em chẳng nhìn mặt nhau bấy lâu nay, dù ai cũng đều thờ Phật. Buồn lắm vậy thay !

Điều cuối cùng, theo kinh điển Pali (và thậm chí cả kinh sách Bắc Truyền) thì trong trời đất này luôn có vô số những vị thiện thần sống ở khắp nơi, từ ngọn cây đầu cỏ đến núi

rừng sông biển, và không ít trong số đó luôn có lòng giúp đỡ những người lâm nạn. Họ thấy thương thì giúp, còn chuyện giúp được hay không còn tùy ở phước nghiệp của bản thân người bị nạn. Những người từng nghe qua Bồ Tát Quán Âm, hay bà Maria, Thiên Hậu cứ thấy sự lạ thì đổ hết cho các vị này. Từ những người đi biển đến kẻ trên cạn ai cũng phải có một địa chỉ để rêu. Nói thiệt, cứ theo lối tin tưởng dân gian kiểu đó, cộng thêm sự tuyên truyền có chủ ý của một số người, chừng trăm năm nữa có thể Phật giáo chỉ còn lại những khái niệm thờ cúng và cái tinh hoa Phật Pháp vốn là kết tinh trí tuệ của một vị Phật dưới gốc Bồ Đề năm xưa sẽ là một vệt mờ trong lòng nhân loại. Tôi không là một người tu học ngon lành, nhưng tôi tin chắc một điều rằng bao nhiêu vấn đề lớn nhỏ của chúng sinh đều nằm trong chính mỗi cá nhân và nếu từng người không biết Tự Xử thì không ai ngoài ta có thể làm được chuyện đó. Nếu chư Phật làm được thì ngay lúc đọc giả ngồi đọc những dòng chữ này của tôi thế giới đã không như ta đang nhìn thấy, và bản thân quý vị cũng đâu có khổ như bây giờ !

Nói vậy, tôi muốn thưa gì qua mấy dòng trên ? Trước hết, chúng tôi tuyệt không phủ nhận sự trợ duyên, giúp đỡ của người này cho người kia, nhưng tôi cũng không hề tin rằng chỉ riêng tấm lòng của người giúp đỡ là đã đủ. Anh phải ra sao để có thể đón nhận sự giúp đỡ của người ta. Anh không thể đổ hết mọi sự cho một phía và bao giờ phần nỗ lực của riêng anh cũng phải là chính yếu. Điều thứ hai, người tu Phật không thể lấy hư làm thực khi lầm tưởng biểu tượng là thực thể, cũng như không lấy ít bỏ nhiều khi suy tôn một hạt cát nào đó trong sa mạc.

Bao nhiêu vẽ vời về hình tượng Quán Âm Bồ tát có lẽ cần được hiểu là những mô tả sinh động về cái diệu dụng của tấm lòng Bồ Tát ở người cầu Phật Đạo. Quá nặng lòng với những chi tiết đó hình như ta đã đi quá xa. Như trái tim là biểu tượng của tình yêu, bồ câu trắng tượng trưng cho hoà bình, hoa hồng đại biểu cho tình cảm,... Biểu tượng phải được hiểu là biểu tượng thì ta mới đi xa được. Một khi chất hết những tranh tượng trái tim, bồ câu hay hoa hồng lên bàn thờ để quỳ lạy cầu nguyện và xưng tụng là những thần thánh nào đó thì có lẽ người ta đã lạc đường rồi. Ngay cả việc thờ lạy tranh tượng đức Phật cũng cần được hiểu là việc ngắm nhìn một biểu tượng đẹp để tu học chứ không phải để van xin khẩn vái nọ kia.

Theo những gì vừa trình bày, và cả tư tưởng Đại Thừa rất mực mênh mông, thì quanh ta có biết bao là những Bồ Tát. Và đã học hạnh Bồ Tát thì ai cũng phải có lòng đại bi. Kẻ sơ cơ thì thương người một ít, kẻ tu hành thâm hậu thì dẹp hết giới tuyến. Đã học hạnh Bồ Tát thì thấy ai khổ cũng thương, giúp ai được thì giúp, chẳng cần người ta phải lên tiếng rêu gọi. Kiểu nói “con có khóc thì mẹ mới cho bú” là dành cho phần đông thiên hạ chưa học đạo Bồ Tát. Bồ tát thứ thiệt luôn thương hết chúng sinh, không cần ai kêu, chỉ cần biết ai khổ thì tùy sức mà cứu, nhưng về kẻ muốn được cứu thì cũng đừng quá kỳ vọng vào ai khác ngoài ra bản thân. Một khi ta làm toàn những chuyện tự hại mình thì ba đời mười phương Bồ Tát cũng bó tay. Và nói vậy, quanh tôi lúc nào cũng có vô

số Bồ Tát. Một số trong đó là tầm thỉnh cứu khổ (nghe kêu thì cứu), một số trong đó là cứu mà chẳng cần nghe kêu và một số thì có nghe kêu nhưng chưa hề cứu, phước tôi mỏng hay người ta có lòng mà không sức ?

Thấy trong phòng sách của tôi có một bức tượng Quán Âm tuyệt đẹp, nhiều người lấy làm lạ, hỏi. Tôi luôn trả lời rằng đó là hình ảnh chung của tất cả Quán Âm trên đời. Tôi đặt bức tượng này trong phòng chỉ vì đó là bức tượng duy nhất mà tôi có. Theo kinh điển Pali thì không riêng một Bồ Tát nào giàu lòng đại bi, và như vậy thì vị Bồ Tát nào cũng có thể là một Quán Âm cả. Tôi thờ Vô Lượng Phật chứ không chỉ một vị Vô Lượng Thọ hay Vô Lượng Quang, tôi thờ tất cả Quán Âm chứ không riêng một Diệu Thiện, Thị Kính hay Nam Hải Quán Âm nào hết. Đặc biệt từ sau ngày người Tàu muốn giành trọn 80% biển Đông mà họ vẫn gọi là Nam Hải gì đó thì tôi càng ít muốn nhắc về vùng biển này. Mong sao tất cả những người tin Phật muốn tu phải học, học để hiểu đúng, và hiểu đúng để chẳng tu lầm. Mong lắm vậy thay!

TOẠI KHANH

MỘT LẦN CHỌT NGHE QUÊ QUÁN TÔI XƯA

Toại Khanh



Ảnh: Chơn Quán

Có người không hiểu Phật, than Phật giáo tiêu cực, nói toàn chuyện không vui. Từ đó Tăng ni chỉ được nhớ tới trong những ngày buồn như đám tang, cúng thất, cầu an cho người sắp đi. Rồi thì người ta còn đi xa hơn, xuống thấp hơn một tí, là khi nói đến Tăng ni là họ tưởng ngay đến những người mất sạch, một cọng tóc cũng không có. Thậm chí họ cho mình cái quyền châm chọc khiếm nhã khi nhìn thấy Tăng ni đâu đó. Một chuyện mà có uống mật gấu họ cũng không dám làm đối với những người thể tục cạo trọc.

Có người không hiểu Phật, bảo Phật giáo Nguyên thủy là cục bộ, cũ kỹ, đóng khung, thiếu năng động. Rồi thì tự cho mình sứ mệnh làm mới mọi thứ. Có những cái MỚI đáng xem là tối tân hiện đại, nhưng cũng có những cái MỚI chỉ là thứ sản phẩm nửa chim nửa chuột, vừa đủ tạo ra một loài dơi.

Có người không hiểu Phật, đọc đâu đó về cái gọi là thời Mạt Pháp rồi thì nỗ lực làm cái việc mà họ gọi là bảo vệ chánh pháp bằng tất cả phương cách thế tục nhất. Nói như ai đó, Phật giáo cần được hiểu đúng chứ không cần đến một vành đai sắt tự vệ. Chánh pháp là những gì rất thật, như nắng gió, mưa sương, luôn cần được thấu đáo chứ không cần ai bảo vệ theo cách làm rào đuôi gà. Hiểu được thiên nhiên cũng là bảo vệ thiên nhiên. Không bị ngộ nhận thì Phật pháp tự đứng hưng phát. Lo ngọn quên gốc là một chuyện đáng buồn cho nhiều người hôm nay.

Có người không hiểu Phật, trách Phật pháp không có những phát minh khoa học, trách Phật im lặng về những vấn đề nóng bỏng mà khoa học hiện đại đang cố tìm hiểu. Gì mà quanh năm bốn mùa cứ Lục Căn, Tam Độc, Tam Học, Tứ Đế. Chán chết được!

Có người không hiểu Phật, cho rằng thiếu nghi thức màu mè thì không thể quyến rũ quần chúng. Thế rồi những phương tiện thầy thím kia chỉ đem về cho Phật giáo những chuyên gia xin xăm thích nhang khói nhưng luôn lẫn tránh những cơ hội văn kinh thánh pháp. Họ sợ nghe giảng như ai kia sợ thần chú!

Có người không hiểu Phật, cho rằng cứu cánh Niết-bàn gì mà buồn quá đỗi. Cái họ cần đến là một nơi chôn thơm ngát mát mẻ có thể tung tăng vọng niệm, hoặc thanh cao hơn một tí là có chỗ để họ ngồi... tụng kinh!

Có người không hiểu Phật, than các pháp môn tu hành truyền thống khô khan quá. Họ bày biện nhiều trò nghe qua đã thấy hấp dẫn. Có điều là sau mấy chục năm tu vui kiểu đó, một ngày kia họ phát hiện mình vẫn đứng yên ở chỗ xuất phát.

Có người không hiểu Phật, than lời Ngài có vẻ khó theo, bèn tự kiếm ra một con đường xem chừng ngắn hơn, dễ dàng hơn, dễ hiểu hơn. Cuối đời, họ giật mình ngó lại, mình chẳng còn là một Phật tử nữa, món duy nhất còn giữ lại được chỉ là cái pháp danh sư phụ đặt cho ngày trước. Nhìn lên ảnh tượng Thế Tôn họ bỗng thấy xa lạ quá chừng!

Vậy thì trong mấy mươi năm hoằng pháp, đức Phật đã nói những gì? Nói kiểu ỡm ờ thì Ngài chẳng từng nói một câu nào hết. Nếu nói cận nhân tình một chút thì suốt cuộc độ sinh đức Phật chỉ nói đến hai chuyện: Cái gì là khổ đau và thế nào là con đường thoát khổ.

Chưa thấy được việc trầm luân sinh tử là một gánh nặng thì có bôn ba, đôn đáo cách mấy cũng quần quanh trong những hình thức hiện hữu cách này hay cách khác. Nhà Phật gọi đó là samsāra – tức là hành trình của những tái hiện, trùng phục, lặp lại những thứ đã diễn ra từ vô thủy như những bèo bọt trên sóng nước. Chưa thấy được lý tưởng căn bản của

đường tu là thấu suốt, buông bỏ và lợi tha thì mọi đạo lộ đều có thể là những lối mòn quanh. Chưa thấy chán ngán những trò đùa hí lộng của nhân gian thì người ta vẫn còn đắm lụy những thứ màu mè trẻ con không thật sự cần thiết cho hành trình trưởng thành của bản thân. Bao nhiêu bày vẽ, bay nhảy, tô điểm, thêm thắt đều chỉ làm mất thời gian trước cái gọi là nội dung Phật pháp ấy.

TOẠI KHANH

ĐIỀM CỔ CẦU SƯƠNG

Toại Khanh



Đêm cuối cùng ở Thượng Hải. Hấn vừa trở về từ một chuyến đi xa. Trong chiếc va-li còn lấm bụi phong trần ấy dường chẳng sót lại gì sau những ngày dài trên đường. Một gói trà, vài hộp bánh, một thùng mì gói, mấy lon sữa đặc, và non lít mật ong. Hấn ăn và còn đãi mời thiên hạ, chỉ trong gần một tháng, gì cũng hết nhẵn. Chỗ trống còn lại trong rương hành lý buổi về nhờ vậy mà chèn được một bộ ấm chén đất nung, một bức tượng Đạt Ma Độ Giang bằng sứ và một nhà sư còm cõi bằng gỗ đã sứt mẻ ít nhiều mà hấn đã mua được ở Lệ Giang với cái giá rẻ mạt.

Phòng ngủ ở một khách sạn rẻ tiền vào những ngày mùa đông này thật khó khăn cho hấn. Nhiệt độ trong phòng cứ tuột thấp theo đêm mỗi lúc một khuya. Dốc hết chỗ trà còn sót lại trong va-li, hấn nấu tí nước sôi và pha một ấm trà lạt thèch để cầm cự với cái lạnh và

hi vọng có thể chớp mắt được vài tiếng. Ngày mai còn phải ra phi trường sớm và tiếp đó là hơn mười tiếng ngồi máy bay dật dờ như con nghiện.

Đang thiu thiu ngủ, bất chợt, qua ánh sáng của chiếc đèn ngủ đầu giường, hấn há mồm kinh ngạc khi thấy bức tượng nhà sư bằng gỗ kia đã yên vị trên bàn tự bao giờ, như vừa bước ra từ va-li hành lý. Sắc diện bức tượng sống động linh hoạt như người thật, dù vẫn giữ nguyên kích thước một gang tay chiều cao!

Hấn lặng người trong giây lâu khi nghe ra một giọng nói trầm âm nhưng xa vắng như vọng lại từ một nơi chốn nào xa xôi:

“Ngay khi người chưa đặt chân vào những cuộc viễn hành trên đường, từng ngày đã là những dặm trùng viễn xứ. Thế giới ba ngàn cứ bày ra đó trong mỗi bước chân. Mỗi sớm chiều người đã biết bao lần đi ngang vùng biển lửa dày đặc của địa ngục khi chính người cứ mịt mùng vướng kẹt trong một cõi tâm thức đọa đầy không lối thoát của hỷ nộ. Kiếp đời khát thực là một thắng hạnh thiêng liêng, nhưng đã bị người tục hoá bằng những khao khát tầm thường. Cứ sau mỗi mong ước vật dục lợi danh, người đã hoá thân nên một loài ngạ quỷ lấy phần niêu làm thực phẩm. Càng hy cầu, người càng thu hẹp và vùi sâu chính mình, bình bát truyền thừa lúc này đã ra túi vải hành khát rẻ tiền. Sở nguyện bất toại, người lại hoá kiếp vào loài A-Tu-La đêm ngày chìm ngập trong lửa hận. Cứ nhất niệm hưởng thụ vô tri, người khác chi giống bàng sanh trong chuồng cũi. Đời sống thường nhật là một chuẩn bị cho sinh thú mai hậu. Khi phiên nào là chỗ ghé, thì đọa lạc là chốn về. Trăm năm là buổi về, bình sinh là chuỗi ngày dọn cỗ. Đừng vội tâm đắc với những thành tựu nhân tiền, khi xuân tàn hoa héo thì lão viễn khách chỉ còn lại bóng tối trước mặt. Có đến muôn thứ nhân tiền, khổ thay người vẫn chọn lựa vài thứ trong đó như trẻ con ham ngọt.”

“Đừng vội tự nhận danh xưng sứ giả Như Lai khi chưa kịp nhận diện đâu là đại nguyện hoằng dương và đâu là hồng đồ đại lược. Sao có thể tưởng tượng ra việc thiên hạ cần cần phụng hành những điều mà chính người trao truyền cho họ còn đang nghi hoặc? Sao người hoằng dương lại có thể dễ dàng buồn vui với những thứ chính mình vẫn rêu rao là phù vân của tạm, để thiên hạ buông ra cho mình nhận vào, đó chẳng phải dối thế gạt người hay sao? Đừng đại dốt nghĩ mình là minh sư khi có được một số người tín mộ, bởi kẻ ca kỹ trong dân gian nào đức hạnh chi vẫn được bao người phục lụy. Cuộc tu là một chiến trận, binh lực phải được vận dụng để đối phó với những gì thật sự là đối phương, chẳng để nhằm vào những khóm lau bụi cỏ để hái hoa bắt bướm. Nếu bầm sinh may mắn có chút thông tuệ, hãy dùng khả năng đó để tự tu và độ chúng thay vì trí trá hiểm độc. Hãy biết trân trọng những vị Phật tương lai qua những dấu vết Phật chất để tránh những hành xử bất xứng. Đừng dùng ánh mắt đầy tớ nhà giàu để nhìn cao sĩ thiên hạ. Hãy biết trên trời cao và giữa đất rộng vẫn không thiếu những người có được mắt tuệ.

“Đừng lấy pháp sư làm áo khoát cho tục sư. Dù có tự trấn an bằng dăm tình tiết vật vãn mang ý nghĩ tinh thần thì đấy cũng chỉ là lấy chén vàng mà uống rượu độc. Lắm lúc gạt người quen tay, ta lại tự gạt mình để được yên tâm rong ruổi trong cuộc chơi của một mình sư nửa vời. Đừng lạm dụng chữ ‘mạt pháp’ để vay mượn phương tiện. Đến kỹ nữ chốn phong trần còn biết chừa lại một phương để lấy chồng, thì nói gì kẻ tự nhận sứ mạng độ sinh có sao không có riêng một góc tôn nghiêm của lòng tự trọng.”

Tiếng nói của nhà sư bằng gỗ kia nhỏ dần rồi mất hẳn như để trở lại hình hài một bức tượng vô tri. Hấn bàng hoàng nhớ lại một ngày ghé chân cổ thành Lệ Giang. Hấn đã cố nài để mua bằng được bức tượng nhà sư vì tình cờ phát hiện một chuyện lạ là càng nhìn, bức tượng nom càng giống một lão tăng đạo hạnh mà hấn đã từng gặp qua ở quê nhà ngày chưa xa xứ. Ngài đã viên tịch hơn hai mươi năm rồi, chẳng lẽ ngài đã từ ngàn trùng cổ quận đến đây để nhắn nhủ với hấn mấy lời giáo hối thống thiết mà cũng khóc liệt đó.

Giữa cơn tỉnh mê chập chờn, hấn lại nghe một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng khi bức tượng nhà sư lúc này đã được thế chỗ bằng một tổ sư Đạt Ma sứ trắng. Vài vết lác tinh trên áo tượng càng khiến ngài thêm vẻ phong sương lẫm liệt với một ánh mắt sáng ngời như có ngọn lửa đang cháy trong đồng tử. Một giọng nói như tiếng chuông đồng:

“Người xưa từ Đông Độ sang Tây Thiên thỉnh kinh cầu pháp, hay từ Tây Thiên tìm về Đông Độ để gióng trống đại hùng, tìm kẻ truyền đăng. Nay người từ nơi gọi Tây Phương kia lại tìm sang Đông thổ hầu hết chỉ là hạng khách nhàn du, cũng mang tiếng thỉnh tượng thỉnh chuông nhưng cơ hồ chỉ như mua sắm cổ ngoạn. Chỉ riêng tên gọi Tây Phương nay cũng thành nghĩa khác. Ta bình sinh sống trong những ngộ nhận phũ phàng của thiên hạ đương thời, nhưng có lẽ không một ngộ nhận nào thảm hại bằng của thiên hạ bây giờ đang nghĩ về cổ đức thánh hiền xưa. Họ rao bán ta trên phố cho phường tục tử sờ nắn định giá rồi mang ta về cho đứng chung với bao thứ ẩm chén phồn tạp. Họ ký họa ảnh ta bằng tất cả những tưởng tượng kinh khiếp nhất và tha hồ suy tư phóng túng với những hoang tưởng không căn cội rồi áp đặt là tư tưởng Thiền Tông gì ấy, một tên gọi mà thuở sinh tiền ta chưa hề biết đến. Ai cũng có thể nói, viết, tán nhảm về cái gọi là Thiền ấy rồi bỏ mặc cho mấy học giả nghiêm túc tha hồ bình ta chẳng tiếc lời. Sao lại có thể thế được, gã du tăng mang tiếng về từ Tây Phương kia ?

“Ngày đó ta đã không ít lần bè cỏ qua sông, nhưng phải hiểu, bè cỏ ấy chính là những gì ta dẫm lên mà đi. Và những dòng sông kia chính là những nhục vinh thành bại, đắc thất phù trầm, doanh hư tiêu trưởng. Nói cho cùng, hành trình nào cũng là sự vượt qua chính mình. Chưa thắng vượt bản thân, có đi muôn núi ngàn sông cũng là một cách quẩn quanh kéo dài, mở rộng. Kẻ học Thiền thời nay ai cũng mong có một tranh vẽ về ta để treo trong thiền thất như một cách cầu chứng. Họ luôn miệng nhắc đến mấy chữ Thiệp Giang, Độ Giang, nhưng nghĩ mà tội, họ cứ một đời bó gối bờ này. Trong nếp nghĩ của nhánh Nam Truyền, ta chỉ là một khách lạ. Ấy vậy mà người cũng ráng theo chân thiên

hạ tìm rước ta về để mai này ăn nói sao với thiên hạ bên ấy. Cho vui à? Người có nhiều thời gian và tiền bạc đến vậy sao? Chuyến này về, nếu có chút tình tưởng tiếc lão Hồ Tăng mắt xanh này, hãy học lại phép sang sông. Hãy biến các sở hữu ra bè cỏ rồi mai này có dịp trở sang Đông Độ, người sẽ đường đường một kẻ pháp du đúng nghĩa và ta hứa khi đó sẽ điểm thêm chút lửa vào bất cứ tranh tượng nào của ta mà người mua được. Đừng tốn kém cho những tranh tượng vô hồn, ngắm xác mà chẳng hiểu lòng.”

Một tiếng còi xe từ dưới đường vọng lên, hấn choàng tỉnh giấc. Hấn ngó chiếc đồng hồ reo đặt ở đầu giường, bốn giờ sáng. Chiếc va-li hành lý vẫn đóng chặt, kín kẽ.

Về Mỹ lâu rồi, hấn chưa bao giờ mộng thấy chuyện gì nữa. Hai bức tượng nhà sư và tổ Đạt Ma vẫn im lặng trên giá sách, như chưa bao giờ lên tiếng. Nhưng hấn đã nghe thấy họ. Một lần thôi cũng quá đủ. Có người hỏi hấn bao giờ trở lại Trung quốc, hấn cười buồn. Minh vẫn chưa học hết phép qua sông!

TOẠI KHANH

KHÔI LAM CUỘC TÌNH

Toại Khanh



Mùa Vu Lan, đọc báo trong nước thấy thiên hạ bây giờ bỗng khoái chuyện vàng mã hơn bao giờ hết. Một ông triệu phú miền Bắc chỉ trong một đêm đã đốt sạch 1000 con ngựa giấy và hình nhân trị giá 400 triệu đồng Việt Nam. Đổi sang tiền Mỹ, số vàng mã đó trên 20 ngàn dollar. Lại thêm một chuyện để suy nghĩ...

Có lẽ không ít người đã cho ông triệu phú đó là mê tín, là thiếu trí. Nhưng thử hỏi những người không đồng ý chuyện đốt vàng mã có đúng là không mê tín, mù quáng như ông ta? Bỏ một đời theo đuổi một lý tưởng sống hại mình hại người, dù về đời hay đạo, chẳng phải đốt vàng mã thì còn là gì nữa. Ai dám nghĩ những giấc mộng đời chẳng là vàng mã!

Con người là phải vậy thôi. Cái gì cụ thể rõ ràng quá thường không hấp dẫn người ta. Thiên hạ cứ nghĩ về những thứ xa vời để tha hồ mộng mị. Tình yêu đầu đời, ma túy, tước vị,... và bao thứ mê muội khác ở đời đều phải có chút gì váng vất mơ hồ mới cuốn hút được người ta. Ai nghe hay đọc đến những nhận xét kiểu này cũng cứ lắc đầu chối phăng: Riêng tôi thì đâu có vậy, đừng vợ đùa cả năm chứ!

Anh chồng dối chuyện đốt vàng mã nhưng thay vào đó là anh đốt cả đời mình cho một viễn tượng xa vời nào đó trong tình yêu, tôn giáo, chính trị và đôi khi cả văn hóa nữa. Vui đầu làm một nhà thơ, đêm ngày mơ màng với những câu chữ, ý tứ man mác... Hay đêm ngày cầu nguyện một ông vua nào đó mà không cần đến một chút suy tư tra vấn... Hoặc theo đuổi một nỗi quan hoài về xã hội mà chưa một lần ngó lại xem nó có là niềm hoang tưởng hay không... Tất cả đều là những kiểu đốt vàng mã, thậm chí còn tốn kém gấp ngàn lần thứ vàng mã mà mấy bà vẫn đốt đều đặn mỗi Vu Lan nữa.

Chuyện vàng mã đâu phải chỉ có chừng đó cái để nói. Còn có một cái khác nhức nhối hơn nhiều. Trong số những người bỏ tiền mua vàng mã về đốt ấy, có không ít những tay trí thức hần hoai. Ai dám bảo họ dốt nát, mê tín. Vật lộn với trường lớp để kiếm được mảnh bằng như một căn câu cơm rồi lăn xả vào đời kiếm sống, họ đâu kịp có thời gian để nghĩ nhiều về cái gì nằm ngoài nhịp sống thường nhật, chẳng hạn tôn giáo hay triết học, tư tưởng gì đó. Rồi thì một ngày có tiền trong tay, họ hành xử theo cách của người có tiền là có hay không một cõi âm phủ cũng mặc, cứ theo lời người ta mua vàng mã đốt cho nhiều vào. Nếu không có ai nhận được những tro khói ấy thì ít gì mình cũng được cái tiếng, nghĩa là một tí mặt mũi.

Nhưng đó mới là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai chiếm đông nhân số hơn. Đó là khi thiếu chủ kiến, không có được khả năng suy nghĩ độc lập, người ta thường khoái chạy theo đám đông. Đám đông thì làm sao sai được. Chẳng lẽ chừng đó thiên hạ đều thiếu suy nghĩ hay sao chứ. Thế là mua và đốt. Đốt vàng mã, người ta còn đốt theo đó bao nhiêu những thứ khác nữa: Trí tuệ, tiền bạc, thời gian, tình người,... Mấy trăm triệu đồng của ông triệu phú kia lẽ ra có thể giúp cho biết bao người thiếu ăn thiếu mặc.

Thân người nan đắc, chánh pháp nan văn, nhưng nếu không biết tìm minh sư thiện hữu thì cũng là một kiểu đem tiền mua vàng mã. Tôi cứ nhớ hoài câu hát dân gian đầy tục lụy này: *Tưởng giếng sâu anh nói sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây*. Nghĩ mà thương rồi tiếc cho nhiều người mất mấy chục năm vô giá của đời mình để lần bước theo một kiểu hướng dẫn sai lạc, nhiều lúc cũng thấy nó có vấn đề nhưng rồi

vì lý do nào đó mà tiếp tục lê gót. Từng ngày trôi qua là từng đồng lớn vàng mã được họ mê mãi mỗi lửa. Ngày cuối đời, cái có được chỉ là một chút tro tàn chưa kịp bay đi.

Chiều mưa Vu Lan, ngồi nghe Chiều Phủ Tây Hồ của Phú Quang mà ngậm ngùi thay. Em đốt đời mình, ta đốt đời ta, cũng như thiên hạ đốt vàng mã vậy thôi. Hóa vàng đi em!

Toại Khanh

TRÁI MÍT XỨ NGƯỜI

Toại Khanh



Hôm rồi từ Pyin Oo Lwin về Mandalay, trên đường thấy có bán mít nhiều quá, bèn động lòng trần ghé mua một trái để gọi là không ngược đãi bản thân.

Mười mấy năm xa xứ, gần trăm phần trăm thức ăn có xuất xứ Á Châu mà tôi ăn được đều là hàng đông lạnh, chán như yêu nhằm dân đồng tính. Nghĩ là thấy vậy mà không phải vậy, chẳng đi đến đâu.

Trái mít tôi mua không tệ, chỉ bị thối một góc nhỏ. Trái mít không to lắm, tôi tiếc của lấy dao khoét gọn chỗ hư rồi coi như không có gì xảy ra. Ăn hết trái mít, cầm lên miếng hư vừa cắt bỏ để dọn dẹp, tôi bỗng ngộ ra một điều mà lẽ ra phải thấy ở thiền viện mới đúng.

Thì ra cái gọi mùi thơm của trái chín chỉ đơn giản là mùi tử khí của nó ở giai đoạn bắt đầu. Thêm chút thời gian, sẽ ngửi không vô nữa. Từ trái cây, tôi bỗng dung nghĩ đến con người.

Danh tiếng sự nghiệp chính là tử khí của họ. Bởi hầu như ai lên được đến đỉnh điểm danh lợi kha khá một chút thì tuổi đời khó mà dưới năm bó. Cứ cho họ thưởng thức thả dãn cái

mình có lúc năm mươi tuổi, thì đến tuổi 70 có ông cụ bà lão nào còn hơi sức nữa đâu. Đi đứng, ăn uống, âm thanh, hình ảnh gì cũng lạt thếch.

Ngược dòng thời gian một chút, một em bé thơ ngây bỗng dưng biết buồn ngẩn ngơ, biết ngồi một mình tư lự, biết tự động cư xử phải phép với người chung quanh, nghĩa là em đang lớn, đang trưởng thành để già biệt tuổi mộng, giai đoạn đẹp nhất trong một đời người. Tôi muốn gọi sự dậy thì đó của em là một thứ tử khí. Bởi em đang chuẩn bị làm cha mẹ, chuẩn bị dần thân thể từng ngày trong hai mươi năm tiếp theo bước vào tuổi trung niên. Nghe buồn lắm phải không ? Nhưng chẳng lẽ em muốn mình cứ mãi hoài là một em bé, một cô cậu hồn nhiên và không bao giờ có thêm một thay đổi nào khác ? Không, em phải đi tới, vạn vật phải chuyển động để tồn tại. Dù đó là những bước chân đi về cõi chết.

Nhan sắc chín muồi của một thiếu nữ, sự chững chạc của một thanh niên, rồi thì giai đoạn hồi xuân của tuổi trung niên, sự già dặn của một người đứng tuổi, theo tôi đều là tử khí. Nói trừu tượng một chút thì kiến thức, kinh nghiệm, và mọi thứ ta có được đều là tử khí. Chúng càng nhiều thì tử khí càng mạnh, càng nồng. Hồi bé không có, bây giờ lại có, rõ ràng chúng là biển báo cho biết ta đang sắp đến chỗ cuối đường của hành trình dâu bể.

Nhớ lại mấy hôm đi tìm chỗ trọ học ở các chùa Miến Điện, nhìn lên di ảnh của các vị sayadaw đã mất được treo trên tường, tôi từng ngậm ngùi một nỗi riêng. Hồi nào còn trẻ, chắc chắn các vị cũng từng phải bồn ba trầy trật như tôi bây giờ. Đến khi thỏa được nguyện lớn, dự hàng long tượng tăng- già, thậm chí ngồi chiếu trên của bậc quần long chi thủ, thì tóc bạc da mồi, buông hết mà đi. Nếu nguyện xưa chưa dứt, biết đâu hôm nay các vị lại tiếp tục là những tiểu sa- di gầy gò thiếu ăn ở một chùa quê hẻo lánh nào đó để làm lại từ đầu mọi thứ.

Đại khái, trái ngã màu nhìn ngon mắt hơn và bắt đầu thom thì coi như đang chuẩn bị về đất. Người có được chút gì để gọi là sự nghiệp thì coi như đang sắp xuôi tay. Ai lại không hiểu được chuyện này, nhưng mỗi người một cách nghĩ. Có kẻ không đành lòng bỏ lại thứ đang có, có kẻ ngán cảnh làm lại từ đầu, có người thì tới đâu hay tới đó.

Viết đến chỗ này, tôi chợt nhớ đến danh từ Hoa ngữ được dùng để gọi trái mít là Ba La Mật. Cái tên gọi đó có vẻ như được vay mượn từ một ngôn ngữ khác, nhưng thú vị ở chỗ nghe giống như một thuật ngữ Phật học. Ở tuổi này, tôi bỗng một ngày ngộ ra được một vấn đề tu học thú vị từ trái mít, trái mít xứ người, coi như chút Ba La Mật của một ngày lưu lạc ven trời.

TOẠI KHANH

DẤU QUÊ

Toại Khanh



Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Hắn hồi quận. Như chiếc lá về cội, như giọt nước về sông, như mưa về đất. Đơn giản thế thôi, không gì hơn nữa. Và ba lần bảy ngày làm nên con số hăm một nhỏ xíu như giấc chiêm bao trong một giấc ngủ ngày, nóng bức mệt mỏi. Nhỏ, nhanh, ngắn, mà cái gì cũng có đủ. Như một cuốn phim ngắn hoàn chỉnh nhất. Tái ngộ, sơ ngộ và trong đó dĩ nhiên còn là những hạnh ngộ.

Về rồi lại đi. Có cái duyên đưa về thì cũng phải có cái duyên nào đó đưa hắn đi. Buồn vui ngày về và vui buồn ngày đi, cũng đều do duyên cả. Mười mấy giờ bay để quay lui với những bến bờ viễn xứ, hắn cơ hồ không thể chớp mắt trong mười phút cho thật tròn giấc. Trong cái lan man giữa một miền tâm tưởng mơ hồ loang loáng như màn mưa qua cửa kính máy bay, hắn cứ nghĩ hoài một chữ mà với hắn bây giờ bỗng linh thiêng như một viên xá lợi (thứ thiệt).

Chữ Phạn Paccaya (pati+i) trong kinh Phật xưa giờ vẫn được người Tàu dịch là duyên. Khái niệm Duyên trong Phật Pháp sâu và rộng kinh khủng lắm. Nói chữ này gói hết tám vạn tư pháp môn trong kinh điển tuyệt đối không sai. Bởi khi hiểu Duyên là bất cứ động cơ hay điều kiện nào dẫn đến, đưa tới cái gì đó thì rõ ràng toàn bộ lời Phật chỉ nằm trọn trong chữ Duyên.

Hắn bỏ quê xa xứ để sống vong thân ở những bến bờ viễn mộng, đó cũng là duyên, điểm bắt đầu của một chuỗi sự kiện nào đó trong đời. Một ngày mưa trở về để không biết cái gì đang chảy trên má, nước mắt bồi hồi của đứa con tha hương hay làn mưa trong một buổi chiều trên phố cũ. Đó cũng là duyên.

Đi để theo tiếng gọi muôn trùng của mây nước, cũng là duyên. Về để lắng nghe đất quê vẫn là cõi nhớ trùng trùng, đó cũng là duyên.

Quen, thương rồi xa rồi quên mất nhau giữa dòng đời hối hả cũng là duyên.

Ngày trùng phùng hai mái đầu đều sương điểm, thương nát lòng mà vẫn phải nhớ hoài hai chữ cự ly. Đó cũng là duyên.

Biết đã một xa thì ngày trở lại khó lòng hẹn được, vậy mà cũng phải đắng lòng dứt áo rời đi. Đó cũng là duyên.

Mưa phi trường, nắng sân ga cho bao nhiêu là can tràng đòi đoạn... ai dám bảo đó chẳng là những cái duyên cho kẻ đi người ở thêm một lần hiểu được cái gì là sinh ly tử biệt.

Từ đó, sống trong lòng người đẹp Tô Châu hay là chết bên bờ sông Danube như một ca từ của cụ Phạm Duy, đều chỉ là duyên, là cái cớ cho một hay nhiều bi kịch nhân gian nào đấy.

Rồi sau cùng và trên hết, toàn bộ hành trình tu chứng của một người cầu giải thoát hay kẻ trầm luân xem chừng cũng gói tròn trong một chữ duyên.

Giới hạnh là duyên cho thiền định, thiền định là duyên cho trí tuệ nội quán. Trí tuệ này là duyên cho người chứng đắc Niết Bàn.

Hiểu được vạn hữu đều do duyên tạo sanh sẽ bỏ được Đoạn Kiến. Hiểu được vạn hữu đều do duyên mà biến diệt sẽ dứt được Thường Kiến. Bỏ được hai tà kiến này chính là Chánh Kiến, bước đầu của Bát Thánh Đạo, cái duyên dẫn đến thánh trí giải thoát.

Con đường sinh tử cũng chỉ là hành trình ngoạn mục của chữ duyên khốc liệt đó. Cái duyên trầm luân còn đó thì tha hồ sinh tử. Duyên sinh tử cạn rồi thì người ta chỉ còn một đường là bỏ hết lại mà đi.

Bất chước Nhạc Linh San bỏ Lệnh Hồ Xung để làm vợ Lâm Bình Chi hay như nàng Kiều của cụ Nguyễn Du: Ma đưa lối quỷ đưa đường, cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi, đó cũng là duyên. Cái duyên cho những nỗi khổ niềm đau.

Sống đời hay hành đạo chung qui chỉ là hành trình tìm thấy những cái duyên để mình vui hơn hay buồn hơn, tốt hơn hoặc xấu hơn, lên cao hơn hoặc xuống thấp hơn, và rốt ráo nhất, là nhận diện được cái duyên nào để mình ra khỏi hay trở lui cái vòng lẩn quẩn của cuộc trầm luân.

Bỗng nhớ Ngô Nguyên Nghiễm quá chừng:

*Khách về như một đĩa con hoang
Ấm lạnh theo ân tình của núi
Giữ áo mới hay ngoài gió bụi
Vẫn còn bóng núi ngủ trong tim...
Và trời ạ, đó cũng là duyên !*

TOẠI KHANH

NÓI NHỎ MÌNH NGHE

Toại Khanh



<http://www.mirror.co.uk/news/world-news/buddhist-monk-snapped-fondling-womans-5265868>

Như một hiệu ứng xã hội, tin tức về vụ lùm xùm của mấy vị sư Thái Lan gần đây coi như tràn ngập các báo VN, tôi chỉ biết báo Online. Từ việc một thầy trụ trì triệu phú xài tiền như nước, lạm dụng trẻ vị thành niên đến chuyện mấy chục vị hút chích ma túy. Đọc thêm phần comment của độc giả trong nước, tôi chột giật mình. Đã hơn hai tuần rồi, một khoảng thời gian khá dài cho dư luận, vậy mà chưa một tăng ni hay cư sĩ VN nào chính thức có một tiếng nói cho độc giả VN mà tôi nghĩ là rất cần thiết vào thời điểm này. Thử tìm cách gợi ý các vị tăng sinh VN đang du học, thầy nào cũng lu bù sự vụ. Có vị còn trả lời, sư rảnh thì viết đi. Một câu nói hiểu sao cũng được. Nghĩ mãi, tôi lên uống vài giọt mật gấu để ngồi vào bàn viết. Chỉ đơn giản viết lại vài điều mà rất nhiều người VN đã biết nhưng không ít người xứ mình hình như chưa biết.

Có lẽ lúc này ta nên nhắc lại một gợi ý nhỏ. Sống trong đời sống, cần có một cái nhìn. Tôi muốn nói một cái nhìn tích cực. Chẳng hạn thay vì trách bên hoa sao lại có gai thì ta nên vui vì bên gai mà vẫn có hoa. Đại khái vậy. Tôi tin kiểu nhìn đó chắc chắn có lợi cho ta và cho đời hơn. Trong bài viết này tôi chỉ muốn nói về chuyện phải hiểu sao về các nhà sư trẻ đang có nhiều vấn đề ở các xứ Thái Lan, Miến Điện. Với các vị trẻ tuổi tu học ngon lành thì từ lâu tôi chỉ biết cúi đầu vô ngôn.

Cách nghĩ của một người Thái, Miến, Lào, Khmer, Tích Lan về nhà sư theo tôi biết là không giống như các dân tộc khác. Ở mấy xứ tôi vừa nhắc, bên cạnh những nhà sư dành suốt một đời cho lý tưởng cầu đạo giải thoát một cách đúng nghĩa, số này chắc chưa đến một nửa, phần lớn còn lại là những người xuất gia như một hiện tượng xã hội, văn hóa.

Tôi đang lêu lổng, bà nội khóc quá, muốn tôi đi tu ít lâu cho bà nhìn thấy trước khi mất, thế là tôi đi. Tôi đang hư đốn, mẹ hứa cho tôi món gì đó đắt tiền mà tôi thích, với điều

kiện tôi vào chùa ít lâu. Đó cũng là cái cơ để tôi thành nhà sư trong vài tháng, như đi làm vậy. Tôi chẳng hiểu biết gì Phật Pháp, nhưng thấy mấy cô gái tôi thích cứ có vẻ cảm tình với mấy chàng từng đi tu, ngó đạo đức hơn, thế là tôi đi tu vài tháng. Trong dòng họ tôi, thế hệ nào cũng có nam giới đi xuất gia và trong làng tôi trường hợp đó nhiều lắm, thế là tôi cũng có thể trở thành nhà sư cho bằng chị bằng em. Kể cho đủ, chắc phải đến 1001 lý do kiểu vậy. Và một điều quan trọng nữa, ngôi chùa hay hình bóng chư tăng trong tâm thức người dân các xứ Phật giáo Nam Truyền không quá xa lạ như với các dân tộc khác. Từ bé ai chẳng từng ăn uống, vui chơi, học chữ ở chùa. Bởi trường học và giếng nước của làng nhiều khi phải nằm trong đất chùa mới đúng điệu. Thế là anh đi.



<http://www.timeslive.co.za/world/2013/06/18/>

Với những nhà sư kiểu này, vốn rất đông đảo, khả năng giám sát của giáo hội chắc chắn rất giới hạn. Giới lắm là trên mặt nổi mà thôi. Các tân sư thường chỉ được yêu cầu một ít chuẩn bị khá nhẹ nhàng. Biết sử dụng y bát, học thuộc ít kinh tụng để xoay sở mấy trường hợp cần thiết, ở đâu thì tuân thủ vài quy định sinh hoạt ở đó, biết lễ phép với vị nào trực tiếp giám quản mình, trước đám đông đi đứng chừng chặc một tí. Với chừng đó điều kiện là đủ để làm nhà sư trong ít lâu rồi. Và cũng từ sự đơn giản đó, rất nhiều kẻ hồ nguy hiểm đã được các vị sư ngăn ngừa này phát hiện và tận dụng triệt để nhằm người ngoài nổi niềm gì đó trong những tháng ngày ăn mày lộc Phật. Thế rồi khi một chuyện xấu của họ bị phanh phui, báo giới tranh thủ theo kiểu thương mại, người không cảm tình với Phật giáo thì qua đó tha hồ nghị luận phê phán. Phàm tâm lạ lắm, bên cạnh khuynh hướng phù thịnh bất phù suy (vui ké với người thành công, giầy xéo kẻ ngã ngựa), còn là thói quen ghen ăn tức ở để chạy theo đám đông, mượn dịp thổ lộ ác cảm của mình, thế là nạn nhân của các vụ scandal chỉ có mà chết.

Có cho vàng cũng không ai dám lên tiếng bênh vực những vị sư đang gặp rắc rối với pháp luật và giáo luật, thương lắm thì cũng chỉ mũ ni che tai vậy thôi. Nhưng qua những gì tôi vừa thưa ở trên, nếu hôm nay có người hỏi tôi nên nghĩ gì hay làm gì với mấy vụ lùm xùm đó, có lẽ tôi trước sau chỉ có một câu trả lời: Trái hư thì sẽ tự rụng hoặc bị hái bỏ, quan trọng là rán mà chăm sóc thiệt đàng hoàng mấy trái còn lại, đừng để mất bò mới lo làm chuồng. Và rốt ráo nhất, thay vì chửi ai đó là sư hồ mang hãy dịu giọng lại

để nói nhẹ nhàng rằng: Ít ra con rắn hổ mang đó cũng rắn làm sư. Thêm một hình ảnh đẹp thì sẽ bớt được một hình ảnh xấu. Hình như là vậy.

Giữa lúc các tôn giáo trên thế giới đang tối mắt với quá nhiều vấn đề, nhịp sống hiện đại ngày càng đẩy tuổi trẻ toàn cầu vào những cuộc chơi thiếu tâm linh. Không thể chỉ trách họ, một phần trách nhiệm còn nằm ở những người có thể giúp họ mà không thêm giúp. Vô trách nhiệm là món nợ lớn nhất mà người lớn đang vay của tuổi trẻ các thế hệ sau. Có lẽ đây là lúc ta phải nhắc lại câu nói của TT Mỹ F.J. Kennedy rồi sửa lại một tí. Đừng hỏi tại sao chuyện đời lại như vậy, mà nên tự hỏi mình đã đóng góp được gì cho cuộc đời để nó tốt hơn.

Nói gọn một chút, đời sống phải là hành trình của những câu hỏi và lời đáp. Ta không thể vô tâm đánh giá mọi sự theo cách mình thích, mà phải đánh giá mọi sự theo đúng cách mà nó đang là.

Muốn làm được chuyện đó, trước điều gì người ta cũng cần có một câu hỏi: Tại sao (why) nó lại thế ? Rồi tìm hiểu một cách nghiêm túc.

Tôi dốt đặc, không phải vờ khiêm tốn, nhưng xin rút gọn bài viết này bằng một công thức. Một đứa bé tám tuổi biết đặt những câu hỏi hay, coi như nó đang trưởng thành. Một người tóc bạc không biết làm những câu hỏi, thì coi như đang cải lão hoàn đồng theo nghĩa xấu nhất. Ở đây công thức được phát biểu là : Eight (8)+ Y (đọc là Why) = Eighty (80). Từ đó suy ra, một người tám mươi tuổi (eighty) không biết đặt câu hỏi sẽ thành ra đứa trẻ lên tám. Công thức là: Eighty (80)-Y= Eight (8).

TOẠI KHANH

Dây Oan

Toại Khanh



Tôi sinh ra ở miền sông nước Nam Bộ của xứ Việt. Nhưng thật lạ, phải gần nửa đời tôi mới bắt đầu nhận ra mình vốn yêu sông nước. Tôi yêu quê từ những miền đất lạ mà mình đi qua, và tệ nhất khi đôi lúc chỉ là những nơi chốn xa ngái mịt mù chỉ nhìn thấy trong sách vở, phim ảnh. Và kỳ chưa, đó cũng là cách tôi yêu đạo Phật. Ăn cơm chùa từ bé, nhưng phải đợi đến những giây khắc nghiệt ngã, khốc liệt nhất bình sinh, tôi mới nhìn thấy được rõ ràng nụ cười vô lượng của đức Phật bất chợt hiện lên đâu đó cuối trời thông lụy.

Tôi đã bao lần bất chợt nghe ra lời Phật từ những nhân duyên tình cờ không ngờ nổi. Một câu thơ thiết ngộ trong bài thơ dờ tẻ nào đó, câu nói băng quơ của một người – thậm chí không biết Phật là ai, một câu hát huê tình đem tán gái quê chưa chắc đã xong... Vậy mà trùng trùng một cõi pháp nghĩa. Đạo diễn Kim Cơ Đức của Hàn Quốc lại tình cờ có khá nhiều những cách trò chuyện lạ lùng, để qua ông, tôi có không ít cơ hội nhìn lại Phật giáo từ những góc cạnh bất ngờ nhất. Có thể nói, tôi đã yêu đạo Phật qua ông theo cách đã từng yêu quê với ông Sơn Nam ngày trước và Nguyễn Ngọc Tư bây giờ.

Lần đầu tôi biết đến ông qua cuốn phim **Bốn Mùa Đắp Đồi** (Spring-Summer-Autumn... Winter And Spring Again). Lần hai, một cuốn phim rất dễ gây hiểu lầm với một nội dung tục lụy và dăm ba cảnh quay khá bạo. Tôi muốn nói phim **The Isle** mà nghe đâu bên Việt Nam bây giờ đã có bản dịch tiếng Việt với cái tên hiền khô là **Cô Lái Đò**.

Ngẫm đến kỳ cùng, nếu chỉ lấy cái nhục cảm đơn sơ để xem phim, với hi vọng được sướng mắt gì đó, thì vài ba hình ảnh chập chờn trong phim xem chừng cũng chẳng nên cơm cháo gì. Còn nếu chỉ xem qua chỉ để mục kích một cảnh đời tăm tối, thì hình như hơi ác, và cũng chẳng có gì lạ lùng hơn cuộc đời thực bên ngoài. Thế giới bây giờ ở đâu lại chẳng có những mảnh đời kiêu đó. Vậy thì cái nội dung thật sự mà cuốn phim nhắm đến hẳn là, phải cần đến phép đọc giữa hai hàng chữ. Có thể thâm ý của đạo diễn không giống với cách nghĩ của từng người xem phim, nhưng một cách đào xới và

ngắm nghía tích cực của mỗi cá nhân, cũng là một thái độ chẳng phụ lòng người viết kịch bản.

Tôi đã bắt đầu bài viết này với một nhẩn gửi xa gần về sông nước quê hương, cũng chỉ vì ngay từ lúc gõ tay vào bàn phím, đã thấy trước mắt mình một mặt nước mênh mông, đang mờ nhạt trong màn mưa phủ, có một con đò nát đang trôi, với phận gái trầm luân của một cô lái câm thương mấy cho vừa. Trên hồ, quanh cô, là những căn chòi có kiến trúc thật lạ, khó thấy ở đâu. Vài chiếc thùng phuy được hàn kín để giữ hơi, ngó như những cái phao lớn, và trên đó gắn chặt một căn chòi bằng gỗ ghép đơn sơ. Nếu trên đất bằng, có lẽ khó ai hình dung mình có thể ăn ngủ được trong cái chuồng chật chội đó. Nhưng trên mặt hồ mênh mông, chúng xinh xắn và độc đáo quá chừng.

Hee Jin, tên của cô gái lái đò, có một dáng cách thật lạ. Ấn tượng đầu tiên của tôi về cô là một con mèo rừng tuyệt đẹp. Chút gì hoang dã, man rợ lẫn khuất bên cạnh thứ duyên ngầm chẳng rõ đến từ đâu. Thú thật, tôi yêu cô mà vẫn cứ nghe gai người. Cá tính cô mạnh mẽ như truyền thụ từ loài beo gấm, nhưng lúc bất ngờ nào đó, lại nữ tính và trẻ con đến đại khờ. Cô có thể mềm lòng chỉ vì một món đồ chơi thủ công rẻ tiền từ tay một kẻ lạ, rồi thậm chí yêu người ta đến sông cạn đá mòn. Trong lúc anh chỉ là một người chồng giết vợ để rửa cái nhục bị cấm sừng, rồi sau đó, tiếc thương suốt phần đời còn lại, của một kiếp đời dạt xô bọt mạng. Sự đại khờ của cô là bản sao trung thực của bao sự đại khờ trên đời, của muôn người thiên hạ: Yêu cái làm khổ mình, bán mạng cho kẻ hại mình, chung thân cho những thứ phù du nhất, và cứ luôn ảo vọng về những Trăm Năm, Nghìn Kiếp, Thiên Thu của những lời thề non hẹn biển nào đó, khi mà đến tuổi non trăm, nếu chưa kịp phụ nhau thì cũng cùng nhau đăng trí quên sạch.

Anh tên Hyun Sik, đã tìm đến hồ nước bao la mà cũng hoang sơ tịch liêu này như một chọn lựa cuối cùng. Ở đó, một ngày mấy bận, có cô gái câm Hee Jin dong con đò máy nhỏ xíu cũ nát đưa khách tới lui những căn chòi nổi bồng bênh trên hồ. Thiên hạ tới đây đại khái chỉ gồm vài hạng: Giới hắc đạo trốn tránh pháp luật, đàn ông trốn vợ nhà để tìm chỗ du hí riêng tư. Cạnh đó, đôi khi là những người nhàn hạ muốn có riêng một vùng trời nước xa vời. Ai đến đây cũng đều là khách. Họ muốn gì, cô lái câm chiều đón hết mình. Cô cho ra cái mình có: Chai rượu, tách cà phê, gói thuốc lá, kể cả tấm thân con gái – mà hình như từ ngày dậy thì chưa có ai nói cho cô biết cái giá thật của nó. Cô hồn nhiên không mặc cả. Mua bao nhiêu cũng bán, nhưng nhớ đừng giở thói ăn quýt. Hoa héo từ lâu, nhưng cái con mèo rừng trong nàg vẫn luôn thừa sức thua đủ với người không biết luật chơi đơn giản ở đây. Trong cuốn phim ngắn ngủi xem chưa kịp thỏa đã hết này, cô lái câm đã mấy lần chứng tỏ cái bản lãnh làm luật của mình.

Một trong những nét riêng xuất sắc của đạo diễn Kim Cơ Đức, là hạn chế tối đa ngôn ngữ và tình tiết của câu chuyện ông muốn kể trong phim. Sau khi chọn đúng diễn viên, ông giao phó hết cho họ cái nội dung thâm hậu của phim. Còn ăn, hết nhin. Họ phải phơi tim trải lòng thế nào đó để những hình ảnh trong phim tự bật ra được thứ tiếng nói vô

ngôn. Không cần nghe nói vẫn hiểu. Không cần nhìn cũng thấy. Diễn viên lúc này thành ra một thứ kịch bản sống. Họ được dặn dò một ít, dĩ nhiên, rồi ngay khi máy quay bắt đầu làm việc thì tự đưa kịch bản vào máu mình và đẩy nó trở ra trước ống kính.

Phim có nhiều cái để thấy, nhưng có một thứ tôi không sao tháo gỡ khỏi lòng mình ngay từ lúc nhìn thấy lần đầu. Đó là những sợi dây câu được sử dụng như sợi chỉ khâu chuỗi, xuyên suốt toàn bộ nội dung qua mọi tình tiết trong phim. Hình ảnh đó bỗng dung mở ra một phương trời triết lý vời vời sâu thẳm. Vạn hữu trong đời nương cây lẫn nhau qua những ràng buộc thần kỳ: Tưởng như to tát đồ sộ mà hóa ra chỉ là một tí nhân duyên bé tẹo, và cái ngó như mong manh mờ nhạt kia, chẳng ngờ, lại bền chặt dai dẳng đến vô cùng. Lớn nhỏ, ngắn dài, mềm cứng, gần xa ở đây chỉ là những chữ đồng nghĩa.

Giữa một vùng trời nước bao la, nhìn đâu cũng thấy nước, mọi công cụ trên cạn hầu như không có chỗ dùng. Ở đây gì cũng phải gọn nhẹ, thiết yếu. Chiếc cần câu lúc này bỗng dung đắc dụng không kể xiết. Xô đẩy, níu kéo, ràng buộc, tháo gỡ đều có thể dùng nó. Ân oán tình thù, sát nhân, cứu mạng, lại cũng dùng nó. Những sợi dây câu mong manh tưởng chừng muốn đứt tung lúc nào cũng được ấy lại bền bỉ, ngoan cường và đắc dụng quá chừng. Xét kỹ, vấn đề là ai đã dùng nó, nó được vận dụng ra sao và để làm gì.

Cách nay hơn hai ngàn năm, khi nghe hai vị tỷ-kheo tranh luận nhau xem, chính sáu căn hay sáu trần đã xô người vào cõi trầm luân, một người cư sĩ tóc trắng đã nhẹ nhàng góp lời bằng một hình ảnh dân dã mà thâm hậu. Ông nói không phải con bò trắng ràng buộc con bò đen hay ngược lại, mà chính sợi dây đã giữ chúng lại với nhau. Sợi dây được giải quyết thì sự ràng buộc kia tự mất. Chính thái độ tâm lý của mỗi người trước trần cảnh mới quyết định có sự ràng buộc nào giữa hai món căn trần hay không. Người cư sĩ đó chính là bá hộ Citta trong kinh điển Pāli, cũng trừ danh chẳng kém cư sĩ Duy-ma bên nhánh Bắc truyền. Có thể nói bài viết này đã lập cước trên câu nói đó của người cư sĩ Cổ Ấn.

Ta lại quay về với cuốn phim. Anh Hyun Sik đã tìm đến hồ nước hoang liêu này để sống bạt mạng đôi hôm, rồi tự sát trước khi có thể bị bắt về tội giết người. Một chi tiết nhỏ như sợi tóc đã cứu mạng anh. Ngay sau lần đầu nhìn thấy cô lái đò có vẻ lập dị nhưng lại tốt bụng kia, anh đã có chút cảm kích rồi hồn nhiên cư xử với cô như một người bạn nhỏ. Anh lấy một khúc dây đồng ngay trên căn chòi mình ở để làm tặng cô một cái xích đu nhỏ xíu, xinh xắn, có thể cầm chơi trên tay. Món đồ chơi được lấy cảm hứng từ hình ảnh cô lái câm ngồi lặng lẽ trước căn nhà nhỏ bé của cô bên bờ hồ hiu quạnh. Anh đã nhìn thấy và bỗng dung quên mất chuyện vì sao mình có mặt ở đây. Hình ảnh nhẹ nhàng của cô lái đã là một sợi dây câu nhỏ xíu níu giữ Hyun Sik với cuộc đời mà anh đang toan tính lìa bỏ. Và cái xích đu chẳng đáng gì ấy lại là sợi dây câu ràng buộc trái tim lạnh lẽo của một con mèo rừng – vốn đã bị cuộc đời chà đạp tàn nhẫn kia – với một kẻ trọng phạm tay vừa lấm máu giết người.

Cô lái đã vô tình gắn chặt lòng mình với người khách có nếp sống khép kín kỳ lạ kia. Cô dõi theo anh bằng sự nồng nàn của một người con gái mới yêu và cả sự sắc sảo tinh quái của loài thú ăn đêm. Cô đã kịp nhìn thấy anh khởi sự tự sát. Như với một cao thủ chuyên dùng ám khí, sợi dây câu mỏng mảnh trên tay cô đã được sử dụng thành thục. Cô lái đã kịp thời làm vô hiệu khẩu súng chết người kia. Thế là Hyun Sik được sống. Lần thứ hai, để sớm chấm dứt hoàn cảnh trốn chạy với những truy xét ngày một ráo riết của cảnh sát, anh lại cuồn cuộn chọn lấy một kiểu tự sát rợn người với mớ lưỡi câu có sẵn trên chòi. Anh ngửa cổ nuốt từng lưỡi câu còn lòng thông dây nhợ. Bao ngư dân trên đời đã dùng mấy thứ đó để kiếm sống, anh bây giờ dùng chúng để tìm đến cái chết. Anh muốn chúng xoắn chặt vào ruột mình để anh có cơ rời bỏ sự sống.

Hee Jin lại kịp lúc xuất hiện giữa lúc cảnh sát bủa vây trên hồ và giấu anh xuống lòng hồ qua lỗ xì của căn chòi, với một cổ họng đầy máu đang tuôn xối xả từ mấy lưỡi câu vừa nuốt.

Ngay sau đó, cô lái câm đã kéo anh lên chòi, cũng bằng một căn câu, như với một con cá. Anh nuốt vào, cô gỡ ra, từng lưỡi câu một. Anh lại được cứu sống lần nữa. Cứ cho là anh đã hiểu ra lòng cô lái, nhưng trời ơi, cõi trâm luân vốn không thể nhẹ nhàng đơn giản thế.

Ngoài việc đưa đón khách đến thuê chòi trên hồ, Hee-Jin còn kiêm nhiệm cả việc đưa đón mấy cô gái ăn sương lui tới với khách trọ ở đây. Và chuyện trớ trêu đau lòng, là có một ngày, chính cô đã vô tình đưa một cô bé kiểu đó đến cho Hyun Sik. Ấy trẻ đẹp, và xem chừng sạch sẽ, sành điệu hơn cô lái câm rất nhiều. Ngoài những phút giây xóc cứng lạnh lùng làm món đồ chơi cho thiên hạ giày vò, cô cứ như con mèo rừng chưa từng biết qua cái gì là yêu với hận, cùng những góc kín tâm tư thường tình trong cõi nhân gian. Nhưng hôm nay, con mèo rừng ấy bỗng dưng nhận ra mình còn là một người đàn bà. Và nếu đã vậy, đàn bà phải đáng mặt đàn bà.

Cô gái ăn sương kia ai ngờ đã quay lại. Hee Jin đau đến se lòng. Thế đã quá quái lắm rồi. Đã đi sao còn quay lại chứ. Và kể từ hôm nay, ngoài cô, anh ấy vĩnh viễn không thuộc về bất cứ ai trên trần gian này nữa. Giằng co, toan tính, sau cùng Hee Jin bước xuống con đò nát để đưa cô gái kia ra hồ. Nhưng cô dĩ nhiên không đưa khách đến căn chòi nổi của Hyun Sik. Hee Jin đưa cô gái tới một căn chòi vắng, trói chặt tay chân rồi bỏ mặc ở đó. Đêm khuya, cô gái đói lạnh và sợ hãi, vùng vẫy thế nào rồi bị rơi tõm xuống hồ giữa đêm đen. Hôm sau biết ra, cô lái tìm cách phi tang xác chết tình địch, và yên bụng là kể từ giờ đã có thể mãn kiếp với kẻ mình yêu. Hai người đã đưa nhau bông bênh khắp hồ, ghé từng cồn cỏ, bờ lau, nồng thắm như hai kẻ tình nhân đẹp đôi. Như nàng là một sơn nữ trong trắng có mảnh đời đơn sơ, như anh không có nỗi đời truân chuyên. Cô cứ tưởng mình đã ít nhiều hiểu về đàn ông: Có thương nhớ bao nhiêu rồi cũng dễ xa mặt cách lòng, cô bé kia chết rồi, anh coi như chung thân ở đây. Nhưng buồn thay, đó chỉ là một góc nhỏ của đàn ông. Ngăn không cho họ rời khỏi chỉ là một nửa hành trình, một nửa còn lại là cái gì

để giữ họ lại. Nhưng con mèo rừng của chúng ta quá thơ ngây để chỉ có thể rút cầu mà không biết làm rào.

Vết thương vừa tạm lành, như vừa trở lại từ một cõi khác trong một hình hài hoàn toàn mới, Hyun Sik rõ ràng có vẻ muốn yên phận với chiếc lồng đời mình, hết như con chim bé nhỏ mà anh đã mang theo để bầu bạn trong những ngày cuối đời. Ai ngờ, một anh chàng ma cô có lẽ là tình nhân của cô gái ăn sương vừa chết tức tử kia đã tìm đến vùng hồ nước để kiếm cô bạn gái đi đã lâu mà không thấy về. Lại xảy ra một trận xô xát, hấn bị Hyun Sik đánh ngã xuống hồ và Hee Jin lại xuất hiện. Cô không muốn chuyện lại sanh chuyện, nên đã cố ý để gã ma cô chết đuối, rồi lại cũng tìm cách phi tang tử thi theo cách trước đó là cột vào vật nặng rồi chìm sâu dưới hồ. Tự dưng Hyun Sik lại dây vào một án mạng. Anh ngao ngán cho mình và nhìn lại Hee Jin, anh chợt thấy lạnh người. Cô càng lúc càng giống hết một con beo cái, một con mèo rừng.

Sáng nay, hai người ra ngồi cạnh nhau trước chòi để câu cá. Trời xui thế nào, Hyun Sik câu lên một con cá lớn chỉ còn trơ xương. Thịt hai bên sườn của nó trước đó vài giờ đã bị một ông khách tàn nhẫn dùng dao lóc gọt gọn để ăn theo cách của người Nhật. Sau đó ông ta thả nó trở lại mặt nước để nhìn cho vui mắt.

Hyun Sik bỗng dưng tự thấy mình giống hết con cá đáng thương đó: Cũng nuốt nhầm lưỡi câu và sống không bằng chết. Rõ ràng anh đang bị tù đầy đến ngạt thở trong một hồ nước không lối thoát. Trước đó vài hôm, lúc chưa bắt gặp vợ mình trong tay kẻ lạ, anh vẫn là một người đàn ông tràn đầy hi vọng và sức sống. Gây án xong, suy sụp tinh thần, anh quên mất bản lãnh tự nhiên của một thằng phái mạnh để sống chui rúc lưu đầy và cúi mặt thọ ơn một người đàn bà quái dị. Sau những đông tố vừa qua, đúng là anh đang thả trôi đời mình trên mặt hồ hiu quạnh này. Anh tuyệt không tưởng nổi một cuộc đời thăm thẳm trước mặt bên cạnh một người câm có tính khí quái lạ kiêu đó. Ít nhiều Hyun Sik đã mơ hồ nhận ra phần nào cá tính bạo liệt dám yêu dám hận của Hee Jin. Cứ cho là nàng có chút nhan sắc, nhưng rõ ràng đó là một cái hoa độc. Thôi thì, nếu còn có một kiếp sau vậy...

Hyun Sik quyết định ra đi. Nhưng chuyện đó bây giờ không còn đơn giản nữa. Hee Jin không nói được, nàng bị câm, nhưng đã bằng cách thế của một con mèo rừng ngấm mạch cho *Hyun Sik* hiểu rằng chuyện đó là bất khả. Và trước mắt, nàng giành lấy con đò, phương tiện duy nhất để rời chòi, và trở về túp lều trong bờ. Lại bỏ mặc anh như từng bỏ mặc cô gái ăn sương hôm trước. Nhìn cô lúc này khó nói là đáng thương hay đáng giận, nhưng phải nhận rằng đây là lúc nàng trông giống con mèo rừng hơn bao giờ hết. Nó đã lên con và chỉ đang nằm phục bên hang chờ đợi đối thủ.

Đêm xuống, vẫn không thấy Hee Jin, Hyun Sik đoán ra phần nào hoàn cảnh hiện tại của mình. Không thể làm gì khác, anh tháo lấy một thùng phuy dưới sàn chòi và lội vào bờ.

Hồ rộng quá, anh bắt đầu đuối sức. Trong lúc rã rời tay chân, Hyun Sik nhìn thấy Hee Jin đang đứng trên con thuyền cách mình vài thước. Trên mặt cô là một sự miễn cưỡng và kiêu ngạo của kẻ thắng trận. Dĩ nhiên rồi cũng phải cứu nhau thôi. Nhưng cái mà anh nắm được lúc đó để khỏi chết đuối lại không phải là một bàn tay hay cây chèo. Đó là một sợi dây câu. Cái lưỡi thép của nó ghim sâu vào bàn tay anh. Nhưng mặc kệ, anh phải sống.

Đến tận giây phút này, cái lưỡi câu oan nghiệt vẫn cứ gắn chặt vào đời Hyun Sik. Sao lạ thế. Anh có chuyện là lại thấy nó. Vẫn sợi dây câu và cái lưỡi câu. Bé nhỏ mong manh mà dai dẳng, lì lợm, tàn độc. Có lẽ chỉ có hành giả tu thiền quán mới là người thấm thía tận tuyệt cái huyền nghĩa này. Thích là khổ, càng khổ càng tìm đến cái thích. Ghim sâu, cắn chặt, đan xen, hòa quyện. Vừa sợ vừa thương, vừa ghét vừa thích. Tương phản nhưng níu giữ lấy nhau.

Đỡ Hyun Sik lên chòi, Hee Jin lặng lẽ lấy kèm tháo lưỡi câu khỏi bàn tay anh. Nàng chăm chú cần mẫn làm việc, thản nhiên như đang gỡ cá mắc câu. Anh đã không thể chịu đựng được nữa. Đến mức này núi cũng phải nổ. Anh ra tay với nàng như với kẻ tử thù. Chà đập thô bạo và bắt chấp như đối với một ả điếm, một con thú. Phần hạ thể của nàng cũng không được bỏ sót.

Tôi xót xa mà cũng rung mình với nét mặt cô lái lúc đó. Cô bình tĩnh chịu đựng như đã biết trước. Cô lúc này như một con beo cái trọng thương bị đàn con bu quanh rúc sữa. Đau đớn mà không lẩn tránh, không biểu lộ cảm xúc. Hận mà thương. Thương sâu thẳm mà cũng hận ngất trời. Xem đến đây tôi ngờ rằng, đạo diễn phải là một người am hiểu Phật học mới có thể nặn ra một bức tranh hoàn hảo như vậy về nỗi đau trầm thống bất khả diễn dịch của cõi nhân sinh.

Vậy rồi Hyun Sik thua cuộc ngon ơ. Dáng nằm biển rộng sông dài của Hee Jin lúc đó khơi gợi ở hẳn tất cả cảm xúc phải có của một gã đàn ông. Đắm đá đến mỗi mết, anh đồ gục xuống và chìm hẳn vào cô qua con đườngnguồn cội nhất.

Hôm sau, gì cũng tàn cuộc, ngó ra con đò đang cột bên chòi, anh thấy ra con đường giải thoát cho đời mình. Anh bước xuống, mắt không nhìn lại.

Ngồi lại một mình trong chòi, Hee Jin đổ lệ nhìn theo, không một động tác phản ứng. Cô như người vừa thua trắng một canh bạc. Cô thần thờ. Tôi đã vì anh trao ra mọi thứ. Cứ cho là tôi đã mời chài anh, nhưng những dây câu ấy là sự sống của tôi. Tôi tưởng đã giữ được anh lại bằng sợi dây chắt mót sau cùng, nhưng anh cũng bỏ mà đi. Được lắm, anh không cần đến nó. Anh đi rồi tôi cũng không cần đến cái lưỡi mời đó nữa, tôi hủy cho anh thấy, cho anh hận suốt đời. Hee Jin nhào người nắm lấy chùm lưỡi câu ngời ánh thép và bắt chước anh ngày đó. Nhưng không phải nuốt vào cổ họng. Cô mím môi lùa mấy ngón tay. Càng sâu càng tốt. Anh từ đó mà thương tôi, quặn quít quỳ lụy tôi, giờ tôi phá nát. Một lưỡi câu, hai lưỡi câu, cứ thế không sót một cái. Và động tác sau cùng mới ghê

người. Nắm lấy các mối dây câu giật mạnh xem sao. Chẳng có gì lạ. Chỉ một cái nhói buốt lên đến cao hoang. Thế thôi.

Con đồ chờ Hyun Sik đã rời chòi khá xa. Bỗng một tiếng rú rợn người thốc mạnh vào màng nhĩ của anh. Anh không suy nghĩ gì thêm, chỉ biết quay thuyền. Bể lấy cô mang vào chòi, anh phục xuống cứu thương, chăm sóc thành kính như đang quỳ trước thần tượng. Anh lại cứu cô theo cách cô đã cứu anh.

Lần này, Hyun Sik tự nguyện làm tù nhân mãn kiếp ở đây, ngay dưới chân cô lái. Lạ chưa, cô vẫn một nét mặt và dáng cách kiêu ngạo như tự bao giờ. Trong anh lúc này cơ hồ bé nhỏ hẳn lại. Bên vai trò một tình nhân, anh còn như một thằng bé bên vú mẹ. Một bà mẹ khóc liệt và cũng cao cả không ngờ. Anh phung phá hung hăng mà cô vẫn bao dung đón nhận. Không ngả nón chào thua thì đúng là nghịch thiên bội địa.

Họ như quên hết mọi sự vừa diễn ra mấy ngày qua. Hạnh phúc, đầm ấm. Sơn sửa lại căn chòi, họ đón gió sớm ngóng mây chiều và chờ đợi biển dâu.

Đạo diễn xem ra còn khó tính hơn trời hay ham hố đa tham chẳng rõ, khi kết thúc cuốn phim bằng một dấu chấm nảy lửa mới thôi.

Bằng một sự tình cờ không sao ngờ trước được, ông khách thuê chòi của Hee Jin làm rớt cái đồng hồ bằng vàng xuống hồ và đã thuê thợ lặn xuống hồ. Cái đầu tiên toán thợ tìm thấy chính là xác chết của một cô gái bị cột chặt vào chiếc xe gắn máy do ai đó cố ý đẩy xuống hồ.

Trong làn sương buổi sớm trên hồ, Hee Jin đã từ xa thấy ra sự việc. Cô biết mình phải làm gì lúc này. Cô lặng lẽ tháo lấy cái máy ghe từ con đồ nát của mình đem gắn vào căn chòi, và cặp tình nhân đã vào tận chỗ xa khuất nhất của vùng hồ. Họ đi mà không có ý quay về. Họ không có lý do và ý định trở lui nhân gian. Họ bây giờ giống hệt nhau rồi. Hai con mèo rừng quạnh quẽ giữa một vùng trời nước dịu hiu. Họ trở lại cái cồn cỏ vắng ngắt mà hai người từng ghé đến hôm nào. Như hai con thú rừng về hang.

Ảnh cuối của phim là một bức tranh trừu tượng có thể hiểu sao cũng xong. Nhưng tôi vẫn cứ trộm nghĩ đó mới chính là toàn bộ nội dung cốt tủy của cuốn phim. Mọi chuyện khép lại với hình ảnh Hyun Sik tung tăng lặn hụp trong làn nước trong xanh, trong vắt, như một thằng bé thiếu mẹ, anh vùng trời lên và nhìn quanh, tìm kiếm. Không ai cả. Hee Jin không dung biến mất. Trước mắt anh mặt hồ vẫn mênh mông hoang vắng. Lùm cỏ trước mặt là chỗ hi vọng sau cuối để tìm cô. Anh tiến sâu vào. Từ cận cảnh, ống kính thu nhỏ và đẩy mọi thứ ra xa. Hyun Sik đã chìm khuất trong lùm cỏ đó, chỗ xuất phát của mọi phiền lụy đời anh. Anh từ đó ra đi và cuối cùng lại cũng trở về. Chỉ vì anh vẫn chưa có một lối thoát.

Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức,... Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không. Cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt. Và bỗng dưng tôi lại nhớ đến một quy tắc nhỏ trên computer: *Start* chỗ nào thì cũng *Exit* chỗ đó.

TOẠI KHANH

TUỔI HẠC HIÊN CHIỀU

Toại Khanh



Chẳng biết có phải đã vào tuổi xế hay sao mà cứ thấy thời gian qua nhanh quá đổi. Muốn làm gì cũng sợ không còn kịp thời gian. Đồng hồ đi mau như có ai vận kim. Nhiều khi nhìn quanh những chuyện đạo đời bát nháo lòng cũng nghe cảm cảnh, muốn bỏ về chốn nào thiết quạnh để tu thân mà cứ phân vân. Đi đâu, gặp ai và sẽ làm gì để mình khá hơn, khi chính mình hình như cũng góp sức một phần vào cái nhiễu nhương đáng buồn ấy.

Ngẫm nghĩ tới lui rồi lại cũng nhớ về cái chuyện khiến mình bận lòng nhiều nhất. Thời gian qua mau quá, người xấu chưa kịp hồi tâm và người hiền chưa kịp hưởng phúc thì ai cũng phải xuôi tay mà đi. Đã vậy, thiên hạ hình như cứ tiêu hoang thời gian như thể nó còn nằm đó mãi hoài để chờ đợi họ sống cho thỏa. Đọc mấy trang báo online mà nghe ngán ngẫm. Thế giới ngày một văn minh hơn, vậy mà đời sống văn hóa hình như ngày một đi xuống. Lớn bé dốt nhau đi xem những thứ phim ảnh giả tưởng rồi phù thủy như một kiểu sống thời thượng, đẩy doanh thu của mấy cuốn phim đó lên hàng tỷ dollar. Thời đại của những R.Tagore, H. Hesse đã qua mất rồi. Người ta sợ suy tư rồi già sớm, sợ minh triết quá sẽ bớt vui, nên rủ nhau sùng thượng những giá trị thiêt lạ đó, tối mịt. Khi anh thờ phụng những món mạt hạng thì lòng anh làm sao còn chỗ cho những giá trị cao hơn đâu gởi.

Đạo hay đời, từ cá nhân đến đoàn thể, và cả quốc gia rồi toàn nhân loại cũng đều thế cả. Những nơi chốn tôn giáo coi trọng hình thức âm ỉ và lờ lợt, thì cõi tâm linh cho tín đồ bị bỏ ngỏ là cái chắc. Cứ bình tâm theo dõi tình hình tôn giáo trong và ngoài nước sẽ thấy ngay điều đó. Việt Nam nói riêng, và thế giới nói chung, ngoài việc hoang phí tài

nguyên thiên nhiên, còn hoang phí một thứ khác cũng quý giá không kém, đó là thời gian. Hơn một nửa thời gian, tiền bạc và công sức của nhân loại trong từng ngày đã đổ ra cho những chuyện không cần thiết. Tôi nhớ một nghiên cứu Tây phương đã từng cho biết vậy. Rừng đã đốn có thể trồng lại, nhưng thời gian đã qua thì không sao tìm lại được. Chúng ta đang già đi trong nỗi niềm phá sản. Tôi không phải một nhà giáo dục, nhưng cứ phát hoảng khi nhìn thấy khuynh hướng tâm lý của nhân loại bây giờ. Kẻ cầm quyền và người bị trị đang nghĩ nhiều về cái gì, đó chính là tương lai của thế giới. Cả hai thứ oxygen cho thể chất và tinh thần đang bị ô nhiễm nghiêm trọng trên hành tinh này.

Viết đến chỗ này, tôi còn nhớ thêm một chuyện khác để mà buồn. Nghĩa tử nghĩa tận, ai cũng biết chuyện đó, vậy mà ngay sau ngày ông Phạm Công Thiện ra đi, tôi bàng hoàng khi đọc thấy trên internet những bài viết mạt sát ông không còn sót chỗ nào. Từ học thức đến nhân cách, rồi đời tư và toàn bộ những công trình tác phẩm của ông gì cũng bị xem là rác. Đau nhất ở chỗ trong số những người viết bài ấy có không ít kẻ là trí thức hần hoai và còn là bạn thân một thời của người vừa khuất nữa chứ. Người ta mắng ông để tẩy xóa ông. Đời đang đốt cháy mọi thứ hiện có, và với tốc độ chóng mặt của thời gian, mọi thứ sẽ được thay thế. Và như tôi vừa thưa, mọi thứ trên thế giới bây giờ có đủ để thay thế cho những gì thuộc quá khứ đang bị chà đạp hay không. Nhưng vậy đã hết đâu, cách đây mấy hôm, nhà văn Nguyễn Thanh Ty đã lên TV hải ngoại đả tố Trịnh Công Sơn một cách tàn nhẫn và rẻ tiền. Và thậm chí là những phản hồi của thiên hạ trên internet ngay sau chương trình phỏng vấn đó. Bao người đã hỉ hả mát ruột khi thấy “*anh chẳng hơn gì tôi*”. Vậy là vui rồi. Tôi không là người thân của ông Phạm Công Thiện hay Trịnh Công Sơn, nhưng chuyện hai ông bị mạt sát kiểu đó đã khiến tôi chạnh lòng. Tôi dốt, nhưng theo chỗ nghĩ riêng tư thì Việt Nam đã có ai đủ để thay thế hai nhân vật đó. Chúng ta chà đạp cho trên đời không còn thần tượng, để hi vọng một ngày mình có thể ngoi lên vài tấc trên một mảnh đất không còn thần tượng nào nữa. Tôi nhắc chuyện hai ông Phạm và Trịnh chỉ để minh chứng cho điều đang muốn nói là trào lưu phá cũ lập mới một cách nguy hiểm của thiên hạ hôm nay đang vào hồi quyết liệt và thật đáng ngại.

Thế giới đang tiêu hoang, đang phung phí những thứ mình có. Thời gian của kiếp người có vài chục năm, nhưng ta đã làm gì với chừng ấy năm tháng. Những giá trị của thế giới ngày một cạn kiệt, nhưng thiên hạ rõ ràng đang từng ngày chối bỏ những thứ cần được giữ lại. Ai biết đâu được sẽ có một ngày kinh sách tôn giáo sẽ được thay thế bằng mấy tập Harry Potter, và câu đại minh chú bằng tiếng Phạn *Om Mani Padme Hum* sẽ được thay thế bằng một dòng chữ Mỹ ***Om Money Ipadme Hum***. Đời nay còn cần gì hơn vậy nữa: Thiệt nhiều tiền và một cái *Ipad Generation Two*!

TOẠI KHANH

Tôi Xem Phim Quỳnh Chân Y
Toại Khanh



Phật điện thâm nghiêm huyền mặc, một cô bé tuổi chừng bảy tám đầm dề mờ hôi, khấu đầu trước Phật tượng để thực hiện cho bằng được 3000 cái lạy chỉ với một mục đích duy nhất, là được gặp lại người mẹ mà mình chưa từng biết mặt. Và có ai ngờ giây phút đó đã là điểm bắt đầu cho một trận ba đào nhân thế.

Cô bé ấy đi tìm mẹ, một kỹ nữ tài hoa mệnh bạc, đã mắc lỗi nghề nghiệp là vụng dại yêu người, rồi thế là có cô. Để giải thoát cho con, nàng đem gửi nó ở chùa. Hôm nay, nó đã vừa đủ lớn để đi về phố, mà cũng là về đời, để tìm mẹ, cội nguồn của nó. Rồi hình ảnh những người kỹ nữ nhìn thấy trên đường, đã đưa cô bé vào một định phận thật khốc liệt. Phật chất trong cô không đủ mạnh để làm nguội lạnh dòng máu ca kỹ mà cô đã kế thừa từ mẹ. Tình mẹ đưa cô rời chùa, nhưng niềm đam mê thống lụy kia đã đẩy cô về với đời, cõi trần luân nằm ngoài ánh đèn Phật tự. Nhìn thấy ánh mắt cô bé trông theo đoàn ca kỹ, tôi ngẫm hiểu đời cô từ giờ đã vụn vào một thứ khổ nghiệp.

Cái độc đáo của câu chuyện bắt đầu ở chỗ bàn tay từ tâm đầu tiên đón nhận cô trở lại với đời, cũng chính là bàn tay sẽ đưa đời cô vào chỗ oan nghiệt. Người trong kỹ phường gọi bà bằng một danh xưng trịnh trọng là Hàng Thủ Bạch Vũ. Cái ngọt ngào rất chân tình của bà đã là một níu kéo khó chối từ cho cô bé ham vui kia. Bà biết gốc tích đáng nể của mẹ cô ngày xưa và cái tài thiên phú của cô hôm nay. Bà đón nhận cô, nuôi dạy cô, nhưng

cũng là để giết chết đời cô. Góc cạnh này thiệt thâm thúy. Chốn đất lạnh bình yên là mái chùa đầy ắp đạo tình ngày nào với cô, bây giờ không phải chốn về đích thực, chỉ là một lữ quán qua đêm mà thôi. Cô không bao giờ thuộc về nơi chốn đó. Cô đi tìm mẹ chỉ là tìm lại cội nguồn của cái hình hài da thịt, nhưng cô bỏ chùa để được múa hát chính là tìm về cội nguồn sinh tử của cô. Tìm gặp lại mẹ không phải cứu cánh cao nhất của đời cô, cô còn có một nguồn cội khác còn hơn cả vòng tay mẹ nữa. Cô quên chùa, quên Phật, quên thầy, chỉ để được hát múa như những người ca nữ mà cô đã nhìn thấy. Lại một bài học khác của nhân gian: Người ta vẫn thường xoay lưng với chính mình bằng cách chối bỏ đất sống để tìm về cõi chết, và ngoài cái nhu cầu cơm áo thường nhật, mỗi người còn luôn bị tác động bởi những hấp lực thâm kín nào đó từ đáy lòng.

Nhiều năm trước, tôi từng đọc mê mẩn cuốn **Bay Đêm** của Saint Exupéry, rồi thì **Chàng Hải Âu Kỳ Diệu** (*Dịch từ nguyên tác tiếng Anh là Jonathan Livingston Seagull của Richard Bach*). Tôi sợ và ghét kỷ luật, nhưng mê hai cuốn sách này, chỉ vì trong đó kỷ luật đã trở thành kỹ thuật và được nâng lên thành một thứ nghệ thuật. Rồi hôm nay, tôi đã bắt gặp lại cảm giác đó khi ngồi xem bộ phim kỳ lạ này. Từ giờ, tôi đã biết kính trọng vũ nghệ Triều Tiên như đã từng không dám xem nhẹ tay nghề của những nghệ giả (Geisha) bên Nhật Bản. Ở đó, nghề ca kỹ không còn là thứ tiện nghệ tầm thường của giới phần hương thường thấy, mà là thứ nghệ thuật đòi hỏi bao kỹ xảo đáng để hàng cao nhân thường lãm. Ngồi xem từng bài tập của kỹ phường, nghe lý thuyết rồi xem thực hành, tôi cứ ngỡ kẻ viết kịch bản cho bộ phim hẳn không chỉ muốn giới thiệu riêng mỗi chuyện múa hát.

Đành rằng chuyện đời có gay cán ly kỳ đến mấy cũng chỉ là những cuộc chơi, nhưng có cuộc chơi nào mà chẳng có luật chơi chứ. Nghề chơi nào chẳng công phu. Để có được tiếng hát như ý, các ca nữ phải ra thác mà tập. Để có được những vũ khúc khuynh thành, họ phải khổ công như một cao thủ võ thuật: Lặn nước, đi dây, treo người, đội chậu, luyện thở. Hãy thử nghe họ nói về những kỹ thuật mới khiếp. Một kỹ nữ lão luyện không thể không biết thở và đi thể nào cho đúng mức. Hai chuyện đó bây giờ không đơn giản là nhu cầu sinh học nữa, chúng phải được xem là những kỹ thuật sống còn trong làng nghề. Họ phải bán mạng cho những bài tập kinh người đó chỉ vì một lý tưởng rất đau lòng: Trở thành món đồ chơi hoàn hảo của muôn người thiên hạ. Đời là vậy mà: Anh chỉ trở nên toàn bích hoàn thiện khi không thuộc về một cái gì riêng tư. Một kỹ nữ đúng mức có thể khiến cả thiên hạ phải yêu mình, nhưng bản thân không được phải lòng bất cứ ai trong số đó. Và lý tưởng cao nhất của một kỹ nữ thượng thặng không phải là bạc tiền hay danh phận, mà chỉ là một nỗi đau cho mình và cho người: Có khả năng khiến người đau đớn và bản thân phải nuốt được những đắng cay ghê gớm nhất. Không làm được hay không hiểu được chừng đó nguyên tắc, sống không bằng chết. Đã thế, bất cứ một nam tử hán nào đem cái chung tình mà yêu kỹ nữ thì cũng xem như nhầm chỗ. Đời họ là vậy, không tin ai và cũng không ai nên tin họ. Họ là tiêu biểu sống động nhất cho cái gọi là cuộc thế phù du này. Kỹ phường ở đây như một chốn thâm cung không có lối ra. Người

kỹ nữ chỉ có thể ra khỏi đó, tức chối bỏ được kỹ tịch, khi đã là một xác chết. Nó như bao thứ ngục tù khác trong nhân gian này vậy: Anh chỉ được giải thoát sau khi đã có một hóa thân khác. Lối mòn đôi khi đồng nghĩa với sự giam hãm.

Cô bé Minh Nguyệt Chân Y kia đã từng bước rời xa chính mình để trở thành một con người khác. Cô đã khóc hết nước mắt khi yêu người, được người yêu, và sau cùng là không còn gì hết. Mỗi tình đầu đời của cô đã kết thúc tức tưởi khi cô đã yêu một người cao hơn tầm vóc, và đã vậy, mang thân một kỹ nữ, cô đã phạm phải một lầm lỗi chết người là sự rung động trái tim. Người tình chết, con người cũ của cô cũng chết. Thật khó tìm thấy một sức sống mãnh liệt hơn thế. Vùng dậy từ nỗi đau thấu trời, Chân Y trở thành một đệ nhất tài nữ. Cô múa như đi trên lưỡi kiếm, cô hát bằng lời liêu trai của loài ma nữ. Cô múa hát với bóng hình của người đã khuất, quên hết bao người chung quanh. Hát chân thành, múa chung tình. Đốc sức đến tận tuyệt, kỳ cùng, không còn gì để sợ hãi, e sợ, thế là đứng trên thiên hạ. Là một kỹ nữ, cô cũng còn là một kỹ nữ. Cô như một hành giả đã chạm mức: Ai thấy được tới nơi tới chốn cái Khổ Đế thì tự dung liễu ngộ được Tập Đế. Cuộc tu hành nào cũng là hành trình nhận diện Khổ Đế. Trong nghệ thuật kỹ nữ, càng kinh nghiệm đau khổ thì bản lĩnh càng lớn, để từ đó có thể làm chủ được niềm đam mê. Được vậy, thì người nghệ nhân nào cũng đạt tới đỉnh cao của nghệ.

Cái kỳ lạ của bộ phim Quỳnh Chân Y nằm ở chỗ, có thể tóm gọn nội dung sâu sắc của nó qua từng lời thoại trong phim, những câu nói của người trong cuộc. Nếu có một giải Oscar cho phần lời thoại của phim, tôi rất muốn đề cử bộ phim Quỳnh Chân Y này. Có thể đó chỉ là những kỹ thuật hướng dẫn kỹ nữ, nhưng có thể nói, nhiều câu trong số đó đáng được xem là khẩu quyết cho người hành đạo: Hãy vùng rộng hai tay với tâm niệm đang ôm lấy thiên hạ, hãy biến ảo đôi chân để người xem không biết mình đang bay hay đang bước, một vũ công thượng thừa dù múa một mình (độc vũ) hay chung với nhóm đông (quần vũ) đều hoàn hảo, hãy xem hơi thở là một với cơ thể, chỉ cần làm chủ được hơi thở sẽ làm chủ được chính mình, và trên hết, khi cần hãy quên mất mình là ai. Người viết kịch bản cho bộ phim đã đặt lên môi các nàng kỹ nữ những câu nói minh triết đáng được nhớ đời. Trong nghi thức Hiến Tân Bàn Hoa Thảo, ngày các kỹ nữ sắp ra nghề phải chịu mất đời con gái với một lễ quan theo phong tục thời đó, ta hãy nghe một cô bé nói một câu xanh rờn: *Không có gì để tiếc nuối và sợ hãi, chúng ta như một đôi giày, chỉ phát huy tác dụng từ lúc được ai đó xỏ vào chân*. Một câu nói độc địa khốc liệt nhưng đã ôn lại cho tôi một bài học giáo lý khó nuốt: Đời sống phải cần đến những xây xát, trầy xước để mà trưởng thành và bắt đầu hữu dụng. Niềm đau là cái bắt buộc trong đời, và nó chính là lối thoát, là cơ hội thăng hoa của vạn vật. Chính nỗi đau đã dạy người ta biết sống linh cảm, biết trăn trở, biết choàng dậy để không mãi hoài ngủ mê. Tôi còn học thêm được câu nói khác: Không phải kẻ mạnh thì sống, mà ai sống được mới là kẻ mạnh. Tuyệt!

Chân Y bẩm sinh thông tuệ, cần mẫn và hiếu học. Chỉ hiềm một nỗi là niềm đam mê của cô lớn quá, nó buộc cô phải sa chân vào một nơi chốn lẽ ra cô không nên có mặt, dù thực ra đó mới là đất sống của cô. Phải mỗi ngày đối diện với những âm mưu bẩn thỉu, cô đã hoang phí không ít thời gian cho những đối đầu. Nhìn quanh kỹ phường, tôi cứ e ngại cho cô, ngoài mẹ và một cô bạn, cô gần như không còn ai để có thể tin cậy. Có một hình ảnh thật đẹp và dễ thương, mỗi khi bế tắc quá, Chân Y hoặc chạy về ôm gối mẹ hoặc tìm lên chùa để mách chuyện với người sư phụ năm nào. Thì ra bên trong sâu thẳm con người tục lụy của mình, cô vẫn còn giữ lại được chút đạo tình của một người sư nữ lạc bước đường trần, một hạt Bồ-đề lưu lạc nhân gian. Nhưng về với mẹ hay với chùa bao lâu rồi cô cũng phải ra đi, về với kỹ phường, với bao thứ nhục nhằn thống lụy luôn chờ mình phía trước. Tất thảy những thứ đó đều là cái giá mà cô phải trả.

Mối tình đầu không còn nữa, dù vẫn chưa biết qua mùi đàn ông, Chân Y đã trở thành một người đàn bà trong tâm hồn. Cô bắt đầu biết dạn dĩ, biết tận dụng sở trường bản thân và theo cô, từ bây giờ sẽ là những ngày tháng sống tàn nhẫn để trả thù cuộc đời đã giày xéo tim cô. Và câu chuyện cứ hết như lấy ra từ kinh Phật, khi chính người giảng bầy đã sụp bầy. Chưa kịp hại ai, cô đã trở thành nạn nhân của chính mình khi yêu lấy một người chỉ vì họ có chỗ giống Ân Hạo tình cũ. Cứ vậy cuộc đời long đong của cô xem ra đã phải qua mấy lần đò. Nghĩ mà thương!

Quỳnh Chân Y là một bộ phim đẹp, chữ đẹp hiểu ở nghĩa nào cũng được. Nó đẹp nhờ ở công phu của người làm phim và những chiều sâu của kịch bản: Chiều sâu qua tình tiết và ngôn ngữ. Từng phút trong phim là những bước chân của đạo học, triết học, với riêng tôi, còn là Phật học. Phim của Hàn Quốc, nhưng khi ngồi xem, tôi cứ lan man nhớ về một tác phẩm của Ernest Hemingway, cuốn **Giã Từ Vũ Khí** (A Farewell To Arms). Những tình tiết, những thời khắc quan trọng chết người đều diễn ra dưới mưa, mưa đêm rồi mưa chiều. Những thời khắc đó rất ngắn, chẳng được một phần trăm tổng thời gian của phim, nhưng cứ Chân Y gặp chuyện thì trời phải mưa, hay phải đợi có mưa thì mới sanh chuyện. Những màn mưa đó cứ bắt tôi nhớ về những dòng thác, những giọt lệ, những ba đào, những buốt lạnh tê cóng của cõi trầm luân. Bộ phim dài lắm, nhưng rốt cùng vẫn là câu chuyện đời đầy chìm nổi và đáng nhớ của người tài nữ phi thường đó bên xứ Triều Tiên xưa. Trước sau ba cuộc tình tan nát, cộng với cái thiên tài ca vũ có một không hai, Chân Y đã gián tiếp và cả trực tiếp can dự vào lịch sử văn hóa Triều Tiên. Bộ phim từ đó không chỉ là chuyện về một người, mà còn là một tài liệu quan trọng về lịch sử âm nhạc của một xứ sở có nền văn hiến lâu đời và đáng nể như Hàn Quốc. Chính Chân Y, một kỹ nữ có tên trong sổ đoạ trường, đã là người đảm nhiệm trọng trách lớn lao đó, khi một mình dấn lên tất cả lừa dối của nhân gian, vượt qua những máu lệ nát lòng, để một mình ngồi viết lại những trang sử huyền hoặc cho dòng hương nhạc và nữ nhạc kỳ tuyệt của quê hương, để chúng có thể trường tại cùng văn hóa và dân tộc cô từ bây giờ đến mãi mãi. Cứ nhìn cô lướt với những Kiếm Vũ, Hạc Vũ thì ta phải hiểu, qua cô, lịch sử ca vũ và cả văn hóa Triều Tiên vừa được viết thêm một trang mới. Không cần phải là

người Triều Tiên, chỉ cần có chút lòng với cái đẹp, với tinh thần nghĩa dũng, người xem phải ít nhiều biết ơn cô. Sao lại phải thế chứ? Thử hỏi, một người con gái chốn phong trần, đã một tay đưa hết bao đại quan rồi mặc khách vào trò chơi thanh sắc của mình để dạy họ biết hiểu đúng và tôn trọng thanh nhạc, để ai cũng có thể trở thành một tri âm khả kính, thì sao chẳng đáng phục? Từ vị trí một nàng ca kỹ, Chân Y đã dạy cho thiên hạ biết được cái gì là ranh giới sau cùng của sự tôn nghiêm, lòng tự trọng tối thiểu của những phận gái phong trần, và độc đáo nhất, là cô đã lớn gan đem cái ngạo khí của một nhi nữ đất Triều Tiên bé xiu mà đùa rồn lên trên cái tinh thần tự thị Đại Hán của một sứ thần Minh Triều khổng lồ thì sao lại không đáng phục chứ. Tôi cảm ơn cô, người đệ nhất tài nữ Minh Nguyệt Chân Y ngày đó. Cô đã làm tôi một phen mát ruột khi nhìn lại anh láng giềng phương Bắc từ bao đời cứ hiếp đáp dân tôi!

Với bài viết này, tôi tuyệt không có ý làm cái việc quảng cáo cho ai hết, ở đây chỉ là một lời giới thiệu, một tiếng mời gọi cho những khách tri âm, ngoài niềm yêu nghệ thuật, còn biết thiết tha bận lòng về đạo học, dù để sống đời hay hành đạo. Tấm lòng đó, Chân Y gọi là niềm tri tâm mà cô đã một đời tìm kiếm. Là một thầy tu, tôi dĩ nhiên không nên chấm hết bài viết này kiểu vậy. Nếu phải kết thúc bài viết ở đây, tôi chỉ muốn nhắc lại một danh ngôn Tây phương: *“Một bắt đầu đúng đắn thì coi như đã là một nửa hành trình đến thành công. Một khởi hành sai lạc thì coi như cái đích đến bị kịch đã nằm ngay trước mặt!”*. Giá ngày ấy cô bé Chân Y đừng có bước chân đầu tiên để quay về phố, giá như ngày ấy kỹ phường đừng có ai thu dưỡng cô, giá như ngày ấy cô bị sự phụ trách phạt nghiêm khắc hơn một tí, giá như Chân Y sớm biết rút lui... Tất cả những sự đáng tiếc ấy cứ làm tôi nhớ đến giây phút hấp hối của Ân Hạo, cậu đã thề thào một lời ngắn gọn mà rất thánh: *Lẽ ra chúng ta không nên bắt đầu*. Chuyện đời là vậy đó, nhiều khi trăm sự rồi ren chỉ khởi đi từ một cái cơ nhỏ xiu. Chữ Phạn gọi sự bắt đầu đó là *Samudāya*, Hán dịch là *Tập Khởi*. Bất luận đó là điểm bắt đầu cho một thứ gì ở đời...!

TOẠI KHANH

TẾT LÀ CÓ XUÂN

Toại Khanh



Tết. Một chữ thôi mà sao cũng đủ làm cái có lớn để tôi băng khuông quá chừng. Tôi đã sống qua chừng đó năm tháng rồi sao? Vậy là tôi sẽ không còn đủ thời gian để tận mắt chứng kiến bao điều sẽ xảy ra trên hành tinh này với những buồn vui khó nói trước...

Tôi sẽ không còn có dịp ngồi trên những chuyến bay dân dụng có tốc độ nhanh như ánh sáng, nhưng cũng không phải sống âu lo khi đến một ngày nào đó vũ khí nguyên tử tràn lan khắp địa cầu, muốn nổ khi nào cũng được.

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy những thành phố khổng lồ hoa lệ trôi bồng bềnh trên các đại dương, hay những khinh khí cầu có sức chở triệu người bay bằng năng lượng mặt trời, nhưng cũng không phải chứng kiến những cuộc chiến tranh hay khủng bố trong vài phút đã có số nạn nhân phải đếm bằng dãy số năm bảy con zero.

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy những thiên tài lừng lẫy của các thế hệ mới, nhưng tôi cũng không phải ngậm ngùi nhìn thấy những thần tượng một thời của quá khứ sẽ bị lãng quên đến phủ phàng. Mọi giá trị và trật tự của thế giới khi đó sẽ bị thay đổi tàn nhẫn.

Tôi sẽ không còn có cơ hội sống được đến cái ngày phương tiện truyền thông tinh vi hơn bây giờ gấp trăm lần, tôn giáo sẽ phát triển ngoạn mục hơn nay gấp nhiều lần, nhưng cũng sẽ không phải đau lòng nhìn thấy bao thứ tà mị được truyền bá nhanh chóng và hiệu quả trên khắp hành tinh. Đời sống tâm linh của loài người ngày ấy chỉ còn là những lừa

bịp và nghi hoặc, vì cái gọi là giáo chủ hay đạo sư gì ấy cứ bước ra đường là đếm không xuể. Pháp môn tu hành rồi pháp danh đạo hiệu gì đó có thể đặt hàng qua internet!

Tôi sẽ không còn dịp nhìn thấy một ngày đời sống trên trái đất giống hệt trong phim viễn tưởng, nhân loại trên các châu lục chỉ bấm một ngón tay có thể nghe thấy nhau dễ dàng, nhanh chóng và miễn phí, nhưng tôi cũng không phải chán ngán khi nhìn quanh ai cũng là một cái máy không có tình người. Thiên hạ ngày đó sẽ mất nhau đến tuyệt cùng dù có biết bao nhiêu là phương tiện để nghe thấy nhau.

Còn biết bao cái may và rủi khác mà tôi không còn nhiều thời gian để chứng kiến trong đời mình, nhưng có một điều mà tôi có thể nghĩ đến để an lạc với riêng mình trong mấy ngày xuân cô quạnh này, là nếu giữ được lòng lạnh cho đến ngày bạc tóc thì cái chết của tôi sẽ là một lần giữ áo cho một cuộc lên đường, bỏ lại sau lưng một thân xác già nua còm cõi với mớ trí nhớ lan man dật dờ của một nhân chứng thời gian. Cái chết khi đó không phải là sự chấm dứt mà là cuộc bắt đầu cho một hành trình mới mà tôi tin là sẽ đẹp hơn. Tôi chỉ muốn ra đi trong sự “chán chường” chứ không phải sợ hãi, trong hi vọng vào cái mới chứ không phải tiếc nuối trong cái cũ. Nói vậy, có xuôi tay vào tháng nào, cái chết của một người như vậy vẫn là cuộc lên đường giữa một mùa xuân mới... Mong thay!

TOẠI KHANH

NGƯỜI TÌNH VẠN HỮU

Toại Khanh



Ngày giáp xuân, tôi ngẫu nhiên xem được trên Internet một cuốn phim thiết ngộ, nhìn quanh chẳng có ai để mà rủ rê xem chung, cũng tiếc. Cái tựa phim gồm cả tiếng Anh lẫn tiếng Tàu. Cái tựa tiếng Anh trần tục lắm: **Love Me - Love My Money** (Yêu Tôi Hay Yêu Tiền). Cái tựa tiếng Hoa thì gần

với tâm tình Việt Nam hơn: **Hữu Tình Âm Thủy Bảo**(Thương Nhau Uống Nước Cùng No).

Lâu nay có người vẫn hỏi tôi sao ngộ như thích làm một gã thầy tu lãng du trong cõi Phật học, hơn là một hành giả nghiêm túc, một tu sĩ cần cần trong chốn Không Môn lãng ngất thanh tịnh, để cứ thỉnh thoảng viết một bài Diễm Phim, đời nhiều hơn đạo. Biết nói sao đây, khi câu trả lời nhiều lắm cũng chỉ là thế này: Hình như chỉ trong những cuộc rong chơi lênh đênh mà cũng liêu lĩnh đó, tôi mới có dịp nhìn lại xem lời Phật đã vào được bao sâu, bao xa trong tim óc phàm phu mù mịt của mình. Câu chuyện phim mà tôi muốn kể hầu độc giả ở đây cũng là một dịp rong chơi kiểu đó... Và đối với riêng tôi, cuốn phim rẻ tiền này là một bức tranh minh họa sinh động và thú vị cho cái gọi là hành trình nhận thức và tu chứng của một hành giả Tuệ Quán!

Nàng là cô con gái cưng của một hào trưởng có chút gia tư ở vùng nông thôn của Hồng Kông. Không chịu được những áp đặt của ông bố, nàng bỏ về phố sống tự lập để tìm chút thanh thản riêng tư cho mình. Vào một ngày thật đẹp, nàng đã gặp hắn, một gã thanh niên lạ lùng: Một nửa đàn ông với một nửa trẻ con, bẽn lẽn mà ham vui, hồn nhiên mà cũng đôi khi láu cá không chịu nổi. Có điều hắn đẹp trai lắm (Lương Triều Vỹ mà), và nhiều lúc ngoan hiền như một thằng bé. Theo tôi, đây là một cuộc tình đẹp, dễ thương và cảm động. Không đẹp sao được, yêu nhau, ngoài vai trò một người tình nhỏ, nàng phải thường xuyên vào vai một bà chị, thậm chí làm mẹ để mà chăm sóc rồi mắng mỏ và xếp đặt nhiều thứ cho hắn. Hắn nghèo, nhưng thật lạ, lắm lúc lại có cái phong thái của ông chủ lớn để khiến nàng buồn cười và ngạc nhiên, rồi thì hắn trở lại cái con người chẳng ra chi của mình để tiếp tục được nàng chở che đùm bọc.

Và rồi một ngày, khi quyết định lấy nhau, ngay sau đêm hợp cẩn, nàng đã khám phá ra một sự thật kinh thiên để rồi cuốn phim cũng kết thúc ngay sau đó. Thì ra lâu nay nhân vật nữ của chúng ta (Thư Kỳ đóng) không hề ngờ rằng mình vẫn đi lại bên một ngọn Thái Sơn. Cái gã nhân tình kiết xác bẽn lẽn kia ngoài một nhân dáng khó chê, kỳ thực còn là một cậu ấm phú hào, có học vị lại có tài riêng, nhưng chính mấy điều kiện chói lọi đó đã là một rào cản nặng nề cho những cuộc tình đẹp. Thêm yêu và muốn được yêu như bao gã tình nhân bình thường khác trên trần thế này, nhưng đáng tiếc là những giai nhân qua ngõ đời hắn cứ xem của hơn người. Những thứ hắn có, đối với họ, buồn thay, còn đáng giá hơn chính bản thân hắn nữa. Họ thích những buổi tiệc tùng, dạ vũ với kim cương, áo váy đắt tiền hơn là những thăm thì thủ thi trong niềm yêu thiết tha thành thật. Họ vùi vỉnh tiền bạc, có thì vui, không thì hờn, rồi thì chia tay. Sau non tá cuộc tình như thế, trái tim bị giầy vò với những trò chơi quý tộc kiểu đó đã khiến cậu công tử của chúng ta thật sự mỏi mệt, và chỉ còn một chút nữa thì đã vô phương cứu chữa.

Vậy rồi trong một khoảnh khắc thật ngắn ngủi mà tôi vẫn cho là rất diệu kỳ, hắn đã tìm ra một ngõ thoát thật ngoạn mục cho đời mình. Hôm đó, Martha, người tình đồng đánh sau cùng của hắn đã vùi một khoản tiền lớn, lớn hơn nhu cầu hoang phí bình thường của

một cô gái chỉ biết ăn diện. Xót của thì ít, chán đời nhiều hơn, hấn lần đầu từ chối nàng. Nàng bỏ đi, hấn lại cũng lần đầu tiên thấy mình lạnh lùng không níu kéo năn nỉ. Một chục cô gái kiểu vậy có dứt áo ra đi cũng chẳng ai buồn tiếc, có điều thiệt tệ hại là, Martha đã để lại cho hấn một định kiến khó dứt là, tình yêu vốn không có thật, tình cảm nam nữ chỉ là thứ quan hệ tiền bạc và thể xác.

Và chỉ có một người duy nhất có thể dạy hấn học lại một bài vỡ lòng đàng hoàng về tình yêu. Hấn đã gặp nàng vào một cơ hội dở khóc dở cười. Hôm đó, ngay sau ngày cô tình nhân dễ ghét kia bỏ đi, hấn ra phố, vào quán ăn và phát hiện mình không đủ tiền mặt để thanh toán một bữa ăn. Thê thảm hơn nữa, mấy cái thẻ ngân hàng trong ví của hấn đã bị cô tình nhân rút sạch tiền. Đứng ra chút mất mát đó không nghĩa lý gì với hấn, nhưng trong hoàn cảnh trước mắt thì đúng là bẽ mặt. Chính người con gái kia đã cứu nguy cho hấn, dù chỉ bằng chút lòng thương hại. Vậy rồi hấn quyết định không rời cô nàng, chỉ vì hấn mơ hồ thấy ra rằng không phải ai đến với hấn cũng vì tiền. Từ chỗ chịu ơn, rồi mến phục và phải lòng người ta lúc nào không hay, hấn ngày càng hiểu rằng không thể sống thiếu nàng. Thế rồi càng lúc càng thấy hứng thú với cuộc chơi giấu mặt này, hấn cứ dần tiếp tục giấu biệt thân phận, lãng quên con người cũ của mình để vào vai một gã con trai dở hơi chỉ biết sống bám váy đàn bà. Cái thú vị nằm ở chỗ, hấn bây giờ đã biết ăn tất cả những gì nàng cho, bất kể ngon dở, đắt rẻ và sẵn sàng cho nàng đánh mắng, và đau đến đâu thì hấn nghe ngọt đến đó mới chết chứ. Vì hấn biết nàng thương hấn. Quên mất thân phận một cậu ấm triệu phú để yêu một người không biết gì về nhân thân của mình, hấn yêu trong niềm yên tâm, không toan tính lo âu ai sẽ bòn rút lợi dụng mình. Đã vậy, lần đầu trong đời mình, hấn đứng vào vị trí của một người đứng trong bóng tối của thân phận nhìn ra ánh sáng nhân tâm để hiểu thêm bao điều mới lạ từ một góc khuất ly kỳ nhất. Hấn đã yêu như đang vào một cuộc chơi trẻ con dù rất người lớn, yêu như một diễn viên dù rất chân thành, yêu cả rộn mà vô cùng minh triết. Còn nàng, yêu phải một người như hấn, bỗng dưng không còn là một người tình nhỏ nữa, để bất ngờ vĩ đại đủ để độ lượng, vị tha đủ để quên mình, dù luôn nồng nàn và nữ tính rất mực. Tôi nhìn hấn trong những ngày tháng đó mà hồi hộp, và cứ sợ hấn không giấu được cái máu cậu ấm thì cuộc chơi sẽ kết thúc. Trong khi đó, nàng yêu hấn bằng cùng lúc nhiều thiên chức khó ngờ nhất. Có thể nói tuy là một người tình, nhưng nàng nhiều lúc đã phải cúi xuống để mà yêu hấn bằng cái tình mẫu tử. Hấn trí trá với thiên hạ, nhưng về với nàng thì như một đứa bé để nàng là mẹ, một thằng em cho nàng làm chị, dù lúc cần thì cũng là một gã đàn ông đáng mặt: Mạnh mẽ và lãng mạn. Cứ vậy mà họ cũng có với nhau những buổi ăn tối với nến thơm, hoa hồng, rượu đỏ và nhạc nhẹ. Ngó cũng sang, nhưng thấy đều là những chất chiu của một cuộc tình nghèo.

Ngó kỹ họ, tôi bất ngờ học được nhiều bài giáo lý: Hãy biết đồ giả là đồ giả, rồi thưởng thức nó với tâm thái nhẹ nhàng nhất. Hấn biết mình đang đóng kịch, nhưng hạnh phúc vô bờ khi thấy những ngày tháng bụi bờ đó đẹp quá. Sống là xiếc, là diễn, là cảm nhẹ mà không nắm chặt, là đi bằng giày cỏ, là biết mình xem hát. Chưa hết, khi ôm chặt một thân

phận, anh chỉ có thể sống một kiểu đời. Càng có nhiều hóa thân, anh càng có nhiều cơ hội nhập cuộc. Đời anh sẽ nhờ vậy mà mệnh mệnh hơn. Đã vậy, khi cái tôi của anh lớn quá, công kênh với nhiều nhãn hiệu quá, anh khó sống thoải mái nhẹ nhàng. Với nàng, tôi có bài học khác: Bồ-tát có thể yêu vô lượng chúng sinh bằng tấm lòng vô hạn, vì các ngài hi vọng mà không kỳ vọng vào ai hết. *Never expect but hope*. Yêu được như vậy, ai cũng có thể là người tình vạn hữu, chữ này ở đây hiểu sao cũng xong: *Người tình của nhất thiết chúng sinh, hay người tình mà gì cũng có*. Hãy nhìn nàng trong ngày cưới mà thương không chịu nổi. Thấy cha chồng mà cứ tưởng đó là người do gã hôn phu trời ơi thuê về. Thấy mấy quan khách láng vãng từ xa, nàng cũng làm hấn không thể nín cười bằng một câu hỏi duy nhất: Thuê hả? Bao nhiêu vậy? Đến tận lúc này, ngoài tình yêu giữa hai người, nàng vẫn cho hấn là một con số không, một người tình rỗng ruột để có thể yêu chiều hết lòng mà không gợn chút hy cầu. Cao xa quá!

Và, hay cho một cuộc tình không âu lo toan tính. Chàng không mong đợi lợi dụng nàng, và nàng cũng chỉ biết trao ra mà không biết nghĩ đến chuyện nhận lại. Thế là an toàn. Một cuộc tình người lớn mà vui vẻ nhẹ nhàng như cuộc chơi trẻ con. Xem xong cuốn phim này, tôi chợt nhận ra một chuyện thú vị: Người hiểu được lời Phật mới đúng là một nghệ sĩ lớn. Cũng đi đứng nằm ngồi, cũng buồn vui nói cười mà luôn hiểu gì cũng là của giả. Lúc sơ cơ, có thể đó chỉ là thứ tự kỷ ám thị, nhưng theo năm tháng, tâm niệm đó sẽ là máu thịt, là của riêng, là gia sản từ trong huyết quản. Bắt chước người xưa mà nói, Cur Trần Bất Nhiễm thì không nên, nhưng trộm nghĩ kẻ tu hành có thể hành đạo và sống đời bằng cái tâm niệm hay khẩu quyết đơn giản này cũng được: *Phải thấy đời là giả để mà dễ dàng yêu thật, hãy thấy cái gì lớn lao đến mấy cũng là chuyện bình thường để mà không âu lo*.

Hãy là một nghệ sĩ lớn trong mọi cuộc chơi, hãy là một học trò giỏi để cái gì cũng là một bài học, hãy là một người thầy để làm gương lành cho kẻ khác. Và nếu được, hãy là một người tình, nhưng không là người tình nhỏ, để có thể nhìn nhau từ mọi chiều cao và vòng tay đủ lớn để ôm lấy vạn hữu. Mong thay!

Spring, Summer, Fall, Winter... And Spring
Toại Khanh



Buổi chiều ghé ngang bưu điện, ngoài những thư từ tạp nhạp, còn có một gói giấy mỏng như cuốn sách, không biết của ai gửi. Tôi quảng tất cả vào chiếc thùng giấy sau xe. Trên đường về, có một cú phone đường dài, thì ra anh Dũng, một người quen đã lâu không gặp mặt. Anh bảo vừa gửi tôi một cuốn phim và hỏi đã nhận được chưa. Anh nói lúc xem phim cứ nhớ đến tôi và bất chợt muốn nghe tôi chia sẻ đôi điều gì đó.

Tôi không phải tín đồ của điện ảnh, chẳng mấy khi xem, nói gì là nghiện. Nhưng lúc xem xong cuốn phim đó, xem và hiểu theo cách riêng của mình, chẳng hiểu sao cứ băng khuâng mấy giờ liền...

Cuốn phim của Hàn Quốc, cái tựa thậm thụt và nghe phát nản: **Spring, Summer, Fall, Winter... and Spring**. Và đúng như cái tựa, chuyện đời của các nhân vật trong phim cứ từng bước phù trầm đổi thay qua từng dấu mốc thời gian hết như bốn mùa trong năm. Cả cuốn phim cơ hồ chỉ nói đến hai người, mà nổi bật có lẽ chính là nó!

Nó hồn nhiên lớn khôn như một hòn cuội, một cánh bướm, một con nhái bén bên hồ. Sư phụ là tất cả đối với nó, và chỗ ở của hai thầy trò có lẽ thơ mộng đáng vào bậc nhất thế giới: Một am gỗ xinh xắn và cổ kính nằm giữa hồ nước mênh mông, bốn bề là cây rừng và đá núi ⁽¹⁾.

Nó nghịch ngợm đáo để, nhưng cũng nhiều ngộ tánh. Có lẽ đó là lý do để sư phụ xem nó như chút bận lòng của ông giữa cuộc phù sinh nhất thiết giai không này. Nó làm lỗi, ông phạt nó, dạy nó. Nó khóc một, ông đau mười, nhưng ông vui vì nó hiểu chuyện nhanh lắm và cũng giàu lòng nhân. Hai cái đó cộng lại cũng đủ biến nó thành ông thầy tu rồi còn gì.

Dòng đời nhanh và gọn như từng mùa mưa nắng trong cõi nhân gian. Thoắt cái, cậu bé kháu khỉnh ngày nào bây giờ đã ra một chàng trai trẻ vạm vỡ, khôi ngô, dù vẫn tiếp tục hồn nhiên tắm gội trong suối nguồn đạo tình thâm hậu của người sư phụ mà mái đầu

giờ đã pha sương. Một chuyện nhỏ nhưng lại là một biến cố lớn đã xảy đến với chốn thanh tu tịch mịch này vào một ngày có khách đàn việt ghé chân.

Họ là hai người phụ nữ, một khỏe một bệnh. Sau cuộc thương lượng đơn giản, cô gái mắc trọng bệnh kia được gửi lại chùa để uống thuốc núi. Cô ở lại một mình và sau dăm ngày lạ lẫm với nếp sống tẻ nhạt lặng lẽ ở đây, cô đã tìm thấy một niềm vui mới. Vị sư già xem cô như một đứa con, và chàng thanh niên vô tư lự kia đã đem cái hồn hậu của núi rừng mà đối xử với cô như một cô em gái. Thế rồi tiếp nối theo đó là những ngày vui bất tận của hai người. Con thuyền nhỏ của chàng đã đưa nàng đến từng bờ cây, hốc đá, nơi đã một thời là thế giới tuổi thơ của chàng, để cùng nghe chim hót, nước chảy.

Chàng lần đầu gặp mặt và sống gần một người không phải sư phụ, và đó lại là một thiếu nữ có nhiều cá tính. Chàng đã chết ngất trong ánh mắt, nụ cười và cả giọng nói của người bạn mới. Đổi lại, cơn bệnh trầm kha của nàng đã bay biến đâu mất, và thay vào đó là một sức sống mãnh liệt với một thứ ân tình khó gọi tên, đã kín đáo nẩy mầm với ngay người bạn khác phái vẫn gặp gỡ, rong chơi với nhau mỗi ngày. Vào một chiều nắng quái bên hồ, giữa khung cảnh trời nước bao la gợi cảm, họ đã cuồng nhiệt yêu nhau ngấu ngiên, quên mất người sư phụ bên kia hồ đang sửa soạn buổi kinh chiều.

Chuyện vụng trộm giữa hai người dĩ nhiên không thể giữ kín mãi. Hôm đó, sau một cuộc vui cháy bỏng ngay trên con thuyền nhỏ giữa hồ, hai cô cậu đã hồn nhiên ôm nhau ngủ say, bỏ mặc sóng nước vô tình muốn đưa đẩy về đâu cũng được. Chẳng biết cơn gió quái ác nào đã xô con thuyền tự trôi về phía am. Và người sư phụ đã nhìn thấy cảnh tượng mà ông tuyệt không ngờ được. Ông đã gọi hai người đến để hỏi thăm bệnh trạng của nàng, và sáng hôm sau đã buộc nàng rời am về phố. Nàng đã ra đi trong cái dõi nhìn đau đớn của chàng.

Đạo tâm của gã tiểu tăng bây giờ chỉ còn là một bọt nước sẵn sàng vỡ tan. Hắn đã từ một phút rong chơi bên tục mà quên mất nẻo về bờ giác. Trách gì người Trung Hoa xưa giờ vẫn truyền khẩu câu nói tiểu Hòa thượng miệng niệm Phật mà lòng không có Phật. Phật vẫn ngồi đấy thiêng liêng trong ánh nền của ngôi cổ am, nhưng trong mắt gã tiểu tăng kia, giờ chỉ còn một bóng hồng áo lục đã khuất nẻo từ lâu, mà đến tận buổi khuya này, chừng như vẫn còn lẫn khuất đâu đây với một làn hương nhẹ nhàng mộng mị. Rạng sáng hôm sau, lặng lẽ rời am với bức tượng Phật cổ trên tay như chút vốn liếng trên đường đời trước mặt, gã tiểu tăng đã bỏ am, bỏ thầy lên đường không một lời chào. Gã đi theo tiếng gọi của Vô minh.

Nhưng tất cả những tình tiết nhiều kịch tính từ đầu bài đến đây, thực ra, chỉ là cái nền cho một nội dung nằm ngoài mọi dự tưởng.

Năm tháng lại trôi đi như từng mùa xuân thu. Người sư phụ ngày nào giờ đã là một lão tăng quắc thước. Một chân nhân thâm hậu đạo lực và một cụ già hom hem hăm hiu – cùng lúc tồn tại trong một hình hài còm cõi già yếu đó. Ông vẫn sáng sủa chèo thuyền vào

xóm hóa duyên, lặng lẽ mong manh trên con thuyền nhỏ giữa hồ như một cái bóng cam lặng. Sáng hôm đó, mở gói giấy báo đựng bánh khọt thực để chuẩn bị độ trai, ông bắt chợt đọc được lệnh truy nã của nhà đương cuộc đối với một hung thủ sát nhân. Tin đăng kèm ảnh. Ông lặng lẽ đưa mắt nhìn ra mặt hồ mênh mông, như để cố nhớ lại khuôn mặt bầu bĩnh của cậu đệ tử bé xíu năm nào. Ông thấy hết, biết hết, nhưng không sao đổi khác chuyện đời.

Rồi đúng như nhà sư già đã định liệu, hắn đã trở về. Gã đệ tử vô hạnh kia đã trở về ngôi cổ am để gặp ông và mang trả lại thầy bức tượng Phật ngày nào. Ông hỏi chuyện, hắn khóc như đứa trẻ và trả lời không giấu diếm. Bỏ chùa ra đi ngày ấy, hắn đã tìm gặp được nàng và lấy nhau hạnh phúc. Nhưng cái hồn hậu, đơn bạc của núi rừng đã không cho hắn biết được cái mặt trái nghiệt ngã của chợ đời, khi hắn thật ra không có được những gì nàng muốn. Tình phai rồi tình phụ, nàng bỏ hắn để theo một người khác. Yêu cho nhiều để hận cũng lắm, hắn giết nàng rồi tìm về với sư phụ như một phản ứng tự nhiên của đứa bé nhớ mẹ.

Bây giờ hắn đã trở về, đang ngồi đó đau đớn trước mặt ông. Chiều nay hắn khóc vì đã giết nàng, hận nàng, như ngày xưa hắn đã từng khóc vì yêu nàng, xa nàng. Nhà sư già đã lặng lẽ và kiên nhẫn xoa dịu những cơn bùng bột ngu khờ của hắn như vẫn xem hắn bé bỏng như thuở nào. Ông biết tất cả những gì phải đến nhưng không thể sửa được chuyện đời. Ông chỉ có tấm lòng và tận lực, thế thôi. Ông đã nuôi hắn từ bé, nhìn hắn lớn khôn và vụng dại. Trước sau, với hắn, ông như một người mẹ già góc núi: Cưu mang, đỡ nâng, tha thứ và chờ đợi. Bao năm qua ông chẳng phải vẫn đợi chờ ngày hắn trở về đó sao. Chỉ vì ông hiểu, ông biết, và ông có cõi lòng một bà mẹ.

Như đã đọc được một tương lai nào đó, ông lặng lẽ pha mực rồi khẽ khàng chép lại từng chữ bài Bát-nhã Tâm Kinh ngay trên khuôn sân bằng gỗ của ngôi cổ am, và vẫn bằng thứ khẩu lệnh nghiêm khắc ngày nào, ông bắt hắn dùng chính con dao đã gây án kia để khắc lại từng chữ đại tự mà ông vừa phóng bút trên sân. Hắn khắc chưa xong chục chữ, người ta đến đọc lệnh bắt. Nhà sư già bình thản như không, ông nghiêm trang đề nghị họ hãy đợi hắn khắc xong bài Tâm Kinh, như lời ông bảo đảm, chỉ một đêm thôi. Thời gian chờ đợi đó của mọi người, có lẽ là một trong những giây khắc đẹp nhất trong phim. Đẹp và thật nhiều ý nghĩa.

Sáng hôm sau hắn bị áp giải lên đường và bắt đầu những ngày tù tội. Thời gian trôi đi bao lâu không ai nói được, nhưng rồi gì cũng qua. Mùa đông năm kia, có một viễn khách phong trần ghé về cổ am.

Khách bồi hồi bước qua mặt nước hồ giờ đã đóng băng, và trước sau cổ am vắng ngắt như tờ. Nhìn ra mặt hồ bát ngát, khách chết điếng khi nhìn thấy xác con thuyền xưa đang khuất trong băng giá với những vết lửa cháy nham nhở dờ dạc. Khách chấp tay cúi

đầu như cổ hình dung một chuyện cũ. Ngày đó, nhà sư già đã âm thầm hóa thân ngay trên con thuyền với một mối lửa ngay sau lúc tiễn biệt đứa học trò trên sân.

Vậy là phút cuối, hấn cũng đã trở về. Có điều là lần trở về muộn màng, hấn về cho chính hấn. Sư phụ đã không còn nữa. Hấn quyết định lớn khôn lần nữa trước vong linh của người sư phụ mà hấn không còn cơ hội gặp lại, dù đâu đó quanh quẩn trong ngôi cổ am lúc nào cũng có một con rắn lặng lẽ nhìn hấn như chứng minh, như chia sẻ và cùng vui buồn. Sư phụ đây chẳng?

Hấn đã quay lại con đường mà ngày xưa hấn chưa từng bước đi, dù nó luôn thuộc về hấn. Hấn trần trụi phơi mình trong băng tuyết để tạc tượng, luyện công và sớm chiều hai buổi tụng niệm, như thể không còn kịp nữa. Hấn đi tìm mình, và cũng để gặp lại bóng hình của người sư phụ tình thâm tợ hải. Từng mẩu nền khuya, những tiếng mõ canh tàn hay trong chiều muộn đã từng phút giây đưa hấn trở về ngôi nhà ấu thơ với tất cả niềm nổi thống hối, bùng vỡ.

Và giai đoạn cuối cùng của cuộc trở về ấy đã đến lúc hoàn mãn. Trong một buổi kinh khuya hấn bỗng nghe tiếng người gọi cửa. Chút bụi trần luân đã rớt xuống bên hiên cổ am để đưa hấn lại cuối đường. Người thiếu phụ với đứa bé mუმ mუმ trên tay đã tìm đến chùa giữa một đêm tuyết lạnh. Không sao nhìn thấy khuôn mặt của nàng. Ở đó lúc nào cũng là một tấm lụa mỏng màu tím. Nàng là ai? Hấn tò mò muốn biết nhưng đành chịu. Lo cho mẹ con nàng một chỗ nằm tạm trong cổ am, một bên bàn Phật, hấn không biết phải làm gì hơn. Chỉ còn biết nhìn nàng và nghe nàng khóc. Giá còn sư phụ!

Sáng hôm sau, nghe tiếng trẻ con khóc bên ngoài, hấn chạy vội ra sân chùa. Trên mặt nước hồ giờ đã thành băng ấy, đứa bé không mẹ đang từng bước bò về phía cổng, nơi hấn đã khoét băng làm một giếng nước dùng qua mùa đông.

Hấn kéo cái xác người lên khỏi giếng. Người thiếu phụ đêm qua đã lết chân xuống đây khi muốn bỏ con lại cổ am và một mình lên đi trong khuya. Đến bây giờ thì tấm lụa che mặt nàng đã có thể gỡ xuống. Hấn đã thấy gì, đó vẫn là một ẩn số của câu chuyện.

Chỉ trong một tích tắc, câu chuyện ấu thơ của hấn từ mấy mươi năm trước bất ngờ sống dậy mãnh liệt với từng chi tiết nhỏ. Ngày đó thằng bé trong cổ am đã trốn thầy vào núi xuống hồ rong chơi. Như điếm báo của một định nghiệp, nó đặc biệt thích thú trò chơi cột đá vào bất cứ con gì bắt được để xem con vật phải vất vả ra sao mà sống còn với một gánh nặng quá sức mình. Sư phụ đã phạt thằng bé đeo một hòn đá nặng trên lưng để hiểu được nó đã làm gì trên chúng sinh khác. Ngày ấy, trong tâm tưởng một thằng bé, đó chỉ là một bài học về hạnh từ bi. Nó đã biết khóc khi không kịp cứu sống con rắn đã bị nó cột đá. Nó cứ tưởng suốt đời mình sẽ không bao giờ tái phạm trò chơi độc ác đó nữa. Nhưng ngày trưởng thành, biết yêu biết ghét, nó đã làm ngược lại.

Hắn lạnh người khi thấy rõ mình đã cột đá vào không biết bao người. Hai người thân thương nhất trong cuộc đời hắn đã phải vì hắn mà oằn lưng với những hòn đá nặng chết người. Lẽ ra hắn chỉ nên để mọi người, kể cả chính hắn, cùng được thanh thản nhẹ nhàng mà đi. Nhưng tất cả đều ngược lại. Bây giờ sư phụ không còn nữa, hắn phải tự phạt mình, để thấm thía tận cùng cái gì là vương vít, đè nặng.

Thật khó lòng tìm thấy một hình ảnh nào trong đời có thể bi tráng hơn thế. Hắn một mình kéo lê một hòn đá lớn, tìm lên đỉnh núi giá lạnh không người. Trên tay ôm ghì bức tượng Quán Âm. Một hình ảnh khốc liệt. Tôi muốn gọi hắn lúc này là một hành giả, một hành giả vác tượng lên ngàn. Một hành giả đang ngược nguồn để hành hương giữa mùa đông cuộc đời, mà cũng là mùa đông tâm linh. Nhạc phim lúc này cũng bắt chợt trầm hùng vang vọng một thứ âm thanh xa vời, mông mị. Bài Bát-nhã Tâm Kinh trong giọng đọc tiếng Hàn của người con gái nào đó như đi về từ một cõi chiêm bao với từng câu chữ Xá-lợi Tử! Sắc Bất Dị Không, Không Bất Dị Sắc... Lần đầu tiên tôi cảm nghe dòng kinh Bắc truyền đó thơ mộng và quyến rũ đến vậy.

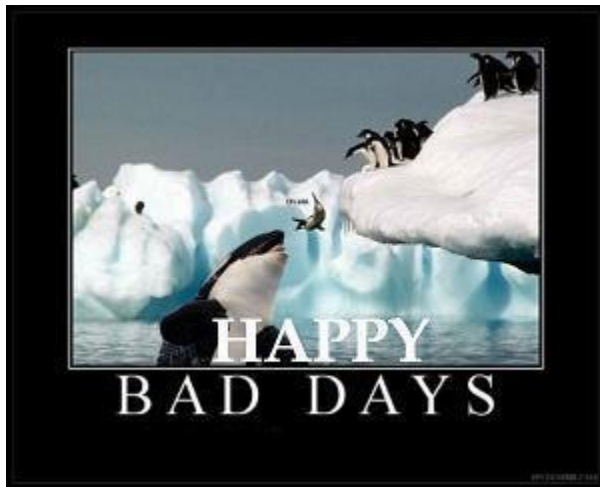
Theo từng bước lê chân nặng nhọc của hắn qua những ngõ mòn sỏi đá, lời kinh kia như nương gửi gió rừng mà lan tỏa, phủ đầy một cõi huyền âm. Tiếng kinh thấm dằm lòng người, len vào từng khe đá, thớ gỗ. Lời kinh làm rung chuyển mọi cõi miền không gian, đánh thức mọi mê lầm ngái ngủ, cho tất cả cùng bật dậy một sức sống tỉnh thức. Biển khổ mênh mông, mà quay đầu lại là bờ. Và bến bờ ấy đã hiện ra trong mắt hắn. Hắn cung kính an vị bức tượng lên mỏm đá trang trọng nhất trên đỉnh núi và cúi đầu chiêm niệm. Hắn đã bỏ lại tất cả gánh nặng trên từng dặm đường đến đây. Hắn đã diễn dịch huyền nghĩa bài Tâm Kinh ra nhiều tâm ấn cụ thể giữa đời: Tha thứ, can đảm, bao dung, thấu hiểu, cứu mang và buông bỏ. Hắn muốn vác thay cho muôn loài tất cả những gánh nặng. Hắn sám hối và đáp đền cho vạn hữu đã cứu mang hắn, trong đó sư phụ và người đàn bà đã đi qua đời hắn đang là hai giọt nước cùng hòa tan vào đại dương. Và lần đầu tiên trong đời mình, hắn bắt chợt thấu hiểu tận cùng câu minh chú ở cuối bài Tâm Kinh đó: *Gate gate pāragate pārasaṃgate bodhi svāha*. Lên đường, lên đường đi, hãy qua sông để tìm về bờ bến khác!

Hắn về lại cổ am, và một mùa xuân mới lại bắt đầu trên chính cậu bé mồ côi vừa nhập môn bất đắc dĩ kia. Nó chính là hắn mấy mươi năm trước. Một chu kỳ mới, một tuần hoàn mới. Mọi thứ lại tái hiện trong bối cảnh hồ nước tan băng, hoa cỏ sung mãn, hồ rộng núi xanh và mọi thứ lại bắt đầu. Ngoài kia nắng đã lên giữa một mùa xuân có rừng phong và núi đá xanh rêu. Trong cổ am, con rắn già chậm rãi bò ngang bàn Phật, lặng lẽ, thành kính.

TOẠI KHANH

GIỌT LỆ A TU' ĐÀ

Toại Khanh



Trong cả thành phố này, anh chị chỉ có tôi là chỗ thân nhất, vừa là thầy vừa là bạn. Buổi sáng anh gọi phone bảo trưa nay đến đón tôi về nhà dùng cơm cho vui. Hôm nay là sinh nhật của thằng Alexander con một của anh chị. Thằng bé thiệt ngộ, tròn quay như con heo sữa, không biết sợ người lạ và không biết học ở đâu cái cách hôn gió từ xa. Bàn tay nó hết nải chuối cau.

Tôi lục mãi rồi cũng tìm ra một món quà cho thằng bé. Đó là một con khi bằng bạc mua ở Atlanta mấy tháng trước. Con khi có thể nhắm mắt mở mắt, hai tay ôm trái đào và trên đầu có chiếc khoen để xỏ dây đeo được.

Chiếc bánh sinh nhật nhỏ xíu với hình một con gấu bằng kem màu xanh dot chuối. Được người lớn cổ vũ, thằng bé chu miệng thổi tắt mấy ngọn nến bé xíu gắn trên bánh và bi bô câu chúc *Happy Birthday*. Rồi thì cái bánh được xẻ tư, mỗi người một phần. Thằng Alexander mặt mũi tèm lem những kem tự dung tuột khỏi ghế rồi tung tăng chạy khắp nhà. Loanh quanh một lát, nó chạy đến chỗ tôi ngồi, nắm lấy ngón tay út của tôi mà lắc:

- Ông sư ăn bánh đi ông sư, Happy Birthday...

Anh vội chạy đến nắm lấy bàn tay đầy kem của nó, sợ nó bôi kem lên y tôi. Nó vùng vằng không rời tôi, miệng cứ toé toét cười rồi hát câu Happy Birthday. Tôi nhíu mày. Ô kìa, Alexander, con hát nữa đi, hát cho ông sư nghe. Nó lại hát. Nãy giờ, đây là lần thứ năm tôi nghe nó hát câu đó theo cách của nó. **Happy Bad Days** (ráng vui trong những ngày buồn) chứ không phải Happy Birthday (chúc mừng sinh nhật). Thằng bé chưa đi học, nên chỉ có thể hát theo những gì được nghe tại chỗ. Nó phát âm sai chữ *Birthday* mà không hề ngờ rằng mình vừa làm nên một đại sự. Về chữ nghĩa, có thể tôi đọc sách nhiều bằng mấy lần bố mẹ nó cộng lại, nhưng có ai ngờ rằng tôi vừa được thằng bé kia điểm đạo.

Tôi chợt nhớ câu chuyện ẩn sĩ A-tư-đà trong Phật sử. Kinh ghi rằng ngay sau khi hoàng tử Tất-đạt chào đời vài hôm, sư phụ của vua Tịnh Phạn là ẩn sĩ Asita (A-tư-đà) đã từ Tuyết Sơn vào cung xin gặp mặt hoàng tử, và ông đã cười lớn ba tiếng rồi khóc ba

tiếng ngay khi nhìn thấy hoàng tử. Vua thấy lạ mới hỏi có sự. Nhà ẩn sĩ trả lời rằng ông cười vì mừng cho sự kiện hoàng tử sẽ là bậc đại giác, nhưng khóc là vì biết mình không thể sống đến ngày hoàng tử chứng đạo giải thoát.

Thằng bé Alexander dĩ nhiên chẳng là cao nhân gì ráo, nhưng ba người trong nhà nó hôm nay chẳng ai biết được tôi vừa học được một bài học ngàn vàng từ thằng nhóc kia. Nhờ nó dốt, nó ngơng, mà nói ra được một câu minh triết răn đời thiệt ý nhị. Phải mà, sinh nhật là ngày bắt đầu một kiếp lưu đày thì có gì đáng chúc mừng chứ. Ông Voltaire của Pháp từng nói, lẽ ra người ta không nên khóc khi một ông lão từ trần mà phải khóc trong ngày một thằng bé vừa chào đời mới đúng!

Từ đó mà suy, câu chúc kia phải được sửa lại theo thằng Alexander mới tuyệt. **Happy Bad Days.** Ráng mà vui trong cả những ngày bị xem là xui nhất, những ngày chẳng có gì để vui. Vui được những ngày đó thì ai cũng là hiền thánh.

Sao tôi lại nói thế chứ? Gẫm kỹ mà xem, thực ra có ngày nào trong đời mỗi người có thể là ngày vui hay buồn. Vấn đề tuyệt không nằm ở chỗ con số trên tờ lịch, cũng không phải sự kiện gì đó xảy ra trong ngày; chẳng hạn, đám cưới, đám tang, sinh nhật, tân gia... Vấn đề chỉ gói gọn trong thái độ tâm lý mỗi người. Hơn hai ngàn năm trước, khi Trung Hoa đã có Kinh Dịch, tại Ấn Độ, đức Phật đã dạy rằng ngày nào người ta sống thiện, sống lợi ích cho mình và đời thì hôm đó là ngày lành. Và người ta chỉ có thể an tâm hạnh phúc khi không làm ác, không sống trong những vọng niệm bệnh hoạn. Sống trong tha thứ, buông bỏ thì ngày nào cũng là ngày lành, tháng nào cũng là tháng tốt. Chẳng hạn đối với một người như đức Phật thì ngày nào cũng là cát tường. Bốn mươi mấy năm trụ thế của Ngài là những ngày tháng đẹp nhất trong lịch sử thế giới. Theo tôi, ngày buồn nhất chính là ngày Thế Tôn viên tịch ở rừng Sa-la xứ Kusinārā. Ngài ra đi là ngọn đèn chánh pháp đã tắt, những gì còn lại chỉ là dấu mòn Ngài để lại và không phải ai cũng có thể nhìn thấy để mà đi. Nhưng trên đời còn có người nhớ đến Phật, làm theo lời Ngài thì xem như Phật vẫn còn đó.

Theo đó mà nói, sống theo chánh pháp là sống như có Phật trên đời. Ngày nào người ta sống thiện thì ngày đó là ngày vui. Vậy thì câu nói ngơng ngịu của thằng bé Alexander tuyệt vời lắm thay. **Happy Bad Days.** Hãy ráng mà vui sống trong cả những ngày xui nhất, buồn nhất, những ngày xem chừng chẳng có gì để vui. Cảm ơn bé Alexander, tôi đã nghe câu nói của bé trong hoàn cảnh không bi đát như ẩn sĩ A-tư-đà ngày xưa lúc gặp hoàng tử Tất-đạt. Biết đâu chừng, câu nói của bé Alexander sẽ theo tôi suốt quãng đời còn lại như một công án, một câu thần chú hộ mệnh giữa cuộc đời có vẻ buồn nhiều hơn vui này...

TOẠI KHANH

HÌNH NHƯ

Toại Khanh



Mấy ngày Tết vào Internet xem lại rai mấy bài viết về Việt Nam như một cách đón xuân. Giờ gì cũng xa xôi, những người quen xưa, những kỷ niệm cũ, một phương trời cố quận,... giờ đều là nghìn trùng. Thôi thì thấy nhau trên internet cũng là một kiểu tái ngộ, tương phùng.

Chẳng cần hò hẹn, mấy địa chỉ được nhớ tới đầu tiên bỗng là những Làng Mai, Trúc Lâm, Chuyển Pháp Luân. Mọi khi có thể nhiều hơn, nhưng bây giờ là những ngày Tết, tìm đọc chút gì có hơi hương cây đa cũ với bến đò xưa hình như phải lúc hơn. Vì mẹ ơi, xuân này con vẫn chưa về được!

Rải rác khắp các trang báo online là những bài viết về lễ hội chùa Hương sắp tới, về ngôi chùa bằng đồng mới khánh thành trên núi Yên Tử, về Phật Học Viện ở Sóc Sơn, về chuyến thăm quê lần hai của Hòa thượng Làng Mai, về mấy ngôi chùa mới của dòng thiền Trúc Lâm Việt Nam. Bây giờ với công nghệ vi tính ngày một tân tiến, hình ảnh âm thanh trên mấy trang báo Phật giáo online cũng ngày một rõ ràng, đẹp mắt, sống động hơn. Tôi ghé thăm từng trang rồi tần ngần như một tục khách trưa hè dừng chân bên mái tam quan một ngôi cổ tự. Chùa lớn lại đẹp, sân rộng mái cao, u tịch cao nhã. Một chút chuông gió, một làn khói nhang mờ màng đầu đó. Trong vùng tâm tưởng mờ hồ, khách bất ngờ nhắm mắt ngủ quên một giấc ngắn trong yên bình, rồi thì mộng và thực tan vào nhau thành một nhúm khói thật nhẹ...

Từ rất lâu ngày, tên gọi Phật giáo trong tôi là những lời Phật dạy còn ghi chép được trong kinh điển và được một số người đem vào đời thực bằng những hành trì trên bản thân. Bỏ đi những gì hại mình hại người, bỏ dần những thành kiến cố chấp, mở lòng ra để thương và hiểu cuộc đời ngày một rộng hơn, xa dần những biên giới không cần có. Nhưng

rồi tôi đã thấy gì trong cái gọi là Phật giáo hôm nay. Những chuyện riêng tư trong sinh hoạt thường nhật của các vị đại sư Tàu hay Việt lần lượt được đánh bóng để dựng nên cái gọi là cõi Thiên Trung Quốc hay Việt Nam. Tất cả những rượu thịt của Tế Công đến chuyện chém mèo, đốt tượng, đánh người, gào thét của các ngài Nam Tuyền, Đan Hà, Lâm Tế lần lượt được tận dụng để tạo nên một dáng riêng cho Phật giáo một phương. Lúc nào rồi rảnh bình tâm, một người học Phật ngồi yên ngó lại xem hậu nhân biên địa đã đẩy Phật giáo cõi nguồn về tận cõi nào. Kiểu Phật giáo đó cơ hồ chỉ là khách lạ của thứ kinh bối điệp mà lúc cần, người ta mới nhận đó là suối nguồn căn bản của Phật pháp nguyên nguyên.

Ai cũng có quyền yêu nước thương nòi, ai cũng nên trân trọng bồi cảnh văn hóa mà mình từ đó sinh trưởng, nhưng cứ tùy thích mà mang cái tâm tình đó mà gán ghép lên bất cứ cái gì khác thì hình như không nên. Khoa học được gọi là khoa học vì ở đó không có sự tùy tiện. Anh có là ai trên hành tinh này cũng phải ứng dụng đúng cách những nguyên tắc căn bản của computer nếu muốn sử dụng nó. Trong cõi chuyên môn đó hình như không có chỗ cho những tâm tình riêng tư. Chúng ta có thể tạo riêng một trang web đầy ắp những Đường Thi Từ Tống với hình ảnh các bức thư pháp hay tre trúc, cây cảnh theo phong cách Tàu, Nhật, Việt, Hàn nhưng con đường thực hiện trang web đó phải giống với thiên hạ. Ta có bao nhiêu cái riêng cũng mặc, nhưng phải có tối thiểu một cái chung căn bản với thiên hạ để không bị lạc lõng giữa đời.

Qua sách vở, tôi chỉ biết một hai vị đại sư người Hoa thời hiện đại như ngài Quảng Khâm, ngài Ấn Thuận nhưng tôi đặc biệt đọc nhiều về các ngài có lẽ cũng vì một lý do là các ngài không cố ý tạo riêng một dòng tư kiến nào hết. Đó cũng là trường hợp một số danh nhân Phật giáo khác như bà Dipama của Ấn Độ, ngài Achahn Chah hay bà Achahn Naeb của Thái Lan, ông Ubakhin của Miến Điện,... nếu không xem trước phần tiểu sử, thì khi đọc họ ta không thể biết họ là người xứ nào, lớn lên trong bối cảnh văn hóa ra sao. Điều họ nói hay viết chỉ nhắm chung mọi người để ai đọc hay nghe cũng được, cố tránh cái riêng tư để không tự đưa mình vào một góc tù tắc tị xa lạ với thiên hạ muôn phương. Nói về bụi trúc, hòn đá, thác nước, thậm chí cỏ thì cứ theo thiên nhiên mà nói. Đem tâm tình riêng tư mà ghép vào thì rõ ràng lợi bất cập hại. Tôi yêu vườn cảnh thì tôi tìm học ở anh về những thứ làm nên vườn cảnh, tôi không muốn anh khoe mẽ về khu vườn cảnh của anh. Có cần chứng minh gì đó để minh họa thì một chút thôi, làm ơn đừng bắt một người Nhật Bản phải nghĩ về vườn cảnh theo cách một người Thụy Điển.

Một người Tây phương hôm nay muốn tìm hiểu về Phật giáo, nếu không cảnh giác sẽ lọt tọt vào một Phật giáo Tàu ngon ơ. Lúc định thần ngó lại anh ta sẽ ngỡ ngàng với cái gọi là Phật giáo theo những gì mình vẫn đọc thấy trong sách vở trước đó. Có thể có người sẽ giải thích với anh rằng đó là thứ Phật giáo sinh động, không phải khô cứng vô hồn như những trang bối điệp mà anh đã đọc. Lời trấn an đó dĩ nhiên có thể giúp an yên lòng,

nhưng mai này có dịp tìm sang Nhật Bản, Hàn Quốc rồi về Việt Nam,... ở đâu người ta cũng nói hệt vậy. Thế là trong anh có ít nhất non chục kiểu Phật giáo khác nhau. Không có một cội nguồn chung, thiên hạ xa nhau từ căn cội. Rồi thì phân hóa, chia cách, tương tranh.

Những cái RIÊNG có thể góp phần phong phú lý kỳ nhưng thiếu cái CHUNG thì tự dưng trở thành những mảnh vụn rời rạc khó xài. Người Việt từ mấy ngàn năm Bắc thuộc đã biết đến Phật giáo qua nhiều cái RIÊNG của Trung Hoa, và gần như không còn nhiều thời gian để tìm hiểu về cái CHUNG nên có giữa những người tu Phật. Thế rồi lịch sử đất nước lại phải trải qua những biến động kinh thiên, để nay người Việt lại có thêm nhiều cái RIÊNG của thời đại qua những tiêu ngữ khác...!

Người ngoài thò tay vào thực hiện chuyện đó đã đành, mà đến cả những người trong nhà cũng vì mục đích riêng tư nào đó mà thay nhau tô đậm những góc riêng để khai thác điều họ muốn. Giờ ta còn trẻ, còn khỏe, thấy sao cũng được, càng náo nhiệt càng vui.

Nhưng đời người ngắn ngủi, ai lại chẳng có lúc cao niên đăm thăm, muốn tìm về một cõi tịnh để di dưỡng tâm linh trước khi về đất. Lúc đó người ta sẽ phải giật mình cho những cuộc chơi quá đà thời trẻ. Giờ thì Chúa hay Phật trong lòng mình chỉ là những bóng hình lờ lợ, sặc sỡ, không biết phải dựa vào đâu để tựa nương. Hai ngôi chùa cách nhau vài phút lái xe đã có hai lối hướng dẫn tu học trái nghịch, Tăng ni gặp gỡ trên đường học đạo thì mỗi người một cách nói chẳng giống nhau về Phật. Đó chính là cái giá phải trả cho sự tình quá nhiều cái RIÊNG mà thiếu một cái CHUNG.

Tính đến nay đã có không ít bậc long tượng chốn Già-lam của Việt Nam vốn người uyên bác chân tu đáng mặt sơ tổ khai sơn các dòng truyền pháp, nhưng thành công như ý có lẽ không quá một bàn tay. Lý do có thể nằm ở chỗ ai nhớ được cái CHUNG càng nhiều thì thiên hạ tìm đến càng đông. Chỉ vì họ thấy được mình ở đó. Họ đến như là về nhà, hay tối thiểu cũng như viếng thăm thân tộc. Thế là thấy gần, thấy thương. *Của riêng còn một chút này!* Bỗng nhớ cụ thi hào họ Nguyễn nhà mình quá đổi!

Toại Khanh

BÀN PHIẾM TRÊN BÀN PHÍM

Toại Khanh



Chỉ trong mấy tháng ngắn ngủi, tôi đã nghe tin tức về cái chết của cả trăm ngàn người. Trận bão Nargis ở Miến Điện, bạo loạn ở Tây Tạng, động đất ở Tứ Xuyên, rồi thì sự ra đi của bao nhiêu là những nhân vật tiếng tăm trong đạo ngoài đời, đã vậy lại còn là những gương mặt được xem là đình đám và nhạy cảm hàng đầu trong thời điểm hiện tại. Ở khía cạnh cá nhân, cái chết nào cũng như cái chết nào, nhưng trên một giao diện rộng hơn, với cộng đồng thiên hạ, có những cái chết là cả một cái tang lớn. Vì nó cuốn theo đó một tỉ vấn đề, bao gồm bao thứ dở dang vẫn còn lại đó. Tôi đã thù người khi nghe được hung tin về hai nhân vật đều trên hàng thượng thọ, dù đó không hề là chuyện bất ngờ. Ai sống hơn 80 cứ xem là đã đứng trên hai chữ bất trắc rồi. Nhưng rồi đã sao chứ? Một cái tang có cáo phó, phân ưu, văn tế rồi kèn trống nghi trượng hay một cái chết không có nổi manh chiếu đầy xác đều có một chỗ giống nhau đến nao lòng: Kẻ ra đi không hề biết gì về chuyện hậu sự của mình. Người ở lại muốn sao thì vậy. Thế rồi trong cõi ký ức chớm già của mình, tôi bỗng khuâng nhớ lại một lần nào đó Online đã từng đọc thấy lời ghi kỷ lạ trên hai bia mộ, thiệt tình chẳng biết nên cười hay khóc nữa. Kiếp người, rồi thì cõi nhân gian này sao mà đơn giản quá vậy chứ. Trên bia mộ một tay kỹ sư điện toán kia, bên dưới tên họ và năm sinh, chỉ vồn vện một dòng: *Run-time error at 17:05:07*. Và trên bia mộ một tay nghiệp Computer, có lẽ là Phật tử: *System halted at 03:05:08. Please press Ctrl+Alt+Del to re... born!*

Đáng ra đó là chuyện để cười, để giải trí, nhưng nói thiệt, tôi cười hồng nổi. Ai biết được bao giờ lúc nào đến lượt mình được thiên hạ đưa đi hỏa táng và bấm giùm cái nút... *Reborn*. Ngẫm sơ qua cũng thấy ngán thiệt. Bởi ngày buồn đó rất có thể chỉ là tuần sau!

Nhưng chẳng lẽ chuyện chỉ có vậy hay sao? Dám đem cái computer ví von với cả một kiếp người thử hỏi có quá đáng chẳng; nhưng trong suy tưởng mơ hồ, tôi thấy hình như cũng đâu có chi là sai chứ. Người tin Phật một tí xiu cũng hiểu rằng chết rồi đâu phải là hết, và cái gọi là kiếp người đâu phải chỉ là con số năm tháng hưởng dương hay hưởng thọ gì ấy. Cho dù anh có xem cái chết chỉ là giây phút kết thúc một cuộc chơi, hay một lần tắt máy của computer, thì cũng đừng quên trước đó anh đã chơi trò gì, hay cái computer của anh đã được sử dụng cho chuyện chi mới được chứ. Người bây giờ thiếu gì kẻ vào tù hay trở thành triệu phú bằng vài phút sử dụng computer. Tôi mù tịt điện toán,

chỉ ngẫu nhiên để ý vài nét tương đồng giữa con người với chiếc máy rồi tâm đắc với riêng mình như những công án có thể tham chiếu suốt đời. Giữa hai thứ cứ có những cái giống nhau thiết ngộ, một sự giống nhau đến kỳ lạ nhưng độc đáo và thú vị quá chừng:

Ai thường làm sạch computer bằng disk-cleanup chắc còn nhớ câu này: *Disk cleanup is calculating how much space you will be able to free on [C:].* Tôi chịu cái câu đó quá. Thỉnh thoảng hãy tự ngó lại mình để xem thời gian, sức khỏe, tiền bạc và đầu óc của anh còn lại được bao nhiêu chỗ trống cho những thứ đàng hoàng hữu ích. Rác rưởi nhiều quá thì mấy thứ hữu dụng làm gì có chỗ. Đó là chưa kể đến khoản máy anh hay óc anh khi chứa quá nhiều thứ, sẽ tự làm chậm chính mình vì phải luôn vác theo mình biết bao là gánh nặng. Cứ nhìn những gì một người sở hữu thì có thể biết anh ta còn dư lại bao nhiêu khả năng cho những thứ khác ngay. Không những một cá nhân, mà đến cả một tổ chức, thậm chí một đất nước cũng đều như vậy cả. So kè mấy chi tiết con con đó, ai dám bảo không thể đem computer so với con người chứ!

Lãng xãng một đời hay rong ruổi mười phút trên máy computer rồi thì cũng phải đến lúc bỏ hết mà đi hay tắt máy. Máy tính ở mấy xứ nghèo còn có thêm một cách tắt máy đặc thù là mình chưa kịp tắt thì người ta đã cúp điện ngang xương. Đời người cũng vậy thôi, người ta có nhiều cách để bị xóa dấu, hoặc mình hoặc người, sự ra đi lúc chết hay tàn lụi thuở sinh tiền. Phù du lắm, nhưng không thể xem là vô nghiệm. *There is nothing is nothing!*

Những nơi chốn, hoàn cảnh ta sống qua trong đờiغمغم kỹ cũng giống hệt những website trên internet mà tatình cờ bắt gặp một đêm khuya nào đó. Vui buồn, tốt xấu đủ cả. Và sau một thoáng phù du, gì cũng qua đi. Cái đáng nói chính là người ta đã ứng phó ra sao với từng phút giây đối diện vấn đề và những gì còn đọng lại sau đó trong óc, trong tim. Máy của anh tốt hay xoàng, kiến thức điện toán của anh ra sao, nơi chốn anh sử dụngcomputer là ở đâu,... mấy thứ đó là những điều kiện cốt tử cho việc vận hành của một chiếc máy tính. Đời người cũng vậy thôi, hành trang của anh là gì, bối cảnh tồn tại của anh ra sao, những thứ đó sẽ góp phần quyết định điều anh sẽ làm được cho mình và cho đời, để chung cuộc của anh sẽ theo đó mà như thế nào.

Thế đã hết đâu, con người và máy tính còn bao nhiêu là những tương đồng khác nữa. Ai xài computer lại không biết đến password, người mình trong nước vẫn gọi là mật mã hay mã khóa gì đó thì phải. Anh quên hay không biết password thì coi như chẳng làm ăn gì được. Gغمغم kỹ, ai dám bảo con người với nhau lại không có password chứ. Tại sao trong muôn người thiên hạ chỉ có hai người đó với nhau mà không là ai khác? Họ biết được password của đối phương nên chỉ một cái click là có thể đường hoàng bước vào mê cung tâm tưởng của người đối diện. Kẻ học đạo không biết được password của thánh hiền thì có mày mò cả đời cũng chỉ là con một sách trên cuốn cổ thư mà thôi. Có rất nhiều lý do để ta không có được password của nhau: Nếu không nói ngắn gọn là bởi tập khí phiền não thì là những ngăn ngại của ý thức chính trị, văn hóa hay quan điểm tôn

giáo. Người ta có thể do hoàn cảnh sống, do sự cố chấp hoặc dốt nát mà không nhìn thấy con đường tương thông với thiên hạ. Hàng tỉ người trên hành tinh này đang xung đột nhau chỉ vì không biết được password của đối phương. Ta thấy nhau mà không gặp nhau, hay gặp nhau mà không thấy nhau... đều là những bi kịch đi ra từ chỗ thiếu password. Chìm sâu trong biển khổ mà vẫn bế tắc không tìm ra lối thoát cũng chỉ vì thiếu password. Chỉ nói riêng về đạo giải thoát, theo tôi, tu học là tìm hiểu password của chính mình và hiện thánh. Đạo lực càng thâm hậu thì người ta càng biết nhiều về những password cần thiết để hiểu mình, hiểu đời. Đến được thánh nhân thì cái gì cũng là unlock hết!

Tôi dốt điện toán, chỉ biết thêm một chuyện nữa trên computer đó là vào Internet để tìm (search) thông tin. Không phải cứ giỏi computer hay sở hữu được chiếc máy xịn là muốn tìm gì cũng được. Trước hết anh phải có khái niệm về điều anh cần tìm để từ đó biết tạo ra những từ khóa (keyword). Kiến thức bách khoa càng rộng, thế giới internet của anh cũng theo đó mà bao la hơn. Nếu không, anh chỉ loay hoay với dăm chuyện vặt như download phim nhạc hay chơi game là cùng. Phạt pháp hay chuyện đời hình như cũng thế. Anh chỉ có thể tiếp nhận những bài học giá trị khi lòng anh đã được trang bị những thứ cần thiết. Vốn liếng nghèo nàn quá, eo hẹp quá, có nghe thấy hay đọc qua bao nhiêu thứ hay ho trên đời thì chúng với anh vẫn chỉ là những kẻ lạ trên đường.

Tôi đi xa mới về, nghe trong người có chút bất thường, đau ngực và lạt miệng kinh khủng. Giấc ngủ sai giờ, lại biếng ăn. Cả tuần cứ choàng dậy giữa đêm với mồ hôi ướt cả mình. Trời ạ, chẳng lẽ... Tôi rùng mình nhớ lại lời ghi trên hai tấm bia mộ kỳ cục kia. Không, máy tôi vẫn còn tốt, chịu khó bảo trì một chút thôi. Chỉ ngại một điều rằng một nửa nguồn điện cho chiếc máy của tôi là trong tay một người thiên hạ... Lỡ như có một ngày em muốn tắt máy từ xa bằng một chút bạc lòng rồi cúp điện thì tôi chỉ còn nước *Press Delete để Re... born!*

TOẠI KHANH

Trên Ngọn Tình Sầu **Toại Khanh**

Ai sống ở đời cũng phải dấn lên những buồn vui mà đi về phía trước. Có một ngày tôi chợt phát hiện ra mình có những chuyện ngậm ngùi, có thể từng khiến nhiều người thấy buồn, nhưng tôi nhớ hình như chưa nghe ai nhắc tới. Bỗng muốn kể chơi vài chuyện buồn trong số đó cho vui!

Tôi chỉ mới về Tàu hai lần trong mười năm xa xứ. Tôi từng đứng một mình trên bến Thượng Hải Than để ngắm nhìn con sông Hoàng Phố trong đêm, đêm ở đó thường nhiều gió lạnh. Tôi từng một mình thả bộ trong phố đêm Lệ Giang cho đến lúc quán xá bắt

đầu đóng cửa. Nhiều và khá nhiều những nơi chốn đây kia trên xứ Tàu đã hút hồn tôi, đến mức đã rời đi cả tháng trời sau đó còn cứ thấy nhớ như điên. Vào ra chỉ mong ngày trở lại lần nữa. Thế rồi một ngày đọc báo, thấy đâu đó những tin tức về mấy vụ nổ quảng mỗ hay tai nạn giao thông ở Trung Quốc có nhiều người chết, tôi bỗng nghe ngậm ngùi bằng một kiểu rất riêng, có lẽ chẳng giống ai. Những người vừa chết đó thường là dân nghèo, những người cả đời cũng không đủ sức đi hết những miền đất tuyệt vời của quê hương mình. Hôm nay họ đi rồi, vẫn chưa kịp biết được quê hương mình kỳ vĩ, cảm tử đến mức nào. Nghĩ chừng đó thôi, tôi cứ nghe ngậm ngùi nao nao.

Tôi lại có lúc ngậm ngùi khó tả khi nhìn thấy ở đâu đó những ông cụ bà lão lom khom trên đường, hay ngồi chờ đẫn trước một hiên nhà nào đó với ánh mắt vô hồn đang dõi nhìn tận đâu. Họ bây giờ đã mất gần hết cái mà người ta gọi là trí nhớ. Họ hồn nhiên như trẻ con, thơ ngây tin cậy và hồn giận ngây ngô. Họ không còn nhớ gì những cuộc hẹn dưới khóm trúc bờ ao đêm trăng năm nào, họ quên mất những ngày mưa ngồi bó gối trông ra bờ đất đầu làng mong ngóng một người quen. Quên hết, quên sạch. Tôi bồi hồi tưởng tượng nếu mấy chục năm trước biết được hôm nay hai đứa đều sẽ như vậy, chẳng biết đôi tình nhân ngày ấy đã nghĩ gì. Vậy rồi tôi cũng buồn nhè nhẹ...

Tôi lại có lúc ngậm ngùi khi nhìn thấy một người nghe đâu đang bị phản bội mà không hay biết, vẫn cứ một dạ sắt son với người tình phụ như đứa bé con tin mẹ. Dẫu đó là chuyện của thiên hạ, tôi cứ ngại ngái một nỗi lo vô duyên. Trời ơi, nếu một ngày chuyện vỡ lở ra thì sao chứ. Thương người này, nhưng tôi không biết phải trách người kia ra làm sao. Ai có yêu thì biết mà. Nếu con người ta làm gì cũng bằng sự khôn ngoan hữu lý thì trên đời làm sao có chuyện yêu đương chứ. Trong A-tỳ-đàm cũng nói, ngay trong cái thương hay thích bao giờ cũng có cái ngu đi kèm như trầu với vôi. Vậy rồi tôi chỉ còn biết ngậm ngùi ngó theo một cuộc tình đã không còn gì trước khi bị mất.

Có lẽ tôi nghèo, nên cứ băng khuâng mỗi khi nghe thấy đâu đó những trò chơi vung tiền của mấy người dư dả, giữa khi trong khắp thiên hạ có những sức sống tuyệt đẹp, lại đang thoi thóp chỉ vì không có nổi một khả năng cơm áo tối thiểu để có thể sống cho ra phận người. Hồi còn bên nhà, nhất là những khi ngồi trên đò xe, tôi không bao giờ quên nỗi ánh mắt thèm thuồng của những đứa bé nhà nghèo nhìn mấy đứa khác cùng trang lứa đang gặm một miếng bánh hay que kem, mà nó biết là mẹ mình không mua nổi cho con. Ông Bill Gates từng nói là cuộc đời vốn không bao giờ có chuyện công bằng, hãy ghi nhớ điều đó để không so đo buồn tủi. Tôi tin Phật nên không đồng ý câu nói đó trăm phần trăm, nghĩa là tôi không nghĩ rằng cuộc đời bất công, nhưng mục đích của câu nói đó thì tôi chịu lắm. Bởi cứ đòi hỏi công bằng thì không ai sống nổi đâu. Buồn chết!

Một thiền sư Nhật Bản trên đường hoằng pháp qua các châu lục đã ghé ngang Hoa Kỳ, và khi được các phóng viên hỏi ngài có ấn tượng nào sâu sắc nhất khi tận mắt nhìn thấy đủ thứ ở các nước mà ngài dừng chân. Sau một giây ngẫm nghĩ, vị thiền sư đăm chiêu: *“Ở đâu thì cũng chỉ có vậy thôi, điều làm tôi ngạc nhiên là ai cũng biết sống chết là chuyện*

bất trắc nhưng cứ thích nghĩ chuyện lâu bền chắc chắn”. Với tôi hình như đó cũng là chuyện đặng ngại. Nhiều lúc cầm mấy món đồ nhỏ xíu như cái đồng hồ, bút máy, hay chỉ một chiếc kim băng mà cứ băng khuâng vớ vẩn. Nếu không bị ai đó cố tình phá hủy thì chắc chắn mấy món đồ cồng kềnh này sẽ tồn tại trên đời này lâu hơn cả tôi. Nhất khoảng điền thiên niên vạn chủ. Có dịp ghé thăm mấy tiệm bán đồ xưa (antique) thì nỗi ngại đó càng sâu. Nhiều món ở đó dễ chừng đã trăm năm, biết đã qua tay mấy đời chủ nhân, bây giờ được bày bán ở đó để chờ đợi một người chủ mới. Những gì bây giờ tôi thương thích nhất, mai một không biết về tay ai. Mai một ở đây có thể là vài ngày nữa, vài tháng nữa, vài năm nữa hay vài chục năm nữa. Nói tới đây tôi lại muốn lạc đề một chút về cái gọi là những giá trị trong cõi phù vân này. Nhiều khi một món đồ có chứa một giá trị kỷ niệm ghê gớm đối với người này, nhưng với người khác thì chuyện đó chẳng có nghĩa lý gì hết. Mọi giá trị của một món đồ hình như chỉ là chuyện ước lệ, chỉ được áp đặt gán ép một cách tương đối. Thế là những gì tôi nâng niu hôm nay, biết đâu mai kia chỉ là một thứ phế thải trong mắt người khác. Như tôi yêu em, xem em là một nửa đời mình, và suốt kiếp chỉ có thể là gã Tiêu Lang đứng mò côi cuối đường nhìn theo dáng em mà hoài vọng. Vậy mà em lại thuộc về một người khác, nhưng chẳng là gì trong mắt người ta, bị lãng quên lẫn lóc mà vẫn một đời chờ đợi một phút đoái hoài. Còn tấm tình tôi thì em không thèm ngó tới một lần. Đời sống luôn đầy ắp những nghịch kịch kiểu vậy. Nghĩ đến đó ai lại không ngại ngại chứ!

Đã bảo những khổ đau bi hận của cuộc trầm luân là nhiều như cát trong sa mạc, nếu đem chất lại thành đồng cũng đủ để làm nên một ngọn tình sầu chứ chẳng chơi. Chẳng qua vì ham chơi, vì tất bật hay lại vì trót sống thơ ngây nên người đời không nhìn thấy ra cái nỗi trầm oan đó. Từ mọi lãnh vực chính trị, tôn giáo, văn hóa, xã hội, rồi thì cả khoa học, ngó kỹ đâu cũng cơ man là những chuyện buồn. Chợt nhớ một câu ngắn trong hồi ký của nhà thơ Tản Đà mười năm trước: *Cái tội lớn nhất trong đời chính là lợi dụng niềm tin của người khác vào mục đích tư lợi của mình*. Ngẫm kỹ, câu nói đó sâu sắc kinh khủng.

Về chính trị, bao kẻ biết chủ nghĩa mình đang theo là tâm bất, sai lầm, nhưng vì quyền lợi bản thân mà tìm mọi cách nhồi sọ những người thơ ngây, suốt bao thế hệ, để thiên hạ đời đời làm trâu ngựa cho mình. Và kẻ bị lợi dụng lại cứ tưởng mình là con cưng, là kẻ được ban ân sủng nên chung thân cúc cung tận tụy chẳng dám hồ nghi, rồi thì chính mình đánh mất kiếp đời tự do theo một kiểu tôi đòi tự nguyện mà không hay. Đó cũng là cái để người biết chuyện phải ngại ngại.

Về tôn giáo, bao người vì mong được mấy chữ tôn sư, giáo chủ gì đó mà không ngần ngại dẫn đưa thiên hạ vào mê lộ. Thiên hạ mỗi người đều có những thao thức, trần trố nhứt nhối nên ai hiểu được nhu cầu tinh thần đó thì tha hồ bày vẽ, thế là chỉ cần đầu hôm sớm mai là đã thành chỗ dựa cho một góc nhân gian. Hành tinh này từ mấy ngàn năm qua đã oằn mình mà chứa bao thứ giáo điều rác rưởi kiểu đó. Cái đau đớn là danh lợi của kẻ giáo chủ kia nhiều lắm cũng chỉ một đời, mà cái di hại cho hậu nhân thì muôn kiếp

còn hoài như một vết thương ngày càng lở lói. Lúc bình tâm ngẫm ra chuyện đó, ai lại chẳng một phen ngậm ngùi.

Về khoa học, ai cũng tưởng đó là lãnh vực sạch sẽ khả tín nhất trên đời, nhưng có mấy người ngờ được rằng cái gọi là khoa học đó cũng vẫn là sân chơi của biết bao thứ quyền lực ám muội. Tôi học dốt, chỉ biết rằng có vô số những đầu óc kiệt xuất – thay vì chuyên tâm phát minh những gì cần thiết cho hạnh phúc chúng sinh, thì lại chỉ cúi đầu nhận lấy những cái đơn đặt hàng có nội dung chết người. Họ là những người giữ độc quyền lên tiếng về cái gọi là những kết quả khoa học, nay nói cái này có lợi, mai nói món kia có hại. Rồi thì một ngày vỡ lẽ ra, đó là ý muốn của mấy tay tài phiệt!

Biết được chút chuyện đời, mỗi lần xem đài, đọc báo thấy người ta quảng cáo một sản phẩm nào đó hấp dẫn, hay khi bị bệnh phải uống một viên thuốc tây, hoặc lúc rỗi rảnh ngồi đọc đâu đó dăm bài viết của thiên hạ, tôi cứ ngậm ngùi: Chẳng biết cái nào trong mấy thứ này là thật sự vô hại!

Từ đó, nếu mai này có người cắc cớ hỏi tôi làm sao có thể giải thích ngắn gọn về cái gọi là Khổ Đế trong đạo Phật nguyên thủy, có lẽ tôi còn có thêm một cách nói rất thời thượng rằng: *“Cuộc trầm luân có ra sao thì cũng chỉ là một ngọn tình sâu!”*

TOẠI KHANH

VỀ NGUỒN

Toại Khanh

Từ trước tuổi hai mươi, tôi đã có dịp đọc về Thập Lực của chư Phật, trong đó có nói về khả năng thấu đáo những sai biệt (nānā) trong tâm thức muôn loài mà vị Phật nào cũng phải có. Nói thiệt, hồi ấy tôi hiểu chữ sai biệt đó theo cách tưởng tượng hơn là thâm thía. Cứ hiểu đại khái trong muôn loài chúng sinh có kẻ tu nhiều, người tu ít hay nhanh chậm, nóng nguội khác nhau. Thế thôi.

Rồi theo thời gian, có thêm chút tuổi đời, tôi nhớ lại trang kinh xưa với những suy diễn thiệt lạ lùng. Những khi nghe đài xem báo hay tận mắt chứng kiến bao thứ thiên hạ sự, thì lòng không dung nghe như có ai đang đọc lại cho nghe những lời kinh ngày cũ. Vẫn còn đấy thôi, luôn nằm ở đó, không mất đi đâu. Đi nhiều, thấy nhiều, biết nhiều hơn, chỉ dễ thấy bên cõi nhân gian bao giờ cũng còn đó ánh mắt nồng nàn sâu thẳm của một pho Phật tượng rêu phong. Câu chuyện nhỏ tôi viết ra đây thực ra đã được nói đến mờ mờ trong một bài viết trước, nhưng ở mỗi tâm cảnh, cách nói có thể dẫn về một phương trời khác. Tôi đang ở trên đường mà viết bài này, nên trí nhớ lại tha hồ dạt xô về những nơi chốn chưa thuộc về mình... Miễn là qua đó, tôi lại có dịp nghĩ nhiều về hai chữ Sai Biệt trong trang kinh đã xem ngày cũ, và bỗng dung tôi muốn gọi những dòng chữ này là một cuộc về nguồn để ghé lại những bến bờ sai biệt của nhân sinh.

Một dân tộc Trung Hoa rồi rầm về chính trị và chẳng chịt về lịch sử đã tạo nên một thứ văn hóa mới nhìn qua đã thấy choáng ngợp: Cầu kỳ và chi tiết trong mọi lãnh vực thi văn, thêu thùa, gốm sứ, điêu khắc, kiến trúc. May mà đám Hồng Vệ Binh trong thời Cách Mạng Văn Hóa đã tàn phá một phần lớn, nay sang Tàu ngó sơ những thứ còn sót lại hoặc mới vừa phục chế, mà ta còn thấy kinh hồn. Nói chi nếu mọi thứ đều còn nguyên vẹn cả. Chẳng hiểu sao, tôi cứ trộm cho đó là những kết tinh phải có từ một thứ, tạm gọi là tâm thức Hoa Hạ, với những nét tiêu biểu là đa cảm nhưng tàn nhẫn, nhút nhát nhưng trí trá, ham chơi nhưng sáng tạo, tài hoa. Một con người có đủ những cái nết đó thì coi như khó tin nổi; từ đó, cái máu Tàu xem chừng cũng đa đoan khó lường lắm thay!

Nhìn sang mấy xứ Hồi giáo, người ta lại thấy ra một kiểu dáng văn hóa khác: Cũng cầu kỳ tỉ mỉ, nhưng luôn gói gọn trong một vài khuôn mẫu rất căn bản và nghiêm túc. Thánh đường Hồi giáo thì gần như chỉ có một kiểu củ hành, củ tỏi gì đó và luôn cao vợi, âm u, kín khuất. Tôi ngờ rằng những thứ đó đều đã đi ra từ một tâm thức thuần tín, kiệm ước và kỷ luật đến tàn bạo của tín ngưỡng Hồi giáo.

Tôi lại nhớ về những người Châu Phi ở Lục Địa Đen, nơi sở hữu phần lớn những thứ khoáng sản quý hiếm bậc nhất hành tinh. Vùng đất cằn cỗi khắc nghiệt đó đã sinh ra những phận người như moi lên từ những quặng mỏ. Đen đúa, càm nín, đại khờ, chịu đựng và chờ bị người ta lợi dụng. Người Phi Châu cả đời vẫn chưa kịp có thời gian để nghĩ về mình. Khung trời sinh quán của họ đã buộc họ phải thế. Họ sinh ra cho người khác, như những khoáng sản trong lòng đất quê hương họ – cũng chỉ thuộc về những người đầy đọa họ.

Chưa hết đâu, những người Nam Mỹ hay Bắc Âu dường như cũng đều có riêng những nét đặc thù độc đáo – mà có lẽ, đều hình thành từ những điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu ở mỗi miền đất. Và xa xôi một chút, tôi theo kinh Phật mà ngờ rằng chính tâm tình rồi thì hạnh nghiệp của từng nhóm người đã cùng đưa họ về lại với nhau như ở một điểm hẹn. Tôi thực lòng rất muốn nói rằng, chỉ riêng cái tâm thức của mỗi cá nhân cũng đủ là động lực then chốt của mọi sai biệt...

Rồi thì người Việt ta nữa chứ. Tôi cũng là người Việt nên dĩ nhiên rất ngại phải nói về người mình. Tán không khéo, đồng bào rửa cho mà chết. Chỉ có thể lén đứng ngoài lũy tre làng để ghi chép vụng trộm đôi điều vô tội vạ thì may ra yên thân. Người xứ mình chủ yếu sống nhờ đồng lúa và sông rạch, đại khái tâm thức cứ như luôn ẩm ướt để từ đó nhạc thì buồn, thơ thì sầu và người mình hình như thường ngại đụng đến cái gì cần tới sự cứng rắn, kỷ luật. Một nền đất quá nhiều phù sa thì rất kỵ những công trình đồ sộ, bởi rõ ràng nó không đủ cứng.

Mùa đông này có người quen rủ sang chơi nhà anh ở một nơi mà tôi rất muốn gọi là miền đất lạnh. Tôi nhận lời lên đường, chẳng phải do ham vui, mà chỉ vì ngán nổi quần chân, sợ ngồi lâu quá một nơi rồi suy tư rêu mốc. Đang là mùa đông nên hình như ở đâu cũng

lạnh. Sau cả chục giờ bay mệt mỏi muốn tàn phế, tôi xuống một phi trường xa lạ để hiểu rằng mình chỉ từ bỏ cái lạnh phương này để tìm về cái giá băng chốn khác mà thôi. Một chút hối hận cho cái gạt đầu không toan tính. Tôi nhìn quanh những dãy phố vắng im trong chiều tối, những bóng người vội bước, những hàng cây trơ trụi không tiếng động. Nhìn rồi lại nhìn, tôi chợt nghĩ ra một chuyện không thể nhịn cười. Tôi kể với anh Phật tử cái suy nghĩ đó. Nhịp sống xứ này sao mà lạnh lẽ, nặng nề quá. Nó thích hợp cho những mẫu người làm lì vô cảm, những thứ sản phẩm âm thầm như chăn đệm, vớ bông, áo ấm,... những thứ mới nhìn qua đã như nghe được một sự thinh lặng đến buồn ngủ. Có lẽ đó là lý do khiến người ta có dịp nghĩ nhiều về thời gian và người ta đã tìm mọi cách để lắng nghe, tính đếm từng bước chân của nó để làm nên những chiếc đồng hồ nổi tiếng thế giới. Đến tận lúc này, tôi càng có dịp để tin mình đã nghĩ đúng, rằng mấy món tâm tình-hoàn cảnh-nếp sống đã nuôi dưỡng lẫn nhau. Và từ đó, nếu chiều nay có ai hỏi tôi về chuyện tu hành, tôi sẽ một mực thừa rằng tu hành là chuẩn bị một môi trường sống, và môi trường đó của mình ngày mai hoàn toàn tương thích với đời sống nội tâm của mình hôm nay. Cuộc tu hành từ đó là sự chuẩn bị cho những hành trình, những nơi chốn tồn tại. Cho đến bao giờ KHÔNG CÒN CHỖ ĐI nữa thì thôi. Ngày ấy cuộc chơi đã khép lại và vòng tròn luân hồi đã mở ra. Nguồn cao khi ấy đã cạn nước, con thác đã thôi luân lạc và người ta sẽ gọi những viên sỏi giữa lòng suối khô kia là Xá-lợi!

TOẠI KHANH

KỶ VẬT CHO EM

Toại Khanh



*lò thiêu mới tận kỳ thân thiện
với môi trường*

Tôi không nhớ đã đọc ở đâu câu nói này: Nếu không có gì quý giá để lại cho đời, thì ít nhất cũng đừng để lại một điều gì tệ hại. Khoảng trống đó cũng có thể gọi là một thứ di sản không tệ. Tôi nhớ đến câu nói đó, chỉ vì chiều nay đọc thấy trên Internet một tin nhỏ mà thú vị: Các nhà khoa học Anh quốc vừa phát minh một kiểu lò hỏa táng, được đặt tên Resomator, không khói, không tạo ra bất cứ khí độc nào có hại cho môi trường thiên nhiên và sức khỏe con người. Vậy là kể từ bây giờ, với kiểu lò hỏa táng đó, ít nhất thiên hạ sau khi nhắm mắt cũng không bắt bầu khí quyển này gánh thêm một chút của nợ nào như xưa giờ nữa.

Nhưng đó chỉ là cho phần xác. Còn cái khoản phần hồn nữa chứ. Giá người ta có thể chế tạo thêm một kiểu lò tương tự cho những lầm lỗi của chúng sinh thì hay biết mấy. Một chính khách điên rồ sau khi xuôi tay sẽ vĩnh viễn biến mất cùng với cái học thuyết chính trị bậy bạ của mình. Một giáo chủ tà phái sẽ đem theo vào lòng đất những rao giảng lầm lỗi của mình. Và bất cứ một ý tưởng độc hại nào trên đời này cũng đều đi theo kẻ đã khai sinh nó mà chìm vào hư vô. Với kiểu lò hỏa táng đó, lịch sử thế giới sẽ không nhuộm máu lệ như bây giờ. Chúng ta đang rất cần đến một kiểu lò hỏa táng không khói cho những lỗi lầm của nhân loại.

Ai dám bảo mình bé mọn không đủ sức để lại một ảnh hưởng nào cho nhân thế, rồi thì muốn làm gì cũng được? Trong Giáo Lý Duyên Khởi của Phật giáo, không một thứ gì trên đời này là bé nhỏ đến mức không thể tạo ra những tác động. Anh vô danh, nhưng chuyện anh làm, điều anh nói, đề tài anh suy tư... hoàn toàn có thể để lại một hậu quả khôn lường cho thế giới. Có biết bao trẻ vị thành niên sa đoạ, bạo lực và tự tử chỉ vì nghe thấy ai đó nhắc đến những chuyện ấy. Và kẻ khơi mào cho những thảm cảnh ấy thường khi chỉ là một người chẳng tiếng tăm.

Một tuổi trẻ vô tâm tung tăng cõi tình trường và để lại một cuộc tình buồn cho ai đó. Một tay gian thương chỉ nghĩ đến túi tiền của mình rồi thương vụ tội lỗi nào cũng làm. Một nguyên thủ quốc gia coi trọng chuyện nhà hơn chuyện nước. Một cá nhân ích kỷ chỉ nghĩ đến tự ái bản thân mà quên mất đại cuộc thiên hạ... Toàn bộ bọn họ đều để lại cho nhân gian những di sản buồn, những dấu vết không nên có sau ngày mình đi. Ta có thể không tin chuyện tái sinh luân hồi, nhưng ít gì cũng có thể hiểu được cái lẽ đời cụ thể này: Nếu tiền nhân ngày xưa đã sống bạt mạng chẳng kể gì đám hậu tấn thì thế giới hôm nay, có ta trong đó, đã ra sao rồi?

Tôi là một tu sĩ Phật giáo, nhưng ngoài Tam Bảo và những thiện hữu tri thức đồng đạo, tôi còn mang ơn biết bao người thiên hạ vô thần hay ngoại giáo, cho dù họ chưa bao giờ biết đến tôi. Tôi học họ những câu nói, những cách sống, cách nghĩ. Tôi mắc nợ họ, vì đó là những di sản mà tôi ngẫu nhiên thừa kế ngon lành.

Người ta nói một chiếc lá lìa cành không hẳn là đã chấm hết. Nó có thể mục nát và thành đất để nuôi dưỡng những mầm sống khác. Cả cái gọi là mây nước mù sương trên hành

tinht này cũng đều là từng cuộc tuần hoàn của những di sản, những kỷ vật, những thứ đời trước để lại và những thừa tiếp của đời sau.

Cũng như chuyện tụi mình vậy đó. Em đi rồi, nhưng kỷ niệm về chuyện mình ngày đó sẽ mãi hoài theo tôi suốt kiếp. Đó cũng là thứ gia tài em để lại cho tôi. Ngày mai rồi cũng đến lượt tôi lên đường, và phía sau cuộc đời mình, tôi có biết mình đã để lại gì cho người khác: Một câu nói làm ai đó tổn thương, một ý tưởng xây dựng tình người, một nụ cười cho kẻ nhớ lại hay giọt nước mắt cho người nhắc tới? Tất thấy đều là những di sản, những gì ta gửi lại trần gian này, nơi mình đã một lần đi qua...

Ta có nhiều cách nói về những kiểu sống đời. Một trong số đó là khả năng truyền thừa xứng đáng những giá trị: Nhận cái xứng đáng và để lại những cái xứng đáng. Nếu chẳng làm nổi chuyện đó, thì thôi, xin cứ ra đi như một cơn gió lạnh. Đời sẽ chẳng phải phiền lòng thu dọn bất cứ rác rưởi nào sau lưng ta. Kẻ sống được vậy ít gì cũng đáng được gọi là **đệ nhị** hiền giả.

Mong thay!

TOẠI KHANH

Một Lần Chợt Nghe Quê Quán Tôi Xưa

Toại Khanh

Có người không hiểu Phật, than Phật giáo tiêu cực, nói toàn chuyện không vui. Từ đó Tăng ni chỉ được nhớ tới trong những ngày buồn như đám tang, cúng thất, cầu an cho người sắp đi. Rồi thì người ta còn đi xa hơn, xuống thấp hơn một tí, là khi nói đến Tăng ni là họ tưởng ngay đến những người mất sạch, một cọng tóc cũng không có. Thậm chí họ cho mình cái quyền châm chọc khiếm nhã khi nhìn thấy Tăng ni đâu đó. Một chuyện mà có uống mật gấu họ cũng không dám làm đối với những người thể tục cạo trọc.

Có người không hiểu Phật, bảo Phật giáo Nguyên thủy là cực bộ, cũ kỹ, đóng khung, thiếu năng động. Rồi thì tự cho mình sứ mệnh làm mới mọi thứ. Có những cái MỚI đáng xem là tối tân hiện đại, nhưng cũng có những cái MỚI chỉ là thứ sản phẩm nửa chim nửa chuột, vừa đủ tạo ra một loài dơi.

Có người không hiểu Phật, đọc đâu đó về cái gọi là thời Mạt Pháp rồi thì nỗ lực làm cái việc mà họ gọi là bảo vệ chánh pháp bằng tất cả phương cách thể tục nhất. Nói như ai đó, Phật giáo cần được hiểu đúng chứ không cần đến một vành đai sắt tự vệ. Chánh pháp là những gì rất thật, như nắng gió, mưa sương, luôn cần được thấu đáo chứ không cần ai bảo vệ theo cách làm rào đuôi gà. Hiểu được thiên nhiên cũng là bảo vệ thiên

nhiên. Không bị ngộ nhận thì Phật pháp tự dung hưng phát. Lo ngọn quen gốc là một chuyện đáng buồn cho nhiều người hôm nay.

Có người không hiểu Phật, trách Phật pháp không có những phát minh khoa học, trách Phật im lặng về những vấn đề nóng bỏng mà khoa học hiện đại đang cố tìm hiểu. Gì mà quanh năm bốn mùa cứ Lục Căn, Tam Độc, Tam Học, Tứ Đế. Chán chết được!

Có người không hiểu Phật, cho rằng thiếu nghi thức màu mè thì không thể quyến rũ quần chúng. Thế rồi những phương tiện thầy thím kia chỉ đem về cho Phật giáo những chuyên gia xin xăm thích nhang khói nhưng luôn lẫn tránh những cơ hội văn kinh thánh pháp. Họ sợ nghe giảng như ai kia sợ thần chú!

Có người không hiểu Phật, cho rằng cứu cánh Niết-bàn gì mà buồn quá đỗi. Cái họ cần đến là một nơi chốn thơm ngát mát mẻ có thể tung tăng vọng niệm, hoặc thanh cao hơn một tí là có chỗ để họ ngồi... tụng kinh!

Có người không hiểu Phật, than các pháp môn tu hành truyền thống khô khan quá. Họ bày biện nhiều trò nghe qua đã thấy hấp dẫn. Có điều là sau mấy chục năm tu vui kiểu đó, một ngày kia họ phát hiện mình vẫn đứng yên ở chỗ xuất phát.

Có người không hiểu Phật, than lời Ngài có vẻ khó theo, bèn tự kiếm ra một con đường xem chừng ngắn hơn, dễ dàng hơn, dễ hiểu hơn. Cuối đời, họ giật mình ngó lại, mình chẳng còn là một Phật tử nữa, món duy nhất còn giữ lại được chỉ là cái pháp danh sư phụ đặt cho ngày trước. Nhìn lên ảnh tượng Thế Tôn họ bỗng thấy xa lạ quá chừng!

Vậy thì trong mấy mươi năm hoằng pháp, đức Phật đã nói những gì? Nói kiểu ỡm ờ thì Ngài chẳng từng nói một câu nào hết. Nếu nói cận nhân tình một chút thì suốt cuộc độ sinh đức Phật chỉ nói đến hai chuyện: Cái gì là khổ đau và thế nào là con đường thoát khổ.

Chưa thấy được việc trầm luân sinh tử là một gánh nặng thì có bốn ba, đôn đáo cách mấy cũng quần quanh trong những hình thức hiện hữu cách này hay cách khác. Nhà Phật gọi đó là samsāra – tức là hành trình của những tái hiện, trùng phục, lặp lại những thứ đã diễn ra từ vô thủy như những bèo bọt trên sóng nước. Chưa thấy được lý tưởng căn bản của đường tu là thấu suốt, buông bỏ và lợi tha thì mọi đạo lộ đều có thể là những lối mòn quần quanh. Chưa thấy chán ngán những trò lừa hí lộng của nhân gian thì người ta vẫn còn đắm lụy những thứ màu mè trẻ con không thật sự cần thiết cho hành trình trưởng thành của bản thân. Bao nhiêu bày vẽ, bay nhảy, tô điểm, thêm thắt đều chỉ làm mất thời gian trước cái gọi là nội dung Phật pháp ấy.

TOẠI KHANH

THIÊN LA ĐỊA VÕNG

Toại Khanh



Nhiều khi trong đời có những chuyện vớ vẩn mà cứ bắt mình phải bận lòng đến thâm thiết mới lạ. Sáng nay tôi đọc báo thấy giới nhà giàu trong nước có người dám bỏ ra cả tỉ đồng, tức khoảng năm bảy chục ngàn Mỹ kim, để mua vài con cá kiểng loại quý hiếm về nuôi trong nhà cho vui. Ngó ảnh chụp mấy con cá đắt tiền đó, tôi chợt nghĩ đến một chuyện thiệt ngộ. Trong thiên nhiên làm gì có sẵn những loài động vật chỉ để nuôi trong nhà. Chắc chắn phải có những người đầu tiên nghĩ ra việc nuôi nhốt động vật nhằm vào mục đích gì đó, lâu ngày thiên hạ thấy hay thì bắt chước theo. Có thể những thế hệ gia cầm, gia súc đầu tiên đã phải khổ sở lắm lắm mới có thể thích nghi với kiểu sống lồng chậu chuồng cũi, rồi theo thời gian, đám con cháu của chúng cũng quen thuộc và thậm chí e sợ kiểu sống hoang dã.

Theo dòng suy tưởng vớ vẩn về mấy con vật nuôi đó, tôi bất giác rùng mình khi nghĩ đến thế giới loài người. Hình như đầu chỉ chim cá mới bị nuôi nhốt, mà cả con người hình như cũng vậy, cũng đều qua hành trình Trước Lạ Sau Quen ấy để mà trở thành những nô lệ. Chẳng hạn ở đâu trên hành tinh này lại không từng có những điền chủ, lãnh chúa với bao nông nô và tá điền để họ dày dọ, bóc lột. Một chuyện nghe qua thấy khó tin lắm: Ai lại ngu ngốc gì đi làm tôi đòi cho người khác? Nhưng nguồn gốc của sự tình thì hình như là thế này, đơn giản lắm thôi. Lúc đầu người này đóng vai kẻ tốt bụng để cưu mang người kia là kẻ cơ nhỡ. Tôi cho anh ăn mặc, nhà ở và việc làm, và anh làm việc cho tôi. Cứ sống trên đất của tôi, rồi trồng tía chăn nuôi, đến lúc thu hoạch thì chia đôi, có điều là phần của anh luôn là con số lẻ. Chuyện đó đúng quá mà. Anh mang ơn tôi còn chưa kịp, nói gì là trách móc phàn nàn. Chuyện thăm ở chỗ là ở đời anh và tôi thì ai cũng biết mối quan hệ nặng nề giữa chúng ta, nhưng qua vài thế hệ nữa, con cháu chúng ta sẽ mặc nhiên xóa bỏ cảm giác nặng nề đó. Con cháu của anh vừa lọt lòng mẹ đã thấy con cháu của tôi ngồi trên đầu nó, tự nhiên và dễ hiểu như mây bay bên trên ngọn cây, như nước phải chảy xuống thấp và khói phải bốc lên cao. Vậy thôi. Quan hệ chủ tớ lúc này không chỉ nằm trong quan hệ xã hội nữa, nó còn là vấn đề tâm thức: Đứa con của người tá điền đã là nô lệ ngay từ đáy lòng!

Theo đó mà nói, có được mấy người trong nhân loại hôm nay lại chẳng đang là một con cá kiểng, một đứa bé nô lệ bẩm sinh. Ai trong chúng ta lại không đang phục lụy cúi đầu trước một thứ gì đó để sống: Bên cạnh việc thường xuyên chịu thua trước bản năng bất thiện của mình, có người còn phải cúi đầu vô điều kiện trước những áp đặt của kẻ khác, trong đó có rất nhiều thứ quái gở và vô lý. Mọi suy tư và sinh hoạt của mỗi người thường y cứ trên một trong hai nền tảng đó. Từ ngày chào đời đã nghe tuyên truyền nhồi sọ, hết trường lớp thì còn có bao thứ sách báo, TV và Radio. Người ta đã phải trưởng thành với bao thứ nhét đầy trong tai, trong óc, trong tim. May mắn nhét được thứ tốt lành thì đó là hành trang sống đời, để mà chắp cánh lên mây. Xui xẻo gặp thứ khó người thì lập tức trở thành con cá lia-thia hay chim nhồng, chim két cho người ta giam cầm. Từ đạo đức, văn hóa, khoa học, đến tôn giáo, triết học, chính trị... đều hoàn toàn có thể là lồng chấu, chuồng cũi cho bất cứ ai e sợ niềm tự do trong thiên nhiên. Ông F. Nietzsche của Đức có câu này hay lắm: *“Con người là cái gì đó cần được vượt qua!”*.

Ta sợ gì mà không thử xét lại điều mình vẫn cho là đúng? Nhút nhát quá thì cứ vào phòng đóng cửa trùm mền rồi lén lút suy tư, hay vào rừng lên núi khoét lỗ chun xuống để nghiền ngẫm một lần thiệt đàng hoàng xem sao? Nếu đến cả chuyện đó cũng không dám làm thì anh đúng là con cá kiểng của ai đó rồi. Tôi đau lòng vì anh, đau hơn cả một người con gái nhìn thấy gã người yêu của mình cứ suốt ngày nín ảo mẹ.

Tôi là một người tin Phật, nhưng vẫn muốn mượn giọng Kinh Thánh để thừa rằng, phúc cho ai biết nghĩ trước khi tin, và đã tin rồi vẫn thường nghĩ lại. Tôi không hề hi vọng bất cứ đồng đạo nào của tôi chỉ tin Phật qua một cơ hội nào đó, rồi suốt đời không dám nghi hoặc. Một Phật giáo không có tra vấn thì không thể là ánh sáng cho ai được, nhiều lắm chỉ là một lối mòn. Dù đời hay đạo, hệ thống tư tưởng nào cấm người ta nghi ngờ thì ai cũng có thể là người khai sinh ra cái quái thai đó cả. Điều khó khăn nhất của một ông tổ là dám công khai mời gọi mọi thử nghiệm, tra vấn. Người ta xưa nay không dám đứng lên đặt câu hỏi thường chỉ vì hai nỗi sợ hãi: E ngại người khác và không dám nhìn thẳng vào chính mình. Kẻ không biết gì nên bị phỉnh thì đáng tội rồi. Cái đáng tiếc nhất là có người biết rõ mọi chuyện hoặc vẫn có lòng ngờ nhưng vì thiếu cả quyết nên tiếp tục theo đuổi đường cũ. Ở đời của họ vấn đề chưa nghiêm trọng bằng các thế hệ con cháu hay đệ tử kế thừa trung thành nếp nghĩ của họ. Lớp hậu tấn đó sẽ như những đứa con của người nô lệ, chấp nhận thờ phụng ai đó mà không cần tìm hiểu. Đến nước này thì nói thiệt, tôi không biết họ khác biệt chim cá trong lồng chấu chỗ nào: Cũng mãi nguyện với những gì hiện có, không muốn tìm hiểu gì ngoài ra, và tệ hại nhất là e sợ tự do.

Từ đầu bài viết, tôi nhớ mình chưa hề kêu gọi ai nổi loạn hay bất tuân, chỉ đề nghị một khả năng biết đặt những dấu hỏi một cách lễ phép và trách nhiệm, trách nhiệm với mình và với đời. Anh hoàn toàn có thể làm việc này ngay khi đang rất mực khiêm tốn dễ thương trước ai đó. Điều tôi muốn làm trong bài viết này là nhắc đến hai thứ chuồng cũi hay lối mòn trong đời: Do chính mình huấn tập thành nếp hoặc do ai đó áp đặt. Rõ

ràng, lý tưởng cao nhất của đời sống là giữ lại cái hay và bỏ đi cái dở, nhưng để có thể làm được việc đó, trước hết anh phải biết nghi ngờ con đường dưới chân mình. Hãy cẩn trọng trước cái mình thương thích và điều mình ghét sợ. Chính chúng đưa ta vào những chuồng cũi. Hãy biết nghi hoặc. Bởi nhiều lúc sự yên tâm quá sớm cũng dẫn đến chết người.

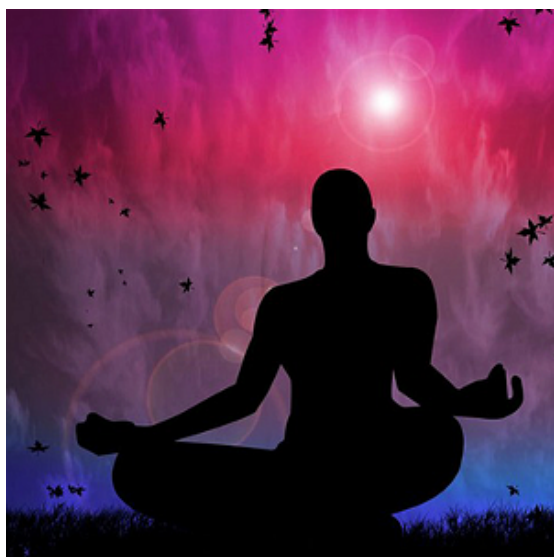
Nếu ngay bây giờ có người hỏi tôi đã dựa vào cái gì mà bước đi trên đường đời hay nẻo đạo, trước hết tôi sẽ nhỏ nhẹ thưa rằng tôi là một người dốt (không phải cách nói vờ khiêm tốn), nên tôi chỉ có thể hiểu được một ít chuyện, trong đó có lời Phật. Nhờ hiểu ít nên dễ nhớ lâu, rồi lấy đó làm đèn rọi đường. Tôi chỉ hiểu và nhớ đại khái ba chuyện thôi. Trước hết, cái gì cũng vô thường nên phải cẩn thận trước khi cho cái gì là tuyệt đối. Chuyện đời luôn biến đổi, các nguyên tắc hay quy luật gì đó nhiều khi phải được xét lại. Điều thứ hai, tôi tin lý nhân quả (đời hay đạo đều có) nên tự thấy mỗi người trước sau phải chịu trách nhiệm về bất cứ điều gì mình suy tư và thực hiện. Và đó cũng là cái cớ để đừng bao giờ cực đoan, vì nếu điều ta nghĩ là chuyện bậy thì lúc nào đó chính mình sẽ lãnh đủ. Điều cuối cùng, tôi thấy hình như khi sống thiếu tỉnh thức (không đủ trí tuệ và chánh niệm để biết mình là gì và đang ra sao) thì người ta dễ dàng mắc vào hai chuyện này: Sống đau khổ hơn và dễ làm ác hơn. Khi anh sống lệ thuộc mù quáng vào ai đó, anh sẽ khó lòng tỉnh thức, bởi phần lớn tim óc của anh đã thuộc về người khác. Anh không thể điều động, vận dụng cái gì không thuộc về mình. Anh chỉ có thể sống tỉnh thức, khi anh hiểu tự do là gì và có được tự do!

Chiều nay, nếu có người đến hỏi tôi về chuyện tu học, tôi sẽ thưa rằng điều cốt tử phải làm chính là ngoài việc không khiến mình trở thành một con vật nuôi trong nhà ai đó, còn phải cẩn trọng với những chuồng cũi do chính mình tạo ra để tự chui vào. Trong bài viết trước (**Ai Khỉ Hơn Ai**), tôi đã tình cờ đề nghị pháp môn Hưu Thiền, Thiền Khi, nhằm kêu gọi sống sao cho đừng giống khi. Trong bài viết này, cũng thật ngẫu nhiên, tôi lại mong mỗi ai kia đừng trở thành chim lồng cá chậu. Nếu điều tôi viết không là vung tay quá trán, thì rõ ràng thứ gì trong đời này cũng có thể là những công án cho ta một đời tham chiếu. Mong thay!

TOẠI KHANH

MẬT TÔNG

Toại Khanh



Diễm, từ Việt Nam gửi một tin nhắn cho tôi qua Yahoo Messenger để hỏi về Mật Tông. Cô bảo sáng nay vào paltalk nghe thiên hạ nói về hai chữ đó mà phút cuối vẫn mù mờ. Tôi hỏi sao cô không hỏi trực tiếp trong Room, cô nói giọng Huế của mình trọ trọ khó nghe, nói ra lỡ người ta không hiểu thì dị ờm (mắc cỡ chết). Tôi cứ bần khoản không biết phải nói sao về một chuyện không phải sở trường của mình. Không nói thì kẹt cho cả đôi bên: Diễm tiếp tục mù tịt về một chuyện kể cũng nên biết và tôi mang tiếng ăn quần cối xay. Dù thiệt ra thiên hạ có nghĩ sao thì trái đất vẫn quay mà.

Vậy rồi bài viết này ra đời. Muốn viết, tôi phải đọc lại nhiều thứ. Vậy là tôi viết bài này cho tôi, cho thiên hạ hay cho một Diễm xưa đều được cả. Dĩ nhiên, cũng mong Diễm nhớ giùm chuyện vui buồn ngày cũ, tiếp tục là một ân chứng Mật Tông chẳng cần để người đời tọc mạch làm chi!

Tôi nhớ pháp môn Tứ Niệm Xứ được đức Phật gọi là Ekayano với những ý nghĩa là con đường duy nhất dẫn đến giải thoát, đồng thời là con đường của sự độc hành, viễn ly. Pháp môn Mật Tông – trước hết, cũng cần được tìm hiểu từ tên gọi như vậy. Theo chỗ tôi hiểu, nói cách gì thì Mật Tông cũng là một con đường tu chứng có đặc điểm nổi bật là kín đáo. Kín đáo vì nhiều lý do: Pháp môn này theo người Mật giáo thì có những chỗ dễ hiểu làm đối với người chỉ ghé mắt tò mò, nên tốt nhất ai tu nấy biết. Thứ hai là sở chứng của một người tu hành là vượt ngoài ngữ ngôn thường tình, biết giải thích sao cho một người ngoài cuộc. Thứ ba, pháp môn này đòi hỏi việc hành trì phải ẩn mật thâm lặng mới có ép-phê, phô trương hình thức chỉ làm hồng công phu. Về nội dung tu học, Mật Tông cũng hướng đến sự chấm dứt phiền não thông qua việc giác ngộ thực tướng vạn hữu. Có điều là cách hành trì thế nào thì phải là người chịu theo Mật Tông mới biết. Người ngoài như tôi chỉ biết thêm một chuyện nữa là vai trò của một sư phụ trong Mật Tông lớn lắm, được xem là Ngôi Báu Thứ Tư sau Tam Bảo. Bởi nếu đưa chân vào hành trình huyền ẩn cơ mật như vậy mà không có điểm tựa tinh thần cụ thể thì có nước chết. Nhưng chung quy, Mật tông là con đường luôn đề nghị hành giả tuân thủ nguyên tắc Omerta, chung thân thủ

khẩu như bình, hé môi thì không xong. Như một người cụt hết hai tay đang ngậm chặt một nhánh cây giơ ra vực thẳm, mở mồm là nát xương. Nôm na là tự biến mình thành ngêu sò ốc hến, im lặng một đời.

Tôi biết có người nghĩ tôi vừa mới đùa rồn trên một chuyện nghiêm túc. Nhưng gẫm lại, ô hay, hình như những ý nghĩa đó cũng cần thiết cho tất cả pháp môn tu hành của các bộ phái khác trong Phật giáo thì phải. Hành trì phải là lặng lẽ làm theo. Đâu có pháp môn nào kêu gọi sự khoe mẽ, phô trương bản thân. Như vậy, ta có thể không biết tới Mật Tông, nhưng những ý nghĩa về Mật Tông vừa nêu ở trên, thì có lẽ ai người tu Phật cũng phải biết. Biết để sống lặng lẽ, tu âm thầm và nhờ vậy ai cũng dễ thương hết.

Suy cho cùng, tu hành là sự nhìn lại chính mình. Người tu Phật hình như chỉ nên nghĩ về người khác để sống vị tha. Không giúp được ai thì chẳng thà đừng nghĩ tới thiên hạ. Để dành thời gian mài giũa chính mình cũng là một cách lợi tha. Vì có thêm một người hiền thiện thì thế giới bớt được chút rắc rối. Độc cư lúc này cũng mang ý nghĩa Bồ-tát đạo, và chính ở ý nghĩa này, Hiền giáo và Mật Tông bỗng dung tao phùng ngoạn mục.

Nói dễ mịch lòng và dễ bị hiểu lầm, tôi không hoan nghênh việc ai đó đeo tượng Phật trên người. Vì nhiều lý do. Trước hết, mang cả tượng Phật vào những nơi bất tịnh thì hình như là bất kính, bất xứng. Thứ đến, tượng Phật trên cổ là tượng Phật ít được tưởng nhớ nhất, bởi đeo hoài thành quen. Vậy thì người đeo đã đánh mất ý nghĩa của tượng Phật rồi. Lý do cuối cùng, nhiều khi để người khác biết mình thuộc tín ngưỡng nào thì cũng không hẳn là tốt. Bằng chứng là tôi không mấy cảm tình với ai đeo thánh giá. Do đó tôi cũng không muốn tín đồ đạo khác bức mình khi ngó thấy tượng Phật trên cổ những đồng đạo của tôi. Mình có Phật trong lòng, trên chùa và ở nhà là đã nhiều rồi. Quan trọng là trong tim mình có Ngài hay không. Đó là chưa kể trường hợp đeo tượng Phật rẻ tiền thì không ai chịu, mà tượng Phật đắt tiền quá thì cổ đeo mà bụng thì nặng, nặng vì sợ mất, sợ bị giật, rồi thì đến mấy ngày Bát Quan Trai phải mất công tháo cởi. Khổ quá. Về khoản này thì tinh thần kín đáo của Mật Tông hay tuyệt.

Sau khi đọc tin nhắn của Diễm, tôi bèn vào Internet lục lạo để tìm cho cô cái gì đó đeo trên cổ thay thế tượng Phật mà vẫn có ý nghĩa tu hành. Đúng ra thì không đeo gì vẫn là tốt nhất, nhưng có người lỡ mắc chứng Thèm Nặng Cổ thì sao? Đây rồi, tôi vừa tìm thấy một mặt dây chuyền hình bánh xe tám cánh, hiểu là Pháp Luân hay Vô-lăng của thuyền Bát-nhã đều Ok. Người không phải Phật tử thì nghĩ đó là biểu tượng hải quân hay tàu biển gì đó cũng được. Đó là tu Mật Tông vậy. Miễn là tự mình biết riêng mình và ta biết riêng ta!

Ai nói sao thì nói, thỉnh thoảng tôi vẫn nghĩ rằng cái gì trên đời cũng đem lờ ra cả thì đâu còn gì hay ho nữa. Nửa kín nửa hở mới chết người chứ. Biết bao thiên hạ cứ mộng mị về Diễm Xưa của ông Trịnh Công Sơn, Hoàng Thị Ngọc của ông Phạm Thiên Thư, rồi cả thứ lá Diêu Bông gì đó của ông Hoàng Cầm, và bút hiệu TTKH của tác giả bài thơ Hai

Sắc Hoa Ti-gôn,... Nhiều lắm. Một góc nhỏ riêng tư lơ mờ nhân ảnh vậy mà thơ mộng đáo để. Ai dám bảo mấy ông nghệ sĩ đó chẳng biết gì về Mật Tông chứ!

Này nhé, “*mưa vẫn mưa bay trên tầng tháp cổ, dài tay em mấy thuở mắt xanh xao...*” Tôi hiểu được ý nghĩa mấy lời đó thì chết liền. Vì đó là thần chú Mật Tông mà. Thần chú thì phải như rủa chứ, và đã là chú thì mần rãng mà giải thích được phải không o nó!?

Toại Khanh

CHÂN TU

Toại Khanh



Chữ **Cút** trong tiếng Việt có ít nhất hai nghĩa. Nghĩa động từ là *xéo, téch, vọt, đông thẳng, bỏ đi không minh bạch, không đường đường chính chính*, nói theo phim Tàu là chẳng quang minh lỗi lạc. Chữ **Cút** theo nghĩa danh từ là tên gọi tắt của loài chim *Cun Cút*. Tôi ngờ rằng hai nghĩa này có liên quan nhau ít nhiều. Ai từng sống ở miền Đông Nam Bộ Việt Nam hẳn là phải thấy qua giống chim này. Chúng to lắm cũng hơn nắm tay một chút, sống quanh quất mấy lùm bụi, cả đời cơ hồ chẳng biết bay, chỉ làm lủi lạng lẽ đây đó và khi gặp biến thì lủi nhanh vào một mô đất hay bụi cỏ nào đó và thế là mất tăm. Ngày còn nhỏ, tôi từng tin lời người lớn rằng chim cút biết tàng hình, như tôi vẫn từng tin vào vài huyền thoại về loài chim gõ kiến.

Sau này tôi còn biết thêm một vài loài chim khác cũng lạ lùng như chim cút ở chỗ suốt đời chỉ biết đi; hoặc chỉ biết bơi lội, không biết bay, chẳng hạn chim cánh cụt (penguin) ở hai miền địa cực của trái đất. Bẩm sinh chúng không có sẵn khả năng bay lượn. Mang tiếng là chim nhưng chúng thua cả giống vịt xiêm về khả năng di chuyển. Mấy con vịt xiêm ngớ lạch bạch vậy nhưng lúc cần vẫn có thể bay qua mấy công đất như chơi. Dĩ

nhiên chúng chỉ xài tới khả năng này những lúc không còn lựa chọn nào khác. Mấy loài lông vũ kỳ cục đó chẳng hiểu sao cứ ám ảnh tôi như những đề tài suy gẫm thú vị.

Mang tiếng là chim nhưng không biết bay vì chỉ có khả năng đi, hay có quá nhiều những sức nặng không cần thiết cho những lần chấp cánh. Muốn lên được với trời xanh hãy tự làm nhẹ chính mình. Trọng lượng là một thứ cần được quan tâm trước tiên trong những chuyến bay. Dù về sinh học hay kỹ thuật đều thế cả. Có người hỏi tôi sao thời nay không thấy ai có thần thông, tôi nhớ đã trả lời rằng người bây giờ hầu hết đều thích khuôn vác nên ai cũng là chim cánh cụt, khá lắm cũng chỉ là chim cút hay vịt xiêm, thịt mỡ nhiều hơn lông cánh thì làm sao bay nhảy chứ!

Phàm kẻ còn mê luyện ngũ dục thì không sao chứng đạt các tầng thiền định Sắc Giới. Còn nặng lòng với các tầng thiền định Sắc Giới thì làm sao vượt đến các tầng thiền định Vô Sắc Giới. Ngày nào dạ còn mong mỏi hiện hữu ở cảnh giới nọ kia thì không sao tu chí Vô Sanh. Còn hệ lụy phổ chợ đình quán thì đừng hòng nói chuyện viễn ly thâm xứ, cõi riêng của các bậc hiền giả. Trời sanh mỗi người chỉ có hai bàn tay, làm gì có chuyện một tay buông một tay nắm. Đôi bàn tay không thể cùng lúc làm hai việc đối lập. Chúng ta chỉ có thể chọn một trong các lựa chọn. Muốn bay cao phải biết bỏ lại những gánh nặng không thật sự cần thiết. Trọng lượng thừa thãi chỉ khiến mình thêm ị ạch, lạch bạch mà thôi.

Tôi thích hiểu chữ Chân Tu là tu cái chân, là bỏ đi, là chia tay, là chẳng dừng chân quá lâu một nơi chốn nào. Một cơ thể thiếu vận động dễ khiến dư mỡ, cao máu, mau chết. Một lòng tu thích nắn nà, nắm níu cũng dễ có vấn đề. Cầm lấy vài món hành trang gọn nhẹ rồi sống... Hành Đạo. Chữ này tôi lại cũng cố ý hiểu theo nghĩa mới. Hành Đạo là đạo đi, là phép tu bằng đôi chân theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Mọi thứ phải dời đổi theo nghĩa hướng thượng, tích cực. Đứng yên hay dừng lại là chỗi, là chống, là vướng, là kẹt, là nặng nề, mệt mỏi rồi thì kiệt sức. Năng lượng phải được tuần hoàn, luân lưu bằng những trao đổi xê dịch. Tu hành là bỏ lại sau lưng những hình bóng cũ, kể cả cái bóng hôm qua của mình. Tu là bước tới, là xoay lưng, là từ biệt, là tìm về những quán trọ qua đêm để ngủ nhờ, những bến đò để quá giang. Chữ Hán có mấy từ theo tôi hay quá. Tá Túc là mượn tạm chỗ của người ta để ngủ, không phải chỗ sở hữu của mình. Còn Quá Giang là đi nhờ tàu xe để qua sông hay vượt qua một đoạn đường trên bộ, ngắn thôi. Xa quá, lâu quá thì không còn là Quá Giang nữa. Lúc đó là hệ lụy, là có vấn đề với nhân gian rồi.

Nghĩ mà thương cho những loài chim một đời không vỗ cánh bay, chỉ vỗ cánh ơ hờ để tự gãi ngứa, như những loài chim không biết hót, chỉ há mỏ để ngáp vật. Uổng cho cái danh xưng chim trời. Trời cao xa nghìn trùng cho những loài chim không biết bay. Tôi nhớ có đọc đâu đó, hình như của nhà văn Thi Vũ, về một loài chim không chân, một đời mòn mỏi bay không đậu. Ông muốn nói đến cái gì tôi không nhớ nữa, chỉ thấy mệt nhiều với hình ảnh một loài chim không thể về đất. Tôi theo tinh thần Trung Đạo: Có chân để

ngủ ngơi và có cánh để chao lượn. Ngủ ngơi lúc cần và tung bay khi thấy thích. Đức Phật có nói đến những trụ xứ nấu mình và những con đường du hóa trong cuộc đời mỗi tỷ-kheo. Chọn hẳn một thứ là kẹt cứng. Bầu trời để đi và mặt đất để về.

Tôi viết một mạch không dám đọc lại, vì sợ mình cụt hứng thì nguy. Viết theo cách vừa nói ở trên. Viết như kẻ đang trên đường: Gì cũng ở sau lưng. Quay đầu là bịn rịn, vướng vít. Trong các hồng danh của Phật, tôi thích niệm nhất chữ Thiện Thệ, người đi chẳng về, đi chẳng nhìn lui, đã xoay lưng thì chẳng quay đầu. Và một trong ba mươi thông lệ của chư Phật ba đời có chỗ tiêu sái độc đáo là dẫn sinh, thành đạo hay viên tịch đều ngoài rừng cây, không dưới mái che nào hết. Các ngài là những cánh đã hạc, không thuộc về một phố xá phồn hoa nào cả. Đẹp lắm thay!

TOẠI KHANH

HÀNH HƯƠNG

Toại Khanh



Ngày 1 tháng 4 thì phải, tôi ghé chân ở Shangri-la, một miền đất khuất nẻo của Vân Nam. Để đến được nơi này, từ Lệ Giang, xe phải đi mấy giờ liền qua một sơn đạo chênh vênh ở độ cao chóng mặt. Tôi đã thấy gì? Trời ạ, giữa một nhân gian tẻ toái gồm đủ thiên hình vạn trạng của bao thứ bào ảnh ảo tượng, tôi lại bất ngờ nhận ra mình đang hiện hữu ở một nơi chốn mà mọi thứ đều ở mức tối giản. Những bóng người hiếm hoi, những con trâu Yak lúc ẩn lúc hiện, vài cánh chim lẻ loi giữa một bầu trời xám xịt lạnh buốt. Quanh tôi cơ hồ chỉ còn lại hai thứ gió và đất. Đất mênh mông và gió thổi tràn. Tôi lại bất ngờ nghĩ về những cánh đồng chiêm ở quê tôi mùa nước lũ. Một phương trời chỉ toàn nước và gió.

Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó rằng hầu hết dân Việt đã lớn lên trong bối cảnh sông nước, nên văn hóa Việt có cái gì đó thấm đẫm cái hồn của nước: Phiêu linh, trôi dạt, đẩy đưa và trầm luân. Thơ nhạc của dân Việt từ đó cứ mênh mang cái hồn của nước, của thủy triều lớn ròng, của những dòng sông con rạch. Bất trắc, cuồng bạo mà cũng lẻ loi, âm thầm. Tôi muốn gọi đó là thứ văn minh của Thủy Đại và Phong Đại. Còn ở Shangri-la, đó là cõi riêng của thứ văn minh Địa

Đại và Phong Đại. Xin các nhà A-tỳ-đàm học đừng giải thích cho tôi rằng trong mỗi giọt nước hay hạt bụi cũng có đủ Tứ Đại. Cách nói đó là của người muốn đi mà chẳng muốn về. Còn cách nói của tôi, là cho người tạm thời chỉ muốn về mà chưa muốn đi.



Om mani padme hum | Flickr - Photo

Tôi đã yêu thấu tim cái hồn của đất và gió trên Shangri-la. Cái tình đó đến với từng thứ bất gặp trên đường: Những ngôi tháp làm nên từ những hòn cuội mà khách đường nhật được ở đâu đó rồi thành tâm góp lại thành khối. Những ngôi tháp ngó giản bạc đơn sơ mà có ai ngờ là công trình của bao thế hệ, bao kiếp người. Tôi đã bàng hoàng khi nhìn lên lưng núi sau ngôi đền Tiểu Lhasa để thấy hàng mật chú *Om Mani Padme Hum* được tạc trên đá. Hoành tráng và linh thiêng gấp triệu lần hàng chữ Hollywood trên một ngọn đồi ở California.

Tôi lang thang mười câu chữ chỉ để quay về với một chuyện nhỏ. Người Phật tử Việt Nam vẫn nghĩ gì về khái niệm Tứ Đại? Tôi nhớ ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) từng lấy Tứ Đại để nói về Tâm Pháp một cách ảo diệu. Tôi lại nhớ đôi điều về Dịch Học của Tàu. Ở đó, Ngũ Hành được hiểu rộng lắm, cứ xem lại 64 quẻ Dịch thì biết. Thậm chí âm luật (cung, thương, giốc, chủy, vũ) trong cổ nhạc Trung Hoa cũng từng được hình thành từ nguyên tắc Ngũ Hành. Rồi thì phương pháp ăn kiêng Oshawa của Nhật Bản. Qua đó, khái niệm Âm Dương được mở rộng và dẫn đến một phương trời rất lạ cho người ăn kiêng. Họ nhìn đâu cũng thấy nguyên tắc Âm Dương.

Bằng dăm thứ học lóm được từ giáo lý A-tỳ-đàm, tôi mơ hồ thấy ra vài chuyện nhỏ có liên quan đến điều vừa nói. Chẳng hạn hạnh nghiệp của chúng sinh sẽ đưa người đến những môi trường sống tương thích; và từ bối cảnh đó, những tâm thái tương ứng sẽ được hình thành và củng cố. Người mang hồn đất sẽ về với đất, kẻ mang hồn gió sẽ về với gió. Đại khái là vậy. Dĩ nhiên hành giả không thể lẫn lộn hai thứ Tâm và Vật, nhưng một triển khai hay liên tưởng kiểu đó có lẽ cũng là cần thiết.

Xin nhớ lại xem, có phải kinh xưa vẫn từng nói đến những người – mà từng chuyện buồn vui trong đời dễ dàng hằn sâu trong tâm khảm như chữ khắc trên đá, như chữ viết trên nước hay chỉ một

thoáng vu vơ như vệt sóng nhạt nhòa. Có phải trên đời này vẫn tồn tại những tâm hồn tục lụy như nước ở thể lỏng để suốt đời chỉ nhắm chỗ thấp để tìm về, hay lại những tâm hồn như nước ở thể khí sẵn sàng bốc hơi để bay cao. Có phải từng người trong chúng ta vẫn ngày ngày có riêng một cách để sống đời nặng nề như đất, len lỏi linh động như nước, bạo liệt như lửa và thanh thản như gió. Chưa hết, gió, nước trong định nghĩa của A-tỳ-đàm không như gió nước trong thi ca từ phú. Tùy chỗ mà nói đến những khía cạnh khác nhau để qua đó thấy ra sinh phong của mỗi người.



Napahai-lake-shangri-la

Trên đường vào thăm một hồ nước ở Shangri-la hôm đó, tôi đã tình cờ gặp được một thiếu nữ Tây Tạng. Cô lặng lẽ như đất và nhẹ nhàng như gió. Nhìn cô, tôi chợt hiểu vì sao đạo Phật đã có được cội rễ vững chắc ở đây. Cô gái Tây Tạng có lẽ không từng đọc về ngài Xá-lợi-phất, nhưng cô đã sống như một phần lời dạy của ngài. Đi nhờ một đoạn đường, cô đã biết điều như một người có học. Xe dư chỗ trống, cô vẫn nhấp nhóm không dám ngồi thoải mái, lượm hết rác trên xe như một cách sống sòng phẳng không muốn nợ nần và phong cách tự trọng như một bà chủ trước những khách lạ đến thăm vùng đất của mình. Ai dám tự cho mình là văn minh trước những con người hồn hậu mà sâu thẳm đó. Ai đành lòng bảo người Tây Tạng là thiểu số và dốt nát khi họ đã giữ được một Phật giáo cận nguyên thủy hơn cả người Tàu. Và giữa khi người Tàu đang đánh vật với những Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông, Thiền Tông, Tịnh Độ Tông chống trái nhau thì người Tây Tạng lặng lẽ và trầm tĩnh đọc kỹ từng trang Trung Quán, Câu Xá, Duy Thức để khỏi phải tự giam mình vào những biên kiến trẻ con. Họ trưởng thành từ thế kỷ thứ bảy, đón Phật giáo về quê hương mình, để rồi từ đó có riêng một cõi văn minh của chữ viết và tư tưởng.

Chính biến 1959 đã xóa sổ một Tây Tạng hành chính, nhưng một Tây Tạng tâm linh đã mang cái hồn của đất và gió mà lên đường sang trời Tây, rồi thì khắp thế giới. Tôi từng có dịp ghé thăm một tu viện Tây Tạng ở Thụy Sĩ. Thảo nguyên và gió cát Tây Tạng vẫn phảng phất ở đó như một Shangri-la phiêu dạt. Trong khi đó, người Việt cũng vì một chính biến mà biệt xứ và cái hồn sông

nước của Việt Nam cũng từ đó mà nổi trôi mấy phương trời. Bốn Đại có đi đâu cũng tìm về những góc riêng tương thích. Ta có là ai thì cũng là một hạt bụi sẵn sàng trở về với đất, một giọt nước sẵn sàng về sông, một chút gió sẵn sàng về lại trời rộng và một chút lửa để tự hủy mình cho những hóa thân trùng trùng.

Bỗng dưng muốn dừng lại ở đây vì một chút chạnh lòng hồi nhớ Shangri-la. Tôi lại muốn trở lại cái lặng lẽ của đất và bồi bồi của gió để khép lại bài viết dù tự biết mình vẫn chưa nói hết những điều phải nói. Một bài viết ngắn ngủi như chút lòng thay một lá thư xa để gửi về một Shangri-la lặng lẽ cuối trời.

TOẠI KHANH

XEM THÊM BÀI VIẾT DƯỚI ĐÂY NÓI VỀ SHANGRI-LA

Shangri-La

From Wikipedia

Shangri-La là một nơi hư cấu được mô tả trong cuốn tiểu thuyết Lost Horizon 1933 của tác giả người Anh James Hilton. Hilton mô tả Shangri-La là một bí ẩn, thung lũng hài hòa, nhẹ nhàng hướng dẫn từ một lamasery, kèm theo ở cuối phía tây của dãy núi Côn Lôn. Shangri-La đã trở thành đồng nghĩa với bất kỳ thiên đường trần thế, và đặc biệt là một điều không tưởng Himalaya huyền thoại - một vùng đất hạnh phúc vĩnh viễn, cách ly với thế giới bên ngoài. Trong cuốn tiểu thuyết Lost Horizon, những người sống ở Shangri-La gần như bất tử, năm sau tuổi thọ bình thường và sống rất chậm lão hóa xuất hiện. Từ cũng gọi lên hình ảnh của huyền của Phương Đông. Trong kinh điển Tây Tạng cổ đại, sự tồn tại của bảy bậc như được nhắc đến như Nghệ-Beyul Khembalung. [1] Khembalung là một trong những "vùng đất ẩn" tương tự như Shangri-La, cho là đã được tạo ra bởi Padmasambhava trong thế kỷ thứ 8 như bình dị, nơi thiêng liêng của nơi trú ẩn cho các Phật tử trong thời gian xung đột (Reinhard 1978).

Một số học giả tin rằng câu chuyện Shangri-La là một món nợ văn chương Shambhala, một vương quốc huyền thoại trong truyền thống Phật giáo Tây Tạng, được tìm thấy bởi các nhà thám hiểm phương Đông và phương Tây. [2]

Ở Trung Quốc, nhà thơ Đào Uyên Minh (陶淵明) của triều đại Jin (265-420) mô tả một loại Shangri-La trong tác phẩm của mình "The Tale of Peach Blossom Spring". Chuyện kể rằng có một ngư dân ở Wuling, người đã đi qua một khu rừng đào đẹp, và ông phát hiện ra những người đã sống hoàn toàn tách rời khỏi những rắc rối ở thế giới bên ngoài từ khi nhà Tần (221-207 trước Công nguyên). [4] Hiện nay ở Trung Quốc, quận Zhongdian được đổi tên thành Xiānggélā (香格里拉, Shangri-La tiếng Trung) vào năm 2001, để thu hút khách du lịch. Huyền thoại dãy núi Kun Lun (崑崙山) cung cấp một nơi khác cho các thung lũng Shangri-La.



Hunza Valley from Eagle Point

Một nguồn cảm hứng về thể chất phổ biến tin cho Hilton của Shangri-La là thung lũng Hunza ở miền bắc Pakistan, gần biên giới Trung Quốc, trong đó Hilton đã đến thăm một vài năm trước khi *Lost Horizon* đã được công bố. [5] Được một thung lũng xanh cách ly bao quanh bởi các dãy núi, kèm theo trên phía tây của dãy Himalaya, nó chặt chẽ phù hợp với mô tả vật lý trong tiểu thuyết. Các thung lũng Hunza, tuy nhiên, thiếu văn hóa Tây Tạng và Phật giáo, do đó không thể có được nguồn cảm hứng văn hóa cho Hilton dành cho tác phẩm cho *Lost Horizon*.

Các đại diện văn hóa của Shangri-La thường được trích dẫn nhiều nhất là Tây Bắc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, nơi nhà thám hiểm địa lý quốc gia Joseph đã sống và đến đây trong những năm 1920 và đầu những năm 1930 và đã viết một số bài báo trên tạp chí *National Geographic* được minh họa phong phú với những tấm ảnh tuyệt vời. Điều này trùng hợp với thời điểm James Hilton có thể đã được viết tác phẩm *Lost Horizon*, nhưng không có bằng chứng trực tiếp để hỗ trợ cho việc này. Các bằng chứng chỉ ra một nhóm những nhà thám hiểm. Trong một cuộc phỏng vấn tờ *New York Times* vào năm 1936, Hilton nói rằng ông sử dụng "tư liệu Tây Tạng" từ Bảo tàng Anh, đặc biệt là travelogue của hai linh mục Pháp, Évariste Régis Huc và Joseph Gabet, để cung cấp nguồn cảm hứng tinh thần văn hóa và Phật giáo Tây Tạng cho Shangri-La. [6] [7] Huc và Gabet đến khoảng giữa Bắc Kinh và Lhasa năm 1844-1846 trên một tuyến đường hơn 250 km (160 dặm) về phía bắc của tỉnh Vân Nam. Travelogue nổi tiếng của họ, xuất bản lần đầu tại Pháp vào năm 1850, [8] đã trải qua nhiều phiên bản trong nhiều ngôn ngữ. [9] Một phiên bản dịch cô đọng được xuất bản ở Anh vào năm 1928, [10] tại thời điểm đó sẽ Hilton đã nhận được cảm hứng cho - hoặc thậm chí bằng văn bản - *Lost Horizon*.

Hôm nay, nhiều nơi đã dành đặc quyền danh hiệu, chẳng hạn như các bộ phận của miền Nam Kham ở tỉnh Vân Nam phía tây bắc, bao gồm cả các điểm đến du lịch của Lệ Giang và Zhongdian. Những

nơi như Tứ Xuyên và Tây Tạng cũng tuyên bố thực Shangri-La ở trong lãnh thổ của họ. Năm 2001, khu tự trị Tây Tạng đưa ra đề xuất rằng ba khu vực tối ưu hóa tất cả tài nguyên du lịch Shangri-La và thúc đẩy họ là một. Sau khi nỗ lực thiết lập một khu du lịch sinh thái Shangri-la Trung Quốc trong năm 2002 và 2003 không thành công, đại diện chính phủ của tỉnh Tứ Xuyên và Vân Nam và khu tự trị Tây Tạng đã ký một tuyên bố hợp tác trong năm 2004 Cũng trong năm 2001, Trung Điện hạt ở tây bắc Vân Nam chính thức đổi tên thành Shangri bản thân -La County.

Một nơi khác cũng đã được lấy cảm hứng từ khái niệm về Shangri-La là Yarlung Tsangpo Grand Canyon.

Chương trình truyền hình và các nhà sử học Michael Wood, trong "Shangri-La" tập phim của loạt phim tài liệu của BBC. Trong tìm kiếm của thần thoại và anh hùng, cho thấy huyền thoại Shangri-La là thành phố bị bỏ rơi của Tsaparang trong thung lũng Satluj trên, và rằng hai tuyệt vời của nó ngôi đền đã từng quê hương của vua Guge ở Tây Tạng hiện đại. Người ta suy đoán rằng Sang-la, Chitkul trong thung lũng Sangla gần biên giới Ấn Độ-Tây Tạng là Shangri-la. La ở Spiti / Kinnauri như trong tiếng Tây Tạng là một từ cho một ngọn đồi. Kamru làng Sangla là thủ đô cổ xưa của Bushahr đó là một quốc gia Phật giáo cho đến khi chinh phục bởi Gurkhas.

Nhà thám hiểm người Mỹ Ted Vaill và Peter Klika đến thăm khu vực Muli tỉnh phía nam Tứ Xuyên vào năm 1999, và tuyên bố rằng tu viện Muli ở vùng sâu vùng xa này là mô hình cho James Hilton của Shangri-La, mà họ cho Hilton học từ các bài viết về lĩnh vực này trong một số bài viết trên tạp chí Địa lý Quốc gia vào cuối năm 1920 và đầu những năm 1930 được viết bởi nhà thám hiểm người Mỹ gốc Áo Joseph rock. [11] Michael McRae đã khai quật được một cuộc phỏng vấn James Hilton mơ hồ từ một tin đồn cột New York Times, nơi ông cho thấy nguồn cảm hứng văn hóa của mình cho Shangri-La và , nếu nó là bất cứ nơi nào, nó là hơn 250 km về phía bắc Muli trên tuyến đường đi du lịch bằng Thê Húc và Gabet. [6] [7] Vaill hoàn thành một bộ phim dựa trên nghiên cứu của họ, "Tìm Shangri-La", được ra mắt tại Liên hoan phim Cannes năm 2007.

Ngày 2 tháng 12 năm 2010, OPB truyền hình một trong những bí ẩn Trung Quốc của Martin Yan "Cuộc sống ở Shangri-La", trong đó Yan nói rằng "Shangri-La" là tên thực tế của một thành phố thực sự trong khu vực đồi núi ở tây bắc Vân Nam, thường xuyên của cả Hàn và người dân địa phương Tây Tạng. Martin Yan đến thăm nghệ thuật và cửa hàng thủ công, nông dân địa phương khi họ thu hoạch cây trồng, lấy mẫu và ẩm thực của họ.

Hãy Yêu Như Chưa Yêu Lần Nào

Toại Khanh



Nói thật, tôi chẳng biết ông Lê Hựu Hà nghĩ gì khi viết bảy chữ này. Nhưng tôi đã xem đó như một đề nghị rất Phật giáo. Tôi chưa hề là một thiền sinh nghiêm túc, nói gì là thiền sư. Tôi chỉ là kẻ lãng du trong cõi Phật pháp và thỉnh thoảng ghé chơi thăm khu vườn văn nghệ như một cách nghỉ chân. Và chính bảy chữ đó của người nhạc sĩ họ Lê từ lâu đã là một khẩu quyết cho tôi những khi nghe, đọc, ngắm nhìn cái gì đó tình cờ bắt gặp.

Chẳng hạn tôi đã yêu ca dao Việt Nam từ những lời rất lạ. Tôi đã tự ru tuổi thơ của mình bằng những lời quê hiểu sao cũng xong: *Tưởng giếng sâu anh nối sợi dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sợi dây*. Thân người khó được, chọn sai lý tưởng thì mất toi một đời. Tôi thích hiểu câu ca dao kia bằng cách nghĩ như vậy. Tôi muốn mình suốt đời là một thằng bé chăn trâu trên cánh đồng văn nghệ để giữ lại cái quyền mộng mị theo cách riêng. Cái quyền cảm nhận cuộc đời mà không bị ám ảnh bởi những nguyên tắc, công thức.

Tôi vẫn hiểu có những trường hợp dù muốn hay không, người ta phải chấp nhận một sự thật duy nhất, không thể suy diễn tùy thích. Như trong lĩnh vực khoa học, mọi người phải hiểu trái bom là trái bom. Hiểu khác đi, sẽ không còn dịp hiểu. Hay trên đường đạo, người ta không thể hiểu phá chấp, giải thoát là muốn làm gì cũng được. Bởi khi cho rằng mình tự do vì không bị ai ràng buộc, thì rất có thể người ta đang bị ràng buộc bởi phiền não của chính mình. Tôi phải lạc đề mấy hàng để yên tâm không bị sự phụng dưỡng cho là đùa ham chơi quên tu. Rào đón xong rồi thì xin trở lại sân chơi.

Hơn hai mươi năm trước, tôi từng học qua bài kinh Chuyển Pháp Luân để tụng ở chùa. Ngày đó cứ thấy lạ với câu xác quyết của đức Phật rằng đây là nhận thức về bốn Thánh Đế mà Ngài chưa từng nghe (anāpucchita), nay khởi lên nơi Ngài với một sự quán triệt toàn diện, sâu sắc nhất. Sao lại thế được? Thuở còn là Bồ-tát, Ngài đã chẳng từng ngồi dưới chân bao vị Phật quá khứ để học thuộc như cháo những giáo lý Thánh Đế, Duyên Khởi,... đó sao? Sao lại bảo là chưa từng nghe? Hơn hai mươi năm sau, lang thang qua những nẻo đường trần, tôi chợt mơ hồ nhận ra một chuyện. Những gì Bồ-tát học thuộc lòng kiếp xưa chỉ là những tấm ảnh không hồn do người khác chụp xong

đem trao cho Ngài làm kỷ niệm. Những gì Bồ-tát Tất-đạt chứng nghiệm dưới gốc Bồ-đề sau này mới đúng là của riêng Ngài. Như sau này Ngài cũng từng xác định với tôn giả Kaccāna: Thánh trí ở đây không phải vay mượn từ người khác!

Bỗng nhiên tôi muốn chạy ngay về Bình Ý để đến ngồi bên mộ ông Lê Hựu Hà và nói một lời cảm ơn, cùng một câu hỏi ngu ngơ nhất: *Ông đã học A-tỳ-đàm bao giờ để có đề nghị đó. Hãy yêu như chưa yêu lần nào.* Và chưa hết, tôi từng hết hồn khi tình cờ nghe một ca từ của Trịnh Công Sơn: *Tìm em, tôi tìm... tìm đêm chưa từng, tìm ngày tinh khôi.* Vạn hữu là một dòng chảy bất tuyệt của vô số sát-na sinh diệt. Cái sau thừa tiếp cái trước bằng một lực đẩy có tên gọi chuyên môn là Thường Cận Y Duyên. B không phải là A, nó hoàn toàn tinh khôi và chưa từng xuất hiện, nhưng nó không thể có mặt mà không có A.

Tôi biết có hơn một nửa trong số những người đọc bài viết này đang trách tôi sao làm chuyện tu sĩ ca ngợi nhạc sĩ. Xin thưa, hơn cả Lê Hựu Hà, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn là nhạc sĩ Việt Nam có nhiều nhất những nhạc khúc mà dù nghe bằng tai hay đọc bằng mắt đều được cả. Vì không muốn các vị buồn lòng rằng tôi đã phá giới khi nghe nhạc Trịnh, tôi đành nói dối rằng tôi đã đọc bằng mắt những ca khúc của Trịnh Công Sơn in kèm trong một số cuốn sách viết về ông sau ngày ông mất, của khoảng hai mươi tác giả trong và ngoài nước (như Bùi Vĩnh Phúc, Bửu Ý, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Nguyễn Thanh Ty, Nguyễn Đắc Xuân,...).

Không riêng với trường hợp hai nhạc sĩ trên, mà với nhiều nhà khác cũng vậy, tôi yêu tác phẩm của họ theo cách hiểu của riêng tôi. Như đã thưa ở trên, trừ ra vài chuyện sinh tử cấm kỵ, tôi vẫn thích phiêu bồng bằng đôi chân của mình và chẳng vui vẻ gì khi ngắm nhìn thế giới bằng nhãn quan của người khác. Chán chết. Và chẳng, tôi là đứa dốt, rất e ngại những gì mang tính kinh viện bác học. Đó cũng là lý do khiến đến tận tuổi này tôi vẫn cứ là cái thằng người có một nhân thân như các vị có thể đã biết.

Viết dở lại viết dài, đúng là chẳng nên, nhưng buộc tôi phải dừng lại ở đây thì đang dở quá! Chẳng lẽ đến tuổi này gì cũng dở dang sao chứ!? Tôi đang muốn nhắc lại tâm tình của tôi đối với vài nhân vật khác ngoài hai nhạc sĩ vừa nhắc. Thôi thì ngắn gọn vậy. Xem như từ chỗ này về sau là tôi viết cho tôi, không viết ra mai một lại quên mất. Già rồi.

Thầy Tuệ Sỹ có rất nhiều thơ hay, nhưng tôi nhớ dở, chỉ nhớ lóm đóm, quên mất xuất xứ, và hôm mai vẫn thỉnh thoảng đọc thầm một mình như thằng khùng đọc thần chú. Đọc với tất cả cảm xúc nồng nàn mà không hiểu thầy muốn nói gì. Thôi thì, ta về ta tắm ao ta, dù trong dù đục cũng là cái ao:

*“Phút vội vã, bỗng thấy mình du thủ
Thấp đèn khuya, ngồi kể chuyện trăng tàn”.*

Nghe ra chút gì đó hiu quạnh nhưng rất đời nhà Thiền. Thầy tu cần chừng đó thôi cũng đủ. Một chút nao nao, ngậm ngùi, nhưng không hề tọc lụy. Có đọc mấy câu thơ kiểu đó thì mới chịu nổi kiếp đời chẳng giống ai của một thầy tu. Có yêu được xương rồng và còn cát thì mới mong về chơi sa mạc. Không yêu được cũng nên ráng tìm cách để yêu. Vì thế giới này rộng hay hẹp là nằm ở khả năng thích nghi của mỗi người. Và chỉ có yêu thì mới dễ dàng thích nghi. Tôi còn nhớ thêm hai câu khác của thầy (tạm không dùng chữ Thượng tọa nghe chẳng thơ tí nào):

*“Đôi mắt biếc mang nỗi hờn thiên cổ
Vấn chân tình như mưa lũ biên cương”.*

Ý nghĩa đích thực của hai câu này, tôi chịu! Nhưng tôi yêu chúng theo cách của tôi. Tôi hiểu mắt biếc ở đây là một tấm lòng không hề lụy nhân gian. Không hề lụy nhưng không phải vô trách nhiệm. Anh không cần đến những thứ đó, nhưng thiên hạ có người cần đến. Hãy thương lấy người ta. Bỏ-tát đứng trên cuộc đời nhưng mắt không rời cuộc đời. Thương người sinh tử, xót kẻ làm than. Với riêng mình sao cũng được, nhưng thấy thiên hạ đổ lệ thì chẳng đành lòng. Nỗi đau sinh tử, làm than của nhân sinh đúng là mối hờn thiên cổ. Mắt còn thấy thì lòng còn xót. Có điều xót thì xót, nhưng trước sau lòng tu vẫn phải hồn nhiên đến đại khờ để làm ngơ được trước những trò đời nhắm vào mình, để tiếp tục yêu thương chân tình, không toan tính mặc cả. Biên cương là mán mọi, khờ khạo. Mưa lũ thì vô tâm vô tri, cứ chỗ thấp thì tìm về. Vô thủy về trước và vô chung về sau, mưa lũ luôn thế. Mãnh liệt, hết mình và thơ ngây, mông muội. Chỉ nhắm đến những khía cạnh tích cực của mưa lũ thì người ta có thể ôm nó vào lòng như một đứa bé hư. Mà phải có chút hư đốn mới là con của mẹ. Hoàn thiện, ngoan ngoãn quá, có thể mà làm mẹ thấy xa cách vì không có dịp mắng yêu mà, hiểu chưa thẳng nhóc?

Tôi hiểu hai câu thơ đó của thầy Tuệ Sỹ theo cách nghĩ của tôi, và hình như nhờ vậy tôi đã yêu chúng không chán. Ai đó bắt tôi hiểu chúng theo cách khác, kể cả cách của thầy, có thể tôi sẽ tìm cách quên chúng đi. Vì chúng không còn như tôi nghĩ nữa. Yêu lần hai thì làm sao có thể yêu chúng như chưa yêu lần nào.

Rồi thì ông Phạm Công Thiện. Ông uyên bác từ lúc nhỏ tuổi, nhưng có lẽ vì thế mà xa cách dân gian. Bởi giống hệt thiên hạ thì có gì để nói. Một cách gián tiếp, tôi mang ơn ông nhiều chuyện. Chỉ bậc mình một chuyện nhỏ là ông ấy có vẻ chẳng mặn mà với Nam tông. Thế thôi! Nhưng được cái ông chẳng cực đoan. Bởi giới đến mấy mà cực đoan thì cũng sâu như cái giếng dầu thôi. Mà thế giới này đâu phải chỉ có một chiều không gian. Tôi có tất cả sách của ông Phạm Công Thiện. Dễ đọc và giàu tính trách nhiệm nhất trong số đó có lẽ là cuốn **Ý Thức Mới Trong Văn Nghệ Và Triết Học**, nghe đâu ông viết năm 25 tuổi. Với mấy cuốn còn lại, tôi phải thề đọc rằng hiểu nổi thì chết liền. Kể cả cuốn thơ **Ngày Sinh Của Rắn**, nói là thơ mà hầu hết vẫn cao xa trừu tượng quá chừng. Tôi nói là hầu hết vì trong tập thơ đó có vài chỗ theo tôi là đủ để làm nên tên tuổi một nhà thơ, với điều kiện nhà thơ đó đừng có chỉ những bài thơ khác chẳng

ngang tầm với chúng. Làm Thôi Hiệu của Việt Nam là ok rồi. Đó là những đoạn thơ đã được nhà văn Vĩnh Hảo và ông Nguyễn Hưng Quốc trích dẫn, nhắc nhở.

Ở đây dĩ nhiên không thể trích dẫn ra hết những chỗ tuyệt vời đó. Tôi chỉ còn đủ thời gian để nhắc lại hai câu của tập thơ trên, như nhiều người vẫn yêu thương chúng:

*“Mưa chiều thứ bảy tôi về muộn
Cây khế đòi cao trở hết bông”.*

Tôi cứ trộm nghĩ, người Việt Nam muốn làm thơ, viết văn và yêu nước thương quê chỉ cần để ý cái hồn của hai câu thơ đó. Giản dị, thiết tha và gợi cảm quá chừng. Người học Phật nếu chịu để ý sẽ thấy các luận thư đời sau dù có bắt đầu bằng mấy chữ Như Thị Ngã Văn cũng không sao có được cái hồn hậu, giản phác, thâm thúy theo cách CẦN và ĐỦ mà ta luôn bắt gặp trong kinh điển Pāli và các tập A-hàm. Yêu tha thiết chân thành cái gì đó, người ta có thể chỉ nói rất ít nhưng chan chứa khôn cùng. Đó cũng là trường hợp của ca dao:

- *“Vội tay mà ngắt ngọn ngò
Thương em đứt ruột giả đồ ngó lơ”.*

- *“Ngó lên Sở Thượng thêm buồn
Muốn chắm cội rễ, ngắt đường xa xôi”.*

- *“Đường dài ngựa chạy biệt tăm
Người thương có nghĩa, trăm năm cũng về”.*

Nhắc tới một người, lại nhớ về bao người khác. Tôi lại muốn nhắc chơi những câu thơ của ông Bùi Giáng, thầy Lê Mạnh Thát, ông Quách Tấn, Thượng tọa Viên Minh, Thượng toa Triều Tâm Ảnh,... Nhưng ở trên đã trót nói rồi, yêu thì nói ít cũng xong. Yêu thì để trong lòng mà nhớ. Chỉ mong mai này có kẻ tri âm kéo áo bảo viết thêm bài nữa thì có thể xem đó như một nhân duyên mới. Đường dài ngựa chạy biệt tăm...

TOẠI KHANH

TẢN MẠN TÂM TƯ

Toại Khanh



Không học Phật pháp thì không biết đường nào để giải thoát, nhưng cái thấy trong lúc chứng ngộ – tuyệt nhiên không giống với những gì ta đã học. Tâm bản đồ không phải con đường, càng không phải chỗ mình muốn đến. Nhưng bỏ mất nó thì có mà chết, mà ôm cứng lấy nó cũng chết. Muốn tu học ngon lành, hãy hỏi mấy em hướng đạo sinh cách dùng bản đồ.

Công đức bồ thí giúp ta được giàu có, nhưng giá trị của sự giàu có không bằng một phần triệu của cái tâm bồ thí. Dầu ta có giàu đến cỡ nào đi nữa.

Người tu hành phải biết sống vô sản, nhưng không tài sản chưa hẳn là sự tu hành. Cái tâm không tha thiết vật chất là tâm của hiền thánh, sự nghèo khó trong nỗi thèm khát nọ kia chỉ là đời sống của loài ngạ quỷ.

Người ta nói té ở đâu thì phải đứng lên từ chỗ đó. Mọi khổ ải trầm luân luôn bắt đầu từ sự có mặt của ngũ uẩn, nhưng không biết nhìn lại ngũ uẩn mà có thể giải thoát thì là chuyện xưa nay chưa từng.

Những may mắn ta có được bây giờ chỉ là quả lành từ quá khứ. Một người điên hay đứa con nít chỉ biết trái xoài trên tay, không biết phải làm sao để sau đó có thêm những trái xoài khác.

Thuyết Pháp và lập chùa là giúp người khác tu tập. Nhưng người làm hai việc đó thường rất dễ quên mình. Xưa nay kẻ trúng số hiếm bao giờ là người bán vé số. Không hiểu tại sao.

Kẻ tu hành cứ lo đi đứng đây kia thì tâm tự dễ bị loạn động. Nhưng ở hoài một nơi coi chừng tâm tự tù đọng. Nếu phải đi, lòng cần như gió và nếu phải ở, tâm nên như nắng, đốt nóng bên thềm.

Giới luật là dây hàng rào bảo vệ người, đất và tài sản bên trong, chứ không phải để giam hãm, nhốt tù chủ nhân.

Ý nghĩa của chuyện tu hành là để bỏ được cái gì, không phải để có được cái gì. Hai động từ này đã thay đổi lịch sử Phật giáo.

Một sợi tóc hay chiếc lá me nhỏ xíu có thể khiến ta đắm mình trong một niềm vui hay nỗi buồn chất ngất. Vậy mà nhiều lúc đi ngang một ngọn núi hay hồ nước mênh mông, ta vẫn không có cảm giác gì đặc biệt. Ở đời không có gì là nhỏ hay lớn tuyệt đối, cái cốt tử là lòng mình ra sao.

Đọc báo thấy sự ngoan hiền tuyệt đối của người dân Triều Tiên, rồi nhìn lại sự rậm rạp của Phật tử và giáo dân một số nơi, nhiều người thấy tiếc đến nhói ruột. Ước gì kẻ lãnh đạo của bầy chiên lành đó biết tận dụng sự trung thành tận tụy kia một cách thông minh và thiện chí, thì chuyện tốt nào làm không xong chứ. Người ta chỉ biết chăn nuôi nhằm những mục đích rất nhỏ nhoi.

Trên máy chiếc máy bay dân sự của Mỹ luôn có câu này ở lưng ghế trước mặt hành khách: Life Vest Under Your Seat. Phao cứu hộ nằm ngay bên dưới ghế ngồi của bạn. Ô hay, câu này nghe quen quen, hình như có một câu Pháp Cú cũng có nội dung tương tự!

Mấy chục tuổi đầu, một ngày nhận ra chuyện này lạ lắm. Một người thông minh và thiện chí vị tha đến mấy cũng mặc, cứ trao tay họ chút quyền lực thì hầu hết ai cũng đột nhiên ngu, ác, và tham giống hệt nhau. Khác biệt chẳng là hình thức biểu hiện. Tôi lạnh người khi tìm hoài đến giờ vẫn không thấy ngoại lệ.

Người cư sĩ càng ít hiểu biết giáo lý thì cơ hội làm nô lệ sẽ lớn hơn cơ hội làm đệ tử của Tăng ni.

Ở một số cửa hàng bên Mỹ, người ta ghi câu này trên cánh cửa phòng vệ sinh: No Merchandise Beyond This Point. Tạm hiểu là đừng mang hàng hóa vào đây, hoặc chuyện buôn bán là ở ngoài kia, không phải trong này. Trời ạ, lẽ ra câu này phải được treo ở nhiều nơi lắm.

Người ta ít khi có hứng thú với món hàng mình đang bán, cần thứ gì tương đương thì vẫn thích tìm đến mua ở chỗ khác. Người tu học coi chừng mình cũng vậy, qua ngày dài tháng rộng không còn tin vào những gì mình vẫn rao giảng tuyên truyền. Đưa người vào đạo, còn mình hướng tâm về đời.

Buôn có bạn, bán có phường. Trong cửa thiền hình như cũng thế. Người tinh tấn hay giải đãi luôn đi theo nhóm, nhóm càng đông thì quan điểm của mình càng được củng cố. Cái bầy được nuôi dưỡng lâu ngày cũng thành ra một cái đạo chứ chẳng chơi!

Mọi kiến thức và suy tư ngoài kinh điển phải được quy chiếu trên kinh điển, nhằm chứng minh Phật pháp uyên nguyên, không phải những thứ có thể thay thế lời Phật. Vào youtube nghe Tăng ni bây giờ thuyết giảng dễ thấy mọi sự đang đi ngược lại.

Người có nghe thấy chút ít về Phật, mỗi khi có chuyện đau buồn thì thường muốn tìm về bên chân Phật. Khổ nổi có được mấy người lúc vô sự lại chịu nghĩ đến việc xây dựng một Phật giáo ngon lành. Thế là cái Phật giáo mà thiên hạ tìm đến lúc hữu sự chỉ là một biển hiệu mang tính biểu hiện.

Ai cũng sợ chết, sợ bị đoạ, nhưng kiểu sống của thiên hạ thì giống hệt như hai chuyện đó sẽ không bao giờ xảy ra. Dù chúng có thể đến ngay đêm nay hay sáng mai không chừng. Ngộ thiệt.

Lời dạy nguyên thủy của đức Phật rất thực tiễn, dễ chứng minh qua đời sống thực tế. Nhưng không hiểu sao người học Phật hôm nay lại chỉ dốc lòng tin vào những điều huyền hoặc xa vời, và chê lời dạy thứ thiệt của Phật là tiểu thừa nhỏ bé. Sợ sách cũ hay sao mà ngại nghiên cứu kỹ lưỡng một chút. Thời mạt thế rồi sao chứ!

Ăn gì cũng sợ dư mỡ, dư đường hay cao huyết áp. Vậy mà về tinh thần thì bất cần đến khó hiểu, ai nói gì cũng tin, cũng cố nhét vào óc như là lời thánh. Bảo là ngu thì giận. Người ta thương mình mà lại hận người ta. Thế có nên không?

Học vị hay bằng cấp trong đạo lẫn ngoài đời luôn rất cần thiết, nhưng nó là bảo chứng cho một trình độ kiến thức có thiệt, không phải cái có thể thay thế cho kiến thức mà mình chưa có. Không gì nguy hiểm cho bằng việc ngồi lên một phi cơ mà người lái không có đủ kiến thức của một phi công.

Kẻ viết bài này chỉ là một gã tục tử, chọn cách nói để chúng chửi, còn hơn là im lặng ờ ờ để mặc những điều trái khoáy mặc nhiên tồn tại ở đời. Viết xong có vì vậy mà chết cũng tốt hơn là sống trăm tuổi mà làm con hèn vô tri, vô trách nhiệm.

Mong lắm vậy thay!

TOẠI KHANH

TIẾNG CHIM RỪNG TRÚC

Toại Khanh

Phật giáo đã có ít nhất 2500 năm lịch sử; và có lẽ, cũng đã có chừng ấy lần các thế hệ Phật giáo đồ xao lòng nhớ lại câu chuyện Phật dự hứa ngày viên tịch, báo trước giây phút bỏ lại trần gian. Theo kinh xưa, chuyện đó xảy ra vào ngày rằm tháng Giêng cuối cùng trong đời Thế Tôn, để ba tháng sau đó, Ngài đi xa không về nữa. Bốn mươi lăm

năm trước đó, cũng vào ngày rằm tháng Giêng, lần đầu tiên đức Phật xác nhận sự ra đời của Tăng đoàn với một lời giáo hối được xem là toàn bộ tinh thần Phật pháp về sau: ***Lánh ác, làm lành, thanh lọc nội tâm.***

Tôi nhớ từng nghe thấy đâu đó một nhận xét thật xác đáng rằng, điều vi diệu trong Phật pháp nằm ở chỗ, dù Thế Tôn có nói nhiều bao nhiêu cũng nhằm vào một lý, và có nói ít bao nhiêu cũng bao hàm vạn sự. Một vài bài kinh ngắn trăm chữ lúc Ngài vừa thành đạo hay dăm ba câu dặn dò trước lúc viên tịch – đều gói trọn toàn bộ tinh hoa chánh pháp. Đệ tử ngày sau chỉ theo đó mà tu học cũng đủ thành Phật, chẳng cần đòi hỏi gì hơn. Thật lạ, đang viết đến đây, tôi bỗng quên mất kinh Phật để nhớ về lời Chúa một cách thâm thúy.

Chuyện kể rằng vào một mùa mưa đông, giáo xứ xa xôi kia phải gánh chịu một trận bão lụt thật dữ dội. Tất cả thầy giáo dân dẫn nhau đi lánh nạn, và khi chạy ngang nhà thờ, họ nhìn thấy vị linh mục khả kính của mình đang đứng cầu nguyện trong mưa. Họ giục ông cùng đi để chăm sóc cho nhau. Ông một mực từ chối và bảo: *Cha không tin Chúa bỏ chúng ta!* Lát sau một giáo dân chạy xe hơi ngang, ông ta giục vị linh mục lên xe đi lánh nạn và lại cũng nghe câu trả lời tương tự: *Cha không tin Chúa bỏ chúng ta!* Vài giờ đồng hồ tiếp theo, nước dâng cao ngang ngực người lớn, một nhóm giáo dân chống thuyền ngang nhà thờ, họ giành nhau kéo vị linh mục lên thuyền, nhưng lại cũng thất bại trước niềm tin mãnh liệt của ông. Hai tiếng sau đó, cảnh sát huy động trực thăng cứu hộ những cư dân còn sót lại trong vùng. Lúc này nước đã dâng cao khỏi cổ người lớn và vị linh mục vẫn kiên trì đứng yên trong nước để cầu nguyện. Tôn trọng tự do tín ngưỡng, các nhân viên cứu hộ không dám cưỡng bức vị linh mục khả kính lên trực thăng. Vài phút sau, ông lên thiên đàng. Minh mẫy ướt đầm, cặp mắt mờ lẹ, vị linh mục ngược nhìn Thiên Chúa:

- Vì sao Thiên Chúa bỏ mặc con, hay ngài đã không nghe được lời con cầu nguyện?

Thiên Chúa ngao ngán nhìn vị linh mục thuần tín kia rồi lắc đầu:

- Ta đã là trời, nghe con hỏi, ta còn biết kêu trời nào nữa đây chứ! Ta đã nghe thấy lời cầu nguyện đầu tiên của con và liên tục gửi đến cả đoàn giáo dân với xe cộ, thuyền bè và cả trực thăng cứu hộ, nhưng chẳng hiểu sao con cứ từ chối!

Câu chuyện trên tuyệt không có ý nghĩa châm biếm, chỉ là một cách mô tả sinh động những thái độ đạo học cần tránh và nên có. Ngay trước khi viên tịch, đức Phật cũng từng nhấn mạnh: *Các tỷ-kheo còn trông đợi gì ở ta nữa? Những gì mà bậc đạo sư cần phải làm cho đệ tử bằng lòng bi miễn, ta đã làm tròn. Đây là những cội cây, nhà vắng, hãy tinh tấn thiền định, chớ để mình phải hối tiếc về sau.* Và một trong những điều tuyệt đối quan trọng mà đức Phật luôn đặc biệt nhắc tới đó là sự nỗ lực tự thân. Tây phương cũng có một câu nói tương tự: *Trời chỉ cứu kẻ biết tự cứu.* Từng người tu Phật phải tự cầm đuốc và bước đi bằng đôi chân của chính mình. Chư Phật chỉ là

người dẫn đường. Thờ Phật như thờ thần không phải là thái độ sáng suốt của người tầm đạo giải thoát.

Một cách nôm na, mỗi người học Phật chỉ có cơ duyên thích hợp với một vài món trong vô số pháp môn tu học. Bất luận kẻ học ít hay người đa văn đều phải có thời gian thân chứng, thể nghiệm pháp môn thích hợp với mình. Kết quả cao thấp, ít nhiều, dĩ nhiên tùy thuộc vào nhiều yếu tố như sự nỗ lực của bản thân, sự trợ lực gián tiếp hay trực tiếp của minh sư, thiện hữu cùng những điều kiện sinh hoạt, bối cảnh tu học. Sự giá trị của Tam Bảo cần được hiểu là những kết quả tu học hơn là sự phù hộ của một thần tượng linh thiêng nào đó. Sự tu học hôm nay cho ta ít nhất hai lợi ích: Nguồn đạo lực hiện tại và căn bản cho mai sau. Nếu có thêm phước cũ đời trước, đời sống và cuộc tu sẽ được nhiều điều như ý. Kẻ cần chuyên nhưng kém túc duyên, thì ngoài chút khó khăn riêng tư – cũng thành tựu được những kết quả tương tự. Và có nói gì, chung quy, chuyện siêu hay đạo luôn nằm ở trong tay từng người. Nếu trăm sự có thể trông cậy vào một ai đó ngoài mình, chẳng hạn chư Phật, thì hôm nay ai cũng thành Phật cả rồi. Bởi theo kinh xưa, đã từng có vô lượng chư Phật xuất hiện ở đời, mà nay kẻ trăm luân vẫn còn đầy ra đó. Nói cho dễ nghe, chư Phật có nhiều khả năng để giúp đỡ chúng sanh, nhưng khả năng đó chỉ có tác dụng đối với những người có một công phu tu học đàng hoàng.

Dù ta muốn hay không, thời gian cũng trôi đi qua. Giây phút nào cũng là cuối cùng, vì một đi không trở lại. Từ hai năm nay, mỗi lần nhớ ra mình đang có mặt trong một cuộc vui, tôi lại tự nhủ không bỏ sót một giây nào. Vì tôi biết, giây phút đó sẽ vĩnh viễn mất đi. Sau này có may mắn tìm thấy những giây phút tương tự thì đó cũng chỉ là cái mới. Tưởng tiếc, hoài niệm nhiều khi là một kiểu sống hoang phí, dù sống kiểu nào thì cũng là sống. Tôi không có ý xúi ai ham chơi, chỉ muốn mượn cách nói dễ hiểu làm này để nhắc lại chút tinh thần Niệm Xứ: *Tại đây và bây giờ*. Thế thôi. Và bỗng dưng tôi muốn chấm hết ở đây với chút suy tư trong một bài viết cũ của mình: *Mặc ta vô minh, đời lặng lẽ vô thường!*

NGƯỜI TỪ TRĂM NĂM

Toại Khanh



Cái tuổi 40 thật khó nói là già hay trẻ. So với tuổi 80 thì đó là nửa đường, nhưng với tuổi 70 thì đã quá nửa. Vậy rồi cứ nghe se mình một tí là nghĩ ngợi lung tung. Thời nay ngoài mấy kiểu chết bất đắc, còn có chuyện dư đường, dư mỡ. Không kể bệnh nan y, chỉ cần vài năm không chịu thử máu là chuyện gì cũng có thể xảy ra.

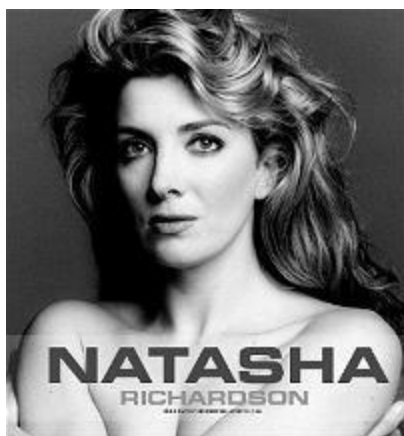
Tôi tay trắng vô sản còn ngại chết đến vậy, thử hỏi mấy người thứ gì cũng có thì còn tham đến mức nào. Vua Tàu rồi vua Ai Cập, vị nào cũng muốn được trường sinh. Không được trường sinh ở cõi này thì cũng mong được bất tử ở cõi khác. Họ dùng đủ cách, từ linh đơn thần dược lúc sống đến việc xây dựng lăng mộ ướp xác với nhựa thông rồi thắp mấy ngọn đèn trường minh bằng dầu cá. Nhiều kẻ nhà giàu thời nay vẫn đêm ngày bòn của thành núi rồi hi vọng được các nhà khoa học dùng cách nào đó giúp mình sống thêm. Với mấy bà thì sống dai chưa đủ, phải trẻ đẹp thật lâu mới chịu, dù đường dài phải nhờ dao kéo từng xẻo liên miên để giằng co với con tạo.

Mấy hôm nay tôi ngẫu nhiên đọc mấy bài báo thiệt lạ. Các tỉ phú Việt Nam trong nước gần đây đã biết học theo người Tàu dùng các loại thần dược gì đó từ thai nhi ngâm rượu, cho đến những động vật khó ngờ nhất hoặc mua gỗ đàn hương, ngọc am về làm giường nằm, ghế ngồi để ngày đêm ngửi lấy mùi hương của chúng như một kiểu linh khí giúp sống lâu. Thế đã hết đâu, họ còn kín đáo chuẩn bị hậu sự cho mình sau này bằng cách cho người xây lăng mộ với cả kỹ thuật cổ truyền lẫn hiện đại để xác họ mai sau được trường tại tề thiên. Hồn đi xa mà xác vẫn còn đó thiên thu như một cách nấn ná với đời thì cũng đỡ tủi. Người da trắng ngoài này thì văn minh hơn, ngoài chuyện tới lui bác sĩ theo định kỳ, ăn uống theo công thức, còn trù bị cho mấy kiểu hậu sự rất hiện đại: Cho đông lạnh thì hài để mai kia được hồi sinh, hoặc cao siêu hơn một chút là dặn thân nhân lấy tro hỏa táng của mình gửi vào vũ trụ. Một công ty Mỹ ở Houston cho biết giá cả mỗi vụ gửi tro như vậy tốn đến hàng chục ngàn Mỹ kim. Đại khái, tùy theo trình độ văn hóa, sở thích cùng khả năng tiền bạc mà mỗi người có một cách sợ chết và ham sống khác nhau. Mới đây, danh ca Michael Jackson đã tìm đến bác

sĩ Gunther Von Hagens lòng danh thế giới để mong được trường xuân bằng một đề nghị thật độc đáo: Ông bác sĩ muốn thay gì trong người chàng cũng được, nhựa dẻo hay kim loại đều ok, miễn là thay thế được mấy món phù du trong hình hài giả tạm này để mười năm sau chàng còn có thể tiếp tục tung tăng nơi miền dương thế.

Chẳng hiểu sao tôi cứ ngỡ rằng, mấy nhà cầm quyền độc tài trên thế giới thường có những tham muốn quái gở chỉ vì sau khi có quyền lực và tiền bạc trong tay thì bắt đầu sợ chết hơn. Có điều là vốn sống tâm linh nghèo quá, họ chỉ có một hai cách sợ chết vừa trẻ con vừa lố bịch. Không biết phải làm sao trước cái chết đang lù lù đến gần từng bữa, họ điên cuồng với ước mơ trường thọ hoặc dốc hết mọi thứ cho con cháu như một cách đầu tư cho cái TÔI gián tiếp của mình. Mình có đi thì một phần máu me của mình vẫn còn gửi lại trần gian này. Thế là con họ bằng trời, dân tha hồ khổ. Nếu họ nói làm vậy chỉ vì thương con thì rõ ràng họ đã quên hay không biết câu nói này của Thiệu Khang Tiệt (người Tàu, đời Tống): “*Nhi tôn tự hữu nhi tôn phúc, mạc dữ nhi tôn tác mã ngu*”, Con cháu có phúc họa riêng của họ, đừng vì con cháu mà làm thân trâu ngựa bất kể thiên hạ. Tôi để ý thấy rằng, nếu không có được một lòng lành bẩm sinh, thì người ta phải nhờ đến cái văn hóa mà mình hấp thụ để sống đàng hoàng, ước mơ đàng hoàng và có sợ chết cũng một cách đàng hoàng. Văn hóa Tây phương bao gồm cả tâm thức tôn giáo lẫn chính trị thường có vẻ bất lực trong việc xây dựng một nhân sinh quan lành mạnh. Xin gẫm lại mà xem, thường chỉ có mấy kẻ quái gở nông nổi mới khoái chuyện tẩm ướp cái xác thối của mình để được làm ma xó trong mấy lăng mộ mà thôi. Nhân loại ai chẳng ham sống sợ chết, ham sướng sợ khổ, nhưng một khi không có được vốn liếng tâm linh căn bản, người ta rất dễ thành ra quái vật với những suy nghĩ ích kỷ và tàn bạo khó ngờ.

Nói lung tung nãy giờ nhưng câu hỏi quan trọng nhất vẫn còn lơ lửng đó: *Làm sao có thể bất tử, chuyện đó có thực không?* Xin thưa ngay, có đến 1001 cách để khiến mình trường sinh bất tử, thọ ngang nhật nguyệt. Có điều là tùy theo căn cơ của bản thân mà mỗi người có được bất tử hay không và bất tử theo kiểu nào. Nói theo kinh Phật, cứ sống với phiền não thì cũng là một cách sống hoài trong ba cõi. Trở thành thánh nhân chấm dứt luân hồi cũng là một con đường bất tử. Lưu phương thiên cổ như hiền thánh xưa nay cũng là một kiểu bất tử, hay để tiếng xấu muôn đời như mấy tay bạo chúa cũng là một kiểu bất tử khác. Ướp xác hay xây đền, dựng bia cũng là một kiểu nấn ná nhân gian, để lại con đàn cháu đống để nối dõi tông đường cũng là một kiểu nấn ná, để lại cho đời sau những công trình hữu ích cũng là một kiểu nấn ná,...



Nhưng mấy chuyện đó cao siêu quá, mới đây có một bản tin văn nghệ làm tôi suy nghĩ hoài. Nữ diễn viên Natasha Richardson người Anh vừa qua đời trong lúc học trượt tuyết tại Canada ngày 17 tháng 3 vừa qua. Cô đi đã mấy hôm rồi, mà thiên hạ vẫn chưa hết bàng hoàng. Cô chết trẻ, mới 45 tuổi, và ra đi ngay giữa lúc có trong tay tất cả những thứ tốt đẹp nhất: Nhan sắc, tiếng tăm, tiền bạc, tình yêu, con cái. Cô xuất thân từ một gia đình xuất sắc (*Mẹ cô từng đoạt giải Oscar, chồng cô hiện là một đạo diễn tiếng tăm và cô có hai cậu con trai đẹp như thiên thần*). Tôi là thầy tu nên quan tâm đến một thứ khác. Cô diễn viên đã để lại di nguyện là hiến nội tạng cho bất cứ ai cần đến. Và lập tức tâm nguyện đó của cô đã được thực hiện: Một cô bé 7 tuổi tên Morgan McCracken đang thập tử nhất sinh đã được cứu sống bằng phần cơ thể hiến tặng của Natasha Richardson. Cô diễn viên đã vĩnh viễn ra đi, nhưng cô hiện vẫn tồn tại qua một hình hài khác: Trên người cô bé 7 tuổi kia và trong tim mọi người!

Descarte thì phải, từng bảo: tôi tư duy tức là tôi tồn tại. Tôi ở đây lại muốn nói câu khác: Tôi được nhớ đến cũng là tôi đang tồn tại. Lão Trang đã là người hai ngàn năm trước, nay ta vẫn có thể nhìn thấy họ sừng sững trong từng trang Nam Hoa hay Đạo Đức Kinh. Ai đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh mà lại không thấy thầy Khổng đang ngồi trước mặt dù ông cứ một mực cho rằng mình chỉ *thuật nhi bất tác*. Chùa Từ Ân, tháp Đại Nhạn bên Tàu có thể sụp đổ hư hao nhưng dẫu đến muôn sau, ai là người nghiên cứu kinh Phật chữ Hán lại có thể quên được ngài Huyền Trang!? Thay vì cảm thấy an lòng hay thích thú với những kiểu chuẩn bị hậu sự thuần túy vật chất, sao ta lại không thử làm quen với một kiểu hạnh phúc khác lâu bền và hữu ích hơn. Chẳng hạn để lại cho người sau một đóng góp nào đó, và thời gian bất tử của mình sẽ tùy thuộc vào giá trị của thứ mình để lại. Trộm nghĩ trong lòng, mấy người mù trên thế giới hôm nay, khó có một thân tượng nào vĩ đại hơn Louis Braille và Charles Barbier, những người đã tạo ra loại chữ Braille có thể đọc bằng tay. Hãy học cách hạnh phúc qua niềm vui mình tạo cho kẻ khác. Nó càng được nhân rộng, sự hiện hữu của ta trên đời này càng rõ ràng hơn. Từ đó, trăm năm không phải là giới hạn sau cùng cho sự hiện hữu của một con người.

Chuyện đời nhiều khi cũng huyền nhiệm lắm thay!

TOẠI KHANH

KHÁI NIỆM QUÁN THẾ ÂM

Theo Kinh Điển Pāli



Quán Âm hay Quán Thế Âm là tên gọi của một vị Bồ-tát nổi tiếng trong hệ thống Phật giáo Bắc truyền (vẫn được thậm xưng là Đại Thừa) khắp các xứ Trung Hoa, Hàn Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ và cả Việt Nam. Chữ Phạn của tên gọi này là Avalokitvesvara, thường được dịch sát là Quán Tự Tại. Chữ Tự Tại (Isvara) này không hề mang nghĩa thanh thần độc lập như nhiều người vẫn nghĩ. Nó là một từ tố thường thấy ngay sau tên gọi của các vị thần Ấn Độ, một chút dấu vết của Ấn giáo, xa hơn một tí là Bà-la-môn giáo thời xưa. Nói vậy cũng không đủ, với phương tiện Internet ngày nay, người muốn biết xin cứ Online thì rõ. Nãy giờ chỉ nói cái tên; nhưng cái ý nghĩa, hay vai trò của khái niệm Quán Thế Âm mới là quan trọng.

Nguồn gốc của hình tượng Quán Âm xuất phát từ Ấn Độ qua các kinh luận hậu tác như Đại Bồn A-di-đà (quyển thượng), Vô Lượng Thọ Kinh (quyển hạ), Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới, thứ 39, quyển IV), Lăng Nghiêm (quyển 6) và Pháp Hoa (phẩm Phổ Môn). Thời điểm ra đời của các Kinh – ngày nay không còn là chuyện mật nữa. Và hình tượng Quán Âm lúc đầu tại Ấn Độ chỉ là hình ảnh nhân cách hóa lòng từ bi của Phật giáo qua hình ảnh một vị thần mặt nữ mình nam. Từ sau lúc các kinh văn trên đây du nhập vào các xứ ngoài như Trung Hoa, Hàn Quốc, Việt Nam thì ta mới có thêm các giai thoại Quan Âm Diệu Thiện, Quan Âm Thị Kính. Người Tây Tạng còn cho các thần Tara (và cả đức Đạt-lai Lạt-ma) là hóa thân của vị Bồ-tát này. Dù ở đâu thì

Bồ-tát Quán Âm cũng được thờ cúng, xưng tụng như một hộ thần linh hiển và nhiều từ bi, sẵn sàng ứng hiện kịp lúc để cứu người mắc nạn. Hình ảnh này rất đẹp, nhưng đã ngẫu nhiên dẫn đưa không ít thiên hạ ngày một xa rời lý tưởng giác ngộ của Phật giáo qua nhiều cách hiểu bất cập:

- Trước hết, thay vì học hạnh từ bi xả kỷ qua hình tượng đó, thì người ta chỉ nghĩ nhiều về chuyện cầu khẩn. Những đồn thổi về sự linh ứng của Bồ-tát Quán Âm đã xui nhiều người hồn nhiên cho rằng sống sao cũng được, miễn là gặp chuyện thì cầu. Thay vì chiếu lý mà nói, cầu khẩn hay phụng thờ hình tượng Quán Âm không sao sánh được với việc trau dồi từ tâm.

- Điều đáng tiếc thứ hai, nếu nói Bồ-tát linh hiển thì xin hỏi có phải bất cứ ai cầu khẩn Ngài cũng đều được giúp đỡ cả hay không? Chắc chắn là không rồi. Còn nếu bảo chỉ ai tu hành ngon lành hay có phước duyên sao đó mới được cứu thì xin hỏi sao lại phải cần đến sự giúp đỡ của ai nữa chứ, cứ lo tự tu là đủ rồi!

- Điều thứ ba, ai học Phật cũng biết rằng muốn thành Phật thì phải có đủ các hạnh lành như từ bi, trí tuệ, kham nhẫn... Và không hề có một vị Bồ-tát nào thiếu lòng từ bi mà có thể thành Phật. Nếu vậy, có hợp lý không khi cho rằng chỉ có Quán Âm Bồ-tát mới tầm thỉnh cứu khổ, nghe cầu thì tới? Hóa ra các Bồ-tát khác không được sẵn lòng như vậy hay sao? Cả kinh điển Nam tông lẫn Bắc truyền đều nhìn nhận rằng trong thế giới này luôn có vô lượng Bồ-tát, những vị sẽ thành Phật sau này, nếu chỉ có một vị Bồ-tát chịu khó tầm thỉnh cứu khổ thì xin hỏi các vị kia sao có thể gọi là Bồ-tát?

- Như vừa thưa ở trên, đã là Bồ-tát Bất Thối (người chắc chắn sẽ thành Phật) thì phải có lòng đại bi giống nhau và cái được gọi là sự giúp đỡ của ai đó, kể cả của các Bồ-tát thực ra chỉ là một cách nói. Nói nôm na là hồn ai nấy giữ. Chẳng hạn, ta không thể nói những kẻ bạo ngược được giàu sang là do các Bồ-tát phò hộ; và những người hiền lành bị khốn khó là do không cầu nguyện hoặc bị các Bồ-tát bỏ quên. Và nếu vậy việc réo gọi tên họ của các Bồ-tát có còn cần thiết không và càng vô lý khi chỉ réo tên một hai vị nào đó mà thôi? Làm vậy đúng là bỏ nhiều lấy ít. Đó cũng là trường hợp niệm Phật Di-đà, một vị Phật bên nhánh Bắc truyền. Thay vì trì niệm Nam Mô Vô Lượng Phật (Namo Amitabuddhānam), người ta chỉ thích chọn một vị thôi. Thế là chỉ còn Vô Lượng Thọ (Namo Amitāyubuddhāya) hay Vô Lượng Quang (Namo Amitābhabuddhāya). Đó là lý do vì sao bên Nam tông khi nhắc riêng một vị Phật thì là đức Bổn Sư Thích-ca, ngoài ra thì phải là chư Phật nói chung. Ở đây có ít nhất 2 điều cần lưu ý: Thứ nhất, đức Phật Thích-ca là vị Phật hiện tại trong thế giới này (ta đang tu học theo lời Ngài); và thứ hai, là hình tượng ấy hoàn toàn có thể được hiểu là hình ảnh chung của chư Phật ba đời mười phương. Ai muốn xác tín điều này xin tìm đọc nghi thức lễ bái Tam Bảo của Phật giáo Nam tông thì rõ.

- Điều đáng tiếc tiếp theo, hầu hết Phật tử Bắc truyền đều có một công thức buồn cười sau đây khi nói về Phật giáo Nam tông: Nam tông là Tiểu Thừa vì người nhánh này chỉ biết tự tu, tự tu là ích kỷ, là tiêu nha bại chủng, mạ khô giống thối. Vấn đề hiểu lầm đã nảy sinh ngay từ ban đầu. Người tu mà chỉ biết có riêng mình, không kể đến ai thì mới gọi là ích kỷ. Còn nếu tự tu là tự vận dụng năng lực bản thân, không nhờ cậy tha lực thì đó là tự giác. Một người độc cư thiền định, tu tập với riêng mình không phải là ích kỷ. Chỉ khi nào lòng thấy chán ghét tha nhân thì mới là ích kỷ. Nếu anh lặng lẽ sống tốt thì đó cũng là một kiểu lợi tha, vì khi một người không làm bậy thì đã là một đóng góp cho đời rồi, không cần phải chiêng trống om sòm để thông báo cho ai về chuyện tu hành của mình. Chỉ một chút mắc mứu này mà anh em chẳng nhìn mặt nhau bấy lâu nay, dù ai cũng đều thờ Phật. Buồn lắm vậy thay!

- Điều cuối cùng, theo kinh điển Pāli (và thậm chí cả kinh sách Bắc truyền) thì trong trời đất này luôn có vô số những vị thiện thần sống ở khắp nơi, từ ngọn cây đầu cỏ đến núi rừng sông biển, và không ít trong số đó luôn có lòng giúp đỡ những người lâm nạn. Họ thấy thương thì giúp, còn chuyện giúp được hay không còn tùy ở phước nghiệp của bản thân người bị nạn. Những người từng nghe qua Bồ-tát Quán Âm, hay bà Maria, Thiên Hậu, cứ thấy sự lạ thì đổ hết cho các vị này. Từ những người đi biển đến kẻ trên cạn ai cũng phải có một địa chỉ để rêu. Nói thiệt, cứ theo lối tin tưởng dân gian kiểu đó, cộng thêm sự tuyên truyền có chủ ý của một số người, chừng trăm năm nữa có thể Phật giáo chỉ còn lại những khái niệm thờ cúng, và cái tinh hoa Phật pháp vốn là kết tinh trí tuệ của một vị Phật dưới gốc Bồ-đề năm xưa sẽ là một vệt mờ trong lòng nhân loại. Tôi không là một người tu học ngon lành, nhưng tôi tin chắc một điều rằng bao nhiêu vấn đề lớn nhỏ của chúng sinh đều nằm trong chính mỗi cá nhân và nếu từng người không biết Tự Xử thì không ai ngoài ta có thể làm được chuyện đó. Nếu chư Phật làm được thì ngay lúc độc giả ngồi đọc những dòng chữ này của tôi thì thế giới đã không như ta đang nhìn thấy, và bản thân quý vị cũng đâu có khổ như bây giờ!

Nói vậy, tôi muốn thưa gì qua mấy dòng trên? Trước hết, chúng tôi tuyệt không phủ nhận sự trợ duyên, giúp đỡ của người này cho người kia, nhưng tôi cũng không hề tin rằng chỉ riêng tấm lòng của người giúp đỡ là đã đủ. Anh phải ra sao để có thể đón nhận sự giúp đỡ của người ta. Anh không thể đổ hết mọi sự cho một phía và bao giờ phần nỗ lực của riêng anh cũng phải là chính yếu. Điều thứ hai, người tu Phật không thể lấy hư làm thực khi làm tượng biểu tượng là thực thể, cũng như không lấy ít bỏ nhiều khi suy tôn một hạt cát nào đó trong sa mạc.

Bao nhiêu vẽ vời về hình tượng Quán Âm Bồ-tát có lẽ cần được hiểu là những mô tả sinh động về cái diệu dụng của tấm lòng Bồ-tát ở người cầu Phật đạo. Quá nặng lòng với những chi tiết đó hình như ta đã đi quá xa. Như trái tim là biểu tượng của tình yêu, bồ câu trắng tượng trưng cho hòa bình, hoa hồng đại biểu cho tình cảm,... Biểu tượng phải được hiểu là biểu tượng thì ta mới đi xa được. Một khi chất hết những tranh tượng trái

tim, bồ câu hay hoa hồng lên bàn thờ để quỳ lạy cầu nguyện và xưng tụng là những thần thánh nào đó thì có lẽ người ta đã lạc đường rồi. Ngay cả việc thờ lạy tranh tượng đức Phật cũng cần được hiểu là việc ngắm nhìn một biểu tượng đẹp để tu học chứ không phải để van xin khẩn vái nọ kia.

Theo những gì vừa trình bày, và cả tư tưởng Đại Thừa rất mực mênh mông, thì quanh ta có biết bao là những Bồ-tát. Và đã học hạnh Bồ-tát thì ai cũng phải có lòng đại bi. Kẻ sơ cơ thì thương người một ít, kẻ tu hành thâm hậu thì đẹp hết giới tuyến. Đã học hạnh Bồ-tát thì thấy ai khổ cũng thương, giúp ai được thì giúp, chẳng cần người ta phải lên tiếng réo gọi. Kiều nói *“con có khóc thì mẹ mới cho bú”* là dành cho phần đông thiên hạ chưa học đạo Bồ-tát. Bồ-tát thứ thiệt luôn thương hết chúng sinh, không cần ai kêu, chỉ cần biết ai khổ thì tùy sức mà cứu, nhưng về kẻ muốn được cứu thì cũng đừng quá kỳ vọng vào ai khác ngoài bản thân. Một khi ta làm toàn những chuyện tự hại mình thì ba đời mười phương Bồ-tát cũng bó tay. Và nói vậy, quanh tôi lúc nào cũng có vô số Bồ-tát. Một số trong đó là tầm thỉnh cứu khổ (nghe kêu thì cứu), một số trong đó là cứu mà chẳng cần nghe kêu và một số thì có nghe kêu nhưng chưa hề cứu, phước tôi mỏng hay người ta có lòng mà không sức?

Thấy trong phòng sách của tôi có một bức tượng Quán Âm tuyệt đẹp, nhiều người lấy làm lạ, hỏi. Tôi luôn trả lời rằng đó là hình ảnh chung của tất cả Quán Âm trên đời. Tôi đặt bức tượng này trong phòng chỉ vì đó là bức tượng duy nhất mà tôi có. Theo kinh điển Pāli thì không riêng một Bồ-tát nào giàu lòng đại bi, và như vậy thì vị Bồ-tát nào cũng có thể là một Quán Âm cả. Tôi thờ Vô Lượng Phật chứ không chỉ một vị Vô Lượng Thọ hay Vô Lượng Quang, tôi thờ tất cả Quán Âm chứ không riêng một Diệu Thiện, Thị Kính hay Nam Hải Quán Âm nào hết. Đặc biệt từ sau ngày người Tàu muốn giành trọn 80% biển Đông mà họ vẫn gọi là Nam Hải gì đó thì tôi càng ít muốn nhắc về vùng biển này. Mong sao tất cả những người tin Phật muốn tu phải học, học để hiểu đúng, và hiểu đúng để chẳng tu lầm. Mong lắm vậy thay!

TOẠI KHANH

ĐỐI TRỌNG

Toại Khanh



Trên dòng lịch sử mênh mang của nhân loại từ mấy chục năm nay vừa có một điểm son chói lòa đáng được để mắt và lưu tâm. Đó là một dân tộc Do Thái điêu linh, xiêu lạc từng bị bạc đãi khắp nơi và sau cùng là cuộc thảm sát tàn bạo dưới bàn tay của Đức Quốc Xã, vẫn lặng lẽ tồn tại đâu đó khắp hành tinh với một sức sống âm thầm mà mãnh liệt. Rồi thì một ngày đẹp trời, họ khai sinh một Israel hùng cường đáng nể, nghiêm nhiên đứng vào hàng ngũ mười nước siêu cường về công nghệ khoa học toàn cầu. Đó là chưa kể một con số khổng lồ các khối óc siêu việt về mọi lãnh vực của những danh nhân thế giới mang nhiều quốc tịch, nhưng máu me trong người họ vẫn có nguồn gốc Do Thái. Tôi vẫn xem lịch sử lập quốc của Israel là một thứ biểu tượng của niềm tin sống đời.

Tôi không biết gì về chính trị; chỉ hiểu mơ hồ rằng, nếu người Tây Tạng hải ngoại hay người Miến Điện lưu vong tự chuẩn bị một lực lượng nhân sự hùng mạnh về trí tuệ, tài chánh, ngoại giao thì tương lai của quê hương họ vẫn chưa hết hy vọng. Chỉ cần người ta luôn nuôi dưỡng được một nguồn sinh lực bất tử trên từng bước nổi trôi của mình. Không một cá nhân hay tổ chức nào trên đời này lại không có đối thủ, và để có thể tồn tại, người ta phải tự có những đối phó, phòng bị. Tôi gọi đó là lực lượng đối trọng. Tôi là tu sĩ, chuyện chính trị gì đó không có sức hút đối với tôi. Tôi chỉ muốn mượn chuyện đời để nói chuyện đạo.

Một Tăng ni chỉ biết hình thức tôn giáo mà không có nội dung tôn giáo, thì có thể xem như họ đã thiếu mất một lực lượng đối trọng trong mối tương quan với thế giới tục lụy. Nhiều khi cái mà họ gọi là phương tiện gì đó chỉ là tên gọi màu mè của sự thỏa hiệp hay thậm chí đầu hàng...

Trong mối tương quan lực lượng giữa đôi bên, theo tôi, điều quan trọng nhất vẫn là một thể lực nội tại sẵn sàng cho mọi tình huống. Lý do đơn giản là đối thủ của ta bao giờ cũng mạnh. Không mạnh thì đâu thể gọi là đối thủ. Đối thủ của ta đến từ mọi phía và trong mọi hình thức, cả ngọt ngào lẫn cay đắng. Và đối thủ nguy hiểm nhất, như ai cũng biết, lại cũng là chính bản thân mình. Không một mưu sĩ hay thuyết khách mồm mép nào đáng

ngại bằng những khoảnh khắc tự phản bội của bản thân chúng ta. Từ đó, cái gọi là lực lượng đối trọng ở đây không chỉ đề nhắm đến những đối phương từ bên ngoài, mà còn là với những lá cờ trắng nằm khuất đâu đó trong lòng ta nữa.

Những điều tôi vừa thưa ở trên, thực ra chỉ là một bài học đã xanh rêu từ muôn đời. Trong kinh điển Phật giáo Nguyên thủy có nói đến những nguồn đạo lực mang tính đối trọng mà một người tu hành phải luôn tâm niệm. Đề trì giới, thiền định (samatha), nội quán (vipassanā), hành giả không thể không biết đến những chuẩn bị cần thiết. Họ phải biết cái gì là điều kiện tương sinh và cái gì là chương duyên tương khắc của những gì mình nên có hoặc nên tránh. Đó chẳng phải kiến thức về lực lượng đối trọng thì còn là gì nữa.

Và cái gọi là sức mạnh đối trọng ấy, nhiều khi không hẳn là đối lập, đương đầu với phía bên kia. Nó lúc này là một tiềm lực, một nguồn năng lượng ở dạng tiềm năng, sẵn sàng cho một sự trỗi dậy, thế chỗ ngay khi có dịp. Nói vậy có nghĩa là đề đối mặt với một thế lực chính trị, nhiều khi ta không cần đến những nỗ lực chính trị hẳn hoi, mà chỉ là những sức mạnh thật nhẹ nhàng, như văn hóa hay tín ngưỡng. Miễn là những thứ đó đủ sức xoay chiều cách suy nghĩ của thiên hạ, thì mọi đòn phép chính trị của đối phương sẽ bất chợt thành ra nắm đấm đánh vào khoảng không. Hình như đây cũng là cái mà truyện kiếm hiệp gọi là Vô Chiêu thắng Hữu Chiêu chẳng!?

Vẫn trong nếp nghĩ đó; nhiều lúc tôi trộm nghĩ rằng, để người Phật tử hôm nay không còn tiếp tục vật lộn với những chia rẽ về Nam tông, Bắc truyền có lẽ ta chẳng cần gì những cuộc tranh luận nảy lửa hay những vận động hành lang, thêm ba gì đó có vẻ rất mệt mỏi mà hiệu quả xem chừng quá mơ hồ. Đổi lại, hãy cung cấp cho họ những thứ tham khảo. Người Việt Nam bây giờ có chữ Thông Tin rất đa dụng. Khi ta thiếu thông tin về nhau thì khó mà đồng cảm, chia sẻ. Tôi vẫn trộm nghĩ, nếu mấy bộ A-hàm được giới thiệu sớm hơn, thì tình trạng Nam Bắc phân tranh của Phật giáo Việt Nam sẽ không đến nổi như bây giờ. Người ta cứ thay phiên nhau dịch rồi in tới lui những Pháp Hoa, Duy-ma như là những tiếng nói tiêu biểu của Phật giáo Bắc phương trong cái gọi là cuộc đối thoại với dòng Phật giáo Nam truyền. Hố sâu ngăn cách từ đó càng lớn. Thay vào đó, nếu lâu nay người Phật tử Việt có dịp đọc qua những Câu-xá Luận, Tỳ-bà-sa, Phát Trí Luận bằng tiếng Việt thì người ta sẽ không thấy ác cảm và xa lạ với dòng giáo lý mà họ vẫn xem là Tiểu Thừa gì ấy. Lý do ư? Xin thưa, nói tới Nam truyền là phải nói đến A-tỳ-đàm, và rõ ràng có một quan hệ mật thiết giữa hệ thống giáo lý này với những bộ kinh vừa nêu. Nói như một danh ngôn Tây phương, người ta đã xây nên quá nhiều bức tường ngăn cách thay vì những cây cầu cảm thông. Nghĩ cũng đau thật!

Nói vậy có nghĩa là nhiều khi, trên cả những chiến trường khốc liệt nhất, giải pháp hữu hiệu lại chỉ đơn giản là một cái gì đó rất nhẹ nhàng, và xem như chẳng ăn nhập gì đến cuộc diện. Và hình như cả đời lẫn đạo đều có thể ứng dụng thứ kinh nghiệm này.

Viết đến đây tôi chợt nhớ đến một ngòi bút được xem là nổi đình nổi đám nhất của Trung Quốc hiện nay là Khương Nhung (Jiang Rong), một cựu Vệ Binh của thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tai tiếng một thời, và nay đang đứng ở tuyến đầu với những người thay đổi chính kiến. Nhân vật này vừa đoạt một giải thưởng văn chương Á Châu (Man Asian Literary Prize) với tác phẩm **Wolf Totem**, tạm dịch là **Linh Vật Thảo Nguyên** (có thể tìm mua trên Amazon.com). Nội dung cuốn sách đang được tranh luận sôi nổi ở Trung Quốc; nhưng theo tôi, cái then chốt ở đây là lý tưởng của cuốn sách qua một câu nói “*dễ ở tù*” của chính tác giả Khương Nhung: “*Tôi chỉ muốn xây dựng một nền tảng tư duy mới cho người Trung Quốc qua những gợi ý mang tính văn hóa, không phải những đối đầu trực tiếp về chính trị với ai đó!*”.

Hay cho câu nói đó của Khương Nhung. Theo tôi, ông là sự cộng lại của một chính khách sâu sắc và một văn sĩ có đủ ba chữ Tâm, Tình và Trí trong ngòi bút.

Trộm nghĩ, trong một cuộc đối đầu, ta không nhất thiết cứ réo tên đối phương mà nguyên rủa trừ ếm hay chỉ biết bắn phá, dội bom trực tiếp lên họ. Làm vậy tốn kém, om sòm và bạo lực quá, mà kết quả thì như ai cũng thấy là sẽ rất ngắn hạn. Bởi một lẽ là chiếm thành thường dễ hơn giữ thành và cái gặt đầu bên ngoài không quan trọng bằng sự đồng tình bên trong. Nhiều khi tôi vẫn nghĩ rằng, thiên hạ bao đời phải chịu cảnh can qua khói lửa, một phần cũng vì người ta làm ngơ những điều xem ra tầm thường này. Lúc bình thường không có được những suy nghĩ chín chắn về chuyện đời, thì khi gặp kẻ gian ai cũng dễ dàng bị lừa phỉnh. Một cơ thể khỏe mạnh không dễ bị ngã bệnh, một nội tâm có căn bản sẽ khó lạc lối. Tôi tin vậy. Ta cứ tự lo thân thì trời đất sẽ mở đường cho ta bước. Tôi gọi đó là lực lượng đối trọng.

Vậy thì con đường nào cho một đất nước thanh bình, hay một thế giới không có những chia rẽ về tôn giáo, chính trị và văn hóa? Chẳng hiểu sao, tôi vẫn ngoan cố với cái nhìn thiên cận và có vẻ huê vốn, thậm chí bất khả thi (impossible) khi cho rằng đó là những chương trình giáo dục với các đặc điểm là không dính dáng đến những ý niệm chính trị, hình tượng tôn giáo và chỉ nhắm đến cái đẹp: Cái đẹp trong khoa học và văn hóa. Đã nói là chương trình giáo dục, nghĩa là đối tượng của nó bao gồm cả những đứa bé năm sáu tuổi. Từ nền tảng này, tôi tin mọi sự sẽ khá hơn. Độc giả sẽ cho đây là thứ suy nghĩ hoang tưởng của một thằng dốt? Xin thưa, tôi bạo gan viết ra cảm nghĩ trên đây của mình chỉ vì dựa vào một vài sự kiện ai cũng thấy. Đó là những thái độ cuồng tín, mù quáng, nông nổi, manh động thường chỉ có ở những tâm hồn hay nơi chốn có vấn đề về văn hóa hoặc giáo dục. Chẳng hạn, có một số rất lớn những người Âu Mỹ tuy theo Cơ-đốc, Tin Lành hay một tôn giáo nào đó lại luôn tỏ ra rất sẵn sàng để ngồi lại lắng nghe các tôn giáo khác một cách dễ thương. Không phải họ nhẹ dạ cả tin đâu, chỉ vì họ được hấp thụ một nền giáo dục tự do và hướng tới những cái đẹp. Họ thấy việc học hỏi từ thiên hạ là một quyền lợi của mình, vì họ phải luôn được tự do tìm đến những lựa chọn của mình. Trong một cuốn sách, Hòa thượng Làng Mai kể lại rằng trong quá

khứ từng có hàng trăm linh mục Châu Âu sẵn sàng góp sức với ngài trong các cuộc vận động cho Phật giáo. Không bàn chi khía cạnh chính trị của việc này, cái đáng nói ở đây là thái độ phóng khoáng của các linh mục Âu Châu.

Trong khi đó, ở hầu hết các xứ Hồi giáo, rồi thì buồn thay, cả Việt Nam ta nữa, việc một tín đồ đạo A qua lại giao thiệp với đạo B thì không phải là chuyện bình thường. Việc đó rất dễ bị xem là phản bội, đi hai hàng, không có chủ kiến, đại khái nhục lắm. Thiên hạ những nơi đó đã quen với những áp đặt từ người khác và xem việc tuân phục là một cái gì đó rất hay ho. Người ta cứ sung sướng và an tâm khi thấy mình là người ngoan đạo trong một tôn giáo hay trung thành trong một ý thức hệ chính trị một cách vô điều kiện. Chuyện gì ngoài ra đều không quan trọng.

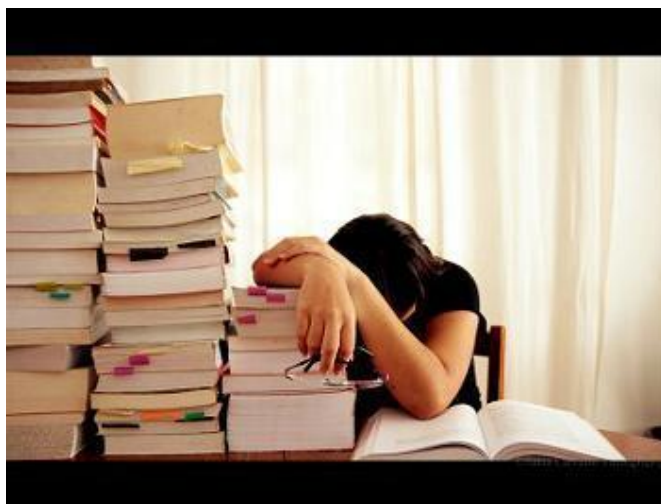
Từ đó suy ra, cái gọi là lực lượng đối trọng phải là cái gì đó thâm trầm và tuyệt đối chân thành. Trang Tử từng nói, biển nằm ở chỗ thấp nhất nên gồm thâu hết nước từ muôn sông. Mọi thứ đều trở về với cái căn bản nhất, vì đó là điểm hẹn sau cùng của vạn vật. Hãy quên hết mọi nhãn hiệu, chúng ta sẽ nhìn thấy nhau trong tim mình lập tức!

Tất cả những phân cách văn hóa, đối lập chính trị, dị biệt tôn giáo cũng từ đó trở thành mù sương. Dĩ nhiên, trong một chu kỳ nào đó, mọi thứ sẽ lại tái hiện; nhưng ít nhất, xin hãy nhớ rằng thời điểm đáng quan tâm nhất chính là phút giây trước mắt. Phút giây đẹp đẽ trong hiện tại sẽ là một quá khứ đáng nhớ và cũng là một tương lai tuyệt vời.

TOẠI KHANH

CÀU TRE LẮT LÈO

Toại Khanh



Để ngắn gọn, tôi đã thay đổi tựa đề bài viết. Bản thân người viết bài này chưa hề có một mảnh bằng đại học nào hết. Một ngày ngẫm chuyện chung quanh, tôi muốn viết ra chút tâm tư cho nhẹ lòng và điểm tựa cho bài viết cũng chỉ là một vài tổ chức học Phật cũng không thuộc đại học.

Đó là lớp Hán cổ ở chùa Già Lam (Gò Vấp) mấy năm đầu thập niên 90 do quý thầy Nguyên Hồng, Thái Siêu khởi xướng và bên cạnh đó là mấy lớp hướng dẫn dịch kinh Hán Văn ở Đại Tòng Lâm do thầy Trí Không, sau này còn thêm một chương trình tự do Hòa thượng Minh Cảnh tổ chức (Gọi là nhóm phiên dịch Huệ Quang thì phải). Hiện Hòa thượng còn đang thông báo chiêu sinh khóa mới tại Việt Nam. Cả ba chương trình này đã đào tạo hàng trăm Tăng ni, cư sĩ thực học, và họ cũng đã chung sức nhau thực hiện hàng chục công trình phiên dịch đồ sộ mà đến cả giáo hội Phật giáo trung ương của nhà nước, gồm cả Viện Nghiên Cứu Phật Học và cả ba trường Cao Cấp Phật Học ở ba miền cũng không làm nổi.

Cả ba lớp học tự túc vừa kể trên đều không thuộc một trường đại học nào hết; nhưng hiệu quả, theo tôi thì bao nhiêu khóa Cao Cấp Phật Học sau 1975 không sao bì được.

Trong bài viết này, tôi muốn thử đưa ra vắn vắn hai tiêu đề: Tăng ni cư sĩ phải học gì, và học để làm gì?

I. Phải Học Gì?

Trước hết, dù Tăng ni, cư sĩ thuộc hệ phái nào và đang tu học trong hay ngoài nước nói chung, mất bốn năm ở các trường Phật Học làm gì – nếu người tốt nghiệp không có được ba thứ này:

1. Một hiểu biết căn bản về hai truyền thống Phật học Nam tông và Bắc phái qua tối thiểu vài ba bộ kinh luận tiêu biểu của hai bên (chẳng hạn Kim Cang, Duy Thức, Hoa Nghiêm, Trí Độ, Thanh Tịnh Đạo, Vô Ngại Giải Đạo, Thắng Pháp Tập Yếu Luận). Điều kỳ lạ là Phật giáo Việt Nam đã tỏ ra thờ ơ rồi chậm bước trong việc phiên dịch hai bộ luận Câu-xá của ngài Thế Thân (Vasubandhu) và Phát Trí của ngài Ca-chiên-diên-tử (Katyayaniputra) – vốn đáng được xem là những chiếc cầu nối tuyệt đối quan trọng để Nam tông và Bắc truyền gần lại với nhau hơn. Hay là vì một lý do khó nói nào đó mà đến tận giờ những người có thẩm quyền vẫn để mặc hai truyền thống này tại Việt Nam tiếp tục thâm thương vơi vợi. Ta có thể không phải là học giả hay luận sư gì hết, nhưng nếu đã học xong mấy năm đại học Phật giáo (hoặc tương đương) thì một cách căn bản phải nói được điểm tinh yếu của các truyền thống Phật giáo lớn.

Không có được khả năng này, trộm nghĩ danh xưng tốt nghiệp đại học Phật giáo là bất xứng.

2. Khả năng ngoại ngữ tối thiểu để tham cứu kinh điển Phật giáo gồm ít nhất hai trong năm thứ tiếng: Pāli, Sanskrit, Hán, Nhật, Tây Tạng. Trong trường hợp Tăng ni, cư sĩ đang theo học ở các xứ Phật giáo Theravāda thì còn phải thêm tiếng bản xứ, chìa khóa tối cần để mở cửa kho tàng kinh Phật ở đó. Riêng khả năng đọc hiểu Anh ngữ thì coi như bắt buộc, vì đại học Phật giáo trên mặt hành chánh cũng được xem tương đương đại học bên ngoài.

Tôi coi trọng kiến thức ngoại ngữ ở một người chỉ vì mấy lý do ai cũng biết. Kho tàng kiến thức của nhân loại đã, đang và sẽ được lưu trữ bằng các thứ tiếng khác nhau. Trông đợi các bản dịch rồi thỏa mãn với chúng đều là chuyện không nên. Đọc truyện Kiều phải qua bản tiếng Việt mới đúng mức, và một người ngoại quốc ngồi chờ có bản dịch truyện Kiều bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của mình thì biết đến kiếp nào; đã vậy, đọc bản dịch theo tôi là uống cà-phê nước nhè, cái mùi vị nguyên chất không còn nữa. Thứ đến, đọc hiểu thêm một ngôn ngữ là ta làm quen được một nền văn hóa, biết thêm một cách nhận thức. Thế giới bao la gì cũng có, mà ta chỉ biết quẩn quanh với cái mình có (thường cạn và hẹp hơn là sâu với rộng) thì hoang phí quá.

Thứ nghĩ nếu không có kinh Phật từ Ấn Độ thì loài người hôm nay làm sao có thể tưởng tượng ra được một kho tàng minh triết bất khả tư nghị đến vậy, và đặc biệt là kho tàng ấy đã được một phần nhân loại biết đến trên mặt đất này từ hơn hai ngàn năm trước. Và đối với người học Phật mà nói, ai cũng biết rằng Phật giáo mỗi xứ đều có những điểm độc đáo riêng tư bên cạnh cái chung nhất là Tam Tạng bằng tiếng Pāli. Không đọc hiểu được các thứ tiếng Miến, Tích, Thái, Khmer thì coi như ta đã bỏ qua mấy khu rừng kinh văn quan trọng. Chuyện đó còn đau hơn sự thiệt thòi của một người mù điếc bẩm sinh trước nền điện ảnh thế giới.

Nếu chương trình trong bốn năm đầu ở đại học Phật giáo tập trung một chút, bớt hẳn các môn không thật sự cần thiết cho Phật học, thì việc người tốt nghiệp đọc hiểu được vài ba cổ ngữ vừa kể trên đây là chuyện bình thường. Tôi nói những môn không thật sự cần thiết là ám chỉ những môn kiểu kinh tế, xã hội, chính trị gì đó mà Tăng ni sinh có thể trau dồi sau này khi thấy cần. Điều tối cần của một người học Phật trong mấy năm đầu tu học ở học viện, theo tôi, là ba kiến thức vừa kể trên (**Phật học, ngoại ngữ và tiếng mẹ đẻ**). Thà ít mà đủ sâu để xài được, còn hơn một mớ hồ lớn gì cũng có mà chỉ là đồ đồng nát (ve chai). Tôi biết nhiều người đọc đến đây sẽ mắng tôi không tiếc lời, chẳng hạn đồ dốt mà bày đặt dạy đời, nhưng tôi van các cha làm ơn ngó lại chương trình các khóa Cao cấp Phật học gì ấy từ năm 1981 đến nay, nếu tăng sinh không tự trau dồi thêm, không có vốn liếng sẵn, thì hàng chục môn trong mỗi khóa đó đã đem lại được gì cho họ khi môn nào cũng được học kiểu cười ngựa xem hoa.

Nói vậy hoàn toàn không có nghĩa là tôi xem nhẹ kiến thức bách khoa ở một người. Biết thêm một chuyện, chỉ có tốt chứ không xấu. Dốt một chuyện chỉ có xấu chứ không tốt. Ai từng cầm bút hay micro thì biết, kiến thức càng rộng thì khả năng xoay xở càng thoải mái, càng hiệu quả hơn. Kiến thức hẹp quá, dễ mắc thành kiến và trên hết là không đủ đồ xài. Tôi không có ý kêu gọi ai trở thành một người kiểu vậy. Những trình bày này giờ của tôi chỉ có một ý nghĩa duy nhất – là trong mấy năm đầu học tập, Tăng ni cư sĩ nên theo cách **sâu trước rộng sau** sẽ tốt hơn là ngược lại. Nói vậy vì tôi ngại mấy điều, là nếu chọn cách học **rộng trước sâu sau**, chỉ cần có chút danh lợi hay bận rộn gì đó thì người ta sẽ không còn hứng thú để đào sâu những cái mình chỉ mới biết đại khái. Thứ nữa, Tăng

ni có chiều sâu sẽ an toàn hơn, và cuối cùng điều kiện tâm lý của một người từ sâu đi qua rộng luôn dễ dàng hơn là từ chỗ rộng tìm đến chỗ sâu. Tâm lý con người kỳ lạ vậy. Trong giao tiếp, tôi nhận thấy những người có chiều sâu thường dễ nhận ra chỗ thiếu của mình hơn là người bắt đầu từ chiều rộng, có khuynh hướng tự cho mình cái gì cũng biết!

3. Khả năng ngôn ngữ đủ để trao truyền kiến thức mình có cho người khác một cách thoải mái. Ngôn ngữ ở đây trước hết là **tiếng mẹ đẻ**, thêm được ngoại ngữ càng tốt, và bao gồm cả hai kỹ năng nói và viết. Khả năng đọc hiểu và giao tiếp căn bản đã nói ở phần 2.

Anh giỏi chuyên môn, có một hay nhiều sở trường, nhưng không thể chia sẻ cho người khác (đồng bào hay người xứ khác) bằng cách thức nào đó thì rõ ràng sở học của anh đã mất đi một nửa ý nghĩa. Ngôn ngữ anh dùng phải đủ giúp người ta hiểu điều anh muốn nói, mà nếu được, cũng nên đủ trơn mềm trong sáng để trình bày những vấn đề khô cứng, khó nói.

Trộm nghĩ, một chương trình đào tạo tốt không chỉ tạo ra khả năng hiểu biết mà còn là khả năng chia sẻ. Anh không thể chỉ là một học giả uyên bác chỉ biết tra tra lật lật cho riêng mình, anh còn phải là một suối nguồn lợi tha.

Tôi nghĩ người Việt không tệ, nhưng có lẽ do thời cuộc hoặc bối cảnh văn hóa xã hội sao đó, nhu cầu học đạo của Phật tử mình khá đơn giản. Có thể dốc tiền cất chùa, nhưng không hứng thú trong việc thúc đẩy học thuật của Phật giáo. Có đủ bạo dạn để nói xúc phạm người khác, nhưng không đủ gan để tham vấn cận kề khi học đạo với Tăng ni. Lý do chỉ đơn giản là ngại hỏi kỹ quá lỡ các vị không biết thì kỳ, hoặc sợ bị la mắng là vớ vẩn nhiều chuyện. Hình như không nên thế. Cứ can đảm nhưng lịch sự, lễ phép hỏi lại chỗ tồn nghi. Chẳng hạn, xin hỏi con có thể đọc thêm vấn đề này ở đâu.

Đại khái thế. Điều tôi kỵ trong Phật pháp nói riêng và học thuật trên đời nói chung, là nhắm mắt tin thầy. Sau vài thế hệ cuồng tín kiểu đó, cái tinh hoa nguyên thủy chỉ còn là tấm ảnh không hồn. Đừng sợ bị chê dốt mà không dám hỏi, đừng để mình bị lòng quý kính thái quá chặn mất cơ hội tìm hiểu.

Khi cư sĩ có thái độ học hỏi nghiêm túc kiểu đó, Tăng ni tự dung cũng phải nghĩ đến việc quay về trau dồi ngôn ngữ lành hơn. Thảm nhất là trò học qua loa, thầy dạy sơ sài, kẻ cầu học thiết tha cẩn trọng không biết tìm thầy bạn ở đâu. Cái đó mới là mạt pháp.

II. Học Để Làm Gì?

Có không dưới 1001 câu trả lời trong trường hợp này. Ở đây người viết chỉ xin hai gạch đầu dòng thôi:

1. Học cho mình.

Ta không thể là một người sống giữa đời mà không biết tí gì về thế giới quanh mình. Tăng ni cư sĩ cũng không thể tu Phật theo cách má tin thì con tin, ai rủ thì theo. Vậy mục đích đầu tiên là ta học cho mình.

Cho mình ở đây không đơn giản là để mình có được một số vốn kiến thức kiểu “*biết thì tốt*”, mà trên hết, ta dùng cái học trường lớp để xác định con đường mình phải đi, cách mình phải hiểu Phật pháp, một cách xác định của riêng mình, không phải vay mượn từ ai khác. Thậm chí mang danh tiến sĩ mà không có nổi một nhận thức độc lập thì hình như vẫn còn có chỗ bất cập, bất xứng. Phải có chủ kiến trên nền tảng chánh kiến. Nói kiểu trong nước là kế thừa mà có phê phán.

Ta không thể nói thầy tôi dạy vậy thì tôi tin vậy. Bởi nếu ta có hơn hai ông thầy, mỗi vị nói một cách thì ta phải tính sao đây chứ. Vậy rõ ràng, việc học đầu tiên là đem cái biết của người về găm nhấm với riêng mình; để sau cùng, chọn lấy cái mình thấy là đúng, là thích hợp. Đừng bao giờ vì sợ chống trái với ông thầy rồi không dám động não một cách độc lập. Theo tôi hiểu, và theo kinh Kalamasutta, Phật không dạy ta thờ thầy kiểu đó.

Hôm nay sang Miến Điện giữa lúc đất nước này đang từng ngày thay đổi với một tốc độ đáng nể, tôi vẫn có chút khó chịu khi thấy kiểu Niệm Xứ Phòng Xếp của ngài Mahāsi vẫn được tôn thờ một cách cẩn cẩn như một truyền thống lớn nhất.

Cạnh đó, lý tưởng và công trạng của ngài Vicittasara đối với nền học thuật của Phật giáo Miến Điện đúng là không thể phủ nhận, nhưng kiểu học cổ hủ là cái gì cũng phải đọc thuộc lòng (oral) như trẻ con tiểu học, cứ tiếp tục được giữ lại ở đây một phần lớn cũng là do thái độ kế thừa tinh thần của ngài ở những người hậu học trung thành. Họ làm như đã quên rằng, nếu nay vẫn còn sống thì Ngài đã trên trăm tuổi rồi, và trong cách nghĩ của Ngài có nhiều thứ đã được thừa tiếp từ mấy trăm năm nay ở một xứ sở xa khuất như Miến Điện.

Một cái giá phải trả của Phật giáo Thái Lan sau này chính là thái độ theo **Tổ** quên **Phật** của Phật tử xứ này. Ai tìm hiểu ít nhiều về trung tâm Dhammakāya ở Thái chắc chắn sẽ hết hồn. Cơ sở to rộng như một phi trường, lượng người ủng hộ không dưới số triệu, khả năng tài chánh gần như vô hạn, muốn là có, và uy tín đối với chính phủ giống hệt như người nhà với nhau. Nhưng pháp môn chủ yếu của Dhammakāya là gì? Lửng lơ giữa các truyền thống và Chỉ hay Quán có trời mà biết. Vậy mà người theo cứ đông như kiến cỏ, quân Nguyên gì đó chỉ là chuyện nhỏ. Các truyền thống một thời lẫy lừng như của ngài Achahn Chah, Achahn Neab, Achahn Asabha, thậm chí thần tượng của tuổi trẻ trí thức Thái Lan là ngài Buddhadasa cũng không sao có nổi một ảnh hưởng ghê gớm cỡ đó.

Và người học đạo trước hết phải nhắm đến mục đích không để mình trở thành một nô lệ hay chuột bạch cho bất cứ ai.

2. Học để giúp người

Một người chịu đọc kinh Phật một cách đàng hoàng, dù có là Phật tử hay không, cũng phải thừa nhận rằng, Phật giáo là một suối nguồn minh triết của toàn nhân loại. Không biết đến lời Phật rõ ràng là thiệt thòi lớn của mỗi người trên hành tinh này. Ai từng đọc qua các kinh Koran của Hồi giáo, Tân-Cựu Ước của Cơ-đốc giáo, Talmud của Do Thái giáo, Phê-đà của Ấn giáo, Đạo Tạng của Lão giáo,... rồi làm một so sánh, chắc chắn cũng đều phải thấy như vậy. Và ai đã rao giảng trao truyền dòng chảy minh triết đó cho người chưa biết đến Phật giáo? Ai cũng biết đó chính là những người tu học theo Phật giáo và có khả năng chuyển tải truyền đạt.

Anh hiểu đúng, làm đúng, nhưng không biết làm sao để giúp tôi được như anh, thì cũng thiệt là đáng tức và thực là đáng tiếc lắm vậy.

Nhưng anh làm sao để trao truyền Phật pháp cho tôi? Nói kiểu gì thì cũng chỉ nằm gọn trong ba cách: Bằng chữ viết (dịch, soạn, sáng tác), bằng ngôn ngữ thuyết giảng và bằng chính cách anh sống cho tôi nhìn mà học theo. Có thể anh không có đủ cả ba khả năng này, nhưng một người tu Phật muốn sống lợi tha thì tối thiểu cũng phải có một trong ba. Và tôi tin chắc rằng nếu không sở hữu ít nhất ba thứ kiến thức mà tôi vừa nói đến ở phần **Phải Học Gì** thì anh rất khó lòng mà giúp được ai.

2.1. Bằng chữ viết.

Có nhiều động cơ để một người cầm bút. Anh có thể nói với tôi rằng anh chỉ cầm bút cho riêng anh, không nhắm đến ai, nhưng nếu anh là một người thực học và thực tài thì anh phải chịu trách nhiệm với bất cứ thứ gì anh viết, dịch, soạn. Đó lại cũng là một kiểu lợi tha. Thứ đến, có lúc ta cầm bút vì một công trình mà ta tâm đắc hơn là vì nghĩ đến nhu cầu của thiên hạ, dù đó là công trình được công bố rộng rãi. Trường hợp cuối cùng, người cầm bút lấy lợi ích của thiên hạ làm trọng để vui đầu vào công trình. Sao cũng được, miễn là người cầm bút thì phải luôn có ý thức trách nhiệm và biết tôn trọng công trình của mình bằng cách thực hiện một cách cẩn trọng, yêu nghề. Được vậy, coi như anh đã giúp đời nhiều lắm rồi vậy!

Xin nhớ giùm, lời nói có thể sẽ bay mất, nhưng chữ nghĩa thì mãi hoài nằm lại đó. Đâu ai còn dịp nghe lại giọng nói của các cụ Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Ngô Tất Tố, Huỳnh Tịnh Của, Trương Vĩnh Ký,... nhưng các công trình của họ đến tận giờ vẫn còn đầy ra đó, từ các thư viện quốc gia đến sưu tập cá nhân.

Làm gì thì làm, một công trình nào đi nữa cũng phải có đủ lý do để tồn tại lâu bền trong đời. Cóp nhặt bừa bãi, nông cạn, bất cần đều là những lý do khiến một công trình sớm bị đóng bụi. Chỉ với tâm huyết vẫn chưa đủ, còn phải chất lượng bên trong nó nữa. Thiếu hai điều kiện này, cầm bút chỉ hoài phí thời gian, trong khi ta đâu có nhiều thời gian để chơi sang như vậy. Và thiên hạ cũng đâu dư hơi để đọc một tác phẩm, dịch phẩm kiểu đó.

Xưa giờ, có ai thúc ép một bà mẹ phải sinh non trước ngày, cũng như đâu có ai cưỡng cầu một người cầm bút phải hồi hải trình làng một công trình chưa được chín muồi. Trẻ non thường khó nuôi, ẻo uột thiếu sức rồi trách sao đi sớm. Một công trình chữ nghĩa cũng vậy.

2.2. Bằng ngôn từ thuyết giảng

Tôi không phải một Pháp sư hay Giảng sư gì ráo, làm được ông sư là mừng rồi. Ở đây chỉ là chút lạm bàn, nhớ gì viết đó, theo kinh nghiệm của một anh bán ve chai bàn về cổ vật.

Dù ta may mắn có được một khả năng văn tài hay lợi khẩu ghê gớm đến mấy, trộm nghĩ cái quan trọng vẫn là trách nhiệm đối với thiên hạ. Viết cho hay, đọc đã đời rồi người ta vẫn không bỏ túi được cái gì. Nói cũng thế. Bay bướm hoa hòe cả giờ để rồi chính mình không thể rút gọn được một nội dung xài được. Cả hai trường hợp đều đáng trách, đáng tiếc.

Cái nguy hiểm nhất của một người là khả năng lôi cuốn thiên hạ cộng với tinh thần vô trách nhiệm. Ai cũng thích có kẻ ái mộ, nhưng không gì bậy bằng việc lấy đó làm động lực chính để nói năng, viết lách. Anh có biết nhiều người có thể vì nghe anh mà tan nhà nát cửa, tiêu tùng một đời không? Đôi khi một dòng chữ hay một câu nói có thể giúp người ta đổi đời, thì ngược lại lắm lúc chúng cũng thừa sức khiến người ta hết đời, tàn đời. Xin nhớ lại giùm đã có biết bao vị đạo sư, giáo chủ, thầy bà gì đó người Việt ở hải ngoại đã một thời khuynh đảo tâm hồn của hàng ngàn người nhẹ dạ bằng mấy pháp môn tự chế. Tội nghiệp người ta buông hết Phật pháp chánh thống để dồn hết tâm tư thời gian theo mình, đến lúc ngã ngựa ra mới hay thời gian qua đi cầm trại ở Phi Châu còn tốt hơn trăm lần.

Nếu sử dụng văn tài và khả năng lợi khẩu để tìm fan ủng hộ mà không chịu nghĩ đến lợi ích của người ta thì kể ra cũng quá tàn nhẫn vậy. Và trong chuyện này hình như chính người nghe hay độc giả cũng tự có một phần trách nhiệm. Ai bảo anh dễ bảo quá, ham vui quá, mới xui tôi muốn nói viết gì cũng được. Nếu anh biết phân biệt rõ cái mình thích và điều mình cần thì tôi đâu dám tung tẩy kiểu đó. Nói kiểu trong nước, có cầu mới có cung chứ. Trong bài này tôi muốn nhấn mạnh nguồn Cung, nhưng dĩ nhiên không thể bỏ qua phía Cầu. Đi nghe thuyết Pháp mà cứ chăm bẵm những thơ ca, chuyện cười, truyện ma để ghi nhớ (dù nhiều khi người thuyết giảng chỉ nhắc phớt qua khi cần thiết), thì trách gì lần sau người ta cứ tiếp tục bồn cữ soạn lại. Lâu dần rồi thành lệ, pháp sư nào thuyết giảng chuẩn mực coi như hết đất sống và cư sĩ cũng không còn cơ hội được nghe những gì đúng là Pháp Nhũ Phật Thân. Cái loạn đi ra từ đây!

Nói chân tình cho nhau nghe, việc thiên hạ chạy theo vẻ ngoài của chữ nghĩa ngôn từ buổi đầu thấy hay là thế, nhưng về lâu dài lành ít dữ nhiều. Nếu hôm nay họ theo ta vì những hoa lá cành vô bổ nào đó, thì mai kia họ cũng có thể chạy theo những ông thầy sắc sỡ hơn ta bây giờ nữa. Trong khi đó, nếu người nói Pháp chỉ nhằm vào hai tiêu điểm

là **nói đúng lời Phật và lợi ích thiết thực của người nghe** thì cứ cho là đối thủ của ta mai này cũng phải là bậc thạc đức thạc học, không có chỗ cho kiểu thầy bà bá vợ chen vào. Phật pháp nhờ vậy mà mạnh, chúng sinh được nhờ.

2.3. Bằng cách sống của mình

Phải thừa nhận rằng tôi hơi nhột khi viết đến chỗ này mà cứ nhớ đến kiểu sống của mình, nhưng hết đường lựa chọn rồi, phải xuống tay mà viết thôi.

Phật giáo có ít nhất hai cách dạy người: **Ngôn giáo** (bằng lời) và **Thân giáo** (làm gương cho người ta bắt chước). Cả hai cách viết và nói đều nằm trong phần ngôn giáo. Cách dạy đạo thứ hai là lấy chính kiểu sống của mình làm bài mẫu cho người ta học theo. Sở dĩ có cách dạy này là bởi vì nhiều khi người ta không thích nghe hay đọc điều mình nói hay viết, mà lại muốn ngó vào từng chi tiết nhỏ trong sinh hoạt của sư phụ.

Trăm buổi giảng về giới luật, chánh niệm, tâm úy, từ tâm... lắm lúc xem ra không hiệu quả bằng một tuần lễ trò quan sát thầy. Sống động hơn, thuyết phục hơn, và đỡ tốn kém trí nhớ. Đặc biệt là niềm tin rằng thầy nói được và đã làm được. Nếu mình làm giống hệt thầy thì cũng sẽ an lạc ngon lành như thầy. Đó chính là thân giáo vậy!

Có một thời gian khá dài, tôi cứ nghĩ rằng hình thức trang nghiêm trước đám đông hình như là giả dối nếu khi về ở một mình mà lại không thu thúc được như vậy. Nhưng rồi vài vị huynh đệ đã vô tình giúp tôi bỏ đi cách nghĩ đó. Một vị, trong lúc tình cờ kể cho tôi nghe một chuyện vui trên đường, đã nói rằng dù thực ra mình không phải người nghiêm trì cẩn cẩn nhưng trước người lạ ít nhiều cũng nên giữ lại chút đại thể, cho mình và cho đoàn thể mà mình có mặt. Vị này dùng một ví dụ nghe không đẹp lắm, nhưng theo tôi thì hay tuyệt và xác đáng. Sư nghĩ xem, ai không biết mình có áo quần cần giặt và phơi, nhưng đem phơi bừa bãi ngoài cửa sổ chung cư kiểu như nhiều người Á Châu thì kỳ cục quá. Mình có bê bối cỡ nào đi nữa, đôi khi cũng phải kín đáo một tí, không cần thiết phải vạch áo cho người xem sọc bên trong. Minh trang nghiêm không chỉ cho bản thân, mà còn cho đạo, cho thầy bạn, hệ phái nữa. Hay!

Câu chuyện thứ hai, xảy ra ở Việt Nam mấy chục năm rồi, mà tôi cứ nhớ hoài như một bài học bằng vàng. Một vị sư bạn của tôi, lớn tuổi hơn nhiều, đã kể cho tôi nghe một chuyện xảy ra với sư trong một lần đi xe bus ở Sài Gòn, kiểu xe Karosa của Tiệp Khắc có cửa đóng mở bằng hơi và được điều khiển từ chỗ ngồi của tài xế. Hôm đó, xe chật như nêm, sư bạn tôi lên được xe thì mới hay chỗ đứng cũng không còn nói gì chỗ ngồi. Sư đành chịu trận ngay cửa xe. Lát sau, cô nhân viên soát vé thấy có chỗ trống để đón khách vào sâu bên trong, bèn hò hét: Ông thầy phải chừa chỗ cho người ta mở cửa xe chứ. Vị sư bạn tôi lúc đó nhỏ nhẹ: *Tôi bị kẹt ngón tay trong cửa xe cô ơi.* Cô nhân viên hết hồn nhìn lại: *Trời ơi, sao thầy không chịu la lên?* Ông sư bạn tôi ráng cười: *Sắp đến trạm kế rồi, xe sẽ mở cửa. Cảm ơn cô!*

Kể xong câu chuyện, sư cười với tôi: “*Đó cũng là hoằng pháp. Nhiều người khách lúc đó nhìn tôi rồi tôi nghe ai đó xầm xì. Người ta là ông thầy mà!*”.

Tôi rất muốn gọi hai câu chuyện vừa kể là những bài học về Thân giáo. Mà muốn làm được chuyện này, Tăng ni bắt buộc phải có một nội hàm thật vững, thật sâu và cũng xin nhớ giùm một chuyện: Muốn biết đường hành trì hay lợi tha thì phải học trước. Nhưng học cái gì, ta cần có mô hình giáo dục thế nào? Xin trở lại đầu bài.

TOẠI KHANH

cần bút

Áo hạ vàng - Tâm kinh thời đại

Toại Khanh

Nói y như trong kinh thì vạn hữu không gì là ngẫu nhiên. Mỗi cọng râu, ngọn cỏ hay từng con ong, cái kiến thấy đều do nhân duyên mà có. Ai người học Phật đều ít nhiều biết qua chuyện đó. Vậy mà có ai trong số này lại không một lần bất chợt đứng dưới hiên mưa mà bỗng nhiên nhớ về một chuyện xưa cũ càng không hò hẹn. Không phải ngẫu nhiên thì còn là gì nữa. Một câu hát băng quơ nghe được ở đâu đó, một gương mặt hay ánh mắt tình cờ bắt gặp trên đường nhiều khi cũng đủ làm một cái cơ để vực dậy một hồi ức tưởng như chẳng mắc mớ liên can gì hết. Kỳ thực, từng cái xem chừng là ngẫu nhiên ấy cũng là một kiểu nhân duyên khác. Thiếu đi những thứ nhân duyên bất ngờ và đa đoan đó, biết đâu cuộc đời càng buồn thêm. Cuộc đời là một tuồng ảo hoá, khách trầm luân là những diễn viên, chuyện đời từ đó phải cần đến những khía cạnh kịch tính. Chuyện tu học của tôi cũng là một thứ chuyện đời, nghĩa là nó cũng không nằm ngoài nguyên tắc đó.

Hồi nào đầu óc giản đơn, học kinh Phật như một cái máy, cách cảm nhận lời Phật của một cậu bé chỉ đơn giản là chụp lại mọi sự bằng chiếc máy ảnh không biết suy tư. Thấy sao tin vậy, nghe sao hiểu vậy. That's it, no more. Rồi thì một ngày, người ta già hơn, có thể hư đốn hơn, lem luốc hơn, nhưng cách hiểu vấn đề cũng được thay đổi để lời kinh xưa lúc này coi như đã trở thành một nguồn sống sinh động và thấm thía hơn, nếu người ta vẫn chưa bỏ Phật mà đi.



Em qua bóng đồ hiền ngoài
Đàn chim sáo nhỏ vút bay cuối ngàn
Giật mình hạ rớt thên thang
Nở trên nhánh tóc em vàng cánh hoa.

Nắng trong veo, thấu lụa là
Áo em mỏng quá lòng ta gấp ghềnh
Dù là một thoáng lênh đênh
Đã nghe mùa hạ chảy trên phím đàn.

Từ em xỏa tóc sang ngang
Hàng cây nghiêng nón rộn ràng tiễn nhau.
Em mang mùa hạ qua cầu
Ta như khách lạ tìm đâu bóng mình

Bên đời nắng có lung linh
Để em giấu kín chút tình phơi pha
Còn thương góc phố quê nhà
Vàng em áo hạ, buồn ta mưa về.

Hư Vô

Một ngày của tuổi bốn mươi, tôi ngẫu nhiên bắt gặp trong hộp thư email của mình một cái thư lạ. Lạ vì cái Subject của nó, và cũng vì người gửi là một nhân vật kỳ lạ. Chưa biết mặt nhau bao giờ, từ vài tháng nay bỗng nhiên cứ dồn dập gửi cho thiệt nhiều email. Không thăm hỏi gì hết, chỉ ròng những thứ góp nhặt từ muôn phương, để tôi nghe, ngắm và đọc. Chẳng gì ghê gớm, vài ba tấm ảnh lạ, dăm thứ tin tức giật gân, đôi khi là một nhạc khúc. Có cũng vui, không cũng được, dù nhiều khi buồn buồn tôi lại có ý trông. Chiều nay, tôi lại nhận được một cái email của người bạn giấu mặt đó. Một chuyện bình thường nhưng có chút lạ. Nó lạ từ cái chủ đề: Vàng Em Áo Hạ. Cả một thứ tiếng Việt dễ dãi nhất cũng không ai nói năng, viết lách kỳ cục như vậy. Nhưng mà nó lạ, và cứ nghe hay. Gói theo cái email đó là một cái File Video (thơ của Hư Vô, nhạc Phạm Quang Ngọc). Tôi mở ra và bàng hoàng. Cái mà tôi nghe được, xin thề, tuyệt không phải thứ tình ái lãng nhãng mà nhạc khúc đó đang diễn tả. Tôi vừa cảm nhận được cái mà nói bằng ngôn ngữ của ngành Vật Lý hiện đại là Chiều Thứ Tư của Phật Pháp. Một góc cạnh thật mới lạ, tinh khôi, dù thực ra muôn thuở đã là vậy. Mới là mới đối với gã dốt này thôi. Ô hay, tôi tự hỏi mình, sao thiên hạ bây giờ lại không thử dùng cách nói này để nói về Phật chứ, dĩ nhiên nên nghiêm túc hơn một tí là được. Người ta viết nhạc Phật giáo mà cứ như để xua đuổi thiên hạ. Thay vì rêu gọi nhau về dưới chân Phật, người ta lại khiến thiên hạ bỏ chùa mà đi, nhiều khi còn chạy mất cả dép. Ai hồng tin xin cứ kiếm mấy cái CD nhạc đạo nghe thử một lần thì biết. Nhưng đó là chuyện của ai, ở đây tôi chỉ xin nói chuyện mình.

*Em qua, bóng đổ hiên ngoài
Đàn chim sáo nhỏ vút bay cuối ngàn
Giật mình hạ rớt thênh thang
Nở trên nhánh tóc, em vàng cánh hoa.*

Mùa hạ ở đây bỗng dưng là một thứ gì đó có đủ hồn vía hắt hoi, như một sinh vật, không còn là một hiện tượng thiên nhiên nữa. Nó còn ly kỳ hơn, khi đường hoàng hoá thân vào từng cánh hoa phượng vàng, và cùng đưa em vào hạ. Em, hoa vàng và mùa hạ lúc này đã là một. Tôi đã xem, nghe rồi chợt nhớ về một bài học cũ. Toàn bộ cái gọi là thế giới, trong kinh Phật, chỉ là con số 18: Lục Căn, Lục Trần và Lục Thức. Ngoài ra không còn gì nữa. Từ cái hiểu lầm, người ta biết thương ghét và nghĩ ra muôn thứ ảo tượng và đặt cho chúng những tên gọi Chính Trị, Văn Hoá, Khoa Học, Nghệ Thuật, Triết Học, Lịch Sử, Ngôn Ngữ, kể cả Tôn Giáo. Một mớ khái niệm cộng với chút tình cảm ghét thương đã làm nên mọi sự ở đời. Tất thấy những thân sơ thù bạn, ân oán tình thù đều chỉ là những cuộc chơi của người chưa biết mình thực ra là những gì ghép lại. Tôi yêu em, thế là nhìn thấy trong hoa có em, trong em có mùa hạ, và rồi một ngày, cả ba chỉ là một. Để mùa hạ có thể rơi trên tóc người, và màu vàng của hoa đã là một với em. Nhưng như thế đã hết đâu:

*Nắng trong veo...thấu lựa là
Áo em mỏng quá, lòng ta gấp ghềnh
Dù là một thoáng lênh đênh
Đã nghe mùa hạ chảy trên phím đàn
Từ em tóc xỏa sang ngang
Hàng cây nghiêng nón rợn ràng tiễn nhau.*

Thơ hay của thiên hạ tôi đọc cũng nhiều, nên có dốt mấy, cũng có thể bảo rằng bài thơ này chưa phải là tuyệt tác. Có điều lạ lùng, có lẽ đây là lần đầu tiên tôi chịu nghe và đọc một bài thơ tình bằng một tâm cảm đã đời đến vậy. Tôi đã nghe thấy ở đó một bài tâm kinh, nhưng không phải Tâm Kinh Bát Nhã của nhánh Bắc Truyền. Tâm Kinh ở đây là kinh nói về đạo qua ngộ tình và phải được cảm (không phải hiểu) bằng trái tim (không phải óc). Đến nắng ở đây cũng đã được ghép thêm phần hồn. Nó soi thấu lựa là một cách có ý thức, không phải một hiện tượng thiên nhiên. Vì trong nắng bây giờ có gã tình si mê gái đang dỗi nhìn gót sen người đẹp. Thế là hắt xem ánh nắng như một tên đồng lõa. Và nếu vật vô tri có thể trở thành động vật thì ở đây cái phạm tâm của gã tục tử kia cũng

có thể là một vớ trời đất quanh mình để có thể gập ghềnh, triền dốc như mặt đường mà em đang đi trên đó, để sóng dậy đất bằng, để bóng sắc em tuy chẳng ba đào mà vẫn có thể khiến chết đuối người trên cạn mà chơi!

Lục Trần, Lục Thức, Lục Căn ở đây đã phỏ vào nhau đến tận tuyệt. Mùa hạ đã là cái tâm cái tình của gã tục tử để góp mặt hết mình vào cuộc chơi. Nó len vào từng nốt nhạc trên dây đàn và trong cõi âm thanh đó, những hàng cây kia bỗng dựng là những khách mời, những chứng nhân cho một cuộc tình vỡ giữa chiều nắng hạ. Tôi lại nhớ hai câu thơ của Trần Dạ Từ: Lần đầu ta ghé môi hôn, mấy con ve nhỏ hết hồn kêu vang. Bao nhiêu Uẩn Xứ Giới Để có rảnh thì đều cùng về tham dự hết. Rồi thì:

*Em mang mùa hạ qua cầu
Ta như khách lạ tìm đâu bóng mình
Bên đời có nắng lung linh
Để em giấu kín chút tình phơi pha
Còn thương góc phố quê nhà
Vàng em áo hạ, buồn ta mưa về...*

Như trên đã thưa, mùa hạ bây giờ đã được chuyển thể (transform) để có thể theo em qua cầu bỏ lại một thằng khờ sau lưng. Em và mùa hạ đã là một, em đi rồi mùa hạ cũng đi. Và cả ánh nắng mùa hạ nữa, nó cũng tham dự vào nỗi chia xa của chúng ta. Và không phải chỉ hôm nay, đến bao giờ em còn là một cố nhân chưa quên nỗi thì cứ thấy nắng hạ hoa vàng thì tôi sẽ thấy em về, như từ bây giờ, những cơn mưa với nỗi buồn của tôi sẽ mãi mãi là một. Trong ngôn ngữ lòng tôi từ giờ sẽ mãi hoài động lại hai cụm từ ghép không thể tách rời: Vàng Em Áo Hạ và Buồn Tôi Mưa Về. Nhưng đâu phải chỉ một mình tôi ngớ ngẩn đến vậy, hồi xưa còn sống, ông Nguyễn Sa cũng hơn một lần mơ hồ như thế vào một thuở yêu người:

*Áo nàng vàng, anh về yêu hoa cúc
Áo nàng xanh, anh mến lá sân trường!*

Là vậy đó. Gì cũng là một cuộc chơi. Và, dầu chong đèn thức trăm năm, người sinh tử vẫn mãi nằm chiêm bao!

Santosa, 11/27/08

Toại Khanh

ĐẠO KHẢ ĐẠO PHI THƯỜNG ĐẠO

Toại Khanh

Nên đọc nhiều sách, nhưng nếu không biết lựa sách để đọc thì đọc cả đời cũng vô công. Xin nhớ giùm, thời gian ta có không nhiều, mà thứ không đáng đọc, phải tính bằng số triệu.

Quen biết nhiều thì tốt, nhưng không biết lựa bạn lành thì coi như trao thân nhầm chỗ.

Ăn gì cũng thấy ngon miệng có thể nói là chuyện tốt, nhưng gặp gì cũng ăn thì là chuyện xấu.

Đi nhiều chưa hẳn là xấu, nhưng đi không có mục đích đàng hoàng chỉ là lang thang trôi dạt: Phí tiền, phí sức, phí thời gian, phí đủ thứ.

Giai đoạn tu học nào cũng tốt, nhưng một khi dừng lại để tâm đắc với nó thì coi như tiêu tùng. Giới luật, thiền định, tri kiến,... đều vậy cả.

Yêu nước không tệ, nhưng đi theo chủ nghĩa dân tộc cực đoan (Ultra-nationalism) thì lập tức không xài được.

Bớt ngủ nghỉ thì tuyệt, nhưng bệnh mất ngủ thì tuyệt không nên có.

Phật giáo không có chùa chiền thì tứ chúng sinh hoạt thế nào, nhưng coi nặng chùa chiền hơn việc đào tạo nhân sự tài đức thì hỏng.

Không có tin nữ thì Tăng ni có mà chết, nhưng để họ ngồi hăn chiếu trên thì coi chừng loạn.

Bài xích hay chống đối tôn giáo khác là chuyện không nên, nhưng nên lưu ý việc họ cải đạo các Phật tử. Họ giỏi hay ta dở? Vấn đề không phải là sự tranh giành, mà là nhiều chuyện khác.

Muốn giữ nước hay giữ đạo đều không thể bỏ qua mấy điều này: Có lý thuyết ngon lành nhưng thiếu hành động thì chỉ là đánh trận trong mơ. Có hành động nhưng thiếu một lý thuyết ngon lành thì chỉ là cò lau tập trận.

Chỉ vì khoái mùi vị máu thịt mà ăn mặn là gieo chủng tử loài ăn thịt sống. Chỉ biết cắm cổ ăn chay mà không biết gì hơn, là gieo chủng tử loài ăn cỏ. Thực đơn (Menu) trong đầu quan trọng hơn trên bàn ăn.

Chỉ biết lo sợ thân mà không màng gì ngoài ra, dù trong đạo hay ngoài đời, chỉ là trẻ con. Biết mà không dám bày tỏ, là người câm. Có người bày tỏ mà mình vẫn không màng, đó là người điếc. Nghe bày tỏ mà không nhận thức nổi vấn đề, đích thị người điên. Biết mà không hành động, hẳn là người bại liệt.

Những kẻ chống đối này nọ thường mang trong máu những thứ mà họ đang chống đối. Chống độc tài nhưng khoái bá quyền; chống mê tín trong khi mình cuồng tín; chống Tư bản khi mình vẫn thích tư hữu ích kỷ; chống Cộng sản khi mình tham, ác, dốt, dối đủ cả.

Mê đắm trong ngũ dục là luân hồi kiêu hạ cấp, mê đắm thiền định là luân hồi kiêu cao sang, tu Quán mà chưa thật sự chán sợ sinh tử thì coi chừng Tăng Thượng Mạn (adhimāna), tức còn hơi sức để soi gương trong ngôi nhà đang cháy.

Không biết gì để nói, là dốt. Nói quá chỗ biết của mình là phét. Nói không kiểm chứng là ầu. Biết không cần thiết mà vẫn nói là nhảm. Biết điều cần thiết mà không nói là hiểm.

Biết mình là thượng đế của mình chắc chắn dễ sống hơn là tin rằng mình được ai đó an bày mọi thứ. Thật lạ khi không hiểm kẻ trí thức vẫn cứ chọn cách nhận thức thứ hai. Rõ ràng nhận thức về tính Vô Ngã giúp ta thanh thản hơn sự tin tưởng vào một cái gì đó. Nhưng cũng là lạ khi phần lớn thiên hạ cứ sợ mình bị mất.

Nhiều người cứ tưởng lúc NHẬN vui hơn lúc CHO, nhưng nằm nghĩ lại đi, hình như phải thấy ngược lại mới đúng. Hiếm có món quà nào có thể khiến ta vui suốt mấy chục năm, nhưng một nghĩa cử đẹp ta trao ra lần nào đó sẽ khiến ta vui hoài không chán.

Ai cũng tưởng đồng người chung quanh sẽ vui hơn sự cô độc. Nhưng kỳ thực, sự lẻ loi hiếm khi làm khổ ta như sự chung đụng. Ngồi ngó bóng mình trên vách lâu ngày sẽ nghiện chứ chẳng chơi!

Cái gì dễ được cũng dễ mất. Tình, tiền hay chuyện tu tập đều như thế.

Cứ tưởng có một căn phòng riêng tĩnh mịch để sống tâm linh gì đó thiệt cao siêu, ai ngờ lúc có rồi cứ ngại bước vào, hoặc có vào cũng chỉ để nằm nghĩ vẩn vơ một lát rồi ngủ là nhiều.

Tình cảm là mật đắng, không phải mật ngọt. Có điều nó thơm và đẹp. Nhưng khôn hồn đừng chạm vào. Ai biết chữ Tình bằng cả lục căn thì chỉ có chết!

Nhiều người cứ tưởng mình thông minh hay trí thức, nhưng thực ra đời sống của họ rất dễ bị ảnh hưởng bởi nhiều thứ: Chuyện lớn có thể là cuộc bầu cử ở Mỹ, đại hội Đảng của Trung Cộng; và nhỏ hơn, có thể chỉ là điệu nhảy Gangnam Style của anh chàng Park Jae Sang thoát nhảy ra từ bóng tối.

Có viết đến ngàn năm nữa cũng không hết được điều muốn nói, tôi bỗng dưng muốn kết thúc bài viết bằng một câu nói của Edith Sitwell, một nhà thơ người Anh (1887-1964): *I am patient with stupidity but not with those who are proud of it.* Tạm dịch là: *Thằng ngu thì tôi còn gượng chịu đựng được, chứ đũa kiêu ngạo với cái ngu của mình thì tôi bỏ tay!*

TOẠI KHANH

CÔI TÂM THỨC

Toại Khanh

Hơn ba mươi năm trời, vì vận nước, hàng triệu người Việt đã xa xứ và khi đã được ổn định ở xứ người, như đã hẹn, ai về nhà nấy. Nhà ở đây là tín ngưỡng, tư tưởng, chính kiến, văn hóa và dĩ nhiên là cả tình cảm. Con chiên tiếp tục thờ Chúa, Phật tử tiếp tục thờ Phật, kẻ mê cổ nhạc thì tiếp tục khoái vọng cổ, người mê tân nhạc thì tiếp tục yêu những dòng nhạc mới. Dầu mỗi người một cách riêng, nhưng chung quy, ai cũng cứ lần theo lối cũ mà về. Một ngày đầu mùa mưa, có người quen hỏi tôi có phải Phật giáo sẽ lụi tàn trên đất Mỹ sau khi những thế hệ lớn tuổi ra đi, vì tuổi trẻ Việt Nam ở các nước Âu Mỹ bây giờ không cách gì gần gũi được với Phật pháp.

Trong môi trường văn hóa Tây phương, việc cầu đạo giải thoát theo quan điểm Phật giáo khó là một nhu cầu quan trọng. Anh phải nhìn ngắm thế giới này từ một góc độ nào đó thiệt Đông phương, qua một kiểu tiếp cận nào đó thiệt Á Châu, mới thấy được con đường suy tư mà Phật đã đề nghị. Tôi không nói là Tây phương giàu có rồi biếng tu, ngay đến những người nghèo khó trong mấy khu ổ chuột ở Nam Mỹ cũng vậy. Văn hóa Cơ-đốc và hệ thống xã hội (bao gồm nhiều khía cạnh như giáo dục, kiến trúc, thương mại,...) đã dẫn người ta về một góc nhìn khác, rất xa lạ với cái gọi là tâm thức Phật giáo. Tâm thức đó rất cần đến một bối cảnh tương thích, và chính hạnh nghiệp của mỗi người đã đưa ta về một góc trời riêng để có thể sẵn sàng cho một cách nghĩ và kiểu sống nào đó!

Hãy đọc sách Âu Mỹ về Phật giáo, và nếu được, khi tiếp xúc với những người Tây phương có cảm tình với Phật giáo hãy để ý xem, họ xem Phật pháp như một thứ kiến thức thú vị kiểu Yoga của Ấn, Khí công của Tàu, hay cao siêu một tí thì cũng như Kinh Dịch của Tàu, Veda của Ấn. Nghĩa là biết được thì tốt, không biết cũng chẳng sao. Thậm chí những người da trắng có đi xuất gia làm Tăng ni Phật giáo thì cũng có một kiểu học hiểu Phật pháp rất Tây phương. Họ bài bản nhưng máy móc, và như vậy thì gần như không có chỗ cho những nhận thức đột phá. Họ liên tục bị gò bó trói buộc trong những công thức, nguyên tắc. Họ phân tích giáo lý theo cách mổ xẻ một chiếc xe hơi. Chân lý nào lọt vào não trạng của họ cũng vuông vắn, ngăn nắp, trật tự và lạnh ngắt như những khối thép. Tôi vẫn nghĩ người Tây phương nói chung, khó mà hình dung được cái gọi là tâm thức Phật giáo ở những người Tây Tạng hay Miến Điện chứ khoan nói đến những bậc thánh Đông phương thứ thiệt!

Không biết tôi có quá đáng chăng khi cho rằng phải biết tới mấy thứ Bonsai, Sushi, Sake, Ikebana, Origami kiểu Nhật mới hiểu người Nhật; phải biết xì-dầu, bánh bao, lẩu hủ thối mới hiểu Tàu; và phải biết ít nhiều về món cà-ri và Yoga mới hiểu Ấn Độ.

Nhiều lúc mất ngủ nằm ngẫm ngợi một mình giữa phòng khuya, tôi chợt thấy ra nhiều chuyện lạ. Chỉ có thứ tâm thức kiểu Châu Á mới là đất sống cho Cơ-đốc giáo, dù món đó là sản phẩm của Tây phương. Có thể vài trăm năm nữa, Chúa chỉ tồn tại ở Châu Á, Châu

Phi. Điều kiện kinh tế chỉ là một phần lý do. Người Tây phương không thể cuồng tín kiểu Đông phương, chưa kể những người lợi dụng Chúa cho lý do chính trị hơn là thờ Chúa vì lý tưởng tôn giáo. Các tôn giáo và chính kiến khác cũng thế, cái nào cũng cần đến những mảnh đất thích hợp. Chẳng hạn dù có mộ Phật đến mấy, tâm thức Việt Nam khó mà chịu được Phật giáo Nguyên thủy. Bên cạnh niềm tự hào xem mình là dân tộc lớn rồi xem Khmer, Thái Lan là nhược tiểu kém văn minh, ta còn nhiều lý do văn hóa tâm linh khác để từ chối ngồi lại giở xem từng trang bối diệp mà người ta đã theo đó tu học mấy ngàn năm qua... Người Việt ta có vẻ không chuộng được những tờ lá bối viết chữ theo chiều ngang, chỉ yêu vì những thẻ tre viết chữ theo chiều dọc. Một Thượng tọa Bắc truyền từng có bằng tiến sĩ Ấn Độ đã cho tôi biết một chuyện thú vị khác. Những Pháp Hoa, Duy-ma của Phật giáo Bắc truyền đều có nguồn gốc từ Ấn Độ, nhưng kỳ thực đó chỉ là những cuộc chơi tư tưởng trong một giai đoạn lịch sử. Trong thế giới tư tưởng của người Ấn hôm nay, những suy diễn nọ kia trong giáo nghĩa Bắc truyền ngày nào, giờ không còn độc đáo ly kỳ nữa. Nếu phải trở về với Phật giáo, người Ấn hiện đại chỉ có thể quay lại với kinh điển Pāli. Vai trò lịch sử của những giáo nghĩa hậu thời đã không còn nữa. Ấy vậy mà ở các xứ Tàu, Nhật, Hàn, Việt thiên hạ tiếp tục miệt mài với trò chơi mà người ta đã chối bỏ. Một số quốc gia Nam Mỹ và cả Ấn Độ hôm nay vẫn đang dật mộng dựng xây một xã hội thiên đường nào đó... Mỗi lần đọc tin về mấy nhóm Maoist ở Nam Mỹ hay Nepal, Ấn Độ thì tôi lại rùng mình.

Những gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đều có thể ảnh hưởng sâu đậm đến tâm trạng của ta, và tùy theo căn cơ bản thân mà mỗi người lại cũng có một nhận thức khác nhau về chuyện đời. Một người trầm tĩnh đến mấy mà phải ngồi trong một không gian tràn ngập những tia sáng chớp giật và một biển âm thanh om sòm náo nhiệt, thì khó mà không có những khoảnh khắc quên mình để cùng tham dự vào bối cảnh tưng bừng đó. Từ những tâm cảnh khác nhau, ta có những suy nghĩ, những quyết định khác nhau. Tôi muốn gọi đó là hành trang tâm thức.



Chùa Pháp Vân, TP. Pomona, bang California

Viết lan man, tôi ngẫu nhiên nhớ về một chuyện thú vị. Thì ra mấy ngôi chùa Nam tông của người Việt ở Mỹ cũng là một minh họa cho những điều tôi vừa thưa. Đó là một Pháp Vân ở California qua mấy chục năm trời vẫn giữ nguyên cái hơi hướng của một ngôi chùa Việt Nam trong nước với dãy cột mái liền mái và vách liền vách như để nối liền cái đạo tình cần có của một tăng chúng đồng trú. Khuôn sân nằm giữa chùa cứ làm người ta nghĩ đến những trang viện hay một kiểu gia trang tam đại đồng đường của những gia tộc Hoa-Việt truyền thống. Kiểu chùa cũng là cách thể hiện tâm tình của Hòa thượng viện chủ, một người vẫn nặng tình với huynh đệ, coi trọng chuyện họp mặt thân tình hơn cả việc chăm chút vẻ ngoài của ngôi chùa. Đó cũng là một Thích-ca Thiền Viện, cũng ở California, đáng xem là chôn già-lam kiểu mẫu với một vườn tượng đá trắng hoành tráng và những lương đình u nhã thiền vị với từng khóm hoa bụi kiểng được coi sóc từng tác vuông, phản ánh phần nào cái cõi tâm thức gần gũi và bài bản của vị phương trượng là một thiền sư nức tiếng. Đó cũng là một ngôi phạm vũ Liên Hoa ở Irvin, Dallas của Hòa thượng phó tăng thống đường hoàng một cõi với dãy lầu thanh thang, đáng mặt một trụ sở hành chính. Nhìn cảnh thấy người là vậy. Ngài viện chủ nghiêm túc nhưng hiếu khách, đường bộ nhưng nhẹ nhàng. Đó là một tông lâm Đạo Quang ở Arlington, Dallas dễ khiến người ta nhớ về những tự viện ở Bangkok, gần như không màng tới những làn ranh giữa đạo với đời. Với tâm tình nào anh cũng có thể ghé lại đó: Tu niệm cũng tốt, tham quan không tệ, khoái chuyện bái sám lễ nghi càng hay. Chùa có một rừng tượng đá và phù điêu

có lẽ phong phú nhất nhì xứ Mỹ. Tôi đã nhìn thấy chân dung của ngài viện chủ qua vẻ ngoài của ngôi tự viện: Dấn thân, xuê xoa và rất tâm linh.



Chùa Hương Đạo, TP. Fort Worth bang Texas

Đó cũng là một Hương Đạo ở Fort Worth đẹp như tên chùa. Nhiều năm chưa có dịp về lại, giờ nhìn thấy hình ảnh trên Internet tôi nghĩ mình đã không lâu khi từng có những cảm nhận về Thượng tọa phương trượng ở đây. Chùa ở Mỹ mà tôi vẫn nghe thấy ở đó cái hồn hậu của một quê xa. Tôi như nếm được ở đó cái vị ngọt của một giếng nước đá ong nằm cạnh một rào trúc và giàn mướp hoa vàng, dầu kinh phí xây dựng ngôi đại tự này hiện đã không dưới một triệu Mỹ kim. Một chút tâm tư của thầy trụ trì đã bày ra đó. Người Nam Bộ mà yêu xứ Huế đến nồng nàn. Cái tâm Huế và tình Huế đã thổi vào kiến trúc chùa những dáng dấp đó.

Đó là một Bửu Môn ở Port Arthur ngan ngát tím một rừng sen bên cạnh bóng mát đồ dài của một ngôi đại viện trầm mặc một màu gạch đỏ nhuộm tí rêu phong.



Chùa Bửu Môn, Port Arthur, bang Texas

Nhiều lần về thăm nơi đây, tôi cứ tần ngần ở ngõ vào vì mãi ngẩn ngơ với những dây hoa leo và từng bụi tre ngà kéo kẹt trong gió trưa. Thương lắm, đó là cả một cõi tâm cõi tình

chân chất của một người con xứ Quảng là Hòa thượng trụ trì. Lòng ngài như cây trúc, tiết trực tâm hư, nghĩ sao nói vậy, lắm lúc trực ngôn nhưng cái đạo tình thì thâm hậu vô bờ. Đó cũng là một Pháp Luân ở Houston với nhiều nét đặc thù: Kiến trúc đẹp nhưng rõ ràng cho người đi nhiều hơn kẻ ở.



Chùa Pháp Luân, TP.Houston bang Texas

Thầy phương trượng vốn người tám cõi nên ai ghé chùa cũng dễ thấy bàng bạc đây kia cái bóng dáng của muôn phương. Một chút hoa văn rất Á nhưng cứ làm người ta nghĩ đến một cõi La Hy ngàn trùng nào đó. Versace của Ý hay Spode của Hi Lạp? Một bệ thờ, một mái chùa chút nọ chút kia gom hết những nét riêng của Thái hay một Bhutan, Tây Tạng nào đó. Thầy phương trượng đi muôn phương và mang theo về cả những cơn gió lạ tự nghìn trùng. Thầy về rồi thì lại đi. Chùa từ đó như một tự viện trên Con Đường Tơ Lụa – gạch nối Đông-Tây, để kẻ về thăm hay người thường trụ đều có thể tự cho mình cái quyền tham dự bầu không khí chẳng ai là chủ. Chùa cũng là một trang kinh. Và độc đáo một nét riêng, có lẽ là chốn đạo tràng Phật pháp ở Saint Petersburg, Florida, một bang duyên hải thơ mộng nhất nhì Hoa Kỳ. Nhiều người chưa biết chùa, hỏi tôi, tôi vẫn trả lời bằng một cách nói dễ hiểu lắm. Đó là một kiểu chùa lộn ruột, những thứ hay nhất đẹp nhất hầu như đều nằm cả ngoài sân. Đó cũng là phong cách sống của thầy trụ trì chẳng, trải lòng ra mà sống với người. Chùa mới và nghèo nhưng cái đồ ra cho người xa luôn là phần lớn. Có lẽ nhờ vậy, dù tăng thường trụ chỉ có vài ba, nhưng bán thường trụ thì cứ cần là có, không sao đếm hết.

Đêm qua, tôi có một giấc mơ lạ lùng và đẹp. Tôi thấy mình lạc bước vào một khu vườn bỏ hoang ở đâu đó, nơi có hàng ngàn bức tượng những vị tỷ-kheo ngồi quanh một pho tượng Phật thật lớn. Tượng nào cũng rêu phong, và đặc biệt nhất là mỗi tượng một nét mặt, không tượng nào giống tượng nào. Tôi giật mình tỉnh giấc giữa đêm và nhớ về khu Bình Mã Dững ở Thiểm Tây, Trung Quốc, nơi có những bức tượng lính đất nung của vua Tần. Tôi ngậm ngùi tự hỏi biết đâu ở một nơi nào đó, dưới lòng đất hay trên núi

cao, Phật giáo cũng có một vườn tượng mênh mông như thế với những bức tượng của 1250 tỷ-kheo từng theo hầu Phật ngày xưa.

Ngoại cảnh là biểu tượng của nội tâm, nội tâm chính là chân dung của mỗi con người. Cõi đất nội tâm chính là nơi chốn anh sống và suy tư bằng chính những gì anh vẫn là!

TOẠI KHANH

MỘT VÒNG TAY CHO THANH TẠNG

Toại Khanh



Tôi là một người có đến 1001 lý do để không thể và không nên trở thành một tay du lịch chuyên nghiệp, nhưng thiết tình trong bụng vẫn tự nhủ sẽ tìm dịp thăm viếng một vài nơi trước khi giũ sạch những giấc mơ xê dịch, để yên lòng lên non tìm động hoa vàng nào đó mà đánh giấc thiên thu. Một trong những nơi chốn mộng mơ đó chính là Machu Picchu ở tận xứ Peru. Chỉ là một di tích rêu phong, cũ kỹ thôi, nhưng nó có thể được coi là một Angkor hay Bình Mã Dững ở Nam Mỹ.

Tôi biết đến địa danh này qua một bài viết trên Internet có tựa đề *1000 Places-To-See-Before-You-Die*, giới thiệu những nơi chốn đáng viếng trong một đời người phù vân. Tôi đã bàng hoàng khi ngắm qua mấy chục tấm ảnh chụp ở Machu Picchu để lại giật mình khi được biết rằng nó sờ dĩ còn nguyên vẹn như vậy là nhờ toạ lạc ở một vị trí cực kỳ hẻo lánh, nằm ngoài khu vực đi lại của những người Tây Ban Nha thực dân mấy thế kỷ trước, tránh được chuyện bị họ đào xới tìm vàng. Theo các sử liệu, công trình này được người Inca thực hiện vào khoảng năm 1450, hơn một thế kỷ trước khi thực dân Tây Ban Nha (conquistador) tìm sang Nam Mỹ và lật tung thế giới của người Inca để moi vàng rồi thiêu hủy gần như trọn vẹn nền văn minh rực rỡ của họ. Theo tôi, nếu chẳng kể đến lĩnh vực minh triết, nền văn minh Inca đáng được xếp vào vài ba chiếc nôi văn minh đáng nể nhất của trái đất xưa giờ.

Tôi dĩ nhiên chẳng có nhiều thời gian hay kiến thức để nói nhiều về một di tích du lịch nào hết, nhưng câu chuyện về Machu Picchu cứ khiến tôi suy nghĩ nhiều về vài điều liên tưởng. Vì sao Machu Picchu không bị giày xéo? Phải chăng mọi thứ trên đời đôi lúc cũng cần đến những bối cảnh thích hợp để tự bảo toàn. Ở đây tôi muốn dùng chữ Cõi Riêng. Có phải đó cũng là lý do ngày xưa đức Phật đã từng đề nghị các đệ tử của Ngài đừng tung tăng trong Ma Giới, chỉ nên vắng lai trong cảnh giới Chánh Pháp. Một bước rong chơi sa đà là khó có dịp quay đầu. Xưa nay biết bao người đã chết thảm chỉ vì bắt chước thiên hạ nói năng kiêu thánh hiền như *cư trần bất nhiễm*, hay vào *địa ngục cứu người* rồi thì an lòng lẫn xả vào tục lụy ngay khi chưa kịp có đủ khả năng tự vệ. Tôi nhớ báo chí trong nước khi nói về sự cố sập cầu ở Cần Thơ năm ngoái, đã cho hay hai nhịp cầu khổng lồ kia bị đổ chỉ vì giàn giáo quá yếu không chịu nổi sức nặng hàng ngàn tấn của phần bê-tông chưa kịp khô, chưa đủ cứng.



Từ hơn một năm nay, gần như toàn bộ các nguồn thông tin của Trung Quốc đều đổ dồn một phía để đánh bóng sự kiện Olympic vào tháng 8 năm 2008. Ai có thường theo dõi CCTV9 của Trung Quốc hẳn đã thấy như vậy. Người ta đã bằng mọi cách kích thích sự chú ý của thiên hạ bằng những quảng cáo rầm rộ và chuyên nghiệp. Vậy mà chỉ trong non một tuần nay, hào quang của Olympic Bắc Kinh 2008 đã có nguy cơ bị đẩy lùi sau một loạt tin tức về những cuộc biểu tình đẫm máu ở Tây Tạng, và hôm qua, làn sóng xuống đường đã lan rộng đến Tứ Xuyên, nơi có một phần lãnh thổ của Tây Tạng ngày trước. Tôi đã bàng hoàng khi nhìn thấy trên TV, rồi youtube, trên internet, những hình ảnh đổ máu của người dân Tây

Tạng trong mấy ngày qua. Ai khổ tôi cũng thương, nhưng ở đây, còn có thêm một chút tình đồng đạo. Dân tộc đang lâm nạn kia cũng là những người thờ Phật như tôi.

So với những chủ nhân của nền văn minh Inca ở Mỹ Châu mà tôi vừa nhắc ở trên, dân Tây Tạng có nhiều điểm đồng dị rất đáng lưu ý. Cũng đều có một lãnh thổ nằm xa khuất cuối trời, cách ly hẳn những miền đất ồn ào nhất của hành tinh. Cả hai đều sở hữu một nền văn hóa độc đáo và hiện nay, cả hai đều bị thôn tính. Đó là những điểm giống nhau. Còn về chỗ khác nhau? Dấu vết còn lại của nền văn minh Inca bây giờ có lẽ chỉ là cái di tích Machu Pichu đáng gọi là kỳ quan kia. Trong khi đó, người Tây Tạng hình như có may mắn hơn một chút. Ngoài 6000 tự viện bị thiêu hủy sau năm 1959 với hàng trăm ngàn tu sĩ bị giết chết, họ đã kịp có một cuộc di tản đáng nể: Người thủ lãnh tâm linh của họ là đức Đạt-lai Lạt-ma vẫn còn đó ở xứ người với một chính phủ lưu vong, và bước chân hoằng pháp của tăng sĩ Tây Tạng cũng đã theo đời lưu lạc của họ mà in dấu khắp mọi châu lục, thậm chí thành công hơn cả Tăng ni Việt Nam hải ngoại. Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó một ý kiến rằng việc Trung Quốc đánh chiếm Tây Tạng không hẳn là cái họa cho xứ sở này. Tôi không dám có ý kiến trong chuyện đó, chỉ thấy rằng quốc vận của Tây Tạng đã cho tôi nhiều bài học vô giá. Và một trong số đó chính là cái ý tưởng mà tôi đã nêu ở phần đầu của bài viết này.

Người Tây Tạng nhờ có một vị trí địa dư hẻo lánh, nên đã được an toàn trong một thời gian dài. Trong khi Trung Hoa hùng mạnh là vậy mà từ ngàn xưa vẫn phải liên tục khổ ải với các dân tộc láng giềng phía Bắc. Thử đến, với kiểu hành trì khép kín của Phật giáo Tạng Truyền, đạo Phật của người Tây Tạng tuy không phải là nguyên thủy so với thời Phật, nhưng xưa giờ vẫn không có nhiều lắm những xáo trộn biến tướng so với thời kỳ của các ngài Atisa, Padmasambhava, Marpa, Naropa, Milarepa... Thậm chí đến tận hôm nay, có lưu lạc ở đâu, Phật giáo Tây Tạng gần như vẫn giữ lại được hầu hết những nét riêng xưa giờ của mình. Có thể nói đó cũng là sự thành công đáng nể của dân tộc vong quốc này.

Tâm điểm của bài viết này chỉ quanh quẩn một ý: Dầu có phải tiếp cận với thiên hạ để phát triển và học hỏi, anh phải có một góc riêng để mà quay về. Bởi ăn nhờ ở đậu trên chỗ của người khác thì không làm sao lâu bền được. Và phương trời riêng tư đó của anh chỉ có thể an toàn vững chắc khi chính anh có được khả năng tự cố. Người còn của còn, người mất thì của cũng mất. Dân Inca hôm nay chỉ còn lại một di tích vật chất, thế là trang sử vàng của nền văn minh đó chỉ còn chờ ngày mục rã. Ở người Tây Tạng thì tình hình có khác. Cái họ giữ được không chỉ là những gì có thể sờ chạm. Cõi riêng của họ sâu thẳm hơn nhiều. Thậm chí nếu cả cao nguyên Thanh Tạng có biến mất như một làn khói, thì dấu vết của người Tây Tạng và Phật giáo xứ này còn có biết bao nhiêu là những vùng đất mênh mông để tiếp tục tồn tại. Đời sống, rồi cuộc tu của mỗi cá nhân hình như cũng vậy: Anh phải có được một cõi riêng thật sự là máu thịt của mình, để mai này trời

có sập xuống, thì anh vẫn cứ thanh thản tự tại. Trong hoàn cảnh nào, màu áo nào, anh vẫn tiếp tục là một hành giả, một Bồ-tát, một Vô Vị Chân Nhân.



Chiều nay tôi vào www.flickr.com như một thói quen những khi mệt mỏi. Và thật ngẫu nhiên tôi đánh chữ Tibetan Monk để rồi bất gặp mấy tấm ảnh nhìn qua mà cứ nao lòng. Một khoảng trời xanh ngắt in đậm đỉnh núi tuyết cao ngất đầu đóthật xa, và đôi ba nhà sư Tây Tạng bên con đường mòn chân núi đang ngồi nhìn về cuối trời, như vẫn chờ đợi mỗi mòn một ngày về xa xôi của dân tộc. Họ bây giờ mất hết rồi. Một vùng đất cao nguyên với những hồ nước trong xanh ngàn đời, những thảo nguyên bốn mùa lộng gió, những tu viện rì rầm tiếng kinh cầu, những lối mòn chân núi vàng rực với màu vàng hoa cải, những đoàn du mục lâu rồi không biết gì đến chiến chinh... Không còn gì nữa. Họ đã im lặng suốt nửa thế kỷ, và mấy ngày qua, niềm im lặng đó đã tràn bờ và cái giá mà họ phải trả sao mà đắt. Máu họ đã chảy, họ đã ngã xuống cho một lối về của quê hương. Quê hương vẫn nghìn trùng, và họ thì lại phải đi xa ngay lúc này. Phải rồi, với họ, cái chết chỉ là một cuộc đi xa. Viết tới đây tôi lại nhớ đến một đoạn phim buồn trên youtube. Một người Tây Tạng bị bắt đứng úp mặt vào bức tường tu viện, và cảnh sát Trung Quốc đã nổ súng. Làn khói súng tan đi, xác người Tây Tạng ngã vật xuống, và vết máu trên vách tường nơi anh vừa đứng đã ngẫu nhiên đọng lại một chữ VĂN (文) trong Hán Ngữ, chữ Văn viết theo lối cách điệu và đã được chọn làm biểu tượng cho Olympic Bắc Kinh 2008!

Bài viết này như một lời nguyện cầu, một vòng tay hướng về cao nguyên Thanh Tạng, nơi có hàng triệu trái tim đang có cùng một giấc mơ...

TOẠI KHANH

BẢN TÌNH CA DUY NHẤT TRONG KINH ĐIỂN Pāli

Toại Khanh

Mãi đến tận giờ, có lẽ ít người ngờ rằng Hòa thượng Thích Minh Châu ngoài phong cách một học giả có văn phong cổ kính, nghiêm túc và khô khan nhất trong làng Phật giáo Việt Nam, còn là một ngòi bút tân kỳ và thơ mộng đáng bậc thầy của không riêng Phật

giáo. Tác phẩm **Trước Sự Nô Lệ Của Con Người**, xuất bản giữa thập niên 1960 đã chứng minh điều đó. Nhưng vẫn chưa hết, cái duyên ngầm trong chữ nghĩa của Hòa thượng càng kinh người hơn khi ta có dịp so sánh các bài kệ trong bản dịch Kinh Tạng với nguyên tác Pāli hay qua bản dịch tiếng Anh. Từng chữ trong lời Việt của Hòa thượng cứ như một hòn giả sơn tái hiện tận lực cái không khí cổ phong của một thứ ngôn ngữ của ngàn năm trước. Giữ lại cái hồn của một tiếng nói thiên cổ đã khó, trung thành được với ngôn phong ngữ khí của một bậc đại thánh như đức Phật lại càng thiên nan vạn nan. Dĩ nhiên không phải ai cũng làm được việc đó.

Có bản dịch kinh văn cổ tự chuốt cái phong vận bác học, đọc xong cứ tưởng đó là lời thuyết giảng của một giáo sư Tây phương vừa mới phát biểu trong một giảng đường đại học ngày hôm qua. Có bản dịch gượng gạo, tàn khuyết như lời lảm nhảm của ông đạo khoai, đạo chuối nào đó. Và dường như chỉ có bản dịch tài hoa và tâm huyết như của Hòa thượng Thích Minh Châu mới đủ khiến người đọc có được cùng lúc hai cảm giác thành kính và mát ruột. Thành kính vì qua đó cứ như nghe được cả giọng nói Phạm Âm của đức Phật và mát ruột vì độc giả cứ mơ hồ thấy ra một phương trời Cổ Ấn thái bình thanh trị có bấy nai hiền tung tăng giữa một cánh rừng trụ xứ của các bậc Sa-môn hiền thánh. Từng trang kinh lúc này đã ra một đạo tràng tinh khiết chẳng nặng mùi khói nhang tín ngưỡng của đời mạt pháp.

Nói quanh quẩn chỉ để thưa rằng tôi đã yêu mê lời dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu qua các bộ Kinh Tạng tiếng Việt. Và nếu ngay bây giờ phải trưng dẫn vài ba trong vô số lời dịch trác tuyệt kia, tôi có thể kể ngay ba bài kệ mà tôi đã thuộc nằm lòng. Đó là kệ Nhất Dạ Hiền Giả trong Trung Bộ tập 3, kệ kết thúc bài kinh Ratthapāla trong Trung Bộ II và bản tình ca duy nhất của kinh điển Pāli trong bài kinh Đế Thích Sở Vấn của Trường Bộ III (đều là các bản in trước 1975).

Chuyện bắt đầu từ một ngày thiên vương Đế Thích chợt nhận ra mình không còn sống được bao lâu nữa. Ngài cảm thấy bất an và người đầu tiên ngài nghĩ đến chính là đức Phật, lúc đó đang tại thế. Thiên vương xuống trần hầu Phật và cùng đi với ngài là một vị tiên ngoan đồng tên Pañcasikhā. Gọi là ngoan đồng vì vị này có ngoại hình như một tiên đồng kháu khỉnh, trên đầu có năm chòm tóc đào, lý do của ngoại hiệu Pañcasikhā. Sớ ghi dưới thời Phật Ca-diếp vị này từng là một cậu bé chăn bò có lòng kính tin Tam Bảo, độ trì chúng tăng. Nhờ công đức đó mà cậu bé kia được sanh thiên, nhưng vẫn chưa bỏ tính ham chơi. Tập khí trẻ con đã tạo cho vị tiên cái nhân dáng đứng như ý thích. Điều trớ trêu là lòng phàm trước sau gì cũng vương lụy, chàng đã trộm yêu một tiên nữ tên Suriyavacasā, con gái của một đại lực tiên ông tên Timbaru, người chưởng quản làng ca vũ nhạc kịch của Đạo Lợi Thiên. Oái oăm thay, người trong mộng của Suriyavacasā không phải là chàng Pañcasikhā giống hệt trẻ con. Nàng đã phải lòng cậu con trai của tiên ông Mātali, người đánh xe cho thiên vương Đế Thích.

Đau đớn quá, Pañcasikhā âm thầm một cõi đi về và sáng tác một nhạc khúc để hát cho riêng mình nghe. Do căn khí tu hành nhiều kiếp, những chồi non Bồ-đề cứ vô tình nảy lộc trong từng lời hát của chàng. Pañcasikhā từng học đạo, nên trong nỗi riêng xé lòng vẫn không quên được lối về bến giác, dù rất mờ nhạt và liên tục bị chàng phung phá với những tục niệm đan xen:

*“Như gió cho kẻ mệt
Như nước cho kẻ khát
Nàng là tình của ta
Như pháp với Ứng Cúng”.*

Đem cái tình của mình so sánh với tất cả những gì là thiết yếu sinh tử của nhân gian, rồi thì cả gan so sánh với cả đạo nghiệp giải thoát của một vị La-Hán đã thoát vòng tục lụy – thì quả là độc đáo và *“thấm thía tương chao”* lắm thay!

Tôi trộm nghĩ đến cả Hòa thượng dịch giả khả kính của chúng ta, có lẽ cũng phải se lòng khi dịch đến chỗ này của bài kinh Đế Thích Sở Vấn. Rõ ràng, Hòa thượng đã ít nhiều đem cái tình riêng mà cùng tham dự vào nguyên tác, để chia sẻ nỗi đau thất tình của người bạn đồng tu lãng mạn đó. Dĩ nhiên Pañcasikhā cũng là bạn tu của tất cả chúng ta.

Tôi chưa hề có ý học thuộc bài hát này của Pañcasikhā, nhưng chuyện đời thiệt lạ: *Hữu ý bồi hoa, hoa bất phát. Vô tâm thấp liễu, liễu thành âm*. Cố tình vun vén thì cây tàn hoa lụi, nhưng hạt ném bên đường nhiều khi lại ra cây xanh tốt xum xuê.

*“Thiện nữ! Ta van nàng
ôi hiền nữ suốt tóc
ái dục ta có bao
nhưng nay đã tăng bội
như đồ chúng La-hán

mọi công đức ta làm
dâng lên bậc La-hán
ôi kiều nữ toàn thiện
nàng là quả cho ta...”*

Bài hát đó không ít lần đã như câu thần chú giúp tôi vùng thoát cái mặc cảm phạm tình chất ngất của mình. Ừ thì tục lụy thì đâu đã sao, gì cũng chỉ là hoa bướm trên đường vụn lý cả thôi. Cái cốt lõi là phút cuối quay đầu thấy bờ, phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật. Mà nói cho cùng, đâu phải ai đọc bài hát đó cũng phải yếu đuối điên mê. Xin đọc kỹ một lần đi. Thương lắm. Chàng nhận mình là một Phật tử, biết vui khi nhìn ngắm thánh chúng của đức Phật ngày một đông đảo. Nhưng yêu nàng quá, chàng tạm thời chỉ mong bao kiếp tu hành của mình hãy giúp mình gần được người đó. Vậy mà cũng chẳng xong. Quả Bồ-đề cao vời là thế mà công đức hữu lậu còn dẫn tới được, thì

sá gì một phút ghé bên trầm luân chứ. Con xin phát thệ chân thành, rong chơi đôi hôm rồi cũng sẽ quay về với Phật. Sinh tử ai lại không sợ, nhưng đột ngột dứt áo ra đi lúc này thì kẻ cũng có phần khe khát. Mai một đã Niết-bàn thì làm sao có buổi quay về lần nữa.

Pañcasikhā làm riêng bài hát này cho mình, nhưng thật ly kỳ khi Thế Tôn lại là người đầu tiên nghe chàng độc tấu bài hát này. Lúc đó ngài vừa thành Phật không bao lâu. Thì ra chuyện thất tình của Pañcasikhā đã có từ ngày ấy. Chàng như đứa bé, chơi thua bạn thì chạy về mách mẹ. Nhiều năm sau, tôi nghĩ lời hát đã được Pañcasikhā thay đổi ít nhiều. Chàng xuống trần học đạo để tìm quên và dù chưa quên được, nhưng lời kinh đã đi vào lời hát như một chuẩn bị cho chàng từ giải thoát ngày sau.

Đêm nay, theo chân thiên vương Đế Thích xuống trần hầu Phật lần nữa, Pañcasikhā lại ôm đàn hát lại nhạc khúc đó như một cách cúng dường. Lễ phẩm chàng có được lúc này cũng chỉ là một nỗi đau thất tình được phổ vào bài hát đem dâng lên bậc Điều Ngự, người dạy chúng sinh giải thoát tình trần. Có lẽ chỉ có phàm phu mới nghĩ ra được kiểu cúng dường nghịch thiên bội địa này thôi.

Vậy mà Thế Tôn cũng lặng lẽ ngồi nghe với một niềm bi mẫn vô bờ, như người mẹ hiền kiên nhẫn ngồi dỗ đứa bé khóc nhè. Với đôi mắt nhìn khắp muôn cõi và tấm lòng nghĩ thấu ngàn đời, đức Phật đã lắng nghe rồi ngỏ lời khen Pañcasikhā bằng một câu hỏi: *Người đã học ở đâu lời hát pha trộn cả hai thứ giải thoát và tục lụy đó?* Một câu hỏi hàm ý cùng lúc nhiều vấn đề quan trọng. Giải thoát và tục lụy là hai cực đối lập, không thể song hành. Một câu hỏi chứa đựng cả bốn Thánh Đế và gợi ý cả Giáo Lý Duyên Khởi trùng điệp.

Pañcasikhā đã thưa lại với Thế Tôn chuyện lòng tan nát của mình, và nhắc lại chuyện cũ dưới gốc Bồ-đề ngày trước khi chàng lần đầu hầu Phật và hát cúng dường Ngài nhạc khúc nào lòng đó.

Kinh nói sau khi vào hầu Phật, thiên vương Đế Thích được nghe Pháp và chứng quả Dự Lưu. Ngay lúc đó tuổi trời đã mãn, thiên vương mạng chung trước mặt Thế Tôn và lập tức tái sinh trở lại với ngôi vị thiên vương của mình. Sự việc chớp nhoáng này chỉ có đức Phật và thiên vương biết được mà thôi.

Để cảm tạ Pañcasikhā, thiên vương Đế Thích hứa với chàng là sẽ tìm cách dàn xếp để Pañcasikhā cưới được Suriyavacasā trong giải pháp thỏa đáng nhất.

Lời hứa của thiên vương đã khép lại một chuyện tình thơ mộng bậc nhất của kinh điển Phật giáo, và chúng ta có lẽ cũng nên cảm ơn cô nàng Suriyavacasā đã là nguồn cảm hứng cho một bản tình ca quán tuyệt cổ kim, có âm vang xông thấu đôi miền tiên tục và đã từng là một lễ phẩm cúng dường một bậc đại thánh như đức Phật. Và vẫn chưa hết, bản tình ca đó của Pañcasikhā còn có tác dụng của một lời khuyên tu thú vị: Có rong

chơi đến bao xa xin cũng nhớ quay về. Vì tục lụy muôn đời chỉ là một cội cây sống bằng nước mắt kẻ trầm luân...

Ô hô! Pañcasikhā tiên ông thượng hưởng!

Ai Chẳng Là Dân Việt

Toại Khanh



Khuya. Một mình. Tình cờ đọc thấy một bài viết kỳ thú trên báo Tuổi Trẻ của Việt Nam mà nghe nao cả lòng. Bài báo viết về một chuyến du khảo tháng 10/2007 của nhóm phóng viên tờ Tuổi Trẻ trên Con Đường Tơ Lụa, bắt đầu từ Tây An rồi thì sau đó Đôn Hoàng, Cao Xương,... với khoảng 8000 cây số đi-về.

Đọc chưa hết bài báo mà lòng cứ nghe dậy lửa, thứ tâm hỏa hùng hực của một gã du tử tạm thời đang bị trời chân chưa thể lên đường. Rồi bỗng đâu đó trong sâu thẳm trí nhớ, một câu hỏi thật lạ: Ô hay, trước cả cuộc di tản lừng danh của hàng triệu dân Việt trên rừng sâu dưới biển cả mấy mươi năm trước, đời nào mà chẳng có những bước chân phiêu linh biệt xứ chứ? Các ngài Pháp Hiển, Nghĩa Tịnh, Bồ-đề Đạt-ma, rồi Phật Âm, Giám Chân đã chẳng là những tăng sĩ vượt biên đường thủy đó sao...!? Rồi các ngài Huyền Trang, Tôn-khách-ba, A-đề-xá đã chẳng vượt biên đường bộ đó sao!?

Rồi thì những người vượt biên tại chỗ. Thân tại quê hương mà lòng đã nằm ngoài muôn dặm tự bao giờ. Cứ theo chữ nghĩa mà nói, ai lại chẳng là người Việt, ai lại chẳng vượt qua và bỏ lại cái gì đó sau lưng để mà vượt qua chính mình. Phải mà. Phải đi để mà lớn. Đi để mà nâng cao tầm nhìn, mở rộng phương trời, sống nhiều một đời ngắn, sống vui một kiếp buồn!

Bài báo được viết tài hoa, duyên dáng và nói theo người trong nước là có nhiều thông tin. Đọc để thấy mình phải lên đường. Đọc để thấy ngồi yên một xó là bi kịch nhân sinh. Đọc để thấy mình phải là dân Việt đến suốt đời. Đọc để hiểu vì sao Phật xưa kêu gọi môn đệ một đời vô trụ xứ!

Tinh thần Việt tộc gì ấy – thực ra đã được nhắc tới trong kinh điển Pāli từ mấy ngàn năm trước. Theo giáo lý A-tỳ-đàm, đời sống tâm linh của chúng sinh từ muôn thuở là một dòng chảy bất tuyệt của những sát-na ý thức ngắn ngủi. Và bao đời nay trên dòng chảy ấy trước sau chỉ gồm hai thứ tâm thức căn bản là Nhân hiệp thế và Quả hiệp thế. Cao thì về các cõi nhân thiên, thấp thì đi về 4 nẻo, đọa theo quy luật nhân quả tương ứng.

Trong trường hợp có ai đó chứng đắc thiên định hay đạo quả, thì trên dòng tâm thức kia, trước hết, sẽ xuất hiện một sát-na tâm có tên gọi là *Gotrabhū*, nghĩa đen của thuật ngữ này có thể dịch là Đổi Đời, nghĩa bóng là đương sự hiện đang bỏ lại cái gốc gác thấp kém của mình trước đây để góp mặt vào một gia tộc cao quý hơn. Rồi nhìn lại nhân gian, như chúng tôi đã bao lần thưa chuyện, cuộc nhân sinh là thân phận một chiếc lá hay một con đò trên dòng. Không có gì trên dòng nước lại có thể muôn kiếp đứng yên một vị trí: Hoặc tới, hoặc lui, hay phải chìm xuống.

Có một dịp nào rồi rảnh, độc giả có thể tìm đọc bài kinh đầu tiên của Tương Ưng Bộ (*Samyuttanikāya*) để thấy ra vấn đề đang được đề cập ở đây. Nếu cảm thấy chánh kinh mơ hồ tối nghĩa, ta có thể tìm vào Sớ Giải của bộ kinh này (*Sāratthapakāsinī*) để thấy rằng chỉ riêng việc làm sao có thể tồn tại trên sóng nước là cả một nghệ thuật, và cái lý tưởng tối hậu của kẻ trên dòng chính là hai chữ **vượt qua** (*oghamtara*). **Chìm xuống** (*samsīdati*) hay **trôi dạt** (*nibbuyhati*) vô định đều phải bị xem là tai nạn. Sớ nói: *Tham ái là chìm xuống và tà kiến là trôi dạt, thường kiến là chìm xuống và đoạn kiến là trôi dạt, lười biếng là chìm xuống và phóng dật là trôi dạt, lợi dưỡng là chìm xuống và khổ hạnh là trôi dạt, ác pháp hiệp thế là chìm xuống và thiện pháp hiệp thế là trôi dạt*. Hết bến bờ này, sang đến bến bờ khác, gì cũng phải bỏ lại sau lưng. Cho đến một ngày không còn gì để làm, không còn gì để học, không còn gì để vượt qua hay bỏ lại. Tôi nhắc lại, anh có là ai, cái anh có được là gì, anh đang có mặt ở đâu, chuyện đó không quan trọng bằng hành trình trước mặt của anh sẽ dẫn về đâu.

Thế giới văn hóa hình như cũng vậy. Nghe đâu một chàng Thôi Hiệu từ sau lúc làm được bài thơ Hoàng Hạc Lâu đã một đời sợ hãi bút mực với chút lý do thực khó tin. Chàng không đủ sức vượt qua cái hào quang của bài thơ được xem là thần bút kia của mình. Kể cả những khi muốn làm thơ tả sông, tả núi, tả cỏ, tả cây, cứ bày giấy mực là lại nhìn thấy một cánh hạc chập chờn ngay trước mắt và bên tai lại văng vẳng mấy câu thơ càng lúc càng dễ ghét: “*Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản, bạch vân thiên tải không du du...!*”. Mấy câu thơ đó là của chính chàng đó chứ, nhưng Thôi Hiệu không ngờ là chúng đã báo hại đời mình thê thảm đến vậy: Người ta tán thưởng bài thơ Hoàng Hạc Lâu ghê quá, làm bài thơ khác không hay bằng thì có phải khó ăn nói hay không chứ? Đã vậy, cái bóng dáng của lầu Hoàng Hạc kia đã che khuất tất cả mọi cảm xúc của Thôi Hiệu: Không nhà cửa nào đẹp bằng lầu Hoàng Hạc, không loài cầm thú nào đẹp bằng chim hạc, không thời khắc nào trong trời đất tuyệt vời bằng buổi chiều trên sông, và con sông ấy phải là con sông Hán Dương với một cái cù lao Anh Vũ mắc toí ấy. Tội nghiệp, cái thiên tài đáng lẽ thuộc hàng thi bá ấy, ai ngờ lại bị chìm chết không bởi một đối thủ nào ghê

góm, mà chỉ vì một bài thơ non chục câu của chính mình. Đúng là chết oan ức hơn cả Từ Hải đời sau. Không vượt qua được cái hàng rào của xó vườn nhà mình, thì người ta không thể ra được tới chỗ gọi là thiên hạ.

Về đạo học ư? Trong kinh Trung Bộ (Majjhimānikāya) có một bài kinh Lỗi Cây (Sārūpamāsutta) gì ấy, nội dung nói toàn những gì vừa được đề cập ở đây. Theo đó, cuộc tu là một hành trình gạn lọc và chọn lựa thông minh. Anh vừa lòng quá sớm với cái mình có, không vượt qua được những ngọt ngào trước mắt? Anh chết thẳng cẳng ngay. Từ một nếp sống sung túc lợi danh, tới một nếp sống giới hạnh trong suốt như pha-lê, một khả năng thiền định thần thông quán thiên địa, một trình độ tri kiến suýt soát thánh nhân, tất cả đều chỉ là những quán trạm qua đêm. Nếu anh chưa là thánh nhân thì con đường phía trước vẫn còn dài lắm.

Anh nổi hứng dừng lại ở đâu đó, trong Tăng Chi Bộ (Anguttaranikāya) đức Phật gọi là tình huống một khúc gỗ bị mắc cạn. Trong kinh Đại Bát Niết-bàn của Trường Bộ (Dīghanikāya), đức Phật trước khi viên tịch cũng đã nhắc lại lý tưởng này trong các pháp Bất Thối (Aparihāniyadhamma): Cho đến bao giờ còn có các tỷ-kheo không dừng lại nửa chừng (Antaravosānam Āpajjati) trong công phu tu học thì ngày đó Tăng đoàn vẫn còn hùng mạnh, chưa bị suy giảm.

Ngó ra thiên hạ, từ sau Đệ Nhị Thế Chiến, người Đức rồi người Nhật, Nam Hàn, Do Thái đã biết vượt qua những khốn khó ngất trời của thời hậu chiến; để bây giờ, hầu hết những dân tộc còn lại khi nói về họ đều phải ngưỡng mộ hoặc ghen tỵ. Tôi muốn gọi họ là những người biết vượt biên. Rồi thì những mảnh đời của từng cá nhân, bất kể thuộc dân tộc nào, chỉ cần biết bỏ lại sau lưng một quá khứ buồn để có được một hoàn cảnh đủ sức tự lợi và lợi tha, đó cũng là những kẻ vượt biên. Và bất cứ ai từng vượt biên đều có thể được gọi chung là người Việt, kẻ vượt qua một biên giới nào đó. Nếu nói vậy, đồng bào của tôi không chỉ là những người sinh trưởng trong cái bản đồ có hình chữ S nằm bên bờ Đông Hải, mà còn là tất cả những ai từng trải qua những hành trình ngoạn mục để vượt qua chính mình ngày cũ để trở thành một cái gì mới mẻ và hữu ích.

Nói đời là biển khổ thì không sai, có điều là buồn quá. Nhưng đổi lại, có thể gọi cuộc đời là một dòng sông, một hành trình, với những bến bờ để vượt qua, những trạm ghé qua đêm để bỏ lại... thì rõ ràng là vẫn còn có chút gì để nhớ để thương!

KHÓI LAM CUỘC TÌNH

Toại Khanh



Mùa Vu Lan, đọc báo trong nước thấy thiên hạ bây giờ bỗng khoái chuyện vàng mã hơn bao giờ hết. Một ông triệu phú miền Bắc chỉ trong một đêm đã đốt sạch 1000 con ngựa giấy và hình nhân trị giá 400 triệu đồng Việt Nam. Đổi sang tiền Mỹ, số vàng mã đó trên 20 ngàn dollar. Lại thêm một chuyện để suy nghĩ...

Có lẽ không ít người đã cho ông triệu phú đó là mê tín, là thiếu trí. Nhưng thử hỏi những người không đồng ý chuyện đốt vàng mã có đúng là không mê tín, mà quáng như ông ta? Bỏ một đời theo đuổi một lý tưởng sống hại mình hại người, dù về đời hay đạo, chẳng phải đốt vàng mã thì còn là gì nữa. Ai dám nghĩ những giấc mộng đời chẳng là vàng mã!

Con người là phải vậy thôi. Cái gì cụ thể rõ ràng quá thường không hấp dẫn người ta. Thiên hạ cứ nghĩ về những thứ xa vời để tha hồ mộng mị. Tình yêu đầu đời, ma túy, tước vị,... và bao thứ mê muội khác ở đời đều phải có chút gì vằng vất mơ hồ mới cuốn hút được người ta. Ai nghe hay đọc đến những nhận xét kiểu này cũng cứ lắc đầu chối phăng: Riêng tôi thì đâu có vậy, đừng vợ đùa cả năm chứ!

Anh chống đối chuyện đốt vàng mã nhưng thay vào đó là anh đốt cả đời mình cho một viễn tượng xa vời nào đó trong tình yêu, tôn giáo, chính trị và đôi khi cả văn hóa nữa. Vui đầu làm một nhà thơ, đêm ngày mơ màng với những câu chữ, ý tứ man mác... Hay đêm ngày cầu nguyện một ông via bà via nào đó mà không cần đến một chút suy tư tra vấn... Hoặc theo đuổi một nỗi quan hoài về xã hội mà chưa một lần ngó lại xem nó có là niềm hoang tưởng hay không... Tất cả đều là những kiểu đốt vàng mã, thậm chí còn tốn kém gấp ngàn lần thứ vàng mã mà mấy bà vẫn đốt đều đặn mỗi Vu Lan nữa.

Chuyện vàng mã đâu phải chỉ có chừng đó cái để nói. Còn có một cái khác nhức nhối hơn nhiều. Trong số những người bỏ tiền mua vàng mã về đốt ấy, có không ít những tay trí thức hần hoai. Ai dám bảo họ dốt nát, mê tín. Vật lộn với trường lớp để kiếm được mảnh bằng như một căn câu cơm rồi lăn xả vào đời kiếm sống, họ đâu kịp có thời gian để nghĩ nhiều về cái gì nằm ngoài nhịp sống thường nhật, chẳng hạn tôn giáo hay triết học, tư tưởng gì đó. Rồi thì một ngày có tiền trong tay, họ hành xử theo cách của người có tiền là có hay không một cõi âm phủ cũng mặc, cứ theo lời người ta mua vàng mã đốt cho nhiều

vào. Nếu không có ai nhận được những tro khói ấy thì ít gì mình cũng được cái tiếng, nghĩa là một tí mặt mũi.

Nhưng đó mới là trường hợp thứ nhất. Trường hợp thứ hai chiếm đông nhân số hơn. Đó là khi thiếu chủ kiến, không có được khả năng suy nghĩ độc lập, người ta thường khoái chạy theo đám đông. Đám đông thì làm sao sai được. Chẳng lẽ chừng đó thiên hạ đều thiếu suy nghĩ hay sao chứ. Thế là mua và đốt. Đốt vàng mã, người ta còn đốt theo đó bao nhiêu những thứ khác nữa: Trí tuệ, tiền bạc, thời gian, tình người,... Mấy trăm triệu đồng của ông triệu phú kia lẽ ra có thể giúp cho biết bao người thiếu ăn thiếu mặc.

Thân người nan đắc, chánh pháp nan văn, nhưng nếu không biết tìm minh sư thiện hữu thì cũng là một kiểu đem tiền mua vàng mã. Tôi cứ nhớ hoài câu hát dân gian đầy tục lụy này: *Tưởng giếng sâu anh nổi sợt dây dài, ai ngờ giếng cạn anh tiếc hoài sợt dây*. Nghĩ mà thương rồi tiếc cho nhiều người mất mấy chục năm vô giá của đời mình để lần bước theo một kiểu hướng dẫn sai lạc, nhiều lúc cũng thấy nó có vấn đề nhưng rồi vì lý do nào đó mà tiếp tục lê gót. Từng ngày trôi qua là từng đồng lớn vàng mã được họ mê mãi mỗi lửa. Ngày cuối đời, cái có được chỉ là một chút tro tàn chưa kịp bay đi.

Chiều mưa Vu Lan, ngồi nghe Chiều Phủ Tây Hồ của Phú Quang mà ngâm ngùi thay. Em đốt đời mình, ta đốt đời ta, cũng như thiên hạ đốt vàng mã vậy thôi. Hóa vàng đi em!
Toại Khanh

Bóng Mây Bên Lầu Hoàng Hạc

Toại Khanh



Có một truyện ngắn, của nhà văn nào đó tôi quên mất, kể về cái chết của một người mẹ trẻ trong thời chiến. Chuyện chẳng có gì, nhưng tôi cứ nhớ hoài hình ảnh đứa bé trong truyện. Giữa cơn nắng chiều khô nóng, nó bò quanh cái xác cứng đờ của mẹ rồi lay gọi bằng cái giọng ngọng nghịu chưa biết nói tròn câu. Nó tưởng mẹ ngủ quên. Nó không hề biết mẹ nó đã chết và chết là gì nó cũng chưa hiểu. Rồi thì lúc đói khát quá, nó rúc đầu vào ngực mẹ như mọi ngày. Ở đó bây giờ chỉ là một vết thương hoen máu với đàn kiến lửa bu đầy. Chỉ vậy thôi. Nhưng hình

ảnh đó, dù chỉ qua mấy hàng chữ, cứ đeo bám trí nhớ của tôi. Nhiều lúc cứ tưởng mình đã quên, nhưng không phải thế.

Ngày lớn tuổi, tôi có nhiều cơ hội đọc sách, xem phim về đức Phật và thật lạ lùng khi thỉnh thoảng lại nghe mơ hồ trong lòng cái cảm giác bơ vơ của đứa bé trong câu truyện ngắn vừa nhắc ở trên. Sách của các tác giả Đông Tây, từ **Ánh sáng Á Châu** (The Light Of Asia) của Edwin Arnold, đến **Ánh Đạo Vàng** của Võ Đình Cường... Điện ảnh thì là vài ba phim của Nhật, Ấn, Hoa Kỳ. Đại khái toàn phim lẻ. Thấy thiên hạ có lòng với Phật thì vui lắm, nhưng thường thì hình tượng về Ngài trong mấy công trình đó chẳng hiểu sao lại cứ khiến tôi nghe buồn buồn. Đó đâu phải đức Phật của mình chứ. Tôi vẫn hiểu rằng Thế Tôn đã vĩnh viễn ra đi, nhưng không lẽ đến cả chút bóng hình của Ngài lưu lại trần gian này cũng hiếm hoi đến vậy sao. Dù các bộ phái có vận dụng phương tiện thiện xảo đến mức nào đi nữa thì theo tôi, ít nhiều người ta cũng đã đẩy xô bóng dáng cần có của đức Phật ra khỏi đời thực. Đức Phật qua lăng kính Mật Tông thì lung linh huyền bí. Phật qua cách nghĩ của Tịnh Độ Tông thì quyền phép màu mè. Phật của Thiên Tông thì khô lạnh, duy lý. Phật trong cách nghĩ của trí thức Tây phương thì thực tế quá chừng. Thực tế đến mức dung tục, bình phàm.

Dĩ nhiên, đó chỉ là cảm nhận chủ quan của riêng tôi. Tôi cứ thầm mong tìm thấy đâu đó một tác giả mô tả hình ảnh đức Phật theo cách tưởng tượng của tôi. Đó là một ẩn sĩ bằng xương bằng thịt, gì ngài cũng biết và ai ngài cũng thương. Con người đó cũng có lúc đau bệnh già yếu, và sau cùng bỏ xác ở một miền đất heo lánh chỉ vì cuộc hạnh ngộ với một người chưa từng gặp mặt. Vị ẩn sĩ đó không hề là một thần linh hay một giáo chủ chỉ chực nhồi sọ giáo chúng. Ngài chỉ nhỏ nhẹ đưa ra những gợi ý, đề nghị. Minh triết mà dễ gần, huyền ảo nhưng giản dị. Như biển rộng, sông dài, như ghềnh thác, cồn bãi, cho ai đến cũng được, ai cũng có thể sờ chạm, nhưng vẫn có riêng những bí mật ngàn đời. Ai cũng có thể tắm biển nghịch cát để tưởng mình đã hiểu được đại dương, nhưng cái biết của cả nhân loại về đại dương chỉ là những vỏ sò trên bờ biển.

Tôi nghĩ, ai cũng có quyền đồ khuôn một thần tượng cho riêng mình. Tùy theo nhận thức và cảm quan cá nhân mà Phật hay Chúa trong lòng từng người có hình dáng ra sao. Buộc người khác phải nghĩ tưởng chuyện đời theo cách của mình thì đúng là bạo lực, chuyên chế, tập quyền, độc tài, thậm chí mọi rợ. Thôi thì tôi lại một mình trong những đêm tối cuộc đời, với một bức ảnh Phật của riêng mình. Bằng giấy cũng được, miễn là như cách tôi nghĩ.

Vậy rồi một ngày tôi đã tìm thấy cuốn Đường Xưa Mây Trắng của Hòa thượng Làng Mai. Tác giả là một nhà văn và cũng từng là người viết một bộ Phật giáo sử nổi tiếng khả tín. Ấn tượng sâu đậm của tôi về tác giả ít nhất là hai nét lớn: Ngài là một người có tài diễn đạt trong sáng và hấp dẫn những vấn đề khó hiểu. Thứ đến là khả năng dẫn dụ tuyệt vời: Ngài giúp nhiều người biết yêu quê, thương Phật theo một lối riêng rất mộc mạc nhưng thâm hậu.

Tôi đã đọc Đường Xưa Mây Trắng ít nhất một lần. Và ngay sau khi nghe tin sách được chọn để làm kịch bản cho một bộ phim lớn về đức Phật, tôi tìm vào Thuvienhoasen.org để đọc lại lần nữa. Ngoài cái thơ mộng của một ngòi bút tài hoa, cuốn sách còn là một công trình biên khảo nghiêm túc. Tác giả đã tham chiếu kinh điển của cả Nam phương, Bắc phái một cách công phu và tâm huyết. Tôi trộm nghĩ, mỗi thế kỷ chỉ cần một cuốn sách cỡ đó cũng đủ khiến Phật giáo Việt Nam lớn mạnh rồi. Đặc biệt, với một văn phong nhẹ nhàng thanh thản, tác giả giúp ta đi không biết mệt qua những nẻo đường giáo sử khô khan và gai góc. Những nhân danh và địa danh bằng chữ Pāli, chứ không phải Sanskrit (như Sāriputta thay vì Sāriputra), giúp ta dễ dàng thấy ra những cảnh đời bình dân của một vùng châu thổ Ma-kiệt-đà hai ngàn năm trước.

Thế nhưng, vấn đề không phải chỉ dừng lại ở đó. Tôi tắt máy và ngồi nhắm mắt một lát để xem mình vừa thấy gì. Tôi đi tìm hình ảnh đức Phật và đã nhìn thấy gì qua Đường Xưa Mây Trắng. Thật lạ, tôi vừa có một ý nghĩ ngộ nghĩnh. Đức Phật trong đó không phải người Ấn Độ và phong vận, ngữ khí của ngài trong Đường Xưa Mây Trắng cứ khiến tôi nhớ đến trung tâm Luy Lâu hơn là vườn Lộc Uyển. Bỏ đi vài hạt sạn nhỏ của Việt tính và Ngã tính trong tác phẩm, Đường Xưa Mây Trắng chắc chắn có thêm không ít độc giả.

Tôi nhớ từng khó chịu khi đọc một cuốn sách của ông Đoàn Trung Còn kể chuyện đức Phật thi triển sức mạnh với một nhóm lực sĩ, rồi thì câu chuyện Ngài quỳ lạy một đồng xương người và bây giờ là hình ảnh một vị Phật ngồi thối sáo trong Đường Xưa Mây Trắng. Nhà văn Vũ Khắc Khoan từng viết một truyện ngắn hư cấu việc ngài A-nan vâng lời Phật trở về thăm thú nhân gian thời mạt pháp và bàng hoàng trước cái gọi là Phật giáo thời đại mới. Hôm nay nhớ lại, tôi thầm tiếc thương ông Vũ.

Tôi vẫn tự hỏi không biết thiên hạ hôm nay nghĩ sao nếu nhìn thấy đức Đạt-lai Lạt-ma hay một thiền sư tiếng tăm nào đó lại có những cử chỉ giống hệt những gì thiên hạ vẫn gán cho đức Phật. Sư phụ Thanh Hải là một nữ giáo chủ tóc tai đầy đủ, nhưng đối với không ít người, những hành trạng của bà vẫn cứ khó chấp nhận.

Tôi chợt thấm thía bất ngờ những câu kinh ngắn gọn mà uyên ảo của cả Nam phương và Bắc phái rằng, ai thấy pháp thì người đó thấy Như Lai hoặc ai lấy âm thanh sắc tướng mà cầu thị ta thì đó là ngoại giáo. Có lẽ không một ảnh tượng nào trung thực với hình bóng tuyệt đẹp của đức Phật cho bằng những lời dạy của Ngài. Người làm theo một tí lời Phật thì đã dễ thương khả kính thì nói gì Ngài là bậc Pháp vương. Muốn tượng tượng ngài có hình dáng thế nào, giọng nói ra sao thì cứ ghé mắt vào kinh thư. Mọi thêu dệt, suy diễn theo phàm tình nhiều khi lợi bất cập hại. Tôi vẫn nhớ hoài một câu nói của tác giả Đường Xưa Mây Trắng rằng, trong cuốn sách này sở dĩ ngài không nhắc gì đến những phép lạ thần thông của đức Phật vì nghĩ rằng Thế Tôn là bậc đại trí, thiếu gì phương cách tiếp dẫn chúng sanh mà phải dùng đến hạ sách phù phép. Tôi cũng muốn theo đó gắn thêm một nửa câu nói rằng, Thế Tôn là bậc đại trí nhìn xa trông rộng thì có lẽ

cũng không cần gì đến những phương tiện hại nhiều hơn lợi, hoặc lợi trước mắt mà hại về sau.

Tôi tin tác giả đã vì lòng từ bi đối với những độc giả nặng tình với văn hóa Việt Nam mà dùng lại một số hoa văn họa tiết đời sau để tô điểm hình ảnh đức Phật trong Đường Xưa Mây Trắng. Cuốn sách đọc qua ai cũng phải hiểu là một hình thức cách điệu lịch sử. Do đó, tuyệt không dám có nhận xét nào phạm thượng bất kính đối với ngài. Tôi chỉ có một niềm mong mỗi nhỏ bé là, độc giả xem sách hôm nay hay xem phim sau này sẽ hiểu được đó chỉ là những phương tiện thiện xảo mà thôi. Và trên hết, cũng xin nhắc lại ý tưởng vừa thừa ở trên là muốn thấy Phật hãy học lời Phật và muốn hiểu Phật, hãy đi theo con đường mà đức Phật đã đi.

Chim hạc đã bay mất vào thình không miên viễn, bên lầu Hoàng Hạc bây giờ chỉ còn lại một màu mây trắng mênh mông. Bao nhiêu ráng chiều, sương sớm quanh lầu cũng chỉ là từng gọi nhớ về những cánh hạc ngày cũ. Mộng mị quá nhiều dễ khiến người ta liên tưởng về một loài chim khác, dù có sắc sỡ như phượng hoàng thì cũng không phải cánh hạc xưa. Bỗng nhiên nhớ Thôi Hiệu của Trung Hoa, rồi thì ông Tản Đà của xứ Việt quá chừng chừng:

*“Hạc vàng bay mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay!”*

NHỚ LINH XƯA

Toại Khanh

Trong văn chương Việt Nam có biết bao là những câu chữ hay ho để mà nhớ, để mà cảm, vậy mà thật lạ, đối với tôi ba chữ Nhớ Linh Xưa trong mấy bài văn tế vẫn cứ là đẹp nhất, lòng lộng và sâu thẳm, chan chứa và nồng nàn nhất. Lý do ư? Ai sống ở đời lại chẳng có những ngớ ngẩn riêng tư không thể giải thích chứ!

Giữa mùa Vu Lan của năm bốn mươi tuổi, tôi bỗng giật mình khi có người hỏi về chữ Hiếu. Biết tôi vẫn thỉnh thoảng viết lách, họ hỏi tôi đã có bài về Vu Lan hay chưa. Tôi thẹn quá, xa mẹ cả mười năm, mỗi năm gọi phone cho mẹ chưa được một lần, vậy thì lấy tâm tình hay tư cách gì để viết về Vu Lan đây chứ, hay lại cứ che mặt gạt người để mà viết dối, nói láo!?

Vậy rồi cứ theo thói quen, tôi mở TV để chạy trốn chính mình, để khỏi thấy mặt mình trên gương, bóng mình trên vách. Suốt đời cứ vậy thôi, như con cù lần thích che mặt, như đà điểu thích vùi đầu trong cát. Thế rồi chỉ sau vài phút dán mắt trên màn ảnh TV, tôi đã nhớ ra một chuyện ly kỳ: Thì ra tôi nào phải bất hiếu, và nếu tôi có vì khiêm cung mà

không dám nhận lấy hai chữ chí hiếu, thì trộm nghĩ thiên hạ cũng không nên nhận bừa hai chữ đó. Vì có lẽ hiếm người có thể dành nhiều thời gian nhớ mẹ hơn tôi.



Chuyện gì nhìn thấy cũng có thể khiến tôi nhớ mẹ. Dù nhớ chỉ để nhớ mà thôi. Một người thiếu phụ lầm lũi trên đường giữa chiều muộn với một đứa bé nép mình bên cạnh vùi vãnh nợ kia, hay một người đàn bà tay xách nách mang đủ thứ đồ đạc đang hối hả trên con phố mưa như để về nhà trước tôi,... Ở sân ga hay phi trường, xứ này hay xứ khác, ở đâu tôi cũng có thể bắt gặp những hình ảnh kiểu đó để mà chạnh nhớ về mẹ tôi. Tôi hiểu, thế giới này có ra sao, có khó sống đến mấy, chỉ cần còn có mẹ, đứa con nào cũng còn đất sống. Mai kia mẹ đi xa rồi, giàu có đến mấy thì thiên hạ cũng không sao tìm lại được phương trời ấm cúng kỳ diệu đó nữa. Tôi ít thuộc thơ về chữ hiếu, một phần lý do có lẽ là tôi sợ thứ chữ nghĩa suốt mướt, ướt nhẹp hay mềm xèo của những thơ văn về mẹ mà Vu Lan nào cũng thấy tràn lan ra đó. Nhưng trong số ít những dòng thơ hiếm hoi tôi nhớ được về mẹ, thật ngẫu nhiên, lại là của hai nhà sư không còn mẹ nữa. Trước hết là hai câu của Hòa thượng Chơn Điền:

*“Mẹ xa, con chẳng còn gì
Bơ vơ đến cả khi đi lúc về”.*

Bài thơ dài cả chục câu, tôi chỉ nhớ được chừng đó thôi, nhưng cũng quá đủ để nhớ mẹ rồi. Rồi thì hai bài thơ của Thượng tọa Triều Tâm Ảnh, cũng nhớ dở dang, không trọn vẹn, chỉ mong không nhớ sai:

*“Từ độ lớn khôn đi vào đời dâu bể
Con chưa một lần đền đáp thâm ân
Con lặn hụp trong vô vàn máu lệ
Khi quay nhìn thì swong trắng đã phù vân*

*Tóc mẹ bạc như tuyết pha đầu núi
Dáng mẹ gầy như vẽ hạc trăm năm
Đã bao đêm chong đèn khuya lệ tủi
Ôi kiếp người sao cứ mãi ăn năn...
Giọt lệ khô như gió nam Trường Sơn
Bao nhiêu tuổi tác bấy nhiêu buồn
Nửa đêm nhớ mẹ trùm chăn kín
Khóc một mình, ôi chỉ một mình con...!”*

Như tôi cũng đã thừa rồi, hiếm ai dành nhiều thời gian để nhớ về mẹ như tôi. Chuyện gì buồn vui cũng là cái cớ để tôi nhớ về mẹ bằng tất cả tim óc. Tôi đã nhớ mẹ qua bất cứ hình ảnh nào của các bậc cha mẹ trong đời mà tôi quen biết, trong giao thiệp hay chỉ nhìn thấy trên phim ảnh sách báo... Có điều là không ít hình ảnh trong số đó cứ khiến tôi đau đầu một nỗi riêng không chịu thấu:

- Họ là những bậc cha mẹ với tuổi đời chưa bao nhiêu nhưng đã bắt đầu quên mất tuổi trẻ của mình cho đứa con đầu lòng. Một tuổi trẻ tất bật áo cơm, không có rong chơi, không có ngơi nghỉ, không có thời gian riêng tư, dẹp luôn những không gian độc lập để sống như mình vẫn ao ước thời chớm lớn. Họ Mất hết cho cái mà họ cho là Được – đó chính là đứa con!

- Họ là những doanh nhân tài ba và thành công, chính xác trong từng con số tính toán, chi li với từng phân lời, tiên đoán như thần mọi biến động trên thị trường, nhưng tất cả những cái tinh táo đó chỉ nhằm vào một đầu tư thật liều lĩnh, có thể gọi đó là một kiểu Risky Investment, đầu tư mạo hiểm, đó là niềm kỳ vọng vào con. Ai bình tĩnh sáng suốt nhất cũng phải nhận rằng trong mỗi đầu tư đó, thật ra chỉ có 50% cơ hội lấy lại vốn, đừng nói gì đến chuyện lời lãi. Cứ lo cho lắm vào, ngày con biết yêu người đứng thì cha mẹ thường chỉ là những bóng mờ sa mạc. Nếu không có những ràng buộc vật chất như tiền bạc nhà cửa thì quan hệ đôi bên còn thăm đến mức nào. Biết hết, nhưng đối với các doanh nhân đó, họ vẫn dành ưu tiên lớn nhất cho mỗi đầu tư phiêu lưu này. Nhìn họ, tôi nhớ mẹ quá chừng...

- Họ là những người hiểu đạo, có đốt ra tro, họ vẫn là Phật tử với tâm niệm thường trực về nỗi đời hư ảo, họ thừa biết trăm luân là khó siêu dễ đoạ, họ biết kiếp người là mong manh, họ biết gì rồi cũng bỏ lại để về đất, họ biết thân người khó được, họ thừa biết mọi quan hệ chỉ là khách trọ qua đêm trong lữ quán đời, họ biết đời sống phải là từng khoảnh khắc tận dụng một cách hữu ích. Họ biết hết. Hiểu biết một cách bài bản, không thua một tu sĩ thứ thiệt. Vậy rồi họ có con, và Phật pháp mờ nhạt dần trong lòng. Những phút giây bình tâm họ cũng hiểu mình đang đánh mất bản thân, đang làm ngược lại điều mình hiểu. Nhưng vì con, họ thấy sao cũng được. Kể ít lời thì chỉ im lặng, hoặc khát hẹn tuổi già sẽ tu nhiều hơn. Kể cứng miệng thì tranh luận: Chăm sóc gia đình thiệt đáng hoàng đã là tu rồi. Họ nói có lý, không ai cãi với họ, chỉ thấy tội nghiệp khi nhìn

thấy họ ngày một phóng dật hơn. Kiểu đó thì mai một tụng kinh cầu siêu cho họ phải đọc lâu hơn một chút rồi. Ôi tấm lòng những bậc cha mẹ. Nhìn họ, tôi nhớ mẹ tôi quá...

- Họ là những chính khách từng ôm ấp biết bao hoài bão xây dựng non sông đất nước, từng vào sinh ra tử để bôn ba hành động, vậy mà khi nắm được quyền bính thì họ mới hiểu ra rằng – đối tượng ưu ái nhất trong lòng họ không phải là quê hương hay dân tộc gì cả, mà chỉ là mấy đứa con mang trong người dòng máu của họ! Họ chấp nhận trở thành tội nhân thiên cổ của người đời, tự chà đạp lên lý tưởng chính trị thuở nào, miễn là vinh thân, phì gia, và đám con cái cháu chắt của họ sống như ông hoàng bà chúa là được. Ở tuổi về già, chắc chắn có lúc họ cũng ngồi nghĩ đến chuyện luân hồi quả báo mà rùng mình với chính bản thân, nhưng chỉ cần nhìn lên tấm ảnh con cái treo trên tường – thì họ tiếp tục đi theo con đường tội lỗi của mình! Chỉ có cha mẹ mới có thể hy sinh ghê gớm như thế cho con cái mà thôi. Nghĩ về họ, tôi lại nhớ mẹ tôi.

- Họ là những kẻ có chức có quyền, có bằng giấy hoặc bằng dõm tiến sĩ; tuy nhiên, một đôi người vốn có một nhân cách bẩm sinh không tẻ, và dĩ nhiên có thể rũ áo từ quan trong danh dự, nói theo trong nước là hạ cánh an toàn, nhưng vì tương lai của con cái, họ thò tay vào chàm mà nhúng. Nhúng càng sâu, càng đậm thì càng tốt. Đôi lần họ cũng có ý rút tay, nhưng chỉ vì một chút vôi vĩnh của con, mong mỗi con mình được bằng chị bằng em với thiên hạ thế là chuyện gì họ cũng làm: Đục khoét của công, tham nhũng, hối lộ, lừa đảo, phản bội, hại người... Chỉ vì con cái thôi. Nếu vợ họ mắc chứng vô sinh thì họ đâu có tệ đến mức đó chứ. Bởi nếu họ chỉ là người độc thân hay chỉ có vợ mà không con thì tình trạng có thể khá hơn nhiều. Bao la thay là lòng cha mẹ!

- Họ là những tay gian thương hay anh chị giang hồ, sẵn sàng bắt người khác chết để mình sống. Thiên hạ bảo họ là máu lạnh, là không có tim. Nhưng nào ai biết họ vẫn có những bữa cơm tối với gia đình, và con cái chính là động lực để họ không sợ tội ác nào hết. Làm thuốc giả, buôn thuốc nghiện, bán vũ khí, bắt cóc tổng tiền hay cướp giật giết người... Họ tàn nhẫn với tất cả thiên hạ, nhưng đừng vì thế mà nói họ không có tim. Họ có tim, nhưng nó chỉ thuộc về mấy đứa con của họ. Tim ai lớn rộng chứa được thiên hạ thì là hiền nhân, tim nhỏ hẹp quá thì ra ác nhân. Hình như là vậy.

Hôm qua, đài CCTV9 của Tàu đưa tin Việt Nam đang bị lũ lụt nặng, người chết và mất tích không đếm xiết. Và báo chí trong nước qua internet đã cho hay một vị quan chức hàng đầu chính phủ có gửi điện vào chỗ lũ để thăm hỏi và động viên đồng bào bị nạn. Tôi không rõ ai trong đám dân chúng bị nạn đã đọc được bức điện đó và trong hoàn cảnh hiện tại nếu có đọc thì để làm gì. Tôi lại nhớ đến một đoạn phim trên Youtube do người quen giới thiệu về hôn lễ của con gái thống tướng Than Shwe bên Miến Điện. Giữa khi mấy chục triệu người dân đói khổ ngật nghèo, thì đám cưới xa hoa đầy ắp kim cương kia hết như một nụ cười mai mỉa châm biếm treo trên miền đất Phật. Thiệt là lòng, ngay sau khi xem qua đoạn băng đó, tôi chỉ nghĩ đến một việc đơn giản: Nhà cầm quyền các nước chẳng thương dân chỉ vì họ chỉ biết lo cho con, yêu thương một cách mù quáng. Một nụ

cười của con đổi bằng nước mắt của triệu người dân cũng được. Chỉ bằng cách nghĩ đó, tôi không thấy căm ghét ai nữa, mà thấy cảnh đời nào cũng là cái cớ để người ta nghĩ về cha mẹ. Tôi đã nhớ đến mẹ tôi, một kiểu nhớ chẳng giống ai. Dĩ nhiên mẹ tôi không phải là đại diện cho tất cả những bậc cha mẹ mà tôi vừa kể, tôi chỉ thấy ở đây một sự tương đồng duy nhất, đó là mấy chữ Trái Tim Cha Mẹ. Còn trái tim đó được thể hiện ra sao thì còn tùy ở mỗi người. Một cách đơn giản nhất, càng nhớ mẹ, tôi lại càng nghĩ nhiều về những bậc cha mẹ trong dưới gầm trời này và cầu nguyện...

TOẠI KHANH

TƯ LƯƠNG

Toại Khanh



Chùa Đại Giác

Đêm, online thấy cái email của ông Bình Anson với một địa chỉ link để vào xem hình ảnh các ngôi chùa mà ông đã có dịp thăm viếng. Do chút tình cảm riêng tư, tôi chọn ngay các chùa trong nước để xem trước.

Thật lạ, tôi là người Việt và theo Phật giáo, nhưng cứ thấy khó chịu khi nhìn vào chánh điện của hầu hết chùa chiền trong nước. Cái nhức nhối là vấn đề không phải ở chỗ giàu nghèo, lớn nhỏ, mà là cái gì đó tạm thời rất khó nói, rất trừu tượng. Tôi lại theo thói quen mà nhắm mắt một lát để ngẫm nghĩ.

Trong cái tĩnh lặng mơ hồ của đêm tối, tôi bỗng nghe rõ mồn một câu nói năm nào của sư phụ. **Hoa là để tô điểm Phật, đừng bao giờ lấy Phật để tô điểm hoa.** Chính phụ phải phân minh. Ô hay, thì ra là vậy. Tôi mở mắt nhìn lại bộ thờ ở các chùa Việt Nam. Trời ạ, hoa trái hương đăng chắt ngát trùng trùng, ngó sơ rồi lại nhớ vu vơ một lời hát: *Một màu xanh xanh thêm chút vàng vàng, một màu nâu nâu thêm một chút tím tím....* Hình như là vậy. Giữa muôn trùng lễ phẩm là rất nhiều pho tượng chen nhau mà ngồi. Người sơ cơ nhìn vào khó mà biết được cái gì là chính phụ trên một bộ thờ đầy ắp kiêu đó. Đã vậy, tượng Phật trong các chùa Việt Nam hầu hết theo kiểu Tàu hay Nhật là hờ

ngực bày chữ Vạn và y hạ mặc cao gần ngực với giải lụa làm dây cột lòng thông, lăm lăm trên mình tượng còn đầy vòng vàng châu ngọc. Đó là chưa kể trường hợp có nơi còn đặt pho Quán Âm Tổng Tử là tượng một mỹ nhân kiều diễm bằng một hải đồng bụ bẫm đứng cạnh tượng Bồ Sư. Người ta có thể giải thích những hình tượng đó là biểu tượng cho cái gì đó cao siêu mầu nhiệm nhưng rõ ràng tác hại đầu tiên phải có của hình ảnh đó là làm hỏng hình ảnh đức Phật trong lòng không ít người sơ cơ. *Trong thực tế, ngoại trừ Thanh Hải Vô Thượng Sư, không một tăng ni nào trên toàn cầu lại có lối trang phục như những pho tượng mà người Việt ta vẫn thờ.* Một người ăn mặc lượm lượm và bất hợp lý như vậy rất khó di chuyển, trừ phi có phép mầu để phi hành trong gió. Và một vị đạo sư cầu kỳ như vậy hình như khó lòng mà tuyên thuyết những đức tánh xả ly, thiếu dục, giản dị.

Chuyện tôi muốn thưa ở đây tuyệt không phải hình thức ảnh tượng hay nghi lễ thờ cúng mà là cái nền tảng văn hoá nào đã nuôi dưỡng những vẻ ngoài ấy. Xin ngẫm lại mà xem, người Tây Phương sau khi học đạo ở Á Châu về, họ đã bày trí chốn thờ phượng ra sao. Họ thực tế, ngại dư thừa, thế là chỉ thờ những gì mà họ có thể lay. Người Phương Đông ta hầu hết chủ về cảm tính, không phân biệt nhiều về cái mình cần và điều mình thích. Đôi lúc cũng tự biết đó không phải là cái cần, cũng không phải cái mình thích nhưng lại xu hướng thiên hạ chỉ vì sợ mang tiếng là thiếu. Từ đó chấp nhận cả những cái dư, bày lên bàn thờ rất nhiều thứ mình không thể lay.

Ta chung hoa vì muốn làm đẹp một nơi chốn, nhưng thiếu mỹ quan thì chỉ khiến ở đó thêm khó nhìn. Tôi không có chùa chiền, nhà đất, nhưng vẫn cứ thấy khó chịu với những khuôn sân chật đầy những chậu hoa kiểng vì những nơi đó cơ hồ chỉ thấy chậu mà chẳng thấy hoa. Đời sống vốn đã lê thê lướt thướt, thêm càng nhiều cái dư thừa chỉ khiến mất thời gian, choán không gian.

Thế nhưng không phải người Á Châu nào cũng thế. Nhiều thiền viện, chùa chiền của Thái Lan, Đài Loan, Nhật Bản nhìn đẹp như những khu Resort. Lý do là có người đã biết nhìn ra thiên hạ để mà sửa mình, nói là bất chước cũng được, miễn sao biết được gì là thiếu và thừa. Không có được khả năng tiếp thu này, thiên hạ dễ mắc hội chứng ao tù, một đời duy ngã độc tôn, rồi thì trên nền tảng thiếu máu đó, cách ta tìm đến Phật Pháp cũng có vấn đề.

Nếu ta tin Phật là Bậc Nhất Thiết Trí thì cũng phải thấy đạo Ngài như biển cả. Để hiểu được biển, phải có được những phương tiện và hành trang đi biển. Lời Phật mệnh mông như sa mạc, muốn tìm vào phải có những chuẩn bị tương thích. Tôi gọi đó là tư lương, tức những gì cần thiết cho một hành trình trên đường. Tùy thuộc sở tánh cá nhân mà mỗi người mang theo mình những tư lương gì, hoặc thiếu hoặc thừa, hay Cần và Đủ. Mang tâm tình một người mê cổ nhạc, ta thờ Phật theo phong cách cải lương. Mê đắm những thứ Hip-hop, Hi-tech thì ta thờ Phật qua những công nghệ hiện đại. Gì cũng là tư lương, nhưng liệu những gì ta mang theo trên đường tìm đạo và hành đạo có giúp

được gì cho ta hay chỉ là lợi bất cập hại. Bối cảnh sinh trưởng, môi trường sinh hoạt, những thầy bạn kề cận, những gì ta thường nghe thấy hay đọc qua, tất thấy đều góp phần quan trọng vào cảm thức của chúng ta. Hành trang càng nghèo nàn, khả năng chấp cánh càng hạn chế, nhiều khi còn là sự tụt lùi. Đành rằng chim cá đôi miền cách biệt, mỗi người có riêng một căn tánh, nhưng trộm nghĩ, nói theo nghĩa bóng thì người Tây Tạng có dịp cũng nên biết khái lược về sông nước và người Việt Nam có dịp cũng nên tìm hiểu về những ngọn tuyết sơn để trong suy tư không mắc lỗi vì một đời dặm chân trên những lối mòn.

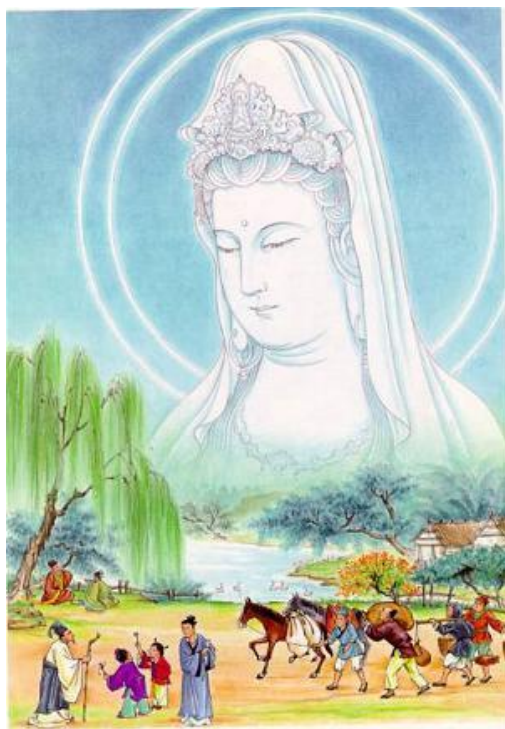
Nếu để ý một chút ta sẽ thấy ngay rằng tín ngưỡng và văn hoá ở mỗi miền đất thường mang theo dấu ấn của tâm tình xã hội bản địa. Từ đó, nếu thiếu sự tự cố, những gì tốt đẹp nhất sẽ mất dần tính tinh khôi sau những lần sang tay trên những bến bờ du nhập. Trên đời có những thứ càng phát triển và đổi khác sẽ càng tốt hơn, nhưng có những thứ hình như càng mất bản sắc nguyên thủy thì càng tệ... chẳng hạn vàng ròng đem pha trộn mãi sẽ rẻ tiền hơn, nước càng qua nhiều pha trộn cũng sẽ khó xài hơn. Từ đó mà nói, chuyện tôi muốn thừa ở đây trước sau chỉ là một gợi ý: Khả năng tiếp thu tuyệt đối quan trọng và nó tùy thuộc vào vốn liếng được trang bị trước đó. Thiếu vốn liếng, người ta dễ mắc phải thiên kiến phiến diện rồi thì tự biến sở thích và sở kiến bản thân thành thước đo chân lý, thích cái gì thì cái đó là đệ nhất. Nguy !

Ta chỉ có thể bước đi thoải mái với đôi giày vừa vặn với chân mình, nhưng còn một chuyện quan trọng khác là có thể mang đôi giày đó đi trên mọi nẻo đường. Lúc này vẫn đề không còn thu hẹp trong đôi giày vừa chân mình nữa. Mong thay!

TOẠI KHANH

**KHÁI NIỆM QUÁN THẾ ÂM
THEO KINH ĐIỂN PALI**

Tọaì Khanh



Quán Âm hay Quán Thế Âm là tên gọi của một vị Bồ Tát nổi tiếng trong hệ thống Phật giáo Bắc Truyền (vẫn được thậm xưng là Đại Thừa) khắp các xứ Trung Hoa, Hàn quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Mông Cổ và cả Việt Nam. Chữ Phạn của tên gọi này là Avalokitesvara, thường được dịch sát là Quán Tự Tại. Chữ Tự Tại (Isvara) này không hề mang nghĩa thanh thân độc lập như nhiều người vẫn nghĩ. Nó là một từ tổ thường thấy ngay sau tên gọi của các vị thần Ấn Độ, một chút dấu vết của Ấn Giáo, xa hơn một tí là Bà La Môn giáo thời xưa. Nói mấy cũng không đủ, với phương tiện Internet ngày nay, người muốn biết xin cứ Online thì rõ. Nãy giờ chỉ nói cái tên, cái ý nghĩa hay vai trò của khái niệm Quán Thế Âm mới là quan trọng.

Nguồn gốc của hình tượng Quán Âm xuất phát từ Ấn Độ qua các kinh luận hậu tác như Đại Bồn A Di Đà (quyển thượng), Vô Lượng Thọ Kinh (quyển hạ), Hoa Nghiêm (phẩm Nhập Pháp Giới, thứ 39, quyển IV), Lăng Nghiêm (quyển 6) và Pháp Hoa(phẩm Phổ Môn). Thời điểm ra đời của các kinh ngày nay không còn là chuyện mật nữa. Và hình tượng Quán Âm lúc đầu tại Ấn Độ chỉ là hình ảnh nhân cách hoá lòng từ bi của Phật giáo qua hình ảnh một vị thần mặt nữ mình nam. Từ sau lúc các kinh văn trên đây du nhập vào các xứ ngoài như Trung Hoa, Hàn Quốc, Việt Nam thì ta mới có thêm các giai thoại Quán Âm Diệu Thiện, Quán Âm Thị Kính. Người Tây Tạng còn cho các thần Tara (và cả đức Đạt Lai Lạt Ma) là hoá thân của vị Bồ Tát này. Dù ở đâu thì Bồ Tát Quán Âm cũng được thờ cúng, xưng tụng như một hộ thân linh hiển và nhiều từ bi, sẵn sàng ứng hiện kịp lúc để cứu người mắc nạn. Hình ảnh này rất đẹp, nhưng đã ngẫu nhiên dẫn đưa không ít thiên hạ ngày một xa rời lý tưởng giác ngộ của Phật giáo qua nhiều cách hiểu bất cập:

Trước hết, thay vì học hạnh từ bi xả kỷ qua hình tượng đó, người ta chỉ nghĩ nhiều về chuyện cầu khẩn. Những đồn thổi về sự linh ứng của Bồ Tát Quán Âm đã xui nhiều người hồn nhiên cho rằng sống sao cũng được, miễn là gặp chuyện thì cầu. Thay vì chiếu lý mà nói, cầu khẩn hay phụng thờ hình tượng Quán Âm không sao sánh được với việc trau dồi từ tâm.

Điều đáng tiếc thứ hai, nếu nói Bồ Tát linh hiển thì xin hỏi có phải bất cứ ai cầu khẩn Ngài cũng đều được giúp đỡ cả hay không? Chắc chắn là không rồi. Còn nếu bảo chỉ ai tu hành ngon lành hay có phước duyên sao đó mới được cứu thì xin hỏi sao lại phải cần đến sự giúp đỡ của ai nữa chứ, cứ lo tự tu là đủ rồi!

Điều thứ ba, ai học Phật cũng biết rằng muốn thành Phật thì phải có đủ các hạnh lành như từ bi, trí tuệ, kham nhẫn.... Và không hề có một vị Bồ Tát nào thiếu lòng từ bi mà có thể thành Phật. Nếu vậy, có hợp lý không khi cho rằng chỉ có Quán Âm Bồ Tát mới tầm thính cứu khổ, nghe cầu thì tới? Hoá ra các Bồ Tát khác không được sẵn lòng như vậy hay sao? Cả kinh điển Nam Tông lẫn Bắc Truyền đều nhìn nhận rằng trong thế giới này luôn có vô lượng Bồ Tát, những vị sẽ thành Phật sau này, nếu chỉ có một vị Bồ Tát chịu khó tầm thính cứu khổ thì xin hỏi các vị kia sao có thể gọi là Bồ Tát?

Như vừa thưa ở trên, đã là Bồ Tát Bất Thối (người chắc chắn sẽ thành Phật) thì phải có lòng đại bi giống nhau và cái được gọi là sự giúp đỡ của ai đó, kể cả của các Bồ Tát thực ra chỉ là một cách nói. Nói nôm na là hồn ai nấy giữ. Chẳng hạn ta không thể nói những kẻ bạo ngược được giàu sang là do các Bồ Tát phò hộ và những người hiền lành bị khốn khó là do không cầu nguyện hoặc bị các Bồ Tát bỏ quên. Và nếu vậy việc réo gọi tên họ của các Bồ Tát có còn cần thiết không và càng vô lý khi chỉ réo tên một hai vị nào đó mà thôi? Làm vậy đúng là bỏ nhiều lấy ít. Đó cũng là trường hợp niệm Phật Di Đà, một vị Phật bên nhánh Bắc Truyền. Thay vì trì niệm Nam Mô Vô Lượng Phật (Namo amitabuddhànam), người ta chỉ thích chọn một vị thôi. Thế là chỉ còn Vô Lượng Thọ (Namah amitayubuddhaya) hay Vô Lượng Quang (Namo amitabhābuddhaya). Đó là lý do vì sao bên Nam Tông khi nhắc riêng một vị Phật thì là đức Bôn Su Thích Ca, ngoài ra thì phải là chư Phật nói chung. Ở đây có ít nhất 2 điều cần lưu ý: Thứ nhất, đức Phật Thích Ca là vị Phật hiện tại trong thế giới này (ta đang tu theo lời Ngài) và thứ hai là hình tượng ấy hoàn toàn có thể được hiểu là hình ảnh chung của chư Phật ba đời mười phương. Ai muốn xác tín điều này xin tìm đọc nghi thức lễ bái Tam Bảo của Phật Giáo Nam Tông thì rõ.

Điều đáng tiếc tiếp theo, hầu hết Phật tử Bắc Truyền đều có một công thức buồn cười sau đây khi nói về Phật giáo Nam Tông: Nam Tông là Tiểu Thừa vì người nhánh này chỉ biết tự tu, tự tu là ích kỷ, là tiêu nha bại chủng, mà không giống thôi. Vấn đề hiểu lầm đã nảy

sinh ngay từ ban đầu. Người tu mà chỉ biết có riêng mình, không kể đến ai thì mới gọi là ích kỷ. Còn nếu tự tu là tự vận dụng năng lực bản thân, không nhờ cậy tha lực thì đó là tự giác. Một người độc cư thiền định, tu tập với riêng mình không phải là ích kỷ. Chỉ khi nào lòng thấy chán ghét tha nhân thì mới là ích kỷ. Nếu anh lặng lẽ sống tốt thì đó cũng là một kiểu lợi tha, vì khi một người không làm bậy thì đã là một đóng góp cho đời rồi, không cần phải chiêng trống om sòm để thông báo cho ai về chuyện tu hành của mình. Chỉ một chút mắc mứu này mà anh em chẳng nhìn mặt nhau bấy lâu nay, dù ai cũng đều thờ Phật. Buồn lắm vậy thay !

Điều cuối cùng, theo kinh điển Pàli (và thậm chí cả kinh sách Bắc Truyền) thì trong trời đất này luôn có vô số những vị thiện thần sống ở khắp nơi, từ ngọn cây đầu cỏ đến núi rừng sông biển, và không ít trong số đó luôn có lòng giúp đỡ những người lâm nạn. Họ thấy thương thì giúp, còn chuyện giúp được hay không còn tùy ở phước nghiệp của bản thân người bị nạn. Những người từng nghe qua Bồ Tát Quán Âm, hay bà Maria, Thiên Hậu cứ thấy sự lạ thì đổ hết cho các vị này. Từ những người đi biển đến kẻ trên cạn ai cũng phải có một địa chỉ để rêu. Nói thiệt, cứ theo lối tin tưởng dân gian kiểu đó, cộng thêm sự tuyên truyền có chủ ý của một số người, chừng trăm năm nữa có thể Phật giáo chỉ còn lại những khái niệm thờ cúng và cái tinh hoa Phật Pháp vốn là kết tinh trí tuệ của một vị Phật dưới gốc Bồ Đề năm xưa sẽ là một vệt mờ trong lòng nhân loại. Tôi không là một người tu học ngon lành, nhưng tôi tin chắc một điều rằng bao nhiêu vấn đề lớn nhỏ của chúng sinh đều nằm trong chính mỗi cá nhân và nếu từng người không biết Tự Xử thì không ai ngoài ta có thể làm được chuyện đó. Nếu chư Phật làm được thì ngay lúc đọc giả ngồi đọc những dòng chữ này của tôi thế giới đã không như ta đang nhìn thấy, và bản thân quý vị cũng đâu có khổ như bây giờ !

Nói vậy, tôi muốn thưa gì qua mấy dòng trên ? Trước hết, chúng tôi tuyệt không phủ nhận sự trợ duyên, giúp đỡ của người này cho người kia, nhưng tôi cũng không hề tin rằng chỉ riêng tấm lòng của người giúp đỡ là đã đủ. Anh phải ra sao để có thể đón nhận sự giúp đỡ của người ta. Anh không thể đổ hết mọi sự cho một phía và bao giờ phần nỗ lực của riêng anh cũng phải là chính yếu. Điều thứ hai, người tu Phật không thể lấy hư làm thực khi làm tượng biểu tượng là thực thể, cũng như không lấy ít bỏ nhiều khi suy tôn một hạt cát nào đó trong sa mạc.

Bao nhiêu vẽ vời về hình tượng Quán Âm Bồ tát có lẽ cần được hiểu là những mô tả sinh động về cái diệu dụng của tấm lòng Bồ Tát ở người cầu Phật Đạo. Quá nặng lòng với những chi tiết đó hình như ta đã đi quá xa. Như trái tim là biểu tượng của tình yêu, bông cầu trắng tượng trưng cho hoà bình, hoa hồng đại biểu cho tình cảm,... Biểu tượng phải được hiểu là biểu tượng thì ta mới đi xa được. Một khi chất hết những tranh tượng trái

tim, bồ câu hay hoa hồng lên bàn thờ để quỳ lạy cầu nguyện và xưng tụng là những thần thánh nào đó thì có lẽ người ta đã lạc đường rồi. Ngay cả việc thờ lạy tranh tượng đức Phật cũng cần được hiểu là việc ngắm nhìn một biểu tượng đẹp để tu học chứ không phải để van xin khẩn vái nọ kia.

Theo những gì vừa trình bày, và cả tư tưởng Đại Thừa rất mực mênh mông, thì quanh ta có biết bao là những Bồ Tát. Và đã học hạnh Bồ Tát thì ai cũng phải có lòng đại bi. Kẻ sơ cơ thì thương người một ít, kẻ tu hành thâm hậu thì đẹp hết giới tuyến. Đã học hạnh Bồ Tát thì thấy ai khổ cũng thương, giúp ai được thì giúp, chẳng cần người ta phải lên tiếng réo gọi. Kiểu nói “con có khóc thì mẹ mới cho bú” là dành cho phần đông thiên hạ chưa học đạo Bồ Tát. Bồ tát thứ thiệt luôn thương hết chúng sinh, không cần ai kêu, chỉ cần biết ai khổ thì tùy sức mà cứu, nhưng về kẻ muốn được cứu thì cũng đừng quá kỳ vọng vào ai khác ngoài ra bản thân. Một khi ta làm toàn những chuyện tự hại mình thì ba đời mười phương Bồ Tát cũng bó tay. Và nói vậy, quanh tôi lúc nào cũng có vô số Bồ Tát. Một số trong đó là tâm thỉnh cứu khổ (nghe kêu thì cứu), một số trong đó là cứu mà chẳng cần nghe kêu và một số thì có nghe kêu nhưng chưa hề cứu, phước tôi mỏng hay người ta có lòng mà không sức ?

Thấy trong phòng sách của tôi có một bức tượng Quán Âm tuyệt đẹp, nhiều người lấy làm lạ, hỏi. Tôi luôn trả lời rằng đó là hình ảnh chung của tất cả Quán Âm trên đời. Tôi đặt bức tượng này trong phòng chỉ vì đó là bức tượng duy nhất mà tôi có. Theo kinh điển Pali thì không riêng một Bồ Tát nào giàu lòng đại bi, và như vậy thì vị Bồ Tát nào cũng có thể là một Quán Âm cả. Tôi thờ Vô Lượng Phật chứ không chỉ một vị Vô Lượng Thọ hay Vô Lượng Quang, tôi thờ tất cả Quán Âm chứ không riêng một Diệu Thiện, Thị Kính hay Nam Hải Quán Âm nào hết. Đặc biệt từ sau ngày người Tàu muốn giành trọn 80% biển Đông mà họ vẫn gọi là Nam Hải gì đó thì tôi càng ít muốn nhắc về vùng biển này. Mong sao tất cả những người tin Phật muốn tu phải học, học để hiểu đúng, và hiểu đúng để chẳng tu lầm. Mong lắm vậy thay !

Assam mùa Khánh Đản 2554

TOẠI KHANH (Tk Giác Nguyên)

ĐI HÁI PHÙ VÂN

Toại Khanh



Suy cho cùng, kiếp người hay cuộc tu chỉ là những lần ghé lại đầu đò. Nói ở nghĩa nào thì người ta không ai có thể chung thân với một thứ gì miên viễn. Mình không bỏ nó thì nó cũng xa mình. Ta có thể mất nó, vì nhàm chán hay không còn cơ hội nắm níu. Và cái mà ta yêu nhất cũng có nhiều kiểu bỏ ta ở lại mà đi. Hồi xưa bắt chước theo kinh mà nói thì cái gì cũng là bè cỏ qua sông... Giờ có thêm tí tuổi, nhiều lúc nằm ngẫm nghĩ một mình, thấy câu nói ví von đó hay quá chừng, hay đáo để.

Kinh chép: Ngày xưa có ông đạo sĩ Sumedha thừa sức chứng quả La-hán, nhưng ông không cam tâm giải thoát gọn nhẹ, lạng lẽ và an nhàn như thế. Ông chỉ muốn thành một vị đại giác y hệt Thế Tôn Nhiên Đăng để mà gồng gánh thiên hạ. Phật nhìn kỹ căn cơ của ông không phải loại xoàng, bèn ừ cho một tiếng. Ông vui quá, trở thành Bất Thối Bỏ-tát, đòi đòi thủy chung với đại nguyện của mình. Kinh nói Thế Tôn Cồ Đàm chính là kiếp cuối cùng của ông đạo sĩ Sumedha ngày trước. Khổ tu chừng đó thời gian, thành Phật rồi chỉ sống thêm 45 năm thì bỏ đời mà đi. Trước sau thọ lượng chỉ vừa vắn 80 năm ngắn ngủi. Với Ngài vậy cũng là quá nhiều. Bởi nào ai biết Ngài từng có ý viên tịch từ năm 35 tuổi, ngay sau khi thành Phật. Với những người nặng tình với Phật thì thời gian 80 năm đó chẳng bỏ bèn gì. Đến ngài Ānanda còn thấy Phật đi quá sớm, tôn giả đã khóc thầy bằng nước mắt của một bậc thánh. Thôi thì gì cũng một áng phù vân, khác nhau chẳng là mây lành ngũ sắc hay mây xám báo giông. Khoảng ba tháng sau ngày Phật tịch, hiểu ra chuyện đó, tôn giả Ānanda không buồn nữa. Rồi thì đến phiên ngài cũng theo Phật mà đi biệt!

Đó là chuyện của thánh hiền. Còn với phàm tâm thì sao chứ? Lại cũng vẫn là chuyện được rồi mất. Mất có hai cách: Một là không muốn giữ nữa nên buông; hai là bàn tay quá yếu không đủ sức nắm níu nên đành để vượt mất. Cái quan trọng là người ta có thấy được cái nguyên tắc khốc liệt của cuộc đời – là anh phải lần lượt bỏ lại hết để mà đi tới hay không!?

Thằng bé phải buông hết những món đồ chơi của trẻ con để trở thành người lớn. Đó cũng là một hành trình trong đời. Rồi thì tầm nhìn của thiên hạ phải tiếp tục đổi khác để có thể yêu lấy những người không phải thân thuộc huyết thống. Yêu được một người dung nào đó thì các cô cậu bắt đầu trưởng thành. Giai đoạn này lại cũng chỉ là một chặng đường phải vượt qua. Rồi sẽ có một ngày, yêu hay không chẳng còn là chuyện đáng nói nữa. Vấn đề lúc này chỉ đơn giản là có cần thiết hay không mà thôi. Thích hay không chỉ là chuyện phụ. Bước tới được giai đoạn này, hầu hết đều là những tay có hai màu tóc.

Đó là chuyện đời. Chuyện đạo ngấm kỹ hình như cũng đâu khác gì. Giai đoạn tu chứng nào cũng chỉ là một trạm dừng qua đêm, mai sáng phải tiếp tục đi về phía trước, lên trên cao. Ai nghỉ chân lâu quá, coi chừng cuộc đi đang nảy sinh vấn đề. Đã gọi là con đường thì lúc nào cũng chỉ để đi, không phải để ở. Muốn lên đỉnh núi, phải biết rời khỏi chân núi. Mọi thành tựu trên đường hành đạo đều chỉ là những lữ quán, những bến đỗ, những sân ga, phi cảng.

Có những cuộc lên đường chất đầy những kỷ niệm như xe bò chở đá. Có những cuộc lên đường nhẹ nhàng như mây trắng đầu non. Hành giả trên đường tu phải là kẻ hành nhân một đời làm những cuộc giã biệt. Nói thiệt, con đường nào cũng có những trở ngại, nhưng ai dám bảo mình chưa từng lưu luyến một nơi chốn nào đó trên những dặm trường đã một lần ghé qua. Rồi thì nói một cách đau lòng nhưng không thể khác hơn, là ai cũng phải cắn răng mà băng mình đi về phía trước, hướng tới những chiều cao mà mình chưa đến được. Nguyên tắc thì nghe đơn giản vậy, nhưng thực tế không một hành giả nào đến đích mà chân không rướm máu, chưa kể một trái tim rách bươm với những gai cỏ tàn độc trên đường.

Không bỏ được cái thích, người ta làm sao có được những thứ cần. Tôi được em, có nghĩa là tôi phải mất bản thân tôi. Càng sống nhiều với những ràng buộc, tôi càng đánh mất những cơ hội tự do. Chợt nhớ một câu danh ngôn dành cho mấy người mê mua sắm: *“Khi anh mất tiền cho một thứ vô ích nào đó, có nghĩa là anh cũng đang làm mất số tiền để mua một món cần thiết nào đó!”*. Tiền bạc thì trên đời có nhiều người thừa sức hoang phí. Nhưng tuổi đời thì không bao giờ được vậy. Ai cũng chỉ có nhiều lắm là trăm năm cho một kiếp người. Còn ăn, hết nhin. Vậy mà trớ trêu thay, thời gian lại là thứ bị người ta tiêu hoang thường nhất.

Những dặm đường ngát hương hoa cỏ, những không gian mây trắng trời xanh, những tuyết trắng, nắng vàng, rồi thì áo hồng áo lục, chung tình hay phụ bạc, thề non hẹn biển gì rồi cũng một cuộc biển dâu... Gì cũng phải bỏ lại hết để mà đi. Đi về đâu mới được chứ? Ừ thì một cõi phù vân!

Onceland, mùa đại hạn tuổi 40

Nguồn bài viết : <http://thuvienhoasen.org/author/post/2528/2/toai-khanh?r=Lw&o=0>